NĂM THỨ V
Số 3

THÁNG 6
1962

ĐẠI-HỌC

TỪ NÔ-LỆ ĐẾN TỰ DO

Lời nói đầu . . . . . ĐẠI-HỌC
Ý-thức nô-lệ . . . . . TRẦN-VĂN-TOÀN
Người vong-bản trí-thức . . . . . NGUYỄN-VĂN-TRUNG
Hiện-tượng nói tiếng Tây . . . . . LÝ-VĂN-MỘC
Hai chế-độ Học chánh . . . . . LÊ-CHÂN-TÂM

Nghĩa chữ « Văn-minh » ở trong tâm-lý người Pháp . . . . . ERNST ROBERT CURTIUS
ĐỖ-ĐÌNH dịch
Óc-não và tư-tưởng : một ảo-tưởng triết-học . . . . . BERGSON
CAO-VĂN-LUẬN dịch
Tây-sơn lấy Nam-Hà . . . . . NGUYỄN-PHƯƠNG
Vua Đồng-Khánh thăng-hà. Vua Thành-Thái đăng quang . . . . . BỬU KẾ
Năng-lực gây bệnh của vi-trùng . . . . BS. NGUYỄN-VĂN-ÁI

Kết quả cuối niên-khóa 1961-1962 của các Phân-khoa ĐẠI-HỌC Huế :
VĂN-KHOA, KHOA-HỌC, LUẬT-KHOA

*

VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ
Chủ-trương biên-tập : **TRẦN-VĂN-TOÀN**

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Mục-Lục

ĐẠI-HỌC	*LỜI NÓI ĐẦU*	*347*
TRẦN-VĂN-TOÀN	*Ý-THỨC NÔ-LỆ*	*349*
NGUYỄN-VĂN-TRUNG	*NGƯỜI VONG-BẢN TRÍ-THỨC.*	*367*
LÝ-VĂN-MỘC	*HIỆN-TƯỢNG NÓI TIẾNG TÂY.*	*385*
LÊ-CHÂN-TÂM	*HAI CHẾ-ĐỘ HỌC-CHÁNH* . .	*394*

***

ERNST R. CURTIUS ĐỖ-ĐÌNH dịch	*NGHĨA CHỮ « VĂN-MINH » Ở TRONG TÂM-LÝ NGƯỜI PHÁP.*	*401*
BERGSON CAO-VĂN-LUẬN dịch	*ÓC-NÃO VÀ TƯ-TƯỞNG: MỘT ẢO-TƯỞNG TRIẾT-HỌC* . . .	*418*
NGUYỄN-PHƯƠNG	*TÂY-SƠN LẤY NAM-HÀ* . . .	*433*
BỬU-KẾ	*VUA ĐỒNG-KHÁNH THĂNG-HÀ. VUA THÀNH-THÁI ĐĂNG QUANG*	*459*
B. S. NGUYỄN-VĂN-ÁI	*NĂNG-LỰC GÂY BỆNH CỦA VI-TRÙNG*	*485*
ĐẠI-HỌC	*KẾT QUẢ CUỐI NIÊN-KHÓA 1961-62 CỦA CÁC PHÂN KHOA ĐẠI-HỌC HUẾ*	*493*

Thư từ, bài vở gửi về : Ông TRẦN-VĂN-TOÀN
Giao dịch cùng tòa báo : Ông NGUYỄN-ANH

Bưu-phiếu và Ngân-phiếu gửi về :
Linh-mục : CAO-VĂN-LUẬN

TẠP-CHÍ NGHIÊN-CỨU ĐẠI-HỌC HUẾ
Tòa-soạn và Trị-sự : Số 1B Hoàng-hoa-Thám HUẾ

IN TẠI NHÀ IN ĐẠI HỌC 1, NGUYỄN-TRƯỜNG-TỘ HUẾ

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

CÁO LỖI CÙNG QUÝ VỊ ĐỘC-GIẢ

Tạp-chí ĐẠI-HỌC số 3 năm 1962 tức là số 27 phải đến tay quý Vị trong tuần tháng 6 vừa qua. Nhưng vì Nhà in ĐẠI-HỌC phải dời đến trụ-sở mới ở đường Huyền-Trân Công-Chúa Huế, nên mọi việc ấn-loát đều tạm đình chỉ trong một thời gian ngắn.

Vì lý-do trên, ngoài ý muốn của chúng tôi, ĐẠI-HỌC kỳ này bị trễ, rất mong quý Độc-giả thông cảm. ĐẠI-HỌC số 28 sẽ ra đúng kỳ hạn như thường lệ vào tháng 8 năm 1962.

Vậy chúng tôi xin có lời chân thành cáo lỗi.

Tạp-chí ĐẠI-HỌC

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Đón xem ĐẠI-HỌC Số 28

tức số 4 tháng 8 năm 1962

— *Phải chăng kịch nhạc cổ-truyền Việt-nam một phần nào chịu ảnh hưởng Tây-phương ?*
O. R. T. JANSÉ

— *Bài vè thủy-trình từ Huế vô Saigon*
BÙI-QUANG-TUNG

— *Nguồn gốc và tiến-hóa của Hát Quan họ* LÊ-VĂN-HẢO

— *Đời sống xứ Huế ngày xưa* BỬU-KẾ

***

— *Siêu-hình-học đi đến đâu ?* LÊ-TÔN-NGHIÊM

— *Văn-minh lời nói* TRẦN-VĂN-TOÀN

— *Freud và tự-do* NGUYỄN-NAM-CHÂU

— *Việt-ngữ là một ngôn ngữ cách thể* TRƯƠNG-VĂN-CHÌNH
và NGUYỄN-HIỀN-LÊ

và những bài có giá trị của NGUYỄN-VĂN-TRUNG,
TRẦN-THÁI-ĐÍNH, TRẦN-KINH-HÒA v. v...

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

ĐẠI-HỌC
TẠP-CHÍ NGHIÊN-CỨU CỦA VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ

Lời nói đầu

Lịch-sử nhân-loại là lịch-sử giải-phóng con người.

Tự-do không phải là một ý-tưởng trừu-tượng, một khả-năng thuần-túy. Thiếu thành-tích cụ-thể, nghĩa là nếu không thành hình một cách khách-quan, tự-do sẽ không là gì hết. Phải có những phương-tiện để sống trong thế-giới và trong xã-hội như là trong cái nhà quen thuộc, mới có thể nói đến tự-do. Đối với đa số nhân-loại đói rét và thất học, thì tự-do chính-trị, tự-do kinh-tế, tự-do báo-chí, tự-do ăn nói v.v..., tất cả đều vô-nghĩa. Trái lại nếu những khẩu-hiệu đó đối với họ không phải là những câu khôi-hài độc-ác, thì lại có thể biến thành lý-tưởng tranh-đấu.

Bản Tuyên-ngôn nhân-quyền của Cách-mạng Pháp không phải là phản-ánh của một xã-hội tự-do bình-đẳng, nhưng nêu cao một lý-tưởng định hướng cho tương-lai xã-hội loài người.

Đừng lầm tưởng rằng kỳ thủy con người đã tự-do và lịch-sử chỉ là công-trình san phẳng các trở lực ngẫu-nhiên từ đâu lại, để duy-trì tự-do. Thực ra con người vẫn là nô-lệ ít hay nhiều. Đường lối tu-thân là con đường tự-do đối với các bản-năng của thú-tính. Định-chế xã-hội là phương-tiện tiêu-diệt bạo-động trong nhân-giới. Tổ-chức kinh-tế và văn-hóa là những điều-kiện để tự-do con người có thể phát-triển.

Các trở lực trên con đường tự-do là những cơ-hội thuận-tiện để xác-định mức-độ tự-do của con người. Nếu không lên võ-đài để đấu với những tay quyền lợi hại, thì võ-sĩ không có thể nói bản-lĩnh mình cao cường. Nếu không bao giờ ra trận thì tài-trí và dũng-cảm của viên tướng chỉ là những danh-từ kêu đẹp. Càng thắng được nhiều trở-lực, càng tự-do hơn.

Hơn nữa sự tiến-triển của con người đi qua nhiều giai-đoạn vong-thân. Nhưng có đánh mất bản-thân, có thành nô-lệ thì mới ý-thức được tự-do nhiều hơn, và mới tranh-đấu để đạt-thân.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Vì thế các hiện-tượng vong-thân trong đời sống xã-hội không phải là trạng-thái sa-đọa của con người, nhưng chỉ là những cuộc thử thách mà thôi. Một ví-dụ: muốn ngăn ngừa ngoại xâm, cần phải có binh hùng tướng mạnh. Thiết-lập được quân-đội tức là tìm được phương-tiện duy-trì tự-do. Nhưng đến đây thì binh tướng lại có thể quay khí-giới lại uy-hiếp nhân-dân, để thiết-lập chế-độ độc-tài quân-phiệt. Không thể nói quân-đội là sự sa đọa của xã-hội. Thực ra đó lại là một vấn-đề mới, để xã-hội giải-quyết sao cho tự-do luôn được bảo-đảm.

Gần đây lịch-sử đặt chúng ta vào trạng-thái vong-thân, trạng-thái nô-lệ. Chế-độ thực-dân đã làm cho chúng ta mất bản-thân, mất bản-linh. Đất nước, xã-tắc cũng như bản-thân chúng ta đã thành tài-sản của ngoại-bang. Chế-độ thực-dân nhào nặn người ta thành hai hạng người: người thống-trị và người bị trị. Trong cái khung đó, nếu muốn tránh cái số-phận bất nhân của người bị trị, chỉ có một cách là tìm lối đi lên giai-cấp thống-trị. Nếp sống là thế, cho nên văn-hóa cũng không sao thoát khỏi mầu sắc vong bản: chỉ có những gì của người thống-trị mới có giá-trị. Giá-trị con người là ở chỗ làm được như thực-dân. Giá-trị của nô-lệ là làm vừa ý chủ.

Đừng vội gán cho người ta cái tội vong-bản. Vì chúng ta ai cũng đều bị lột mất một phần bản-thân. Hơn nữa chế-độ nô-lệ nhào nặn nên nô-lệ. Nô-lệ có lỗi gì đâu? Họ là vật-liệu cho lịch-sử đưa đẩy kìa mà !

Nhưng quốc-gia chỉ tự-do, chỉ độc-lập, khi có những người công-dân tự-do và độc-lập. Độc-lập và tự-do không phải là một ân-huệ của thực-dân, nhưng là một đòi hỏi của người tự-do và độc-lập.

Người ta nô-lệ lâu cũng thành tập-quán. Tập-quán đó còn lại trong thái-độ khúm-núm của người dưới và hống hách của người trên. Có người hay nạt nộ người dưới, nhưng lại có thể khóc lóc với người trên. Hai thái-độ khác nhau, nhưng tựu-trung chỉ là hai mặt sấp ngửa của một đồng tiền, là hai lối xuất-hiện của cái liên-lạc thống-trị bất nhân trên đây.

Muốn tự giải-phóng, cần phải có ý-thức về tự-do. Ý-thức ấy sẽ làm cho con người nhận-định được trạng-thái vong-thân vong-bản mà lịch-sử đã đem lại cho mình. Nếu chưa biết mình là nô-lệ, thì sự giải-phóng con người phải hoãn lại đến thế-hệ sau, cho đến khi cái liên-lạc bất nhân lên cao quá sức chịu đựng của con người.

ĐẠI-HỌC

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Ý-thức nô-lệ

TRẦN-VĂN-TOÀN

Nói đến ý-thức nô-lệ tất phải nói đến trạng-thái nô-lệ. Nhưng nô-lệ không phải là một vị-trí tuyệt-đối, mà là tương-đối, Không có chủ-ông thì không có nô-lệ. Mà đã không có nô-lệ thì cũng không có chủ-ông. Chủ-ông là chủ-ông của nô-lệ, nô-lệ là nô-lệ của chủ-ông. Nô-lệ và chủ-ông là hai vị-trí đối chiếu nhau và bó buộc phải đi đôi với nhau, cũng như cha và con (không có con thì không thể là cha được; cũng thế, không có chủ thì không thể là nô-lệ được). Bởi thế nói đến nô-lệ cũng là nói đến liên-lạc « thống-trị » giữa người trên và người dưới.

Tuyên-bố rằng « lịch-sử các xã-hội từ xưa đến nay chỉ là lịch-sử của giai-cấp tranh-đấu » có vẻ thực là táo bạo. Táo bạo, vì hình như người ta đối với nhau chỉ có thể là thù-địch: *homo homini lupus*, người đối với người như là chó sói. Táo bạo, vì nếu đã nhận điểm đó làm căn-bản, chúng ta không thể giải-thích nổi vì đâu người ta còn có thái-độ thân-tình với nhau (1). Chính vì cái thiếu sót trên đây của truyền-thống tư-tưởng Hegel - Marx, cho nên đã có những triết-gia hiện-đại như Max Scheler, Maurice Nédoncelle v.v... tìm hiểu liên-lạc giữa người với người theo phương-hướng thiện-cảm và ái-tình.

Tuy nhiên không có triết-gia nào ngu-xuẩn đến nỗi chủ-trương thái-độ thù-địch là thái-độ duy-nhất của con người đối với nhau. Hegel kết-liễu tranh-đấu bằng sự người ta nhìn nhận nhau (*Anerkennen*, reconnaissance). Marx coi tất cả giai-đoạn tranh-đấu giữa các giai-cấp là giai-đoạn tiền-sử, là lúc người ta chưa thành người, chưa đạt thân. Quan-niệm như

---

(1) Jean-Paul Sartre đi tới chủ-trương rằng ái-tình đi đến thất bại, là vì ông quan-niệm ái-tình theo liên-lạc thống-trị và chiếm hữu (xem *L'Être et le Néant*, Paris 1943, trg 433-445).

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

thể cũng hơi quá đáng, nhưng ai có thể nói loài người đã bước ra khỏi tiền sử? Ai dám nói người ta đã nhìn nhận nhau, mà không còn thống-trị, áp-bức nhau nữa?

Nhân-loại dù văn-minh mấy cũng phải nhìn nhận một sự kiện không đẹp mặt cho lắm: vẫn phải nhận có sự tranh đấu giữa người với người, như giữa muông chim cầm thú, và hơn nữa người ta có thể ác với nhau hơn đối với loài vật. Dĩ nhiên con người văn-minh ít khi phải « thượng cẳng tay, hạ cẳng chân », nhưng những đòn chính-trị, kinh-tế, tâm-lý v.v... cũng không kém phần bạo-động (1). Giai-cấp tranh-đấu (Klassenkampf) là một danh-từ của K.Marx, nhưng nội-dung của nó là một sự-kiện. Chỉ những ai không phải là nạn-nhân, nhưng đóng vai chủ-động trong cái cảnh « cá nuốt cá, người trói người », mới dễ quên sự-kiện đó.

Vì thế bàn tới ý-thức nô-lệ cũng là bàn đến một khía cạnh của thân-phận làm người. Ý-thức nô-lệ là một vấn-đề nhân-sinh, vì chúng ta còn thống-trị, còn áp bức nhau, vì chúng ta chưa thoát hẳn ra ngoài thân-phận nô-lệ.

***

Biện-chứng « Chủ-ông và nô-lệ » (Herr und Knecht) — mà trước kia chúng tôi dịch là biện-chứng «ông chủ và thằng ở» — là cái đặc sắc của tư-tưởng Hegel. Gọi là *biện chứng*, không phải vì có mâu-thuẫn lung tung, nhưng vì những cái mâu-thuẫn nhau đó (chủ-ông với nô-lệ, tư-bản với vô-sản v.v...) vừa khai-trừ lẫn nhau, lại vừa không thể đứng rời nhau được. Quan-niệm trên đây đặc-sắc đến nỗi có những người như Alexandre Kojève — trong cuốn *Introduction à la lecture de Hegel, Leçons sur la Phénoménologie de l'Esprit* (Paris 1947, 595 trg)—đã coi biện-chứng ấy là trọng-tâm của tác-phẩm « *Luận về hiện-tượng tinh-thần* » (Phänomenologie des Geistes). Sáng tác ra biện-chứng ấy, Hegel đã đưa ra một khuôn-khổ điển-hình để có thể hiểu được các liên-lạc phức tạp giữa người với người. Vẫn biết rằng biện-chứng ấy chưa đóng khung được liên-lạc thân-tình giữa vợ chồng. Nhưng liên-lạc thân-tình của gia-đình cũng lại là một liên-lạc giữa người với người, nên chỉ cái liên-lạc thống-trị cũng không

(1) Xem *Cạnh tranh sinh tồn — B. Cạnh tranh trong nhân giới*: trong Đại Học số 16, tháng 7, năm 1960, trg 7-19.
(2) Cũng bài đã dẫn, trg 21-24.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

phải là một hiện-tượng hiếm có trong các gia-đình: một trong hai vợ chồng thường làm chủ nhà và người kia làm người ở. Vì thế cái biện-chứng «chủ-ông và nô-lệ» của Hegel có thể kể là đã thành công được một phần không phải là nhỏ. Trước khi đi vào vấn-đề, có thể nói ngay rằng liên-lạc thông-trị giữa người với người là một liên-lạc bất-nhân. Bất-nhân, vì người tu tiếp-tục liên-lạc với người khác, y như với đồ vật mà người ta chiếm-hữu để bành trướng hiện-diện của mình. Liên-lạc bất-nhân ấy là liên-lạc giữa những người chưa đạt-thân, chưa thành người thực; vì thế liên-lạc bất-nhân là một trạng-thái phi-lý, một mâu-thuẫn cần phải được giải quyết. Đó là một trạng-thái bất ổn.

***

TRANH ĐẤU

Chúng ta vừa nói: liên-lạc thông-trị chính là liên-lạc giữa người với đồ vật, nhưng đã được di chuyển vào thái-độ con người đối với nhau.

Liên-lạc của con người với ngoại-giới là phương-tiện để mở rộng hiện-diện của mình trong vũ-trụ (3).

Để có thể sống động, người ta cần phải chiếm hữu một ít đồ vật bên ngoài. Các đồ vật ấy thành ra như cơ-thể của mình, đến nỗi động đến các đồ vật ấy tức là động đến con người. Hiện tượng này thường quá, như chúng ta vẫn thấy: ví dụ khi không động được vào thân xác một người mình không ưa, người ta lấy đá ném vỡ đồ-đạc xe-cộ hay lấy những « di-sản » thiêu lễ-giáo của động-vật để bôi nhọ nhà cửa của địch-nhân. Người ta còn kể rằng dân Bỉ bây giờ không hút thuốc trong các xe đò công-cộng, là vì người Đức đã cảm nhặt trong thời chiếm đóng Bỉ, sau khi thấy lính Đức ở trên các xe đò xuống thường bị thuốc lá « vô-tình » làm thủng đồng-phục.

Trong liên-lạc với đồ-vật, con người là chủ và muốn biến đổi vạn-vật thành đồ phụ-tùng cho mình. Thái-độ này không gặp một trở ngại lý-thuyết nào cả. Thành công hay không là tùy vào kiến thức người ta về thiên-nhiên, nghĩa là tùy vào khoa-học về thiên-nhiên, thứ khoa-học mà Max Scheler gọi là « Khoa-học để thống-trị » (*Herrschaftswissenschaft*).

---

(3) Xem các chi-tiết trong bài *Thân phận làm người. Hiện-diện trong vũ-trụ*: trong Đại Học, số 4-5, tháng 9 năm 1958, trg 13-19.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Việc chiếm-hữu thiên-nhiên không phải là một vấn-đề nan giải: sự-vật vô-tri phải thua trí óc của con người.

Nhưng khi chuyển thái-độ ấy vào con người là chủ-thể, thì không sao tránh được sự đụng chạm: nếu ta muốn làm chủ người khác, thì người ấy lại là chủ-thể, có đủ khả-năng để làm chủ lại ta. Hai bên đều muốn bắt bên kia nhìn mình là chủ. Do đó sinh ra tranh-đấu, tranh-đấu để được nhìn-nhận.

Nếu cả hai bên đánh nhau chí tử thì không tới mục-đích: kẻ thua dĩ nhiên là không được nhìn-nhận, nhưng kẻ được cũng không còn ai để nhìn-nhận mình nữa. Cuộc đánh nhau chí-tử là cuộc đánh nhau giữa loài ác-thú chứ không có ý-nghĩa nhân-văn gì cả, vì không ai được nhìn-nhận là chủ-thể, là người cả.

Ý-nghĩa nhân-văn chỉ có thể có, khi sự đụng-độ ấy làm cho kẻ trong cuộc phản-tỉnh và ý-thức được một cái gì. Liên-lạc nhân-văn bắt đầu với liên-lạc thống-trị: một bên sực tỉnh ra rằng nếu để bên kia đánh chết thì không còn gì nữa, vì thế, thay vì « chiến đấu đến giọt máu cuối cùng », thì sợ chết mà xin bên kia tha chết cho mình. Như thế tức là nhìn nhận bên kia làm chủ, và đồng thời tự nhận làm tôi đòi, làm nô-lệ. Còn bên kia đã tới mục-đích là được nhận làm chủ, thì tha chết cho nô-lệ (4).

Đại-khái cuộc tranh-đấu là thế. Nhiều người cho rằng, theo Hegel, con người tranh-đấu để được coi là chủ-thể, vì có thể mình mới là người thật và mới khác các đồ-vật. Muốn thế, phải dám phủ-nhận tất cả những gì là tự-nhiên, là thú-vật ở trong con người. Vậy cái mà con người phải phủ-nhận một cách căn-bản, đó là cái hiện-hữu thú-vật, cái hiện-hữu sinh-lý của mình. Nuôi thân xác cho béo tốt, chiếm hữu các đồ-vật chung quanh để mở rộng phạm vi của thân-xác, tất cả những liên-lạc với thế-giới đồ-vật ấy chẳng qua chỉ là những phương-tiện để củng-cố cái hiện-hữu sinh-lý của mình. Lối sống như thế có tính-cách thụ-hưởng. Về điểm này con người không khác gì con vật. Hưởng-thụ là tiêu-diệt đồ-vật tự-nhiên ở bên ngoài, chứ chưa phải là phủ-nhận cái hiện-hữu thú-vật của mình. Bởi thế, nếu chỉ có liên-lạc với vật-giới mà thôi, thì dù khoa-học và kỹ-thuật có tiến-bộ mấy, người ta cũng mới chỉ là một con vật đang an-tâm hưởng-thụ ngoại-giới, chưa va chạm vào cái gì, để có thể phản tỉnh

---

(4) Hegel : *Phänomenologie des Geistes*, Hamburg 1952, trg 143-150.
Bản dịch Pháp-văn của *Hyppolite*, Paris 1939, Tập I, trg 158-166.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

thấy mình là hơn cái hiện-hữu sinh-lý. Mà thực thế, có nhiều người tuy có xe hơi nhà lầu và đủ mọi tiện-nghi vật-chất, nhưng thiếu ý-thức về tha-nhân, thành ra thế-giới của họ là thế-giới đồ-vật. Thụ-hưởng vật-giới là đã sống rồi, nhưng chưa sống một đời cao hơn hiện-hữu thú-vật.

Muốn thành người, phải có dịp để tỏ rằng mình hơn cái hiện-hữu thú-vật ấy. Dịp tốt đó là sự đụng chạm với người khác. Con người muốn đồng hóa người khác làm chân tay mình, như đã đồng hóa sự vật chung quanh. Nhưng đến đây mới gặp một sức phản-kháng. Không phải sức phản-kháng tự-nhiên của vật-chất, vì với kiến-thức và kỹ-thuật người ta có thể chế-ngự và thu-dụng được nó. Đây là một ý-chí phản-kháng. Mỗi người cần phải bắt ý-chí đó nhìn nhận mình là chủ-thể, là tự-thức. Vì sao thế? Vẫn biết: trước khi đụng chạm với người khác thì mỗi chủ-thể đều có tự-ý-thức, đều tự biết mình; nhưng như thế là chưa tới chân-lý, vì cái biết ấy chỉ là cái tự biết mình của một chủ-thể, cho nên có thể là chủ-quan lắm. Do đó cần phải có một chủ-thể khác nhìn nhận mình thì mình mới an-tâm ở địa-vị chủ-thể. Tranh-đấu là tranh-đấu để được nhìn-nhận, là tranh-đấu để lấy oai.

Cái oai là ở chỗ con người dám liều mạng sống mà tranh-đấu. Liều mạng sống tức là nói lên rằng mình là cái gì cao quí hơn cái hiện-hữu sinh-lý, và vì thế mình dám liều nó đi để đạt thân. Chúng ta đã nói: nếu đánh nhau chí-tử thì cuộc tranh-đấu chỉ là hai sức thú-vật chọi nhau chứ không có ý-nghĩa nhân-văn. Vì thế liên-lạc thống-trị là liên-lạc nhân-văn đầu tiên.

Trước khi bàn tới liên-lạc thống-trị, cần phải nhận xét thêm về sự tranh-đấu mà Hegel chỉ mới phác thành lược-đồ. Hiện nay xã-hội loài người đã có một quá trình tiến-hóa, cho nên giai đoạn tranh-đấu không còn đơn thuần như trong lược-đồ ấy nữa (Xem bài *Cạnh tranh sinh tồn*, Đại Học, số 16, trg 8-19).

Tranh-đấu là liều mạng mình để thấy rằng mình hơn hiện-hữu sinh-lý, nhưng đồng thời cũng là đe-dọa sinh mạng người khác. Ở trình-độ văn-hóa thấp kém, người ta dùng vũ-lực. Vũ-lực ở đây gồm không những sức khỏe của cơ-thể mình, mà cả lực-lượng của những người chân tay và tất cả các kỹ-thuật sát sinh tối-tân. Người Âu-châu quí-phái thời xưa cũng như sinh-viên Đức trước thời Hitler thường coi việc đấu gươm là

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

cách ổn-định các vụ bất-bình. Các làng xã ở Việt-Nam ngày xưa cũng thường cho trai tráng đem gậy gộc đi bảo vệ sự hiện-diện của mình trên ruộng đất. Ngày nay có nhiều nước lấy súng ống bom đạn để bảo-đảm cho yêu-sách của mình. Tất cả những trường-hợp đó đều chung nhau ở một điểm: coi vũ-lực là cái Lý. Ai mạnh thì có lý. Tình-trạng đó làm nảy ra một thứ phong-độ của nhà võ, mà từ Đông sang Tây đâu cũng có. Những tay hiệp-sĩ ở Âu-châu hay những tay anh-hùng hảo-hán ở Á-châu đều chỉ thí võ một cách đường đường chính chính, chứ không mưu mô xảo quyệt để hại người. Đây là nền đạo-đức, là phong-thể của kẻ khỏe, mà những người theo võ-sĩ-đạo cũng có giữ.

Nhưng như đã nói, đó là phong-thể của kẻ mạnh. Nó chỉ đứng vững khi mọi người công nhận rằng vũ-lực là cái lý. Và vì đây chính là một quan-niệm khả-nghi, cho nên người ta không những tranh-đấu bằng «dũng» mà còn tranh-đấu bằng « trí » nữa. Chính điểm đó làm cho cuộc tranh-đấu giữa người với người thành ra ác-liệt hơn giữa con người với con vật. Lã-Bố, thời Tam-Quốc, phải thất thế, chẳng qua vì y là một đứa « hữu dũng vô mưu ». Quản-Trọng giúp Tề Hoàn-Công, Khổng-Minh giúp Lưu Bị không phải vì cái « vai năm tấc rộng thân mười thước cao », nhưng là vì cái trí. Thực ra nếu so sánh sức khỏe thì con người sao bằng loài ác-thú, tuy nhiên con người có thể thắng được chúng vì có trí.

Người có sức mạnh thường căn-cứ vào cái « võ-sĩ-đạo » của mình mà coi những kẻ yếu nhưng xảo-quyệt là đứa tiểu-nhân. Tùy quan-điểm đó thôi. Ai cũng muốn dùng cái ưu-điểm của mình mà hại người khác. Khó mà nói đằng nào hơn. Vấn-đề không phải là được dùng « trí » hay được dùng « dũng » đã ở trong tình trạng tranh-đấu thì phải dùng mọi phương-tiện. Không biết dùng phương-tiện để tới mục-đích là hành-động vô-lý. Vấn-đề thiết thực là thế này: tranh-đấu như thế có phải là thái-độ của xã-hội những người đã thành người hay không?

Chúng ta không nên lầm tưởng rằng tranh-đấu bằng « trí » tức là dùng mưu, như ta thường đọc trong Đông Châu Liệt Quốc hay trong Tam-quốc-chí.

Người ta có thể tranh-đấu bằng trí-lực một cách đường đường chính chính. Cái phong-thể của con người có học là ở chỗ đó. Nếu không thể như thế vì bất tài, người ta lại có thể dùng mưu mô. Các thày phù-thủy và các thày địa-lý được người ta kính-sợ vì họ biết những điều *bí mật* của mảy trời. Nhóm tăng-lữ trong các nền văn-minh thượng-cổ giữ được

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

địa-vị lãnh-đạo là vì họ có những *kiến thức bí mật* về thần-linh và qui thần. Giai-cấp Brahmane ở Ấn-độ làm chủ một lớp dân ngu, vì họ có những truyện huyền hoặc về giai-cấp của họ. Sĩ-phu ở các nước hậu-tiến có thể dùng mánh bằng để mê-hoặc quần chúng, đến nỗi người ta cấp lương bổng tùy theo mánh bằng chứ không xét đến việc làm và khả-năng hoạt-động. Kỹ-sư canh-nông ở xứ Kongo được coi là thạo việc nhà nước hơn là thạo việc ruộng đất. Bác-sĩ y-khoa, kỹ-sư cầu-cống được đưa ra làm bàn giấy. Người ta làm cho dân ngu tưởng rằng ông tiến-sĩ, ông giáo-sư là người thông thạo mọi việc và có đủ mọi kiến-thức. Khốn nỗi, khi đã đeo cái mặt nạ uyên-bác đối với dân ngu rồi, sĩ-phu đồng hóa với cái mặt nạ ấy và cũng bị chính mình mê-hoặc mình, và tưởng mình có khả-năng, có kiến-thức rộng hơn cả môn chuyên môn mà người ta đã nhồi sọ cho mình. Nếu có ai đặt lại vấn-đề, thì thay vì tỏ ra rằng mình có trí có tài, người ta lại tung ra một truyện huyền hoặc — không có ở các nước Âu-châu — là mảnh bằng của mẫu-quốc họ có giá-trị hơn các nước khác v.v... Tựu trung là để làm cho người khác sợ mình và để tiêu diệt những người có thể cạnh tranh địa-vị chủ-ông của mình. Muốn giữ vững địa-vị hơn nữa, lớp sĩ-phu có đầu óc như thế tìm cách biến cái học thành một khoa *thần bí* ít người theo được. Vì thế họ tìm cách ngăn cản sự phổ-thông nền trung-học cũng như đại-học. Có nhiều người cho rằng hễ học-trò đi thi đỗ càng ít thì bằng cấp càng có giá trị. Cái đó chưa có gì minh chứng, nhưng chắc chắn là hễ đỗ càng ít, thì càng ít người cạnh tranh với những người đã chiếm địa-vị. Thực ra nếu học-trò đi thi ít đỗ, thì có thể vì ba lý-do: một là *học-trò lười biếng*, hai là *giáo-sư bất tài hay là thiếu lương-tâm nhà nghề*, ba là *có ý cho đỗ ít để hạn chế sự cạnh tranh*. Nếu « hậu-sinh khả-úy » thì những bậc tiền-bối kia cũng không phải là tay vừa.

Như thế cũng đủ thấy sự cạnh tranh đã vô cùng phức tạp. Sự tranh-đấu giữa người với người đã có một lịch-sử rất dài. Có những hạng người khác nhau, những phương tiện khác nhau, nhưng rốt cục thì cũng đi tới liên-lạc thống-trị. Ai được thì làm chủ-ông, ai thua thì làm nô-lệ. Liên-lạc thống-trị bắt đầu.

***

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

CHỦ ÔNG

Trong liên-lạc thống-trị có hai phe: phe chủ-ông và phe nô-lệ. Chủ-ông là người đã hơn nô-lệ vì đã dám liều sinh mạng mình trong cuộc tranh-đấu. Nghĩa là đã ý-thức được rằng mình vượt lên trên cái hiện-hữu sinh-lý và thú-vật. Chủ-ông ý-thức được chủ-thể. Nô-lệ là người sợ chết và vì thế cố bám lấy cái hiện-hữu sinh-lý. Vì thế chưa vượt lên trên hiện-hữu sinh-lý. Nô-lệ thiếu ý-thức chủ-thể: nô-lệ không phải là chủ của mình, nhưng đã để bản-thân cho người khác làm chủ.

Chúng ta cần nhấn mạnh vào một điểm mà Hegel không để ý mấy trong cuốn *Luận về hiện-tượng tinh-thần*. Đó là khái-niệm *ân-huệ*. Liên-lạc thống-trị không phải là liên-lạc bình-đẳng, nó có tính cách bạo-động vì là kết-quả lâu bền của cuộc tranh-đấu chí tử. Nhưng nó tồn-tại được là vì có *ân-huệ*. Trong những *Bài học về lịch-sử triết-lý*, Hegel có viết về cái liên-lạc thống-trị của xã-hội Đông-phương: « Dĩ-nhiên con người Đông-phương có thể cao-thượng, quân-tử; nhưng điểm căn-bản là thế này: cá-nhân không có quyền-lợi gì hết; đối xử với cá-nhân như thế nào, đều là do tự-nhiên thúc-đẩy, hay là do thái-độ tự-tiện (arbitraire). Đức-tính đại-lượng, cao-thượng và tất cả những dự-định cao đẹp nhất của người Đông-phương chỉ là do tính tình tự-tiện thay đổi, nghĩa là do ngẫu-nhiên. Pháp-luật và đạo-đức đã xác-định những khoản khách-quan và tích cực, có giá trị phổ biến, và mọi người phải tôn trọng; nhưng ở đây không ai biết đến » (5). Quan-niệm như thế về xã-hội Đông-phương (xưa và nay) có đúng hay không, đó lại là một vấn-đề khác mà chúng tôi chưa muốn nói tới. Vì thực ra phải đặt vấn-đề một cách tổng quát hơn: nhân-loại đã thoát ra ngoài liên-lạc thống-trị chưa?

Chúng tôi có ý nhấn mạnh rằng liên-lạc thống-trị không phải là liên-lạc pháp-lý của những con người bình-đẳng nhìn-nhận quyền-lợi của nhau, nhưng là một liên-lạc gồm hai mặt: *bạo-động* và *ân-huệ*. Tuy có vẻ mâu-thuẫn, nhưng bạo-động và ân-huệ là hai bộ mặt của một tình-trạng bất-nhân.

Sự hiện-hữu cũng như cách sinh-hoạt của chủ-ông đã là bạo-động rồi. Bạo-động ở chỗ dùng vũ-lực để cưỡng bách người khác nhận mình làm chủ. Bạo-động ở chỗ dùng vũ-lực và mưu mô để duy-trì cái vị-trí

(5) Xem bản dịch Pháp-văn của J. Gibelin, Paris 1954, trg 202.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

mà mình đã chiếm đoạt. Nhưng bạo-động nhất là cách thực-hiện cái địa-vị chủ-ông của mình. Thay vì dùng sức-lực để vật lộn với thiên-nhiên, để đồng-hóa thiên-nhiên, thì chủ-ông bắt nô-lệ làm việc cho mình. Sự thống-trị là một liên-lạc chính-trị, nghĩa là một liên-lạc giữa người với người. Nhưng tự nó trừu tượng. Nó chỉ thiết thực, nếu nó xuất-hiện dưới hình-thức kinh-tế, nghĩa là dưới liên-lạc giữa người với nhiên-giới. Nếu người Việt-Nam xưa kia không phải đi làm cho người Tàu, người Pháp, thì cái liên-lạc thống-trị mà ta gọi là Bắc-thuộc, Pháp-thuộc, đều chỉ là một danh-từ không có nội-dung thiết thực. Nếu người dưới không làm theo ý người trên thì quyền-bính không còn là gì hết.

Hiện-hữu của chủ-ông là một hệ-thống bóc-lột về kinh-tế. Chủ-ông đã làm chủ được nô-lệ và dùng nô-lệ để làm chủ nhiên-giới. Từ đây người ta tách hẳn ra hai phe, tùy theo liên-lạc của người ta với nhiên-giới: cái liên-lạc nhọc-nhằn, « cần-lao », để vật-lộn với nhiên-giới thì dành cho nô-lệ: cái liên-lạc thoải-mái, hưởng-thụ thì dành cho chủ-ông. Nói nôm na hơn: chủ-ông dùng cần-lao của nô-lệ để vật lộn với ngoại-giới, và thân-hành hưởng-thụ kết-quả do cần-lao của nô-lệ mà ra.

Rõ-ràng hơn cả là chế-độ nô-lệ ở Âu-châu và Cận-Đông thời thượng-cổ. Nhưng chế-độ nô-lệ đã chấm dứt. Và dù sao, nếu có còn « nô-lệ » thì chỉ còn dưới một hình thức tế-nhị hơn, văn-minh hơn, đến nỗi ít ai ngờ. Người ta không làm chủ nhau một cách toàn-diện nữa, nhưng vẫn có đủ lực-lượng bá-chủ để bóc-lột kinh-tế. Tá-điền và vô-sản không phải là nô-lệ ai, nhưng họ vẫn phải cần-lao cho đại điền-chủ và cho tư-bản. Chàng rể không phải là nô-lệ nhà gái, nhưng khi đi gửi rể, vẫn phải làm việc cho nhà gái. Công-chức cấp dưới không phải là nô-lệ của công-chức cấp trên, nhưng họ vẫn thấy mình phải mua, phải hưởng ứng những thứ đặc-san hay tạp-chí do cấp trên kinh-doanh, dù họ không hề đọc những thứ đó, ấy là chưa nói đến trường hợp cấp trên bó buộc cấp dưới phải mua. Những nỗ bắt chẹt nhau để ăn tiền cũng là một hình thức của cái liên-lạc thống-trị đó.

Theo như trên, sự bóc lột kinh-tế tự nó không có ý-nghĩa, nó chỉ là một thể-thức thực-hiện liên-lạc thống-trị. Tính cách bạo-động của nó rõ quá, nhưng không có chi lạ ở trong cái thế-giới bất-nhân cả.

Theo Hegel, cái lối sống của chủ-ông là con đường bế-tắc, nó không làm cho người ta nên người. Vai trò chủ-ông chỉ là một cái ảo-ảnh. Trông vào sự săn đón, cung phụng, hưởng ứng của người khác, chủ-ông

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

tưởng rằng mình được nhìn nhận là bậc « hiền nhân quân tử ». Nhưng quí-giá chỉ cái « mẹ hát con khen hay », giá-trị chỉ sự nhìn-nhận của những người nô-lệ bị bó buộc phải nhận như thế? Có lẽ chúng ta có thể đan cử ra đây một ví-dụ: báo-chí các nước cộng-sản vẫn không ngớt ca-tụng đường lối của chính-phủ họ. Nhưng ai cũng biết rằng báo-chí đều bị kiểm-duyệt. Chúng ta có thể áp-dụng cho các báo-chí đó, mấy câu mà K.Marx đã viết về việc kiểm-duyệt báo-chí ở nước Phổ (*Preussen*, Prusse): « Chính-phủ *chỉ nghe thấy tiếng của mình*; biết rõ rằng mình chỉ nghe thấy tiếng của mình, nhưng lại có ảo-tưởng là nghe thấy tiếng dân, và bắt buộc dân phải giữ lấy ảo-tưởng ấy ». (6)

Chủ-ông tưởng rằng người khác nhìn nhận mình, nhưng thực ra nô-lệ không còn phải là một chủ-thể tự-lập nữa, và tiếng của nô-lệ nhìn-nhận chủ-ông không phải là tiếng một người tự-do, tự lập, nhưng là tiếng vang của chủ ông. Rốt cục, chủ-ông vẫn cô-độc với cái chủ-thể và với cái chủ-quan của mình.

Nhưng chưa hết. Đời sống của chủ-ông chỉ có thể hai mặt: hoặc là tranh-đấu với người khác, hoặc là hưởng-thụ lạc-thú. Lạc-thú và bạo-động là hai phần của đời sống chủ-ông. Ai mà không nhớ đến những bậc vương-giả thời thượng-cổ ở xứ Assyria, xứ Persia? Họ giết người như cóc nhái, đồng thời cũng rất cuồng nhiệt trong tửu-sắc. Mỗi bữa chè chén để khao quân thưởng tướng, bao giờ cũng có ả đào nằm kềnh càng ra bàn ăn, và thường vẫn có vài cái đầu rơi cạnh bàn tiệc. Các lạc-thú sinh-lý đi kèm với sự giết lát (Sigmund Freud không phải là không biết đến hiện-tượng đó). Bởi thế chủ-ông hoặc là chết trong một cuộc giao tranh chí tử, hoặc là sa đọa vào đời sống hưởng thụ, như một con thú. Chết là hết hiện-hữu và không được nhìn-nhận. Trái lại nếu không chết thì làm chủ, để lại trở về đời sống hưởng thụ của con thú nô-nê.

Vì thế đối với Hegel, đời sống chủ-ông không có ý-nghĩa nhân-văn và không làm cho người ta nên người. Tuy nhiên không phải là hiếm có người thỏa-mãn về đời sống sinh-lý thú-vật ấy. Cái ngược đời của đời sống chủ-ông là: bắt đầu ở chỗ vượt lên trên đời sống thú-vật (vì dám liều mạng) để thành chủ-thể, rồi khi đắc thắng lại chìm vào trong đời sống thú-vật ấy. Đọc lịch-sử, chúng ta thường thấy các vua chúa

(6) Rheinische Zeitung, N° 135, 15 Mai 1842, M.E.G.A.I/1/1, trg 215.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

sáng lập ra một triều-đại là những bậc anh-tài đáng làm bá-chủ thiên-hạ. Nhưng một khi dừng lại địa-vị đã tới (đời con cháu) thì sinh ra ham-mê tửu sắc và sống một cuộc đời không đáng làm kiểu mẫu.

Tóm lại chủ-mưu bạo-động và hưởng thụ lạc-thú là đặc-sắc của đời sống thiếu ý-nghĩa nhân-văn của chủ-ông.

***

NÔ-LỆ

Trong liên-lạc hỗng-trị, nếu chủ-ông đã giữ phần bạo-động và hưởng-thụ, thì nô-lệ giữ phần *ân-huệ* và cần-lao.

Nói thế không có nghĩa là chủ-ông chỉ biết bạo-động còn nô-lệ chỉ biết làm ân-huệ. Thực ra chỉ có chủ-ông, vì dám liều sinh mạng, mới là người chủ thực. Thành ra nô-lệ không còn tự-lập để đóng vai chủ-động nữa, nó đã thành chân tay của chủ-ông. Đáng lẽ nó phải chết trong khi tranh-đấu, nhưng vì sợ nên đã xin tha chết để làm nô-lệ. Hiện-hữu nô-lệ bắt đầu từ cái sợ. Sợ chết tức là tùy-thuộc vào hiện-hữu sinh-lý. Chính vì chưa có can đảm vượt lên trên đời sống tự-nhiên, chính vì tùy-thuộc vào yếu-tố tự-nhiên, cho nên con người phải tùy-thuộc vào chủ-ông. Nếu làm chủ được yếu-tố tự-nhiên thì cũng làm chủ được người khác, nếu bị yếu-tố tự nhiên chi-phối thì cũng bị người khác chi-phối. Thái-độ đối với nhiên-giới và thái-độ đối với nhân-giới đi song song nhau. Đáng lý ra nô-lệ phải chết. Nhưng nếu nó còn tồn tại thì là vì chủ-ông để cho nó sống. Đời sống của nó là *ân-huệ* của chủ-ông, đời sống ấy là tư-sản chủ-ông, vì chủ-ông nắm giữ quyền sinh tử đối với nó.

Chúng ta không nên vội-vã kết luận rằng như thế tức là chỉ có chủ-ông thành chủ-thể, thành người, còn nô-lệ thì vẫn còn ở trong hiện-hữu thú-vật.

Trong bài *La Phénoménologie de l'Esprit et son contenu réel* (7), ông Trần-Đức-Thảo có chú-giải Hegel theo một lối rất đặc sắc. Ông chủ-trương rằng trong lúc chiến-bại mà phải nhận làm nô-lệ, người nô-lệ vẫn không đánh mất ý-thức về bản-thân, vì thực ra trong lúc sợ chết, người ấy đã khám phá được rằng sự sống không phải chỉ là một cái gì bị phụ chi ngoại mà con người có thể khước từ, trái lại sự sống là thực-thể

(7) Trong *Les Temps Modernes*, 3è année, nº 36, septembre 1948, trg 492-519 (nhân dịp đọc sách của Alexandre Kojève).

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

của bản-thân, sự sống là cái làm cho bản-thân người ta có thực. Vì thế con người chỉ thực-hiện được bản-thân, con người chỉ đạt-thân, khi nhìn nhận rằng mình là vật-chất hữu hình. Vậy khi bám vào hiện-hữu sinh-lý, người ta không bám vào nó như vào một sự-vật, nhưng thật là bám vào bản-thân thiết-thực của mình (8).

Cái mâu-thuẫn của hiện-hữu của chủ-ông càng làm cho ta thấy con đường nô-lệ có thể làm cho người ta thành người (dĩ-nhiên là sau khi đã thoát ra ngoài vị-trí nô-lệ).

Chủ-ông là một hạng vong-bản để tới chủ-thể, cố ý phủ nhận cái căn-bản vật-chất và sinh-lý của mình để ý-thức được rằng con người là chủ-thể. Nhưng vì bỏ mất căn-bản vật-chất, cho nên cái ý-thức cũng mất tính cách thiết-thực đi. Và vì thế lại lùi xuống hiện-hữu thú-vật. Vì sao thế? Vì con người vừa là ý-thức vừa là vật-chất. Thiếu vật-chất thì ý-thức hết chỗ hiện hữu và chỉ còn là một thứ ma-trơi. Nếu ý-thức là một phủ-định-thể (négativité) thì bó buộc phải có một cái gì tích-cực để cho nó phủ-định.

Nô-lệ vươn gần tới cái chủ-thể trừu-tượng của chủ-ông thì sực tỉnh mà nhận định rằng vật-chất là căn-bản của bản-thân. Thay vì bỏ cái căn-bản để tới cái trừu-tượng thì nô-lệ quay về giữ lấy căn-bản vật-chất và chỉ còn giữ lấy cái sức vươn lên chủ-thể thôi. Nô-lệ chưa tiến xa trên con đường làm người, nhưng không mất gốc.

Đời sống của nô-lệ là *ân-huệ* của chủ-ông. Đáp lại nô-lệ phải cần-lao cho chủ-ông hưởng-thụ. Cấp trên bắt cấp dưới làm việc cho mình, không phải là vì muốn tránh khó nhọc, vì công việc binh-đao của lớp vương-giả đời thượng-cổ không phải là nhàn hạ gì. Nhưng họ cho rằng có một ít hoạt-động xứng đáng với lớp người tự-do, còn những công việc làm ăn là công việc của nô-lệ. Đó là nguồn gốc của những danh-từ *artes liberales, professions libérales, artes serviles, travail servil.*

---

(8) Xem bài đã dẫn, trg 498: Contrairement aux apparences, le vaincu, en acceptant la servitude, n'a pas renoncé à la conscience de soi: car il n'a reculé devant la mort que parce qu'il a justement compris, dans l'angoisse, que la vie n'est pas une simple condition extérieure, mais la réalité même du Soi... — Le Soi ne se réalise donc authentiquement lui-même que parce qu'il s'est reconnu comme *corporel*. En s'accrochant à la vie, le vaincu ne s'est pas accroché au corps comme à une chose, mais à la réalité même du Soi, comme négativité absolue et pur être-pour-soi ».

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Con người ở cấp thống-trị là hạng người khinh bỉ cần-lao. Tránh cần-lao không phải chỉ để cho cơ-thể mình nghỉ ngơi, nhưng để bắt người khác làm việc theo lệnh của mình, nghĩa là thực-hiện quyền thống-trị của mình, là đóng vai chủ-động. Có những vị hiền-thê từ-mẫu ở Việt-Nam chỉ cần cho đức phu-quân kiếm được độ vài nghìn một tháng là thuê người ở, để đóng vai chủ-bà và dưỡng lão trước khi « tri thiên-mệnh ». Có những ông chủ vai u thịt bắp đứng trông những người lao-công gầy ốm khiêng đồ-đạc một cách nặng-nhọc mà không muốn mó tay vào giúp, vì sợ mất thể-diện. Ở trong một phòng thí-nghiệm nọ, viên trưởng-phòng sai một nhân-viên đem một cái máy lại: thay vì đi dăm bảy bước để lấy máy thì nhân-viên ấy mất 15 phút để chạy đi tìm người lao-công về sai bảo. Trong một bệnh-viện, bác-sĩ bảo cô y-tá cởi áo đứa trẻ để khám bệnh, cô y-tá lại sai gia-nhân đứa trẻ làm. Không phải chúng tôi có ý bới móc những truyện đó ra. Nhưng đó là những hiện-tượng rất thông-thường trong thế-giới chủ-ông và nô-lệ. Theo như chúng tôi được nghe, thì cả trong những tổ-chức như Liên-Hiệp-Quốc ở Genève cũng không ra ngoài cái thói thường ấy: người ta chỉ muốn và chỉ phải cố gắng làm việc khi ở cấp dưới, đến khi lên cấp trên (vào ngạch-trật hẳn hoi, và biết rằng công-chức trong ngạch không bị đuổi nữa) thì nhận lấy nếp sống chủ-ông và giao hết việc cho người dưới.

Được sống, đó là được ân-huệ; được chỗ làm, cũng là được ân-huệ, cho nên phải cần-lao để giữ lấy ân-huệ.

Theo Hegel, con đường cần-lao của nô-lệ là con đường làm cho nên người. Vì sao thế?

Nếu chủ-ông đắng tới chủ-thể vì đã biết coi khinh hiện-hữu sinh-lý, thì nô-lệ cũng phải tới chỗ đó theo một lối khác. Theo một lối khác, vì nô-lệ không trực tiếp coi khinh mạng sống, trái lại còn bám chặt vào nó, vì hiện-hữu sinh-lý là bản-thân thiết-thực của mình. Chủ-ông làm chủ được người khác vì đã làm chủ được yếu-tố tự-nhiên trong mình. Trái lại, vì nô-lệ không tự mình làm chủ được yếu-tố tự-nhiên trong mình, nên phải nhờ chủ-ông làm chủ yếu-tố ấy.

Nô-lệ vì sợ chủ-ông (*Sợ chủ là bắt đầu nên khôn !*) nên phải kiềm chế dục-vọng của mình. Nó không làm cái nó muốn, nhưng là cái chủ-ông muốn và làm theo cách-thức chủ-ông truyền. Có kiềm chế dục-vọng mình, mới có thể cần-lao được. Vì cần-lao là sửa soạn để thụ-hưởng, nhưng lại không thụ-hưởng ngay. Nô-lệ sửa soạn nhiên-giới để thụ-

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

hưởng, nhưng chính mình lại không thụ-hưởng, mà để chủ-ông hưởng. Có bị quản-thúc thì cần-lao mới thật có ý-nghĩa, và đây là ưu-điểm của liên-lạc thống-trị.

Để tự-nhiên thì con người bạ chi làm nấy, không những không biết làm chủ bản năng của mình, mà cũng không đi xa hơn thái-độ hưởng-thụ. Kỷ-luật về đạo-đức đã thiếu, mà sự cần-lao theo một chương-trình, một qui-củ lâu dài cũng không có. Những dân-tộc man-di chỉ biết tìm cách thỏa-mãn nhu-cầu chốc lát mà không biết phòng xa: người ta chỉ biết trồng lúa để ăn ngay, chứ không thấy cái lợi của việc trồng trà, trồng dâu, là những thứ không ăn được; nếu đã kiếm được đủ tiền ăn ngay từ buổi sáng thì phu xe sẽ bỏ việc mà « vỗ bụng trời Nghiêu », an hưởng thái-bình nhàn-hạ. Thiếu sự quản-thúc của chủ-ông, con người chưa biết làm chủ bản-năng để sống một đời đạo-hạnh, mà cũng không biết dùng cần lao để cho nhiên-giới có một bộ mặt người, vì chỉ biết tiêu-diệt và đồng-hóa nhiên-giới chứ chưa biết biến đổi nó.

Bởi thế khi chủ-ông đã an-vị rồi, thì, vì không bị ai kiềm-thúc, nên chỉ hưởng thụ như con vật và cũng không biết làm chủ lấy bản năng mình để theo con đường lễ-giáo. Chủ-ông là hạng người non-hóa (9).

Nô-lệ nhờ có kỷ-luật của chủ-ông ra cho mình mà có thể tự mình giáo-hóa lấy mình. Nhờ kỷ-luật đó, hành-động của nô-lệ không phải là do bản-năng thú-vật đưa đẩy nhưng là do một ý-niệm, một ý tưởng làm mẫu-mực. Nhờ cần-lao người nô-lệ làm chủ được nhiên giới. Và sau cùng thì nô-lệ vừa làm chủ được nhiên-giới vừa làm chủ được bản-tính tự-nhiên của mình. Nghĩa là đã đi một con đường vòng để tới địa-vị chủ-ông.

Con đường tiến-triển của chủ-ông do sự liều mạng phải bỏ lỡ vì thiếu sự làm chủ thiên-nhiên một cách thiết-thực. Trái lại nô-lệ đã tới địa-vị chủ-ông một cách gián-tiếp nhưng chắc chắn, vì có thành-tích khách-quan (sản phẩm của cần-lao).

Đến đây thì nô-lệ ý-thức được tự-do. Nhưng trong thực-tế nó vẫn là nô-lệ. Tuy nhiên ý-niệm tự-do đó thành ra một lý-tưởng thúc đẩy đến chỗ thực-hiện.

---

(9) Nếu cổ-nhân ở Đông cũng như ở Tây quan-niệm rằng giáo-dục đời phải có một sự kiềm thúc (chữ *Giáo* 教 là dạy có bộ *bộc* 攵 là đánh) để con người biết tự trị và rập vào khuôn khổ lễ giáo, thiết tưởng cũng không phải là vô-lý.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Biện-chứng « chủ-ông và nô-lệ » đến đây là hết. Sau biện-chứng đó là lịch-trình thực-hiện ý-niệm tự-do của nô-lệ. Nói cho đúng đó là lịch-sử công cuộc thực-hiện sự tự-do trong xã-hội loài người. Lịch-sử đó còn kéo dài cho đến khi mọi người đều được tự-do, đều được giải-phóng. Hegel coi lịch-sử đó là giải-quyết cái mâu-thuẫn giữa ý-thức tự-do và hiện-trạng nô-lệ. Nhân-loại đã đưa ra nhiều giải-pháp: học-phái Stoa (Hắc-kỳ) chủ-trương rằng biết mình tự-do là đã tự-do rồi. Giải-pháp này biện chính cho thái-độ ù-lì của nô-lệ. Học-phái hoài-nghi chú tâm vào ý-thức tự-do, đến nỗi phủ-nhận sự-kiện nô-lệ. Nhưng chúng ta phải dừng ở đây, nếu không muốn nói đến quan-niệm Hegel về thế-sử.

***

Chúng ta đã nói: liên-lạc thống-trị hiện nay không còn đơn sơ như trong biện chứng « chủ-ông và nô-lệ » nữa. Vì sao thế? Có lẽ vì có nhiều người, thay vì đi vào con đường cần lao của nô-lệ để tiêu-hủy cái liên-lạc thống-trị ấu, thì lại lẩn quẩn trong vòng liên-lạc « chủ-ông và nô-lệ ». Chính cái ý-thức ấu trĩ của họ làm cho họ còn trầm luân trong cái vòng quẩn.

Một đàng, nô-lệ lại muốn làm chủ-ông. Do đó có sự bắt chước một cách mù quáng. Đó là thái-độ *trưởng giả học làm sang* (arriviste, parvenu) mà Molière đã chế riễu trong hài-kịch *Le bourgeois-gentilhomme*. Bất cứ cái gì có trong lối sống của chủ-ông đều được coi là hay. Ông cha ta ngày xưa bị người Tàu đô-hộ, thành ra cái gì cũng muốn lấy người Tàu làm mẫu-mực. Xét sự đời thì xem gương người Tàu cổ. Tổ-chức hành-chính cũng theo Tàu. Thi cử cũng theo Tàu nốt mà không biết phán đoán cái hay cái dở. Cho đến nỗi khi va chạm với người Âu-châu, người Tàu người Nhật đã biết nhược điểm của mình, mà người Việt vẫn còn tin-tưởng người Tàu là nhất.

Cái đó cũng không có gì lạ lắm. Con người nô-lệ có cái tự-ti mặc cảm, vì không được nhìn nhận. Vả, cũng không có bản-lĩnh gì, nên làm cái gì cũng muốn làm sao cho chủ-ông công nhận là phải. Chính cái lý-do đó làm cho sau thời Pháp-thuộc, nhiều người vẫn còn cái mặc cảm là người An-nam (complexe d'annamite). Cái gì cũng phải theo như người Pháp là chủ-ông cũ, mới là có giá trị. Vì thế ở một vài thành phố Việt-Nam, chúng ta có thể có cái vui là nghe một số người Việt sử-dụng tiếng Pháp với nhau, với cái điệu « cũng đòi học nói, nói không nên ». Có nhiều vị

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

hữu-trách muốn sửa đổi chương-trình học, nhưng lại vướng vào những kẻ cho rằng: phải dùng tiếng Pháp, phải tổ-chức theo như người Pháp, phải được người Pháp công-nhận (giá-trị của công-việc của nô-lệ là làm theo ý chủ-ông) thì bằng cấp mới có giá-trị, và hơn nữa chỉ có bằng cấp do nước Pháp cấp mới có giá-trị. Có lẽ chính người Pháp cũng mỉm cười trước cái quang-cảnh đó. Chính người Pháp cũng có đủ óc tự-trào (ironie) để đặt lại vấn-đề học-chính của mình, và họ đã đổi nhiều. Tuy nhiên cái nếp sống như cũng cái tổ-chức mà người Pháp cho là cổ hủ thì may vẫn còn là mệnh-lệnh đối với một số người. Họ đã quen vâng lệnh quá rồi.

Kết quả trông thấy là sĩ-phu bảo nhau (hay bắt nhau) hạn-hẹp liên-lạc văn-hóa vào mẫu-quốc như trong thời Pháp thuộc !

Nô-lệ muốn làm chủ-ông. Cái hiện-tượng kỳ-quặc đó xuất-hiện ở nhiều nước mới dành độc-lập. Lớp công-chức mới thường đã là hạ cấp trong thời thực-dân. Thời ấy họ đã tham-dự vào cái oai của người chủ-ông ngoại bang để hống-hách với kẻ dưới. Thì đến nay họ lên bậc chủ-ông. Vì đầu óc họ chưa ra ngoài liên-lạc « chủ-ông và nô-lệ » nên vấn-đề độc-lập chỉ là đổi chủ đổi với dân đen. Nếu ở Âu-châu, các nhân-viên ở các công-sở (Bưu-điện, Ngân-khố, Bệnh-viện v.v...) nhã-nhặn chỉ bảo cho khách thì ở những nước hậu-tiến ta hay thấy các nhân-viên đó gắt-gỏng mắng mỏ những người đốt nát rách rưới, nhưng lại khúm núm với những người giàu-sang.

Không có gì lạ cả. Ở trong thế-giới « chủ-ông và nô-lệ » chỉ có bạo-động và ân-huệ, chứ không có quyền-lợi. Nhân-viên ở các công-sở không thi-hành công-vụ (service public: phục-vụ công chúng) nhưng ngồi đó để ban phát ân-huệ. Cái gì cũng là do ân-huệ: gửi được cái thư, gửi được cái ngân-phiếu, tìm được chỗ làm việc, kiếm đồng lương cao, thậm chí cả việc đi thi đỗ cũng là ân-huệ. Thí-sinh đi thi trượt, thay vì nhận rằng mình bất tài, thì lại cho rằng tại giám-khảo. Câu truyện phụ-huynh gửi gắm con em trong kỳ thi, cũng như việc hứa cho đỗ, đều là những hiện-tượng tự-nhiên của ý-thức nô-lệ.

Thế mới biết: đi từ chỗ nô-lệ, chỉ biết có bạo-động và ân-huệ, đến chỗ thành người tự-do có ý-thức về quyền-lợi trong xã-hội bình-đẳng, không phải là một truyện dễ-dàng gì. Cái lỗi không phải là lỗi người trong cuộc, nhưng là lỗi của cái chế-độ bất-nhân đó.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Nhưng nếu cái hiện-hữu chủ-ông đã là con đường bế-tắc, thì việc giải-phóng con người không thể lại đi vào hiện-hữu chủ-ông. Biến nô-lệ thành chủ-ông, biến những người bị trị thành những người thống-trị, biến những người bị áp-bức thành những người áp-bức, không phải là giải-phóng nhân-loại. Vì như thế vẫn chưa tiêu-diệt được cái liên-lạc « chủ-ông và nô-lệ ». Chính ví lý-do đó mà K.Marx không muốn biến người vô-sản thành những chủ-nhân-ông có tư-sản.

Chủ-ông chỉ thực là chủ trong lúc tranh-đấu để được nhìn nhận. Nhưng sau khi đã an-vị, dù có quyền ra lệnh cho nô-lệ, thì bản thân họ vẫn chỉ là một hiện-hữu hưởng-thụ như thú-vật. Tuy nhiên những tay đáng làm bá-chủ thiên-hạ có thể giữ phong-thể của kẻ đàn anh mà ban phát ân-huệ cho kẻ dưới.

Trái lại nếu lớp nô-lệ có cơ-hội thành chủ-ông thì tình-trạng đổi hẳn. Vẫn biết họ sẽ hưởng-thụ như chủ-ông, nhưng có một điểm dị-biệt: họ tự biết mình không phải là kẻ cả như chủ-ông khi trước. Vốn sẵn tự-ti mặc-cảm, nên sau khi may mắn hay vì ân-huệ mà được lên địa-vị chủ-ông, lớp nô-lệ cũ này sẽ rất cay-nghiệt với người dưới, cay-nghiệt hơn chủ cũ đối với họ. Đó là một cuộc thay đổi chủ, như thường thấy trong những nước hậu tiến mới dành độc-lập. Khi Kongo độc-lập thì hành-động quan-trọng mà quốc-hội Kongo làm là quyết nghị cho các vị dân-biểu một số lương-bổng rất lớn, lớn hơn cả lương bổng của dân-biểu ở mẫu-quốc Bỉ! Họ không xét đến dân Kongo thiếu ăn thiếu mặc thiếu học. Họ chỉ nghĩ đến truyện được tiền lương theo như ngạch-trật của người Bỉ là chủ-ông cũ của họ. Họ nghĩ mình càng được lương to, càng hống hách với người dưới thì địa-vị chủ-ông của mình càng thiết-thực. Người ngoài trông vào cũng có thể lầm tưởng họ thực đáng mặt anh-hào.

Nhưng sau cái lớp sơn đẹp đẽ ấy, ta vẫn nhận ra một ý-thức nô-lệ. Nô-lệ vì họ vẫn chưa biết đánh giá con người theo thực-lực, chưa biết xử với tha-nhân một cách bình-đẳng theo pháp-lý, nghĩa là vẫn chỉ biết xử sự theo bạo-động hay bằng ân-huệ.

Lớp người đang an-vị làm chủ-ông thực ra vẫn là nô-lệ, không những vì không có gì kiềm-chế bản-năng thú-tính của họ, mà lại vì họ không còn tự-do, không còn can-đảm để liều-mạng nữa: không những cái hiện-hữu sinh-lý là bản-thân của họ, nhưng ngoài ra còn tài-sản và chức-tước cũng đồng-hóa với bản-thân họ. Chính vì thế, nếu có lực-lượng gì đe dọa, họ

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

sẽ không ngần ngại đi làm nô-lệ, miễn là giữ được tài-sản, chức-tước và bản thân. Trong lịch-sử, không thiếu gì những trường-hợp như thế.

Vì thế lớp chủ-ông cũng như lớp nô-lệ mới thành chủ-ông không phải là những hạng người sẽ đem xã-hội loài người ra khỏi cái liên-lạc bất-nhân giữa chủ-ông và nô-lệ. Tương-lai nhân-đạo của xã-hội loài người là những người nô-lệ trong biện-chứng của Hegel, những người không bao giờ làm chủ, không bao giờ có quyền-lực áp-bức người khác, những người không còn có gì để sợ phải mất trong một cuộc giao tranh cả, những người chỉ biết lấy cần-lao (làm chủ nhiên-giới) để tự giải-phóng. Con đường đầy tương-lai là giải-phóng cần-lao. Các lực-lượng cấp-tiến nhất trong thế-giới hiện-đại đều phải lấy cần lao làm căn-bản, đến nỗi cả những chính-thể không giải-phóng cần lao cũng vẫn phải tuyên-bố rằng đảng của họ là đảng của công-nhân. Thực ra sự giải-phóng cần-lao không tới đích một cách trực-tiếp, nhưng đã và chắc sẽ còn qua nhiều giai-đoạn vong-thân mà chúng ta không thể tiên-đoán được.

TRẦN-VĂN-TOÀN

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Người vong bản trí thức

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

Với một dân-tộc tự cho là đã thanh toán xong chế-độ thực dân trên đất nước mình, đem chuyện thực dân ra bàn phải chăng là làm một việc lỗi thời. Vấn-đề đã xong rồi, còn nói đến làm gì nữa? Với những người lớn tuổi, đó là một kỷ-niệm đang lùi xa vào dĩ-vãng; với lớp người trẻ tuổi, nó chỉ là một vài hình ảnh mơ hồ.

Nhưng có phải thực sự chế độ thực dân đã chấm dứt, vấn đề thực dân đã cáo chung trong cái nghĩa toàn diện của nó? Không. Nền độc lập bây giờ mà chúng ta coi là bằng chứng cho sự cáo chung chủ nghĩa thực dân thực ra mới chỉ chấm dứt sự có mặt của những người ngoại quốc trong vai trò ông chủ mà chính sách thuộc địa đã tạo cho họ trên đất nước ta. Nhưng cơ cấu chính trị kinh tế của thực dân chưa được thay đổi, sửa chữa một cách triệt để và nhất là tâm tình, nếp sống của con người thuộc địa xưa có thể nói hầu như hãy còn nguyên vẹn.

Sự tranh đấu dành lại chủ quyền quốc gia chỉ đích thực khi bao hàm một dự định thay đổi triệt để chế độ chính trị xã hội. Nói cách khác, trong phong trào giải phóng dân tộc, cuộc cách mạng chính trị phải được kèm theo một cuộc cách mạng xã hội. Không có cách mạng xã hội, sự thay đổi chính trị dần dần sẽ chỉ còn là một lừa bịp. Người dân không tranh-đấu để chỉ đòi được viết hay đọc những chữ độc lập, tự do dân chủ trên công văn, bích chương, khẩu hiệu, nhưng để có thể *thiết thực* được hưởng cao mực sống và trình độ văn hóa. Không có cách mạng cải tạo cơ cấu xã hội, vấn đề độc lập chỉ có nghĩa như một sự đổi chủ. Vấn đề thực dân vẫn còn; tuy bây giờ xuất hiện dưới một bộ mặt khác. Cuộc cách mạng cũng tất nhiên đòi hỏi một giáo dục nhằm thay đổi nếp sống, tâm tình con người thuộc địa. Người thuộc địa là người mất nước, vong quốc, mất cái của mình và do đó trở thành kẻ xa lạ ngay trên đất nước mình. Đất nước cũng là môi trường quy tụ những điều kiện sinh tồn như cái

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

căn bản của cuộc sống con người, cho nên người mất nước cũng là người vong bản như cái cây mất gốc, mất rễ... Đã là vong quốc, vong bản thì cũng không còn *là* người nữa, vì không còn có thể dự phóng, sinh hoạt để tồn tại và phát triển, cho nên vong quốc, vong bản cũng là vong thân.

Giải phóng dân tộc là một nỗ lực đòi lại cho mình cái thân, cái gốc đã mất. Nhưng đòi lại chủ quyền chính trị không phải dễ, thì thay đổi tâm tình nếp sống để thực hiện chủ quyền của mình trên đất nước mình còn khó hơn nữa.

Con người có một khả năng thích nghi, chịu đựng rất lạ lùng, đến nỗi có thể coi sự xấu của hoàn cảnh bên ngoài, như hoàn cảnh vong quốc, vong bản, vong thân như một sự kiện tự nhiên. Sự thích nghi trở thành những thói quen và đôi khi đi tới mức độ vô thức. Người đói khổ suốt đời và lâu đời dần dần coi tình cảnh lầm than của mình như bản tính trời định, không phải do một chế độ xã hội. Người mất nước cũng vậy. Dần dần họ cũng làm quen với hoàn cảnh mất nước và do đó cảm xúc, suy nghĩ, hành động như người vong quốc, vong bản. Nhưng bởi vì thói quen đã trở thành vô thức, nên cho dù đã dành lại được chủ quyền, họ vẫn có thể cảm nghĩ làm như người mất nước mà *không biết*. Tình trạng đó bao trùm mọi người, nghĩa là nọc độc thực dân thấm nhiễm vào thân thể của mọi từng lớp. Nhưng nó thấm nhiễm một cách đặc biệt tận xương tủy vào một lớp người gọi là trí thức, chữ trí thức đây hiểu theo một nghĩa rất rộng là lớp người ăn học. Nói cách khác, sự vong quốc, vong bản ở một số người trong lớp người này thật là hoàn tất và toàn diện vì nó đụng chạm tới chính bản chất con người của họ.

***

Tình cảnh « mất nước » có thể làm cho người mất nước mất ý thức về mình nghĩa là không còn biết mình *có* nữa. Chữ mình ở đây hiểu theo nghĩa tập thể; chúng mình, chỉ những cái tôi ngôi thứ nhất. Đó là cái « ta », đối lập với « họ ». Chúng mình là những người cùng chung một giòng máu, một quê hương một lịch sử, một văn hóa *khác* với *họ* có một giòng máu, một quê hương, một lịch sử, một văn hóa khác.

Trên một bình diện khác, chữ *mình* cũng còn cần được phân biệt: *chính* mình trong cái cốt yếu, cái bản chất xấu xa, độc nhất của nó xác định nó *là* nó và *cái mình có*, nghĩa là những sự vật, đồ dùng thuộc về mình, là *của mình*. Những cái mình có tạo thành không gian cư ngụ của con

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

người, cái thế giới chung quanh thiết yếu để mình có thể tồn tại và phát triển như con người và thành người.

Trước hết, người mất nước là người có thể mất ý thức về những cái mình có. Cái có là cái *của* ta, thuộc về ta. Nó biểu lộ sự hiện diện của ta ở đời và hơn nữa có thể gia tăng phạm vi hiện diện đó. Con người hiện diện ở đời bằng thân xác. Nhưng chỉ con người mới có khả năng và quyền lực bành trướng sự hiện diện của mình ra ngoài thân xác bằng những đồ dùng, sự vật mình có. Càng có nhiều bao nhiêu, sự hiện diện càng rộng bấy nhiêu. Ta hiện diện trong những cái ta có như ta hiện diện trong xác ta. Cho nên đụng tới những cái ta có chẳng khác gì đụng đến thân xác ta, nghĩa là đụng đến chính ta. Cái nhà, cái vườn cái xe là của tôi, cũng như phong cảnh, con đường, nhà máy, con sông là của ta. Đất nước quê hương là của chúng mình, vì chúng mình hiện diện trên những cái đó. Đó là không gian trú ngụ của ta.

Nhưng cái mình có là gì? Cái có là cái mình có thể dùng; cái có là cái có thể. Ta có thể sử dụng cái xe, cái nhà, con đường, công viên như là những phương tiện, dụng cụ nhằm phục vụ ta vì chúng là *của* ta. Ta có thể sử dụng, hay có quyền sử dụng theo ý ta cái ta có. Nhưng cái có chỉ thực sự là có trong một tình trạng căng thẳng với người khác cũng có thể có cái ta có. Cái có hiểu theo một nghĩa mạnh và đầy đủ nhất là cái *tôi* có, cái đó ở ngôi thứ nhất, vì khi nói *anh* có, *họ* có, lời nói chỉ biểu lộ một nhận định về cái có, không phải một quả quyết về cái có như khi nói: tôi có. Nhưng cái tôi có chỉ thực sự là của tôi như một độc quyền khi người khác không có cái đó, nhưng lại có thể có cái đó. Một ví dụ để phân biệt. Khi nói: tôi có cái mũi. Sự có đó không có ai đòi và muốn có vì thế tôi cũng không cần quả quyết sự có đó làm gì. Nhưng tôi cần quả quyết: tôi có cái xe đạp, tuy cái xe đạp là độc quyền của tôi, nhưng vì nó là một sự vật, có một hiện hữu tương đối biệt lập, *ở ngoài* tôi nên nó có thể mất và người khác có thể có nó.

Có cái gì là thực sự có như độc quyền; ví dụ: có một bí mật; chỉ mình tôi biết, tôi có như là độc quyền. Nhưng cái bí mật mà tôi có như là bí mật kia chỉ thực sự là bí mật nếu nó có thể bị tiết lộ và nhất là có nhiều người muốn biết vì tính cách quan trọng của nó. Nếu một bí mật mà lại không ai cần biết thì không còn phải là bí mật, đàng khác một bí mật cũng chỉ quan trọng, quí báu khi nó rất có thể mất. Do đó cái ta có chỉ được nổi bật lên như một tư hữu, một chiếm cứ độc quyền khi nó làm cho ta

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

đối lập với những người khác, khi nó đặt ta vào trong một tình trạng căng thẳng với những người khác. Sở dĩ cái ta có đặt ta vào tình trạng căng thẳng với người khác là vì cái ta có, tuy là của ta, nhưng luôn luôn bị đe dọa có thể mất, có thể bị người khác chiếm đoạt. Cái bị đe dọa chiếm đoạt là cái phơi bày ra bên ngoài, cái có thể trông thấy và chuyển sang tay người khác. Chính vì cái có là cái tự nó có thể chuyển sang tay người khác, và là cái người khác có thể có, thèm muốn có nên ta lo lắng bảo vệ, săn sóc cái ta có vì đó là cái của ta. Cái ta càng quý, càng có thể mất và do đó càng làm cho ta lo lắng về nó, tìm cách giữ gìn nó. Tôi không thể không lo mất cái gì của tôi; vì cái gì tôi không lo mất, chắc hẳn không phải là của tôi, ai lấy cũng được. Hòn gạch ở bên lề đường tôi không lo mất; nhưng tôi lo mất hòn gạch lát sân trước nhà tôi. Cái ta có càng quý càng ở gần ta, cái ta không quý bao nhiêu ở xa ta. Hòn gạch ngoài sân không quý bằng chiếc xe đạp, cái xe không quý bằng vàng bạc. Cái càng quý, càng lo mất, cái càng lo mất càng là của ta.

Ta lo lắng, quý trọng, giữ gìn cái ta có vì ta là chủ. Người chủ là người có quyền trên cái mình có và vì có quyền nên cũng trách nhiệm cái mình có. Người dân một nước độc lập là người có ý thức về chủ quyền trên đất nước của mình và trách nhiệm vì chủ quyền đó; người cảm nghĩ, hành động với tư cách một người chủ, biết quý trọng cái mình có, lo lắng giữ gìn bảo vệ nó, vì đất nước là một cái có luôn luôn bị đe dọa có thể chiếm đoạt, do đó đặt ta vào một tình trạng căng thẳng thường xuyên với người nước khác, và hơn nữa còn tìm cách phát triển, gia tăng cái có đó.

Người dân một nước thuộc địa hoặc là cảm thấy một cách sâu sắc sự mất chủ quyền trên đất nước mình hoặc là quên mất chủ quyền đó. Có cái biết vì đang có cái để biết, nhưng cũng có cái biết vì không còn có cái để biết nữa. Người đang có chủ quyền, có thể biết mình có chủ quyền đó; người bị mất chủ quyền, có thể ý thức sâu sắc mạnh mẽ hơn về chủ quyền đã mất cũng như người đang ở nhà, biết mình ở nhà nhưng không thấy sự ở nhà là hạnh phúc; phải đi xa, biệt xứ, mới nhận thức sâu xa được sự ở nhà là một hạnh-phúc. Con người đôi khi chỉ thấy và quý cái không còn có, cái đã mất. Đó là nguồn gốc của ý thức phản kháng và ý thức cách mạng nhằm đòi lại chủ quyền của mình trên đất nước đã bị ngoại bang chiếm đoạt. Nhưng người dân mất nước cũng có thể đi dần vào sự quên lãng tình cảnh mất nước và mặc lấy những thói quen, nếp sống

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

của người mất nước. Tâm tình của người mất nước mà quên mình mất nước là tâm tình một người làm thuê, người làm công, ở nhờ...

Bàn giấy của công sở này không phải là của mình, con đường này không phải là của mình; nhà máy, vườn hoa, khí trời này không phải là của mình; vì đất nước không còn phải của ta. Họ đã chiếm lấy và làm chủ trên những cái của ta. Đến sở, có mặt chủ, giám đốc thì làm việc. Có làm cũng chỉ làm lấy lệ, mong hết giờ rồi về. Vắng chủ, giám đốc, đọc báo tán chuyện... Tội gì chịu khó, làm tốt, làm nhanh, làm nhiều vì không phải là làm *cho* mình. Người làm thuê, làm mướn không tội gì lo lắng cho lợi ích của người khác, vì lợi của họ không phải là lợi của mình. Đến thư viện, đọc những trang sách cần, cắt những ảnh muốn có; vào bưu điện, bỏ túi cái bút để mọi người dùng vì nghĩ rằng thư viện, bưu điện không phải *của* mình, nên không cần phải tôn trọng. Ngồi công viên không ngại làm bẩn vì cho rằng công viên là của người ta, mình chỉ là ngồi nhờ, cần gì phải bảo vệ giữ gìn.

Cho nên người mất nước thành khách ngay trong nhà mình hay kẻ xa lạ ngay trên đất nước của mình. Đang là chủ bị hạ xuống thành người làm thuê, ở nhờ. Tình cảnh đó đưa đến một hiệu quả trầm trọng: *mất ý-thức về công-ích*. Chính vì mất ý thức về công ích mà người ta không ngần ngại phạm đến của công khi đã coi của công không còn phải là của mình mà làm thiệt hại của công là gây thiệt hại cho chính của mình. Đó là nguồn gốc sự ăn cắp: từ ăn cắp cái bút chì nguyên tử ở bưu điện đến ăn cắp công quỹ. Hối lộ, tham nhũng là một hiện tượng hầu như phổ biến trong hầu hết những nước bị trị mới dành được độc lập. Nọc độc thực dân càng ăn sâu càng tiêu diệt ý thức về công thiện công hảo và ý thức trách nhiệm. Cái cầu mới xây chưa được mấy tháng đã mất thăng bằng, con đường mới đắp vừa qua một mùa mưa đã lở vì những chuyên viên, những người thợ xây cầu như những người làm thuê; họ xây đắp như thể con đường, cái cầu không phải để chính họ và đồng bào họ đi và như thể chi phí xây cất không phải do chính họ đóng góp.

Nhưng tâm trạng làm thuê của người mất nước, dù thế nào đi nữa cũng không tiêu diệt hết ý thức làm chủ trong con người nô lệ. Nói cho đúng, ý thức đó chỉ bị đồn ép, vùi sâu trong tiềm thức, mà không bị tiêu diệt. Nó chờ đợi những cơ hội thuận tiện để xuất hiện. Nhưng vì không thể xuất hiện một cách chính trực trước những hoàn cảnh mà nó cần phải bị che dấu, nên nó xuất hiện một cách trá hình trước những hoàn cảnh

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

không nguy hiểm. Nói cách khác, người nô lệ không dám tự xưng là chủ trước mặt chủ, nhưng lại muốn tỏ ra mình là chủ trước mặt những người mà sự tự xưng đó không nguy hại gì cho số phận của nó. Hơn nữa, người nô lệ càng run sợ, mất bản ngã, mất tự chủ bao nhiêu trước người trên, người chủ, càng hống hách, « cậy ta » bấy nhiêu trước những người ngoài hoặc người dưới. Nó nô lệ trước mặt chủ, mất bản ngã trước mặt chủ bao nhiêu càng muốn làm ông chủ bấy nhiêu với những người dưới. Đó là hiện tượng bù đắp tâm lý. Nó càng không được nhìn nhận, càng phải vâng phục bao nhiêu, càng muốn được người dưới, người yếu hơn nhìn nhận và vâng phục bấy nhiêu và để thực hiện hiện tượng bù đắp đó, nó không ngần ngại bạo động dã man. Người ta nhận thấy ngày xưa người nô lệ thường rất tàn nhẫn với những người nô lệ khác khi nó được chủ truyền lệnh phải hành hạ, tra tấn những người nô lệ như nó. Gần đây người ta cũng thấy một gã thu thuế chợ đánh đập dã man một em học sinh đến chết vì một sự đụng độ vô ý rất nhẹ. Phải chăng người nô lệ, gã thu thuế chợ cảm thấy muốn được nhìn nhận là chủ, bằng cách bạo động với những người yếu hơn mình, khi họ ở một địa vị xã hội bị khinh bỉ miệt thị?

Thu hồi chủ quyền chính trị mà không lo lắng thực hiện sự thu hồi đó trong mọi ngành hoạt động, trong mọi tầng lớp dân chúng thì chỉ là độc lập trên giấy tờ, bằng danh từ. Nhiều quốc gia mới độc lập không nhìn thấy tầm quan trọng của việc giáo dục công dân. Thay vì những khẩu hiệu, biểu ngữ, hội họp chỉ nêu lên những danh từ chính trị rỗng tuếch, hình thức hoặc nhằm cổ võ, đề đảo những cá nhân, những đường lối mơ hồ, thiết tưởng sẽ có ích lợi hơn nếu dành những phương tiện đó để dạy luật đi đường, gây tinh thần bảo vệ công ích, giác ngộ ý thức trách nhiệm trong công tác và giáo dục người dân biết làm chủ đất nước thế nào trong cương vị nghề nghiệp và chức vụ của mình.

***

Tâm tình làm thuê, ở nhờ của người thuộc địa đã quen tình cảnh mất nước có thể tìm thấy trong mọi tầng lớp dân chúng thời thực dân cũng như bây giờ trong trường hợp những người chưa giác ngộ. Tâm tình đó có thể đưa tới những thái độ bày tỏ một sự hạ giá nhân phẩm và sa đọa tinh thần. Nhưng dù sao sự sa đọa tinh thần nơi những lớp người

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

này không có gì là trầm trọng và đàng khác rất dễ dàng chấm dứt một khi họ được cảnh giác. Vì những tầng lớp này chỉ bị thực dân bóc lột về những cái họ có như tài sản, nguyên liệu, sức lao động v.v..., nhằm sinh lợi cho thực dân. Đã hẳn, như trên đã nói, sự bóc lột đó có thể làm cho người thuộc địa sa vào những thái độ hạ giá nhân phẩm, nhưng không ném họ vào một sa đọa hoàn toàn và hơn nữa làm cho họ thoát khỏi như trường hợp tầng lớp được ăn học.

Dự định thực dân, trong thực tế, bao giờ cũng chỉ là một dự định bóc lột kinh tế, nghĩa là bạo động, dù những người thiện chí, đạo đức của nước thực dân có cố gắng biện chính bằng cách gắn cho dự định đó những ý hướng cao đẹp.

Để thực hiện dự định bóc lột thuộc địa, người thực dân cần một lớp người trung gian cộng tác với họ. Thực dân cho những người đó ăn học và chia sẻ một ít quyền lợi đã bóc lột của đồng bào họ. Để nghị cho ăn học để cộng tác của thực dân có thể tạo điều kiện cho một chống đối lại dự định thực dân nơi những người thuộc địa ý thức được sâu sắc chủ quyền của mình bị mất nhờ sự được ăn học đó. Những người trí thức này sẽ là những thành phần lãnh đạo trong phong trào giải phóng dân tộc. Nhưng ý định cho cộng tác cũng có thể mở đường cho một số người đi vào một sự trụy lạc tinh thần hoàn toàn. Chấp nhận sự cộng tác tức khắc thay đổi được thân phận làm người thuộc địa của họ. Đang làm nô lệ, họ trở thành kẻ được giải phóng. Nhưng thực sự không phải là giải phóng họ khỏi tình cảnh nô lệ, mà chính là đẩy họ vào sự lệ thuộc sâu hơn. Sau khi đã xóa bỏ ý thức về mình của người thuộc địa như là một cái mình tự lập, thực dân trả lại họ, không phải cái chính mình họ, mà là cái mình của thực dân. Sự giải thoát của người thuộc địa cộng tác với thực dân có vẻ là một phục hồi ý thức về mình, nhưng đây lại là cái mình thực dân, nên sự giải thoát đó chính là một tự diệt, một vong thân hoàn toàn. Vì đã hẳn người thực dân chỉ cho ân huệ được tham dự vào cái *mình* thực dân của họ, sau khi đã đòi hỏi ở người thuộc địa một đầu hàng tuyệt đối; nghĩa là người thuộc địa phải từ chối không những ý thức về mình trong những cái mình *có*, mà phải phủ nhận cả *chính* mình như một bản ngã tự tại nữa.

Vì đã mất ý thức về mình trên cả hai bình diện: chính mình và cái mình có, và tham dự vào cái mình của thực dân, nên không thể tìm thấy ở họ một chút gì là ý thức phản kháng, tinh thần chống đối. Người ta

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

chỉ có thể phản kháng khi người ta không phải là cái phản kháng nghĩa là người phản kháng vẫn giữ được cái mình, một bản ngã, không bị tình cảnh bóc lột, áp bức thẩm nhiễm, đồng hóa, tiêu diệt dù ở giữa lòng tình cảnh bóc lột áp bức. Cái mình, bản ngã của họ đã hòa đồng với cái mình thực dân, do đó họ chỉ có một thái độ: đầu hàng và cộng tác. Đánh đuổi thực dân không thể là việc của họ. Hơn nữa, họ còn có thể ngạc nhiên, bất mãn trước sự kiện đó. Nếu thực dân bị đánh đuổi, họ mong thực dân trở lại và nếu trở lại, họ đã sẵn sàng có mặt để cộng tác như trước. Chính thực dân có trở lại cũng sẽ đi tìm họ trước tiên, vì họ là người của mình, của thực dân.

Những người này thực sự là mất hết, nhưng họ lại cảm thấy không mất gì hết khi thực dân còn; và ngược lại, khi thực dân ra đi, đáng lẽ họ phải thấy tìm lại được hết, thì họ lại cảm thấy mất mát... Sự vong thân thực là hoàn toàn, khi đến mức độ vô thức. Nếu thực dân không bao giờ có thể trở lại, họ đành phải thích nghi với hoàn cảnh « độc lập » nhưng tâm tình họ có thể vẫn là tâm tình của kẻ mất nước, mất cả ý thức về mình; khổn nỗi một dân tộc mới dành được chủ quyền càng cần chuyên môn, công chức mà họ là thành phần được ăn học, để đảm đang những chức vụ đó, cho nên họ có thể dễ dàng giữ nguyên địa vị quyền lợi cũ và đàng khác còn có thể có điều kiện lên cao, kiếm lợi nhiều hơn nữa trong hoàn cảnh « độc lập ». Từ địa vị phụ tá thời thực dân, họ bước lên địa vị lãnh đạo thời « độc lập », thay thế cho những chủ thực dân của họ. Nhưng vì họ lãnh đạo với tâm tình kẻ mất nước, nghĩa là *không có một ý-thức quốc-gia gì*, nên không thể thực hiện những đòi hỏi chính đáng của một phong trào giải phóng dân tộc đích thực. Không thể mong đợi ở họ làm một cuộc cách mệnh cải tạo cơ cấu xã hội khi tâm tình họ chỉ là lo kiếm lợi, khai thác cho đến khi không thể được nữa thì ra đi để tìm lại sự hòa đồng với « cái mình ngoại quốc » mà họ đã cưới lấy trước kia. Lý do sâu thẳm tấn bi-kịch ở những nước mới dành được độc lập là để cho những hạng người đó nắm cương vị lãnh đạo. Một quốc gia vừa thoát khỏi chế độ thuộc địa chỉ có thể được cứu rỗi khi số phận của nó được trao vào tay những người đã làm cách mệnh thật sự, nghĩa là đã chống đối và chiến đấu gian khổ vì chống đối: *Người ta chỉ có thể tin vào những người chỉ-huy đã ngồi Tù.*

Trao số phận mình cho những người vong quốc, vong bản, vong thân, mà lý tưởng là hèn nhát, đầu hàng, cộng tác, phản bội có khác gì đem nộp mình lại cho thực dân?

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Người ta có thể tìm thấy trong những người ăn học vong bản, vong quốc trên một số người đeo thêm một bộ mặt vong bản trí thức thực sự. Những người ăn học vong bản nói chung chỉ vong bản vì quyền lợi, vì tầm thường, hèn hạ mà sự ăn học chẳng qua là tạo điều kiện cho họ dễ thực hiện thái độ vong bản mà thôi. Họ không đi tới những niềm tin trí thức những ưa chuộng văn hóa mà một thiểu số của họ, vì được ăn học nhiều hơn đã mắc phải. Những người này thường là con cái của họ, được nuôi dưỡng trong một bầu khí gia đình, nhà trường cắt đứt với bầu khí chung của đất nước, một bầu khí mà hơi thở, cảm nghĩ, thói quen, ước vọng phản ảnh sự vong quốc, vong bản. Cho nên tất nhiên những người trí thức, hay sắp sửa thành trí thức đó không thể còn thấy mình hòa đồng thông cảm, rung động với trái tim dân tộc; họ rung động thông cảm với nhau như một nhóm người ở bên lề đoàn-thể dân-tộc, theo cái nhịp trái tim của nước mà họ đã chấp nhận làm cái « mình » của họ.

Trước đoàn thể dân tộc, họ thường có thái độ khinh miệt tự cao và như thể hãnh diện vì « được » ở trong một cộng-đồng ngoại lai, vinh hạnh vì được thấm nhuần văn hóa nước mẹ và tiêu biểu cho văn hóa đó. Họ tin tưởng đó là một thứ đặc ân hay ít ra cũng là một may mắn mà họ đã được. Thật là vong bản hoàn toàn: một người Việt hãnh diện vì một nền văn hóa ngoại quốc mà họ tự nhận như của mình, trước mặt những người Việt khác ngay trên đất Việt.

Nhưng vì hằng ngày vẫn phải chung đụng với những người Việt, với bầu khí dân tộc, và nhất là họ không thể xóa bỏ hẳn những vết tích Việt vẫn còn lù lù trên người họ như tóc đen, mũi tẹt, da vàng, do đó họ cảm thấy luôn luôn phải tự bày tỏ, tự quyết và nhất là phải biện chính cho thái độ vong bản của họ. Họ băn khoăn và chú ý rình từng cơ hội, từng sự kiện nhỏ mọn để có thể chứng minh cho sự vong bản của họ là phải, hợp lý. Nhưng chính nỗi băn khoăn đó lại tố cáo tính cách bất chính trong thái độ vong bản của họ. Bị cắt đứt khỏi đoàn thể dân tộc, họ không còn chia sẻ số phận của đoàn thể đó trong những khó khăn, thiếu sót, cũng như trong những nguyện ước, hy vọng...

Họ đứng *trước* đoàn thể đó, *ở ngoài* nó và nhìn vào nó với tư cách một người ngoài cuộc, theo quan điểm của kẻ *khác*. Vì thế khi thấy những khuyết điểm, thiếu sót của đoàn thể dân tộc, những thiếu sót mà mọi người Việt đều có thể công nhận, họ không coi đó là những *khuyết-điểm của mình* và lo lắng làm sao xóa bỏ những khuyết điểm đó (đôi khi họ còn ở cương vị

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

lãnh đạo có trách nhiệm và bổn phận làm), ngược lại, họ coi những khuyết điểm đó như những bằng chứng biện chính cho thái độ vong bản của họ là đúng. Tiếng Việt quả là còn nghèo nàn thật, chưa đủ để diễn đạt tư tưởng khoa học; người Việt quả là còn nhiều khuyết điểm trong viễn tượng muốn vươn tới một quốc gia tân tiến hiện đại. Nhưng thay vì nhận định tiếng Việt nghèo nàn, rồi cố gắng tìm cách sửa chữa, bổ túc như một người trong cuộc, họ lại chỉ coi đó là lý do chứng minh sự dùng tiếng Pháp làm chuyển ngữ là hợp lý.

Nhu cầu phải luôn luôn biện chính cho thái độ vong bản dần dần tạo nên ở nơi họ một khuynh hướng chỉ biết nhìn và đi tìm cái xấu, cái dở, cái thiếu sót của đất nước và do đó càng làm cho họ *xa* cách và không hiểu những cái hay cái đẹp đất nước xưa của họ.

Đó cũng là nguồn gốc những ngộ nhận, ông nói gà bà nói vịt, giữa họ và những người Việt khác trong lúc bàn tới những vấn đề liên quan tới đất nước như vấn đề chuyển ngữ bằng tiếng Việt. Sở dĩ có ngộ nhận là vì những danh từ dùng được hiểu theo những nghĩa khác nhau. Cho nên có thể nói họ có lý cũng như những người Việt khác có lý. Họ có lý vì họ đứng ở quan điểm của người ngoài, và đứng ở quan điểm người ngoài cũng có cái lý của người ở ngoài, nhưng đó chỉ là cái lý của người ngoài, và người ngoài đây là thực dân. Với người thực dân, những khuyết điểm, thấp kém của người thuộc địa chứng tỏ cái « Mình » của họ, tự nền tảng là hư hỏng, cần phải xóa bỏ và thay thế bằng một cái « mình » thực dân mà dự phóng căn bản của nó là tốt. Cho nên nếu chế độ thực dân *chẳng may* còn những khuyết điểm thiếu sót thì đó chỉ là những trường hợp vụn vặt, những cái dở tất nhiên không thể tránh và do đó không đáng kể trong một công trình tự bản chất là tốt. Một cách cụ thể, không có những cố gắng của thực dân, làm sao có được những thành tích kia: thành phố, nhà trường, bệnh viện, đường sá, cầu cống v.v... Những công trình không thể có được trước khi thực dân đến. Cho nên căn bản của chế độ thực dân là tốt, nếu có những thiếu sót, khuyết điểm chúng phải được nhận định trong nhãn giới của một chương trình lâu dài, một dự định căn bản là tốt.

Trái lại với người bản xứ, những thiếu sót, khuyết điểm của chính sách thực dân tố cáo tính cách sâu xa của chế độ từ căn bản, và kết án toàn bộ chế độ đó. Khi người bản xứ chỉ trích « công trình khai hóa rực rỡ » của chính sách thuộc địa, người thực dân và người bản xứ vong bản thường

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

khó chịu, coi đó là một cử chỉ vô ơn, hay ngụy tín (mauvaise foi) (biết những thành tích tốt mà vẫn chối). Họ khó chịu vì nhìn những thành tích đó trên một tầm « phông » mà họ cho là tốt của chế độ thực dân. Người bản xứ không ngụy tín, nhưng chỉ là nhìn theo quan điểm của một người độc lập, một người có chủ quyền trên đất nước của mình. Quan điểm của người độc lập là một dự định bao gồm những cái có thể thực hiện theo ý mình.

Những khả-thể này cấu tạo cái phông thế giới của một người tự do. Chính cái phông đó bị chế độ thực dân xóa bỏ, phủ nhận. Những người bản xứ mong muốn, dự định làm người tự do, không thể không suy nghĩ, dự định, mong muốn từ cái phông xác định thế giới cuộc đời họ. Vì thế khi họ chỉ trích thực dân, không phải là nhằm những việc tích cực thực dân đã làm, nhưng là nhằm chính chế độ thực dân mà họ coi là xấu, phi lý tận nền tảng, căn cứ vào cái « phông » thế giới của họ. Chính vì thế mà những việc làm của thực dân xấu tốt đều xuất hiện với một chỉ số tiêu cực trên cái phông đó. Họ không quá khích, bất công, nhưng chỉ muốn *là* mình và được sống cuộc đời của họ như là của họ. Phải hiểu họ cũng trong viễn tượng đó khi họ bày tỏ và quả quyết tình tự quốc gia của họ. Khi họ nói: Trường Đại học Việt Nam phải dùng tiếng Việt. Họ có cảm tưởng là họ quả quyết một điều rất tự nhiên, không thể khác được, như là mọi suy nghĩ hành động của họ đều nằm trong nhãn giới cái không xác định thế giới cuộc đời của họ mà thôi. Và do đó không bao hàm một ý định bài ngoại hay tinh thần quốc gia chật hẹp. Nhưng thực sự họ có thể bị hiểu nhầm nghĩa là bị người vong bản trí thức gán cho là bài ngoại, hay quốc gia quá khích.

Ở đây thái độ của người vong bản trí thức vẫn giống thái độ của người thực dân trước vấn đề quốc gia. Người thực dân cũng như nhiều người Tây phương bây giờ thường hiểu chủ nghĩa quốc gia như một chính sách coi quốc gia của mình là trên hết và chống đối với những quốc gia khác. Vì thế khi nghe nói tới chủ nghĩa quốc gia, phản ứng tự nhiên của họ là khó chịu, ác cảm. Kinh nghiệm lịch sử ở Âu-châu đã cho họ thấy những kết quả tai hại của những tranh chấp do chủ nghĩa quốc gia đem lại. Ngày nay, trước sự tiến bộ của kỹ thuật, cổ thủ những biên giới địa lý, kinh tế, văn hóa giả tạo dưới hình thức uy tín, quyền lợi quốc gia là một thái độ lỗi thời và hẹp hòi. Người Âu-châu đang khao khát một tinh thần quốc tế và muốn đi tới những cộng đồng quốc tế trên mọi lãnh vực.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Người thuộc địa cũ cũng phủ nhận tính cách hẹp hòi lỗi thời của chủ nghĩa quốc gia. Nhưng phong trào quốc gia ở các xứ thuộc địa có những tính chất khác hẳn chủ nghĩa quốc gia mà người Âu châu đã có kinh nghiệm trên xứ sở của họ. Nó không bao hàm một ý định suy tôn mình và lấn át nước khác vì quyền lợi của mình; nhưng chỉ có ý nghĩa như một thức tỉnh, một tự giác về chủ quyền của mình và muốn được tự quyết tự lập trong giới hạn những khả thể của đất nước họ. Vì thế họ coi thật là tự nhiên người Việt thì nói tiếng Việt, trường Đại học Việt Nam thì dạy bằng tiếng Việt và đàng khác, mọi văn hóa ngoại quốc, dù thế nào đi nữa, cũng chỉ được đón nhận như là « ngoại quốc » trong một tinh thần tự trọng và tự tín. Vậy tại sao có thể gọi là bài ngoại khi họ chỉ quả quyết những quyền hạn nằm trong nhãn giới cuộc đời họ?

Người vong bản không hiểu quan điểm đó vì đã đứng ở quan điểm người thực dân: kết quả là không thể hiểu nhau được vì mỗi người hiểu vấn đề theo những quan điểm khác nhau. Người vong bản không hiểu được những người Việt khác; những người Việt khác không hiểu được họ. Sự chung sống gần nhau làm cho người vong bản cảm thấy mình xa lạ bên cạnh những người « đồng bào » của mình, và nhất là họ cảm thấy không được « thoải mái » dễ chịu, khó thở bên cạnh những người Việt kia...

Họ tìm đến nhau, những người vong bản, hoặc giao du với người ngoại quốc mà họ đã coi là họ. Điều cần là phải tìm thấy bầu khí « tây » của họ, không cần phải là có người Tây; toàn Việt cũng được, miễn là tâm tình giống nhau, nếp sống giống nhau: tâm tình nếp sống vong bản... Có người Việt, vì hoàn cảnh nghề nghiệp hằng ngày phải chung đụng với người Việt, rất nhớ người Pháp, thèm nói tiếng Pháp nên mỗi tuần phải đến một chỗ có những người bạn Pháp để « tìm lại bầu khí của mình » như kẻ đi xa trở về nhà, mong được về với bầu khí « gia đình » của mình. Có người Việt, chức vụ cao, rất hách dịch quan liêu phong kiến khi giao thiệp với người Việt và miễn cưỡng phải nói tiếng Việt với họ. Nhưng khi gặp người Pháp hay người Việt nói tiếng Pháp cũng được, người đó tự nhiên thành « dân chủ », dễ tính ngay. Họ phản ứng cư xử như theo những hình thức cố định. Cảnh này phản ứng thế này, cảnh kia, phản ứng khác. Hơn nữa, có cảnh hợp, cảnh không hợp. Cũng như trường hợp một người thường chỉ quen cư xử trên bình diện cha con thân mật theo lối gia đình: khi nhận một chức vụ đòi hỏi phải giao thiệp trên bình diện giám đốc, nhân viên chẳng hạn, công việc đôi khi giải quyết khó khăn, giao thiệp

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

vụng về, nhưng nếu thay đổi thái độ người trên — người dưới xa cách theo lối công chức bằng thái độ gần gũi cha con, công việc có thể giải quyết nhanh chóng, và giao thiệp dễ tới hiểu nhau, thân mật. Người vong bản trí thức cũng vậy. Họ không thấy đoàn thể Dân tộc, đất nước Việt là « nhà » của họ. Họ sống trong cái nhà Việt Nam như người bị bắt buộc phải ở đó; nhưng họ ngưỡng vọng một nơi khác, một bầu khí khác và do đó tất cả những im lặng chịu đựng của họ chỉ là những thích nghi miễn cưỡng. Họ coi bầu khí Pháp là bầu khí của họ; văn hóa Pháp là văn hóa lý tưởng và họ hãnh diện vì được đào luyện trong nền văn hóa đó. Họ thích nói tiếng Pháp, viết tiếng Pháp, và mong muốn viết, nói được *như* người Pháp (1). Càng giống bao nhiêu là càng giỏi bấy nhiêu, do đó cũng càng làm cho họ hãnh diện bấy nhiêu. Họ không thấy nhục khi không nói xuôi tiếng Việt, nhưng hổ thẹn khi không nói xuôi tiếng Pháp hoặc chưa đúng «accent». Họ phục tư tưởng Pháp, yêu văn chương Pháp và biết đâu đôi khi họ không mơ ước trở thành một nhà văn Pháp để một ngày kia được vào văn học sử Pháp. Trong văn học Pháp, người ta nhận thấy có nhiều nhà văn ngoại quốc; có thể họ là những người Âu châu nhập quốc tịch Pháp như nhà văn hiện đại Samuel Beckett gốc Anh hay nhà soạn kịch E.Ionesco gốc Rumani, hoặc là những người thuộc địa của Pháp. Đã hẳn phải trừ ra ở đây trường hợp đặc biệt có một số tác phẩm biên khảo hay sáng tác bằng pháp văn nhằm trình bày giới thiệu đất nước mình với người Pháp.

Nếu chỉ xét những tác phẩm của người Việt Nam muốn làm văn như người Pháp để được người Pháp ca tụng, khen tặng (2) thực ra rất ít có tác phẩm được người Pháp thực sự tán thưởng. So sánh những người da đen và người Việt viết văn Pháp, người ta thấy có một sự *khác biệt* rất đáng chú ý về cả tâm tình lẫn ý hướng viết. Có thể nói có những nhà văn Pháp da đen thực sự hay có một nền văn chương da đen bằng tiếng Pháp. Nhưng rất khó tìm thấy những nhà văn Pháp người Việt hay một nền văn chương « da vàng » bằng tiếng Pháp. Trong một bài để tựa giới thiệu

---

(1) Bây giờ ở đây lại có những người sinh nói tiếng Anh, tiếng Mỹ, hay ở ngoài kia tiếng Tàu, tiếng Nga như một tờ báo ở Hà-nội đã nói đến mà « Tự-do » nhắc lại. Đó là câu chuyện mấy người cán bộ nói chuyện với nhau bằng một thứ tiếng không phải tiếng Việt để cho người ta biết mình ở Trung quốc về... Chẳng qua đều là một tâm tình nô lệ cả.

(2) Nhớ tới những giải thưởng văn-chương « Liên-hiệp Pháp » trước đây.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

tập thơ của Leopold Sedar Senghor (3), Sartre đưa ra một vài nhận xét có thể làm cho ta nhận thấy sự khác biệt trên. Sartre cho rằng người thuộc địa da đen trong hoàn cảnh hiện nay chỉ có thể tự giác, ý thức được chủ quyền của mình bằng một kinh nghiệm thi ca và hơn nữa thi ca da đen bằng tiếng Pháp hiện hay theo ông là một nền thi ca có tính chất cách mạng đích thực nhất. Sartre nghĩ rằng người thợ da trắng bị bóc lột ở mẫu quốc không có một thi ca để biểu lộ sự tự-giác và tranh đấu không phải vì thiếu thiên tài hay vì sự làm việc gian khổ không thể cho họ mơ mộng ca hát; người da đen còn lao lực cực khổ hơn mà vẫn ca hát mơ mộng, nhưng vì hoàn cảnh đặc biệt là giai cấp tranh đấu đã làm cho người thợ không dùng thi ca như phương tiện diễn tả. Người thợ da trắng biết rằng mình bị bóc lột áp bức là vì kỹ thuật, chế độ chính trị, nền quan niệm sự giải phóng bằng tranh đấu *nghiệp đoàn*, chính trị. Sự tranh đấu này đòi hỏi kỷ luật nghiêm chỉnh, tổ chức chặt chẽ, dự đoán sáng suốt, tính toán cẩn thận. Không thể mơ được. Mơ là phản bội, là thoát ly. Ngôn ngữ của tranh đấu xã hội là mệnh lệnh, những khẩu hiệu, những phân tách gọn, sáng, đanh thép. Người da đen cũng bị bóc lột, áp bức. Sự bóc lột áp bức đó cùng một tính chất với sự bóc lột ở mẫu quốc: bóc lột kinh tế, và cũng do một nguồn gốc: đế quốc thực dân. Nhưng người đa đen thấy sự bóc lột đó như *vì là* da đen, người thuộc địa Phi châu hay người Phi châu bị đẩy ải. Chính vì họ cảm thấy áp bức trong mầu da, chủng tộc mà sự tự giác, quật khởi trước hết cũng xuất phát từ ý thức về mầu da, về dân tộc. Đó là nguồn gốc tình tự dân tộc, ý thức quốc gia của những người thuộc địa. Sự bùng nổ phong trào quốc gia, giải phóng dân tộc có nghĩa như một đòi hỏi quyền sống của mình phải được công nhận, với tư cách là người da đen. Bị khinh bỉ, chà đạp vì là da đen, người da đen thức tỉnh « nhặt lại chữ đen (nègre) mà người ta đã ném vào mặt họ như ném hòn đá, để tự nhận là đen, trước mắt người da trắng một cách hãnh diện ». Ý thức giai cấp của người thợ da trắng bám sát vào những mục tiêu tranh đấu: quyền tư hữu, dụng cụ sản xuất, thặng dư giá trị, lợi tức bất chính v.v... Ý thức dân tộc của người da đen nhằm bày tỏ tâm hồn « da đen » của mình như một chủ thể, một giá trị trong cái vẻ đặc biệt và riêng tư của mình. Thi ca xuất hiện như một phương tiện hiện hữu để nói lên tình tự dân tộc,

(3) Introduction à l'Anthropologie de la nouvelle poésie nègre et malgache. L.S. Senghor. P.U.F. 1948. Trích lại trong *Situations* III (Orphée noire).

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

ý thức quốc gia. Sartre nhận xét tất cả những bài thơ trong tập, qua muôn vàn đề tài khác nhau đều cùng chung một mục đích: bày tỏ tâm hồn người da đen. Nhưng tại sao họ phải dùng Pháp văn để ca tụng một ý hướng sáng tác cách mệnh? Vì người da đen bị phân tán khắp bốn phương trời, không còn có một ngôn ngữ chung để thông cảm. Vì thế, tiếng Pháp, cái tiếng của người bóc lột, khinh bỉ họ, đã thống nhất sự bóc lột đó cũng lại cái tiếng có thể dùng để thống nhất tình tự dân tộc của những người cùng màu da bị áp bức. Chính vì thế mà các nhà thi sĩ da đen đã dùng tiếng Pháp để khêu gợi ý thức dân tộc. Trong viễn tượng đó, làm văn bằng tiếng Pháp là một công trình cách mạng, phản đề, bài thực. Người đọc có thể tìm thấy những rung động thực sự tâm hồn người da đen trong những nỗi niềm đau xót và hy vọng của họ qua những vần thơ của các nhà văn dân tộc kia. Và đúng như Sartre đã nhận xét, những vần thơ đó dù bằng tiếng Pháp; nhưng không viết cho người Pháp, mà là cho người da đen, để nói với nhau về nỗi niềm của họ. Cho nên người Pháp đọc cảm thấy không phải « của mình » như thể một giọng nói xa lạ của những người xa lạ.

Thiết tưởng người Việt Nam cũng cảm thấy sự áp bức của thực dân như người da đen, nghĩa là trước hết, trong mầu da, dưới hình thức dân tộc và sự thức tỉnh chống đế quốc thực dân trước hết cũng là một thức tỉnh tình tự dân tộc; nhưng khác hẳn người da đen, các nhà thơ văn ái quốc Việt Nam bày tỏ tâm hồn dân tộc của mình bằng tiếng Việt. Lý do thứ nhất vì tiếng Việt là tiếng nói chung của mọi tầng lớp, mọi địa phương trong cả nước, không cần phải nhờ tới tiếng của kẻ thống trị. Nhưng lý do sâu xa có lẽ là sau đây: mất nước cũng là mất tiếng nói. Cho nên lấy tiếng nói bị khinh miệt mà nói lên tình cảnh mất nước là một hình thức tranh đấu hợp lý nhất để đòi lại quyền sống của dân tộc. Tiếng nói của một dân tộc là linh hồn của dân tộc đó. Do đó thơ văn ái quốc, nhằm bày tỏ tình tự dân tộc không thể không viết bằng Việt ngữ. Nói viết tiếng Việt, tức là rung động tâm hồn người Việt, và do đó kích thích tầm lòng yêu nước của họ. Như thế có thể nói: có một văn chương da đen bằng tiếng Pháp phản đề, đượm tình tự dân tộc, nhưng không thể có một văn chương da vàng, hay Việt Nam bằng Pháp ngữ, đượm tình tự dân tộc. Người Việt yêu nước, trong hoàn cảnh mất nước, tiếng nói bị khinh miệt, không có

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

cách phản kháng nào hơn là *yêu quý* và sử dụng chính cái kẻ thống trị đầy đạp. (1)

Vì thế, nếu có những tác phẩm viết bằng Pháp văn do những người Việt không biết tiếng Việt và chỉ yêu chuộng tiếng Pháp làm ra để được vinh dự vì bằng tiếng Pháp thì đó chỉ là những sản phẩm của một sự sa đọa tinh thần, biểu lộ một vong bản trí thức. Hơn nữa, những người vong bản đó cũng thường thất bại trong dự định « vong bản » của họ. Họ thường không đủ tài nghệ để sáng tác như người Pháp, cho nên tác phẩm của họ, nói đúng hơn (vì chữ tác phẩm to tát quá) cái họ viết bằng tiếng Pháp không phải Pháp mà cũng chẳng là Việt. Nhưng là một thứ hàng giả Pháp, giả Việt, lai căng. Mà lai căng là gì nếu không phải là một quái thai, quái vật. Rút cục, người vong bản sính tiếng Pháp chỉ là một hạng « *làm dáng trí thức* » lố bịch. Người làm dáng hãnh diện về điều mình làm dáng. Người làm dáng trí thức vong bản làm dáng vì được ở trong văn hóa pháp hay tự coi là tiêu biểu cho nền văn hóa đó; nhưng cái làm cho người ta làm dáng chỉ là cái vỏ bề ngoài. Bên trong cái vỏ bề ngoài lòe loẹt là sự trống rỗng. Người vong bản làm dáng trí thức không thể hiểu được cái tinh thần của văn hóa. Văn hóa đích thực bao giờ cũng có tính chất nhân bản. Gọi là nhân bản vì nó bày tỏ những nỗ lực tìm hiểu và tôn trọng con người, những giá trị nhân loại. Người vong bản không thể thấu hiểu thấm nhuần được những giá trị đó. Những chữ nhân loại, dân tộc, tổ quốc mà người vong bản học ở trường, hay đọc trong sách vở chỉ là những danh từ trừu tượng rỗng tuếch. Hoàn cảnh vong bản đã không còn cho họ những điều kiện để đi vào những giá trị đó, những giá trị cấu tạo cái bản chất, cái hồn của văn hóa, nghệ thuật. Làm sao họ có thể hiểu và rung động thực sự với thơ Eluard khi họ không còn tổ quốc. Chỉ những người biết yêu tha thiết tổ quốc mình mới thực sự thông cảm với người khác bày tỏ tình yêu tổ quốc của họ qua thơ văn của họ. Phải là « mình » một cách trọn vẹn mới có thể đối thoại với người khác. Phải thật « khác » mới đi tới hòa hợp giao cảm, vì hòa hợp giữa người với người không phải là một *đồng hóa* làm tan biến những cá thể trong sự hòa hợp nhưng là làm cho những cá thể trở nên phong phú hơn trong hòa hợp. Do đó, sự thông cảm không đòi hỏi phủ nhận bản ngã, sắc thái riêng biệt.

(1) Trong thời kỳ Pháp-thuộc, những người yêu nước chống Pháp, gây thức tỉnh dân tộc bằng cách cổ động và truyền bá chữ quốc ngữ, lúc đó bị khinh miệt, bỏ rơi không được dùng làm ngôn ngữ của nhà trường và công sở.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Trái lại, có thể nói, càng có bản ngã mạnh bao nhiêu càng đi tới thông cảm đích thực bấy nhiêu. Một người ngoại quốc có thể yêu văn học Pháp, chia sẻ những khó khăn của những vấn-đề chính trị xã hội Pháp bằng cách tham dự thực sự hay bằng tâm trí vào những tổ chức tranh đấu nọ, tổ chức hoạt động kia của người Pháp như thể là những vấn đề của mình, đôi khi rất tha thiết, nhiệt thành mà không ai có thể nghi ngờ họ là người vong bản. Trong thời nội chiến Tây ban nha, có nhiều người ngoại quốc tình nguyện sang đánh phát xít ở nước đó. Có phải họ là những người muốn trở thành người Tây ban nha là lấy làm vinh hạnh để được thành người Tây ban nha? Họ chia sẻ tham dự không phải vì « sính » người Pháp hay người Tây-ban-nha, nhưng là vì một lý tưởng nhân loại, một giá trị tinh thần nào đó vượt cả họ, người Pháp hay Tây-ban-nha. Người vong bản không thể lãnh hội được những giá trị nhân loại và do đó cũng không thể tham dự vào sự bảo vệ những giá trị đó là cái hồn của một nền văn hóa. Họ chỉ sính văn hóa Pháp về cái vỏ bề ngoài. Chắc chắn họ không dám tham dự và hy sinh cho nền văn hóa đó vì họ chỉ là kẻ *ngụy trang văn-hóa*.

Do đó, những người Pháp sáng suốt không bao giờ coi những kẻ vong bản, chạy theo mình là người của mình và vì thế họ cũng không thể nghĩ tới một hãnh diện sai lạc vì được những người ngoại quốc vong bản ca tụng họ. Giá trị của một người chỉ đích thực khi được người ngoài công nhận. Chính người có giá trị tự mình có đủ lịch sự tế nhị để không tự đề cao, và để cho người khác nhìn nhận giá trị của mình, đôi khi cũng không cần nghĩ tới sự được nhìn nhận đó. Người nhìn nhận càng độc lập, có giá trị riêng biệt, sự nhìn nhận càng cao cả, đặc sắc. Người Pháp sáng suốt sẽ chỉ coi là vinh dự thực sự, nếu được người Đức, người Nhật ca tụng chẳng hạn. Vì đã rõ khi người khác có hay cái đẹp của họ mà vẫn công nhận cái hay cái đẹp của mình, đôi khi hơn họ, thì mới quý còn nếu người khác không có gì cả, và nhận vơ lấy cái của mình, rồi khen mình thì có gì là quý nữa. Người vong bản là người *nhận vơ*, thấy «người sang bắt quàng làm họ ». Nhiều người Pháp vô tình hay hữu ý vẫn thường hãnh diện về công trình thực dân đã đào tạo một số người trí thức bản xứ, thấm nhuần văn hóa Pháp, và trung thành với nền văn hóa đó ngay cả khi người Pháp đã ra đi. Hơn nữa còn coi đó là một bằng chứng biện chính cho sự cao cả của văn hóa Pháp. Nhưng người ta có thể nói ngược lại, chính sự-kiện vong bản ở một số người bản xứ trí thức mà người Pháp lấy làm hãnh diện làm cho người ta nghi ngờ sự cao cả của văn hóa Pháp.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Tại sao một văn hóa tự cho là tiêu biểu cho Tự do, Dân chủ, Bình đẳng, Hữu nghị... lại có thể trở thành một văn hóa đề quốc, nghĩa là đi tới chỗ bạo động làm cho người khác đầu hàng, tự phủ nhận, để theo mình? Thật là rõ ràng: những người thuộc địa vong bản trí thức là con đẻ của chế độ thực dân, nghĩa là chế độ thực dân đã tìm thấy ở văn hóa một lợi khí biện chính và duy trì tính chất bạo động của nó.

Sự kiện « bị lạm dụng » đó thực sự làm sứt mẻ nhiều uy tín của văn hóa Pháp. Những người Pháp chân chính và sáng suốt, những người làm ra văn hóa Pháp và trách nhiệm cái linh hồn của nó chắc hẳn phải nhận thấy như thế và lấy làm đau xót. Cho nên với những người Pháp đó, những người thuộc địa vong bản trí thức là một *xấu hổ* cho văn hóa của họ, y như sự kiện thực dân là một xấu hổ cho đất nước của họ.

Chế độ thực dân là một chướng ngại vật chặn đứng những tương quan đích thực giữa các quốc gia và người vong bản trí thức cũng là một bình phong ngăn cản những giao cảm, trao đổi văn hóa đích thực giữa các nền văn hóa khác nhau.

***

Chế độ thực dân bây giờ đã lỗi thời. Điều đó có nghĩa là các nước thống trị từ bỏ sự chinh phục bạo động và nối lại với những nước bị trị cũ những giao thiệp trong một tinh thần mới đặt trên bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau. Nhưng chỉ có thể thiết lập những bang giao thực sự chính đáng đó nếu các nước bị trị cũ được những người có ý thức về mình, biết tự tin tự trọng, biết tha thiết đến quyền lợi dân tộc lãnh đạo, và các nước thống trị cũ biết *sáng suốt* gạt bỏ những bầy tôi cũ và tìm đến những người quốc gia thật sự, xứng đáng trên để đối thoại. Sự cứu rỗi của những nước bị trị mới dành lại được chủ quyền là ở chỗ được những người thực sự cách mạng lãnh đạo, cũng như quyền lợi của những nước thống trị sẽ chỉ được bảo đảm thực sự, lâu dài ở chỗ biết sáng suốt đó.

Trong một viễn tượng như vậy, những người thuộc địa vong bản trí thức sẽ không còn chỗ đứng, cả ở quê hương mà họ đã từ chối, cả ở đất nước mà họ muốn suy phục. Quê hương cũ từ họ như đứa con đẻ vong bản. Quê hương ngoại quốc từ họ như đứa con hoang vô dụng. Họ đi về đâu, để làm người?

NGUYỄN-VĂN TRUNG

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Hiện-tượng nói tiếng tây

LÝ-VĂN-MỘC

Trong ngôn ngữ của người mình, có hai kiểu nói khá ý vị, biểu lộ hai cách thể sinh-hoạt của con người: *ăn ở* và *ăn nói*. Ta thường đọc trong báo chí: « Hai người ăn ở với nhau đã 7 năm, đã có với nhau 3 mụn con, thế mà vẫn phụ tình nhau một cách trái đạo như rứa.» Như vậy *ăn ở* là cách xử sự với nhau trong gia-đạo. Còn như câu nói: « Cơ sự đã thế, biết ăn nói làm sao bây giờ?» Và những câu như « ăn nói như quân vô đạo; ăn nói như thánh không bằng », những chữ *ăn nói* đó đều biểu lộ cách xử sự của ta đối người ngoài gia đình, và nói chung là đối với tất cả những ai mà ta không thể coi như chính mình ta.

Ăn nói và ăn ở, hai từ ngữ chung nhau chữ ăn và khác nhau hai chữ ở và nói. Như vậy, một cách nào đó, tương-quan của ta đối với người ngoài sẽ căn cứ trên chữ *nói*: nói là tỏ ra mình có ý kiến; nói là tỏ ra mình ở vào thành phần nào trong xã hội. Tóm lại, nói là bộc lộ con người của mình, con người mà mình muốn được người ta chấp nhận. Nói là tỏ mình ra.

Trong « *lời* ăn *tiếng* nói », chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy hai yếu tố khác nhau: lời lẽ và giọng nói. Theo tâm-lý bình dân, thì lời lẽ thường biểu lộ trí óc của ta và tầm học-thức của ta; giọng nói thì tỏ cáo phần tâm-tình và tính-khí của ta. Có lời lẽ khôn ngoan, đắn đo; có lời lẽ bừa bãi, « vong mạng ». Có lời lẽ văn hoa mà trống rỗng, có lời lẽ nhà quê mà thâm trầm. Còn giọng nói: có giọng lanh lảnh và chua chát, có giọng khàn khàn và đau thương. Giọng dìu dặt của người hiền, có lương tâm quá tế nhị; giọng bô bô của người tiểu nhân đắc chí. Lời ăn tiếng nói là phương tiện duy-nhất để chúng ta biết bụng nhau; nói thế không có nghĩa là ta được dựa ngay vào lời ăn tiếng nói để hiểu tha-nhân, nhưng chỉ có ý nói rằng: mặc dầu « Thức lâu mới biết đêm dài, Ở lâu mới biết lòng người có nhân », mặc dầu phải lâu mới biết bụng nhau, nhưng ở lâu

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

mà không nói năng chi, thì cũng khó mà biết được lòng nhau. Cũng nên nhận rằng: người ta không những nói với nhau bằng miệng, nhưng còn nói bằng mắt và bằng nhiều cử-chỉ khác; tuy nhiên lời nói bằng miệng vẫn giữ vai quan-trọng và căn-bản nhất.

Trong bài này, chúng tôi muốn tìm hiểu hiện-tượng nói tiếng tây. Cũng là nói, nhưng là người Việt nói tiếng tây. Đây chỉ là một khía cạnh đặc biệt của hiện-tượng ăn nói. Khi chúng tôi nói « hiện tượng », chúng tôi đứng trong lập-trường Hiện-tượng-học để khai-triển ý-hướng của con người nói tiếng tây, thành thử danh-từ « hiện-tượng » ở đây có nghĩa thông thường của khoa Tâm-lý-học hiện-đại. Rồi ở đây chúng tôi chỉ tìm hiểu tâm-trạng, tức ý-hướng của những người Việt nói tiếng tây gần như tiếng mẹ đẻ mà thôi. Khi đề cập đến những người Việt nói tiếng tây, chúng tôi không phân biệt tiếng tây đây là tiếng Pháp hay tiếng Mỹ, mặc dầu kinh-nghiệm cụ-thể làm chúng tôi đặc biệt chú ý đến lớp người Việt nói tiếng Pháp nhiều hơn. Rồi chúng tôi cũng không bao giờ quên phân biệt hai loại người Việt nói tiếng tây: loại người nói tiếng tây để giao dịch, để học hỏi, và loại người nói tiếng tây để hãnh diện coi mình là thành phần thượng-lưu, thành phần thống-trị. Đúng thế, khi học tiếng ngoại-quốc, con người ta có thể có một trong hai ý-hướng này: học tiếng tây để phát triển thêm khả năng nhận thức và tranh đấu, và học tiếng tây để « làm tây, làm ông tây ». Loại người thứ nhất vẫn giữ nguyên bản lãnh người Việt, loại người thứ hai đã vong bản, vong thân ngay tự khi đi học. Những người vào loại thứ nhất học tiếng tây để làm cho mình có thêm một con mắt, hầu nhìn rõ công việc của người khác, thêm một cái tai thứ ba để nghe những truyện mà người ta muốn giấu mình, và thêm một cánh tay thứ ba để tăng thêm sức hoạt động. Cái học như thế là cái học cho mình, không học cho người như bọn chỉ học để làm bồi tây (bồi cao cấp) và bán thân cho tây. Học vì dân vì nước, học để tranh đấu cho giang sơn, không học để chung tay với thực dân để khai thác và hành hạ dân. Như vậy cũng có cách học và nói tiếng tây mà không vong bản. Gương lịch sử không phải là không có. Tâm trạng của những bậc ăn học đó là cầu sao cho dân tộc ta tiến kịp như người tây: thành thử trong ý-hướng các kẻ sĩ đó có một chí tranh đấu với tây, coi tây như cái gì ta phải dùng cái tài của nó để thắng nó. Trái lại, loại sau là loại những kẻ đi học để làm công chức cho tây, hoặc hơn nữa, để « làm tây ». Những người này, trông thấy dân mình hèn kém, bị tây thống trị và khai thác, thì họ không đứng về phía dân tộc,

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

nhưng họ bỏ dân tộc; họ lặng lẽ thèm ước được sung sướng như « các quan tây », thế rồi họ quyết làm tây để sung sướng, và nhất là được quyền khinh miệt người « bản-quốc ». Họ khinh người bản quốc, tự khinh mình họ. Họ càng chối căn cước người Việt của họ, thì họ càng vong bản một cách hoàn toàn hơn.

Ở đây chúng tôi chỉ tìm hiểu tâm-lý của những người Việt đó mà thôi.

***

Chúng tôi nhớ trong cuốn giáo-khoa dạy học tiếng Pháp của lớp nhất tiểu-học thời Pháp-thuộc có một bài của *Jean Marquet* nói về tình ý của bọn cắp sách đi học thời đó. Trong bài đó có một câu khinh bỉ người Việt-Nam, nhưng than ôi, lại rất thật: « Hầu hết người An-Nam đi học với ý-định làm công-chức cho Nhà Nước. «Người An-nam thời đó với người Việt-nam thời nay đã khác nhau gì chưa, điều đó không khó trả lời lắm: chỉ nhìn vào cách ăn-học của chúng ta ngày nay, không mấy người đi học để làm « những nghề tự-do », nhưng đại-đa số vẫn chỉ đi học để kiếm chỗ làm cho Chánh-phủ. Vẫn tinh thần đi làm thuê. Làm công như thế tương-đối sướng hơn hết. Làm công-chức thường đồng nghĩa với làm thuê. Làm thuê lại có nghĩa là không làm cho mình, nhưng làm cho người ta. Và người ta thì không phải là ta. Có ý-hướng tranh đấu cho dân tộc, đứng về thành-phần bị bóc lột để đau khổ cùng dân tộc và cùng với dân tộc dần dần tiến lên chống bóc lột, và trái lại, có ý-hướng tự ly-khai khỏi dân tộc để lên sang hàng ngũ bóc lột và hãnh-diện vì được thành phần thống-trị coi mình như đồng đẳng: hai ý-hướng này đối lập nhau như nước với lửa. Tuy nhiên, vì là ý-hướng căn bản, cho nên ít người tự nhận rằng mình đã có ý-hướng nọ hay ý-hướng kia. Chúng ta thử dùng Hiện-tượng-học để khai-triển những ý-hướng đó.

Trước hết hãy nhìn vào những sự kiện. Chúng ta thấy không những đại đa số người Việt đi học đều có tình ý làm công cho tây, nhưng chúng ta còn chứng-kiến một sự kiện kỳ quái này nữa: những người đi làm công cho tây như thể lấy làm vô cùng hãnh diện vì *nói tiếng Tây*. Họ nói tiếng tây với các người tây là thầy của họ, điều đó chưa có chi lạ, và chưa biểu lộ được ý-hướng của họ; nhưng đây họ *nói tiếng tây với nhau*. Hai người Việt, sống trên đất Việt, được nhờ cha mẹ và dân tộc ăn học thành tài, vậy mà hai người Việt lại hãnh diện nói tiếng tây với nhau. Mấy năm đầu,

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

khi nước nhà mới thu hồi độc-lập, đa số công-chức đều nói tiếng tây với nhau, chỉ có phía cách mạng là triệt để bài trừ nói tiếng tây. Nhưng, như ta biết, *ăn nói* chỉ là biểu hiệu của ý-hướng sâu thẳm của con người: thành thử, hiện-tượng nói tiếng tây tố cáo rằng những người công chức kia vẫn có dự phóng cũ: nay thấy họ đi rồi, thì họ tưởng như sẽ thay thế ông thầy của họ, nhưng trước sau họ một mực coi ông thầy của họ là lý-tưởng đời họ. Họ coi ông thầy của họ là hơn hết, và là mô phạm duy-nhất. Phải như ông thầy của họ thì mới xứng đáng cai trị thiên hạ, hay ít ra phải được ông thầy của họ chấp nhận như họ, thì mới đáng kính nể. Đối với họ, *tây* đồng nghĩa với cao quý và hãnh diện; cái gì của tây cũng tốt, và cái gì của ta cũng xoàng. Cho nên họ cố duy-trì tất cả những gì là thành-tích của tây, kể cả những phương-pháp bóc lột; có khác là khác ở chỗ nay tây không bóc lột nữa, nhưng chính họ dùng phương-pháp của tây để bóc lột dân.

Nước nhà độc-lập đã hơn mười lăm năm, và nền Cộng-hòa xây đã ngót tám năm, vậy mà hiện-tượng nói tiếng tây vẫn chưa có dấu hiệu gì cho thấy rằng nó sắp chấm dứt. Thực sự nó bớt đi nhiều lắm rồi: người ta không nói tiếng tây trước mặt những thằng dân, nhưng người ta vẫn lấy làm thích thú được nói tiếng tây với nhau khi gọi điện thoại cho nhau, hoặc khi bàn việc với nhau. Sự kiện này giống hệt với tình-trạng những ông chồng « vụng trộm » bà vợ: họ biết nói tiếng tây trước mặt quần chúng sẽ bị chỉ trích, nhưng họ vẫn tìm cách nói « vụng » với nhau được. Khi ông chồng vụng trộm, thì hỏi ông còn trung tín với vợ chăng? và khi các ngài nói tiếng tây trộm với nhau như thế, hỏi tình ý các ngài ra sao?

Nhờ Hiện-tượng-học, chúng ta đã biết cách tìm ra những ý-hướng của các hiện-tượng nhân-bản. Chính các ý-hướng đó là linh-hồn của các hành-vi con người; khi tìm ra những ý-hướng đó, chúng ta đã nhặt được chiếc chìa khóa để mở vào tâm can con người. Cũng là một cử-chỉ như yêu, giận v.v..., nhưng tâm-lý học cho thấy có nhiều ý-nghĩa khác nhau. Chẳng hạn yêu như con thì khác, yêu như bạn thì khác, và yêu như vợ thì lại khác; giận ghét thì khác, giận dỗi thì khác, giận hờn thì khác. Mọi sự đều do ý-hướng của ta: *ý-hướng của ta là ý-nghĩa của hành-động ta.* Ý-nghĩa đó, đôi khi người ngoài không nhận ra, và chính ta cũng có khi không tự nhận. Người ngoài không nhận thấy: điều đó không có chi khó hiểu; nhưng tại sao chính ta lại có thể không am tường ý-nghĩa của hành-vi ta? Thưa vì người ta thường ít khi tự vấn về hành động của mình; hơn nữa, đôi khi có tự vấn, nhưng cũng không thể nhận ra ý-hướng của mình, vì

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

không biết dùng hiện-tượng-học để khai-triển những thâm ý của mình.

Một cách tổng quát, người ta có thể quy các ý-hướng của người Việt nói tiếng tây về hai loại: để khoe cái tài của mình, hoặc tự đặt mình vào thành phần thống-trị. Nên nhớ: đây chúng ta chỉ bàn về trường hợp những người nói tiếng tây như tiếng mẹ đẻ, tức những người sinh nói tiếng tây.

a) *Nói tiếng tây để khoe tài.* — Ai cũng biết : nói được một ngoại ngữ là chứng có người đó có học. Nếu nói thạo làu làu, thì lực học lại càng cao. Tâm lý học cho hay: phàm con người ta, ai cũng có *ý-chí hùng cường*, muốn hơn thiên-hạ; thành thử ai có tài nào, cũng thích có dịp để thi thố cái tài của mình. Các bà nội trợ sung sướng có dịp trổ tài trong những bữa ăn có quý khách, hoặc những đình đám long trọng: phép lịch sự đạy ta đừng quên khen những bàn tay đã khéo tra nấu và sắp đặt những món ăn đó. Lời khen đó là mồi hãnh diện của các bà nội trợ. Quên không khen, các bà sẽ tưng hửng, và lần sau ta đến ăn, rất có thể bị các bà nhìn bằng đôi mắt chán nản. Vậy thì các ông biết nói tiếng tây cũng ý-thức rằng họ có một cái gì hơn người khác: họ có tài nói tiếng tây làu làu. Cho nên, mỗi khi có dịp, họ thấy *cần* phải nói tiếng tây ngay. Tôi nói « *cần* », vì chúng tôi quen biết mấy vị tỏ ra sung sướng mỗi khi có dịp nói tiếng tây; nếu chung quanh họ không có ai thích nói, thì họ tìm đến gặp những ông thích nói như họ; hơn nữa, nếu họ có phước quen biết vài ông tây, thì sống chết thỉnh thoảng họ cũng phải kiếm cách đến gặp để nói tiếng tây. Nhìn họ nói một cách khoái trá, chúng ta hiểu họ đang thỏa mãn được một ý-hướng, một mong muốn thiết tha; và chúng ta tự nghĩ nếu họ không thỉnh thoảng được nói tiếng tây như thế, chắc họ sinh bệnh, hoặc ít ra đời họ cũng buồn thảm lắm. Chúng tôi nghĩ thế, vì mấy ông đó rất ít nói truyện với vợ con bè bạn: hình như, đối với họ, nói tiếng Việt nó nhạt nhẽo làm sao ấy. Mà, theo chúng tôi, họ cho tiếng Việt nhạt nhẽo là phải, vì khi nghe họ nói tiếng tây, chúng tôi thấy họ chẳng nói điều chi nghĩa lý hết. *Họ nói để mà nói. Để mà nói tiếng tây.* Thành thử cái thú của họ không phải là nói nên điều chi hay ho, nhưng chỉ là để thi thố cái tài nói tiếng tây của họ thôi. Chúng tôi nhớ hồi còn nhỏ, cũng đã có cái vui đó: chúng tôi sung sướng nói tiếng tây với nhau; và sung sướng vì tự thấy mình tấn tới mau, nói ngoại ngữ càng ngày càng thạo. Đó là buổi chúng tôi còn theo các lớp trung-học thời Pháp-thuộc: chúng tôi cũng

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

nhớ rằng nhiều hôm chỉ nói truyện trời mưa trời nắng, mà câu chuyện vẫn rôm. Rôm, chỉ vì chúng tôi vui vẻ tự thấy mình nói được tiếng tây.

Kinh nghiệm những năm gần đây cho hay: nhiều vị nói tiếng tây rất hay và có vẻ thông thái lắm; nhưng khi dạy học, sinh viên chẳng ghi được điều chi hết. Có lọc cả mấy chục trang bài dạy của các ông cũng chưa thấy một cái chi có chất nuôi dưỡng tinh-thần, hoặc mở-mang kiến thức thực sự cho bạn trẻ. Nhiều học trò của các vị đó nói với chúng tôi: « Xem như các ngài say mê về lời nói của các ngài. Người ta có cảm tưởng rõ rệt là các ngài khoái trá *tự nghe mình nói*. Tất cả giá trị văn-học của các ngài ở chỗ các ngài nói thạo ngoại ngữ như thế ».

Ngoài trường hợp những người đặt *tất cả* uy-tín của mình vào cái tài nói tiếng tây, còn một số nữa dầu sao vẫn coi sự kiện nói tiếng tây là *bảo đảm* cho uy-tín học-lực của mình trước dư-luận của đàn em. Loại người này coi vậy mà nguy hiểm cho tiền đồ nước nhà hơn bọn trước: bọn đàn em dễ nhận ra nhược điểm của các ngài loại trước kia, và dễ chấp nhận lập trường của các vị loại này. Sự kiện đó gây một mặc cảm cho một số sinh viên: ban tây khinh ban Việt; sinh viên coi những môn dạy bằng Việt ngữ là những môn thấp kém, không quan-trọng bằng những môn dạy bằng Pháp ngữ. Mình chưa diễn giảng được bằng tiếng Việt, nhưng mình thành thực coi đó là việc cần phải làm và hết lòng bắt đầu làm ngay trong phạm vi sự có thể: như thế sẽ không thành vấn đề. Đằng này mình là giáo sư có uy tín vì dạy lâu năm và thông thái, nhưng lại tỏ vẻ khinh miệt tiếng Việt là tiếng mẹ đẻ, coi như không có khả năng trở thành tiếng nói của văn học: thái độ này rất tai hại cho tinh thần dân tộc, và các vị đó càng có uy-tín bao nhiêu thì cái hại càng lớn.

Có người sẽ mỉm cười khi thấy chúng tôi xếp các vị thông thái nọ vào số người Việt nói tiếng tây để khoe tài. Họ có cần khoe tài đâu. Họ nghĩ vậy, và nhiều người cũng nghĩ vậy. Nhưng nếu họ không đặt *tất cả* giá trị văn học của họ vào sự kiện nói tiếng tây, thì ít ra họ cũng lấy sự kiện nói tiếng tây làm *bảo đảm* cho uy-tín của họ. Đứng về phía dân-tộc, chúng ta thấy cả hai loại đàn anh này cùng vong bản, và cùng nguy hiểm cho tinh-thần dân tộc.

Cũng nên nhận định thêm rằng nói tiếng tây là cách tương đối dễ dàng để tỏ ra hơn người. Hơn người, vì ít người có cơ hội ở lâu bên tây hay ở lâu với tây, để có thể nói thông thạo như các ngài. Dễ đối với các ngài, vì đó là môn sở trường của các ngài. Vừa dễ, vừa gây được uy-tín hơn

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

người để thỏa mãn ý chí hùng-cường, sao lại không dùng phương tiện đó? Nhất là khi mình ở thành phần thống trị, có quyền ăn nói, và có cách gây dư luận.

b) *Nói tiếng tây để làm tây.* — Nói tiếng tây để khoe tài mới chỉ là một trong hai ý-hướng của người nói tiếng tây. Người nói tiếng tây để khoe tài, dầu sao vẫn coi mình là người Việt: mình tài hơn những người Việt khác, vì mình là người Việt mà nói được tiếng tây giỏi như thế. Người tây mà nói tiếng tây thì có gì là tài đâu? Nhưng một số người Việt nói tiếng tây *với ý-hướng coi mình là tây.* Cũng như trên kia khi nghiên cứu về những người nói tiếng tây để khoe tài, ở đây công việc tìm ra ý-hướng của những người nói tiếng tây để làm tây thực là khó khăn.

Muốn khai triển ý-hướng của những người nói tiếng tây loại này, cần phải nhắc đến sự kiện lịch sử: dân tộc ta đã bị thua và bị tây phương đô hộ một cách nhục nhã, nền văn-học kỹ-thuật của ta tỏ ra kém tây phương nhiều quá. Thoạt tiên còn có phong-trào Văn-thân, sau dần mọi người đều thán phục kỹ-thuật tây phương. Nhưng thán phục cũng có hai ba lối: học lấy cái hay của người, hay là bán mình để trở thành người của tây phương. Học cái hay của người để đưa dân tộc mình nên ngang hàng với người; bán mình cho người, để cầu lấy vinh thân phì gia. Hai con đường cùng đã có người Việt đi cả. Đường nào có nhiều người đi hơn?

Một điều rõ rệt là: một số người Việt nhờ Trời và tổ ấm được ăn học thành tài. Những người này ngoảnh nhìn lại hai thành phần trong nước, thành phần thống trị và thành phần bị bóc lột. Thành phần thống trị là tây, vừa có quyền thế, vừa tạo nhã hiên ngang, có trong tay cả một nền văn-học phong phú và một nền kỹ thuật tân tiến; còn thành phần bị bóc lột là quốc dân Việt Nam, sống trong lam lũ, đói khổ, khiếp nhược. Một số những người Việt có ăn học đầy đủ, có bằng cấp và nói tiếng tây thạo, đã không ngần ngại chọn đứng vào thành phần thống trị. Họ được đón nhận một cách nồng nhiệt, vì người tây rất cần một số người Việt làm tay cộng tác. Không biết người tây có thâm ý đó không, nhưng trong thực tế, khi thu dụng và trọng dụng một số người Việt có tây học đầy đủ, Chánh-phủ Pháp đã thực hiện được « một công đôi việc », trả một tiền lương mà những công chức Việt đã thi hành cho họ hai việc đáng kể: giúp tây thống trị và bóc lột dân Việt, và giúp tây phá hủy tinh thần tự tín và tự trọng của dân tộc Việt. Người Việt mà khinh người Việt và khinh cả dân tộc Việt, thì còn ai muốn làm người Việt nữa? Vậy mà một số người

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

sính nói tiếng tây đã khinh dân Việt như thế đó. Họ tự coi mình như không phải là thành phần của cái dân bị bóc lột và hành hạ kia nữa; họ tự coi là thành phần cao quý và hiên ngang của bọn ngoại quốc thống trị. Không nên căn cứ vào cái việc « vào Lung tây », vì nhiều người có quốc tịch tây (nhất là do cha ông họ) mà thực tự có tinh-thần dân tộc bằng trăm lần những ông lhông vào làng tây. Mọi sự hoàn toàn ở tại ý hướng.

Tại sao người ta gọi những ông sính nói tiếng tây loại thứ hai này là những người thích « làm tây »? Thưa vì họ muốn được coi là tây thực, mặc dầu họ trăm phần trăm do dòng máu Việt đúc nên. Họ muốn được coi là tây, vì theo họ, chỉ có tây là đáng kính; chỉ có tây là sướng; chỉ có tây là có văn-hóa cao. Mà văn-hóa đó thì họ có đầy đủ như một người tây: và cũng như một người tây, họ vô tình hay hữu ý nói tiếng Việt ngọng nghẹo. Và họ ngại nói tiếng Việt. Vạn bất đắc dĩ họ mới dùng tiếng Việt. Tiếng Việt, đối với họ, là hình ảnh của cảnh nô lệ và hèn kém; còn họ, họ đã được cấp lãnh đạo nhận vào hàng ngũ thống trị. Với thái độ đó, họ coi tình-cảnh đau thương của dân tộc là đáng khinh, bởi vì họ đã tự đặt mình ra ngoài dân tộc. Họ coi dân tộc như kiểu anh nhà giầu nhìn anh ăn mày. Họ không bao giờ truy nhận người ăn mày bị bóc lột đó là mẹ họ, là dòng máu đã đúc nên họ, là thịt đã nuôi họ và bọn bóc lột kia sung sướng. Tóm lại, khi nhìn thấy dân tộc lâm cảnh chiến bại và bị trị, thay vì cùng dân tộc đấu tranh để cùng nhau thoát cảnh khổ nhục, thì họ đã phủ nhận dân tộc, coi dân tộc như người nước khác. Mà đúng thế, nay họ đã trở thành tây, thì lạ gì họ chẳng coi dân ta là dân khách?

***

Trên đây chúng ta vừa cùng nhau vạch trần những ý-hướng của kẻ nói tiếng tây. Và chúng ta thấy một số đã thực sự vong bản: ăn nói là cách sinh-hoạt căn bản nhất trong xã hội; nói tiếng tây và hãnh diện được coi là tây, đó chẳng phải là vong bản sao? Tuy nhiên, hiện-tượng ăn nói còn nêu cho ta thấy một sự thực khác, đầy ý-nghĩa cho một bài nghiên-cứu tâm-lý-học về *ăn nói*. Tâm-lý-học dạy rằng trong một người có thể có hai ba bộ mặt. Chẳng hạn *ông chánh án* ở tòa thì nghiêm nghị và oai hùng như thánh, vậy mà về nhà làm *ông chồng* có thể là một ông chồng sợ vợ. Cũng thế, nơi những người sính nói tiếng tây thường có ít là hai người: một người tay và một người ta. Chúng tôi có quen và được chứng kiến nhiều lần sự đối mặt của những ông này. Khi nói tiếng tây, ông cư xử như một người tây: cũng lịch thiệp, cũng có óc « bình đẳng »; trái lại khi

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

ông nói tiếng Việt, thì tỏ ra thô tục. Tại sao thế? Có phải tại người mình thiếu lễ nghĩa chăng? Hay chỉ vì các ông đó mắc phải thiên kiến rằng chỉ có « các quan tây » là lịch thiệp, còn « dân bản quốc » thì quê mùa? Thực chỉ vì các ông có ý-hướng làm tây, cho nên đã khinh dân tộc mình, và sự khinh đó hiện ra cả trong khi họ đối đãi với bạn bè và người nhà. Những bạn thích nói, hoặc ít ra họ biết rằng nói thạo tiếng tây, thì được họ kính nể theo tinh-thần « bình đẳng » của tây; còn những ai không nói tiếng tây, kể cả bậc cha bác họ, đều bị họ coi khinh như kiểu tây khinh người bản quốc.

Cho hay: ý-hướng con người là ý-nghĩa của hành-vi con người.

***

Kể kết thúc mấy dòng suy nghiệm này, chúng tôi xin đưa ra câu truyện người *hai đời vợ* để làm điều suy-nghĩ. Thế thường những người có hai đời vợ đều hay than thở nhớ tiếc đời vợ trước, mặc dầu bà vợ trước chẳng khôn ngoan tốt lành vì. Cái điều đã rơi vào dĩ vãng, xa xa ẩn hiện, thường dễ được chúng ta mường tưởng là đẹp. Đẹp như mộng mà! Nhất là khi bà vợ sau có những cái bất-toàn (mà có ai hoàn toàn bao giờ?). Thành thử mỗi khi anh chàng bị chạm tự ái, hoặc không bằng lòng vợ điều chi, anh lại than thở nhớ người vợ trước. Tình trạng nước nhà còn ở bước khó khăn, trăm sự cũng phải đặt nền lấy cả, làm dân ai ai đều phải chung tay xây dựng độc lập và phú-cường của dân tộc. Những ông sính nói tiếng tây lại không nghĩ như thế cho; các ông chỉ than thở nhớ tiếc thời xưa an-ninh sung sướng; rồi mỗi một thất bại của dân tộc là một dịp cho họ thuyết phục người khác phải khinh dân tộc như họ. Thành thử, chế độ thực dân chầm hết rồi, nhưng cái nọc của nó thì không biết bao giờ mới diệt xong.

Mà không diệt xong, thì dân-tộc vẫn bị đe dọa thường xuyên.

Nhìn tương lai dân tộc, chúng ta phải nghĩ gì, khi mà một số người Việt có ăn học vẫn sính nói tiếng tây với ý-hướng « làm tây » như chúng ta vừa vạch ra trên đây? Chúng ta phải nghĩ gì khi mà một số trường tư thục ở Saigon và Dalat vẫn hãnh diện dạy chương trình tây để tạo nên một lớp người ... ? Chúng ta phải nghĩ gì, khi các trường đó được một số các ông bự tín nhiệm gửi con họ học ở đó? Cứ chỉ đó phải chăng là tỏ ra tín nhiệm vào tiền đồ của nước nhà ?

Hiện-tượng nói tiếng tây, coi vậy mà khó hiểu.

LÝ VĂN MỘC

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Hai chế độ học chánh

LÊ - CHÂN - TÂM

Bài này chỉ nhằm mục đích phân tách một thực trạng để rút những hậu quả của nó. Thực trạng này là hiện nay có hai chế-độ học-chánh song song tại miền Nam Việt-Nam.

Hai chế độ học chánh song song, không phải trong toàn quốc, mà chỉ trong vài đô thị lớn: Saigon, Nha-trang, Đà-nẵng, Huế, Dalat. Chỉ trong những đô thị này mới có những trường tiểu và trung học ngoại quốc bên cạnh các trường Việt.

Như vậy, đối với đại đa số người Việt sống ngoài các đô thị trên, không có vấn-đề gì cả: con em họ sẽ học trường Việt, vì chỉ có trường Việt tại địa phương họ. Đối với đại đa số người Việt sống ngay trong các đô-thị ấy, cũng không có vấn-đề: họ không có phương tiện cho con em theo học trường ngoại quốc.

Thành ra vấn đề lựa chọn chỉ đặt ra cho một thiểu số (và một thiểu số khá đông đảo): những gia-đình khá giả ở các đô-thị lớn. Nghĩa là hầu hết các học-sinh đang theo học hay có thể theo học trường ngoại-quốc hiện nay đều là *con nhà khá-giả*.

Và theo lệ thường, các gia-đình khá giả đều lo lắng cho việc học của con em mình; dù có lo lắng hay không, họ đều có đủ phương tiện cho con em mình ăn học *đến nơi đến chốn*: vào đại-học, đi ngoại quốc v.v....

Mặt khác, không ai chối cãi rằng nền giáo-dục của ta chưa thể bì với nền giáo-dục ngoại quốc. Việc nầy không có gì khó hiểu, và cũng không có gì đáng buồn: ta mới bắt đầu cách đây không đầy 10 năm, ta phải đi cấp tốc nhanh để theo kịp nhu cầu của học sinh, với những phương tiện quá ít ỏi. Ta thiếu trường, thiếu sách, thiếu dụng cụ, thiếu giáo-chức. Lớp học của ta phải chứa từ 60 đến 70 học sinh (không kể những lớp tư thục đôi khi có trên 100 trò), học luân phiên từ sáng tới tối, tính lại học trung bình mỗi ngày không đến 4 giờ. Giáo chức của ta thường phải dạy quá sức

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

mình, trên sức mình, thiếu sách giáo-khoa, thiếu kinh nghiệm mà không có thì giờ học hỏi thêm.

Ta không thể giải quyết nhanh chóng các vấn-đề trên vì nhu cầu là thế mà phương tiện ta chỉ có thế. Trong ngần ấy năm mà làm được ngần ấy, kể cũng là đáng mừng rồi. Nhưng trong tình trạng thiếu sót, khó khăn như vậy, tự nhiên trình độ trung bình của học sinh ta chưa thể bằng trình-độ trung-bình của học sinh các trường ngoại-quốc. (1)

Học-sinh các trường ngoại-quốc đã là con nhà khá giả lại có đủ tiện nghi để học tập, tại gia-đình cũng như ở nhà trường. Và học tập đến nơi đến chốn. Nếu họ thông minh và có thiện chí, con đường tiến thủ của họ thật là thẳng tắp, thênh thang.

Nhất là khi các Trường Đại-Học của ta còn dạy nhiều môn bằng tiếng ngoại quốc. Trong năm qua, Bộ Giáo-Dục đã quyết-định dùng tiếng Việt làm chuyển ngữ ở Đại-Học. Đó là một điều rất được hoan nghênh. Nhưng thực hiện việc này không phải dễ và chắc ai cũng nhìn nhận rằng còn nhiều năm nữa mới có thể dùng tiếng Việt hoàn toàn ở bực Đại-Học. Trong khi chờ đợi, học sinh của ta, khi lên Đại-Học, vẫn bị thiệt thòi đối với học sinh các trường ngoại quốc. Vì đối với các học sinh trường ngoại quốc, nghe một giáo-sư Việt Nam giảng bằng tiếng Việt ở Đại-Học rất dễ: tiếng Việt vẫn là tiếng mẹ đẻ của họ. Họ chỉ cần quen thuộc với những danh từ chuyên môn. Trái lại, các học sinh của ta, dù có cố gắng cách mấy về môn sinh ngữ, vẫn phải hết sức khó khăn mới hiểu được một giáo-sư ngoại quốc và không thể nào hiểu bằng một học sinh xuất thân từ trường ngoại quốc. Vì việc hấp thụ một sinh ngữ cần rất nhiều thời gian và thực hành.

Cho nên có thể nói rằng, trong tình thế hiện tại, ngoại trừ những trường hợp đặc biệt sinh viên xuất thân từ trường ngoại quốc thành công *dễ-dàng hơn sinh viên xuất thân từ trường Việt*. Hiện nay chưa có thống kê nào cho ta biết tỷ số thành công giữa hai loại sinh viên này.

Nhưng có một sự kiện nhỏ có thể làm cho ta suy nghĩ nhiều: một tờ báo Mỹ ở New York tổ chức hàng năm một cuộc du ngoạn tại Mỹ cho các học sinh trung học ngoại quốc, trong đó có một học sinh Việt-Nam. Học

(1) Tôi chỉ nói trình độ trung bình. Tự nhiên, những học-sinh giỏi của ta có thể so sánh với mọi học-sinh khác, kể cả học sinh tại các nước tân tiến nhất.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

sinh này được tuyển lựa do một kỳ thi. Kỳ thi mở cho học sinh các trường, Việt cũng như ngoại quốc. Nếu tôi không lầm, từ mấy năm nay, những người hân hạnh được tuyển lựa đều thuộc về trường ngoại quốc!

***

Hai chế độ học chánh song song, cùng đào tạo những người mai nầy sẽ giữ những địa-vị chỉ huy trong guồng máy quốc-gia, xã hội. Nếu tính về số lượng tuyệt đối thì số học sinh trường Việt thành công ở Đại-Học tự nhiên nhiều hơn. Nhưng nếu tính về tỷ lệ và nhất là thời gian, thì gần như chắc chắn là học sinh trường ngoại quốc phải hơn học sinh ta.

Nếu ta thêm vào đó yếu tố du học thì sự cách biệt còn rõ rệt hơn nữa. Tỷ lệ học sinh trường Việt được đi ngoại quốc rất nhỏ, bởi lý do rất dễ hiểu là đa số gia đình họ không đủ phương tiện cho họ du học. Họ được đi phần nhiều là do học bổng của quốc gia hay của các nước bạn. Và khi được đi du học, họ luôn luôn cần một thời gian để thích nghi với môi trường mới, thông thạo ngoại ngữ. Trái lại, học sinh trường ngoại quốc có thể bắt đầu học ngay, họ đi du học như cá được vào nước, do đó, có thể thành công nhanh hơn.

Sự kiện này đưa đến một hậu quả rất quan trọng. Sự thành công ở Đại-Học là một điều kiện căn bản để nắm những địa vị chỉ huy. Và những địa vị này *không có nhiều*. Do đó, *yếu-tố thời gian* trong sự thành công ở Đại-Học có một vai trò quyết định. Ra trường sớm hơn một năm, sớm hơn một kỳ thi là có nhiều may mắn hơn để chiếm những địa vị chỉ huy.

Kết luận: trong vài năm nữa, một số không nhỏ địa vị chỉ huy sẽ thuộc về những người xuất thân từ trường ngoại quốc. Vận mệnh của quốc gia, dân tộc, sẽ tùy thuộc một phần nào những người này, nghĩa là tùy thuộc vào cách thức *đào-tạo hiện-tại của các trường ngoại quốc*. Những năm Trung-học thường có tính cách quyết định trong cuộc đời con người. Vì đó là những năm khủng hoảng trong đó người thiếu niên cởi lớp trẻ con để biến thành người lớn, những năm mà khung cảnh và hệ thống giáo dục dễ ảnh hưởng nhất đến tâm trí, tính tình, quan niệm về cuộc đời của họ.

Do đó, một vấn-đề xuất hiện ngay: các trường ngoại quốc tại Việt-Nam có ***thực sự chuẩn bị con em chúng ta đảm nhận những trách nhiệm của họ đối với quốc gia dân tộc hay không.***

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Thật ra vấn đề này phải đặt ra cho mọi trường học, kể cả trường học Việt-Nam. Nhưng lẽ đi nhiên là nó đặt ra một cách gay gắt hơn đối với các trường ngoại quốc đang hoạt động *song song* với các trường Việt-Nam. Trường học Việt-Nam không cần biện chính cho sự hiện hữu của mình trên đất Việt-Nam, ta không thể tưởng tượng một nước Việt-Nam mà không có trường Việt-Nam. Trái lại, các trường ngoại quốc phải biện chính cho sự hiện hữu của mình trên đất nước Việt-Nam. Và biện chính bằng cách trả lời câu hỏi trên.

***

Nhiều người sẽ bảo: hỏi như vậy để làm gì? Dù xuất thân từ trường ngoại quốc hay trường Việt-Nam, sinh viên đều là con dân nước Việt và khi thành công, đều phục-vụ cho tổ quốc mình. Các trường ngoại quốc góp phần vào việc dạy dỗ một số đông học sinh Việt-Nam thì đã là hữu ích rồi.

Nhưng đó lại là vấn-đề đã được nêu lên trên, mà ta có thể đặt dưới một hình thức khác: dạy dỗ *học sinh Việt Nam như là học sinh Việt Nam* hay dạy dỗ học-sinh Việt-Nam như là học sinh ngoại quốc phải sống trên đất Việt-Nam.

Văn hóa là linh hồn của dân tộc. Văn hóa Việt-Nam hiện diện được bao nhiêu trong các trường ngoại quốc? Ai cũng biết rằng các trường ngoại quốc đều có (riêng cho học sinh Việt-Nam) những giờ dạy về lịch-sử, văn chương Việt-Nam. Nhưng ai đã học trường ngoại quốc cũng đều biết rằng những giờ đó là những giờ « nghỉ mệt » để lấy sức học thật sự trong những giờ khác. Tình trạng này, từ thời kỳ lệ thuộc, không có thay đổi bao nhiêu.

Vả lại, không phải học một vài giờ về văn chương Việt-Nam mà ta hấp thụ được văn-hóa Việt-Nam. Ta hấp thụ văn hóa Việt-Nam từ những câu hát ầu ơ những buổi trưa hè, từ cái chắp tay cúi đầu, hai chữ dạ thưa, từ những bài vỡ lòng, những chuyện cổ tích, những hình ảnh oai hùng của Bà Trưng, Bà Triệu. Văn-hóa bao trùm tâm hồn ta như một môi trường, một khí hậu, tạo cho tâm hồn đó một giác năng riêng biệt, khiến cho ta có thể say sưa trước một vần thơ lục bát hay cảm động trước một bàn thờ tổ tiên.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Một người Thanh-niên Việt-Nam theo học trường ngoại quốc từ lớp mẫu giáo đến Tú-Tài có thể hấp thụ văn-hóa Việt-Nam không? Hỏi như vậy là trả lời rồi.

Tôi không bao giờ nghĩ rằng tất cả học sinh Việt-Nam ở các trường ngoại quốc không còn tâm hồn Việt-Nam. Tôi đã gặp vài sinh viên xuất thân từ trường Pháp mà viết tiếng Việt, hiểu văn chương Việt hơn cả sinh viên xuất thân từ trường Việt. Nhưng đó là những trường hợp ngoại lệ, xảy đến *mặc dầu ảnh hưởng* của trường Pháp, khi người học sinh Việt-Nam biết suy nghĩ và biết tìm cách trở về với dân tộc. Ngoài những trường hợp hiếm có đó, khi nào người học sinh trường ngoại quốc còn giữ được tâm hồn Việt-Nam, thì đó là nhờ ảnh hưởng của gia-đình. Nếu gia-đình họ hoàn toàn sống như người ngoại quốc thì có thể nói rằng họ sẽ là những người ngoại quốc ngay trong quê hương của họ. Tình trạng này, từ thời-kỳ lệ thuộc, cũng không thay đổi bao nhiêu.

Không thay đổi bao nhiêu. Đó là một sự-kiện hết sức quan trọng. Sự kiện này có nghĩa rằng: trong khi đa số thanh thiếu niên đang sống và học tập trong khung cảnh *một quốc gia độc lập*, thì vẫn còn một thiểu số thanh thiếu niên đang sống và học-tập y như là nước Việt-Nam chưa hề độc lập bao giờ.

Do đó, các trường học ngoại quốc là những hòn đảo cô lập giữa lòng quê hương Việt-Nam. Chúng không tham-dự và không thể tham dự vào cuộc sống của dân tộc. Vì bản tính của chúng không phải là những trường học Việt-Nam mở rộng tiếp đón văn hóa ngoại quốc mà là *những trường cho người ngoại quốc tại Việt Nam*. Trong những hoạt động lễ lạc của quốc-gia hay của giới học sinh Việt-Nam, có bao giờ ta thấy bóng học-sinh — cũng là học sinh Việt-Nam — của các trường ngoại quốc.

Và *không tham dự vào cuộc sống của dân tộc, làm sao các trường ngoại quốc có thể chuẩn bị con em chúng ta đảm nhận trách nhiệm của chúng đối với dân tộc*

Trong một nước chậm tiến, vấn đề không phải là đào tạo những nhà trí thức, chuyên viên « siêu đẳng » để ăn trên đầu, ngồi trên cổ kẻ khác; vấn-đề là đào tạo những người vừa có khả năng chuyên môn, vừa có tinh thần phục vụ dân tộc. Và ta chỉ có thể phục vụ dân tộc khi ta đã sống từ nhỏ trong lòng dân tộc.

***

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Hai chế-độ học chánh : hai giới thanh-niên — cùng là thanh-niên Việt-Nam — học tập song song với nhau trong mười mấy năm trường mà không bao giờ gặp được nhau. Làm sao thông cảm với nhau ?

Tình trạng chia rẽ này sẽ kéo dài đến khi họ vào Đại-Học, đến khi họ vào đời, với những hậu quả tai hại khôn lường đối với vận mệnh quốc-gia.

Tất cả những nhận xét trên tự nhiên đưa đến một ý nghĩ: rằng các cơ sở giáo dục ngoại quốc còn tồn tại trên đất nước ta không chỉ nhằm mục đích gây ảnh hưởng văn-hóa, mà còn nhằm mục đích duy trì một hình ảnh lỗi thời của thời kỳ lệ thuộc. Thật ra, ta phải nói thẳng rằng: những cơ sở này chỉ là tàn tích của chế độ thực dân, những tàn tích mà vì hoàn cảnh, ta chưa thể xóa bỏ được.

Nói như vậy không có nghĩa là tất cả những người ngoại quốc đang dạy học trong những cơ sở đó đều là đoàn quân hậu tập (arrière-garde) của chế độ thực dân và ý thức nhiệm vụ của mình như vậy. Trong những người này, thiếu gì người thành thật muốn giúp đỡ chúng ta, muốn giáo-dục con em chúng ta. Nhưng dự phóng chủ quan của cá nhân là khác, mà hậu quả của một tổ chức, một cơ cấu lại là khác. Hậu quả này, ta đã thấy ở phần trên. Trong thời kỳ lệ thuộc, cũng không thiếu gì người Pháp thành thật thương yêu người Việt, lo lắng cho « dân bản xứ ». Nhưng chế độ thực dân vẫn là chế độ thực dân.

Nói như vậy cũng không có nghĩa là bài ngoại, hay là chống Pháp (vì các cơ sở giáo dục ngoại quốc nói trên đều là cơ sở Pháp). Tôi nghĩ rằng (và chắc một số đông người Việt-Nam cũng nghĩ như vậy): nếu phải chọn lựa một nền văn hóa Tây phương để bổ túc cho văn hóa Việt-Nam, thì tôi sẽ không do dự mà chọn nền văn hóa Pháp, không phải chỉ vì nó đã quen thuộc đối với chúng ta mà vì nó có nhiều điểm tương đồng với nền văn hóa ta, và cũng vì, trong các văn hóa Tây phương, nó có tính cách quân bình cởi mở và nhân bản hơn hết.

Nhưng đón tiếp văn hóa Pháp là một việc, chấp nhận cho học sinh Việt-Nam được đào tạo y như trong thời kỳ lệ thuộc là một việc khác. Nếu người Pháp thực sự chỉ muốn phổ biến văn hóa của họ một cách vô vị lợi, thì có thiếu gì cách để thực hiện mục tiêu đó. Thay vì bỏ ra bao nhiêu tiền bạc để duy trì những trường học Pháp, họ có thể dùng các phương tiện đó để giúp đỡ thực sự học sinh và nhân dân Việt-Nam am hiểu và cảm mến nền văn hóa Pháp: nghiên cứu phương pháp giảng dạy

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

tiếng Pháp cho học sinh Việt, giúp đỡ các giáo-sư Việt dạy Pháp ngữ (thực tập, tu nghiệp, du học bên Pháp v.v...) phát huy các cơ sở văn hóa thuần túy, phiên dịch tác phẩm văn chương Pháp, triển lãm mỹ thuật, phổ biến kịch nghệ, âm nhạc v.v... Sự phổ biến văn-hóa Pháp tại Việt-Nam chỉ có ý nghĩa khi những người đón nhận là người Việt vì sự phổ biến này, nếu không muốn mặc một hình thức đế quốc, phải nhằm mục đích gây một cuộc *đối thoại, trao đổi*. Mà còn trao đổi, đối thoại gì nữa khi người *đối diện đã được xem như người Pháp?*

LÊ CHÂN TÂM

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Nghĩa chữ «văn-minh» ở trong tâm-lý người Pháp

ERNST ROBERT CURTIUS
P. ĐỖ-ĐÌNH dịch

Vào khoảng năm 1930 tôi nhận được một tập sách nhỏ của ông Ernst Robert Curtius, trong có hai bài diễn văn ông đọc tại Chánh-trị Học-đường Berlin, tại giảng-đàn Carnegie (để giúp sự hòa-bình), tháng tư năm 1928, nhân sanh-nhật sử-gia Hyppolite Taine. Sử-gia, triết-gia và phê-bình-gia Taine đã sáng-lập ra Chánh-trị Học-đường Ba-lê sau khi nước Pháp thua trận 1870; nên lễ sanh-nhật của tiên-sinh cử-hành tại Chánh-trị Học-đường Bá-linh, không phải là không có ý-nghĩa thích-đáng. Tôi thấy rằng bài hay, và người Việt-Nam ta cần biết rõ văn-minh Pháp và có lẽ mượn con mắt người ngoại-quốc để rộng kiến-giới của mình là một phương-tiện hay, nên tôi dịch bài thứ nhất đăng vào tạp-chí Nam Phong *(số 154, tháng chín, năm 1930). Tôi tiếc rằng không dịch bài thứ hai. Nhưng mấy bài ấy năm sau đã in ra thành sách và đã dịch ra Pháp-văn. Sách của ông Curtius (1) và sách của ông Frederik Sieburg (2), trong mấy năm, đã được dư-luận hai bên bờ sông Rhin bàn tán sôi nổi. Thực ra, vấn-đề mà nhân-sĩ hai nước bàn cải cũng không mới mẻ chi và đã được đề-cập tới ở thời Đức-hoàng Wilhelm đệ-nhị, trước cuộc Thế-chiến thứ nhất. Đó là vấn-đề hai quan-niệm* civilisation *của Pháp và* Kultur *của Đức khác nhau như thế nào. Người Pháp thì cho cái quan-niệm* Kultur *nặng nề cục-mịch, mà người Đức thì cho cái quan-niệm* civilisation *nhẹ-nhàng nông nổi. Có vì hai chữ đó thôi mà sinh ra biết bao nhiêu cuộc đổ máu! Nhưng có lẽ cũng vì hai chữ đó nó tiêu-biểu, thu-quát những cái mãnh-lực lớn lao, dữ dội của lịch-sử hai nước.*

Trong bài nói trên ông Curtius đã mượn chứng-cớ lịch-sử và tiền-sử mà giảng-cứu câu khẩu-hiệu gesta Dei per Francos, *mệnh trời bởi giống*

(1) Dịch ra Pháp-văn là: *Essai sur la France*, ca 1930
(2) *Gott in Frankreich*, dịch ra Pháp-văn là: *Dieu est-il Français*, ca 1930.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Phật-lăng làm trọn. Giống Phật-lăng (franc) là ai? Họ là tổ-tiên Nhật-nhĩ-man (germanique) của người Pháp; quốc-hiệu Pháp do nguồn gốc đó mà ra. Nhưng cũng có lúc nước Pháp nhận mình là giòng giõi La-tinh; lại cũng có khi nhớ rằng mình có gốc rễ Gô-loa. Ấy là tùy thời tùy thế.

Câu khẩu-hiệu gesta Dei per Francos *là một đề-tài mà quốc-hồn Pháp dùng để biểu-diễn tâm-tư chí-nguyện của mình ở trong lịch-sử. Nó xuất-hiện ra ở đời Trung-cổ, khi mà dân Pháp trèo núi Pyrénée (lần đầu tiên năm 1063) qua Y-pha-nho hay vượt biển Địa-trung-hải đi đông-chinh để giải-phóng tín-dân cùng Thánh-địa, khi Giáo-hoàng Urbain II (một người Pháp đã tu ở giòng Cluny), năm 1095, tự tỉnh Clermont bên Pháp, kêu gọi nghĩa-dân tòng-chinh phò đạo, trong trận* Croisade *đầu tiên. Nhưng có lẽ khởi-thủy ý-chí* tòng chinh phò đạo *là ngày 25 tháng chạp 496, khi Clovis quy-chính, được rửa tội ở thành Reims, rồi sau đó, năm 507, đi trừ giặc Wisigoth đã theo tà-thuyết của Arius. Vì những nguyên-cớ đó nên nước Pháp tự cho mình một địa-vị độc-tôn ở trong lịch-sử thiêng-liêng của nhân-loại, một cái thiên-chức đặc-biệt mà Thiên-chúa dành cho. Nhưng đặc-sắc của quốc-hồn Pháp trong việc này là biến một tình-cảnh riêng ra một tình-thế chung, chuyển cái ý-chí riêng của một nước ra một cái ý-nghĩa đại-đồng (universel), một cái phẩm-giá (valeur) phổ-biến.*

Bởi mang thiên-chức đại-đồng phổ-biến đó mà nước Pháp tin rằng trong các nước sanh ra sau khi Đế-quốc La-mã xụp đổ và sau khi Đế-quốc Phật-lăng chia ra ba nước Pháp, Đức, Ý (trong khoảng 843 và 888), thì chỉ có Pháp xứng đáng thừa-hưởng cái thiên trách *La-mã thu thiên-hạ vào một cõi, nghĩa là thừa-hưởng đế-nghiệp La-mã. Vì vậy cho nên Pháp không công-nhận* Thần-thánh Nhật-nhĩ-man La-mã Đế-quốc *(1) (Saint Empire Romain Germanique) mà vua Othon (2) lập ra ngày 2 tháng 2 năm 962, để thay thế Đế-quốc Phật-lăng của giòng họ Charlemagne (3), để vãn-hồi cái đế-nghiệp La-mã thừa xưa, nó vẫn là cái mộng phảng phất trong tâm-hồn các dân-tộc Âu-châu cũng như cái mộng Hán Đường phảng phất trong tâm-hồn Trung-hoa (4).*

(1) Heiliges Römisches Reich Deutcher Nation.
(2) Otto der Grosse.
(3) Karl der Grosse.
(4) Theo quan-niệm *Thần-thánh Đế-quốc* thì việc thiên-hạ là ở trong tay một bên Đức Giáo-Hoàng giữ quyền về linh-hồn, một bên Hoàng-đế giữ quyền ở đời tục. Hai cái quyền thăng-bằng nhau thì thiên-hạ được thịnh-trị thái-bình; thánh-giá với con đại-bằng đi đôi với nhau thì trăm họ được an-cư lạc nghiệp.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Theo cái quan-niệm mà lịch-sử đã giải bày ra trên kia, thì cuộc Cách-mệnh của Pháp cũng là một cái gesta Dei per Francos, *một cuộc* tòng chinh phò đạo, *tuy rằng mục-đích, ý-chí, khẩu-hiệu nó khác. Là vì lần này cũng vậy quốc-hồn Pháp nâng một cái ý-chí riêng của một nước thành ra một phẩm-vị đại-đồng chung cho thiên-hạ. Cái khẩu-hiệu, dùng để thu-quát biểu lộ ý-chí tâm-tình trong việc này, là ba chữ :* tự-do, bình-đẳng, bác-ái *và từ vua Nã-phá-luân trở đi là chữ* văn-minh.

Tới đây ta hiểu rằng cuộc đối-thoại Pháp Đức thật ra là sự đối-thoại của hai chủ-nghĩa đại-đồng. Nghĩa là ta quay trở lại vấn-đề civilisation *và* kultur *đã nói trên.*

Tuy tiên-sinh không nói rõ, nhưng cứ suy-luận ra, thì ý-kiến của Curtius tiên-sinh là như sau này : chữ văn-minh *của Pháp là phản-ảnh của một nước đã biệt-lập ra khỏi nhân-loại đời Trung-cổ, tức là ra khỏi Thần-thánh Đế-quốc, tình-thế cũng tương-tự như một nước không vào Liên-hiệp-quốc ngày nay ; cho nên cái* chung *đây thật ra là cái* riêng *; còn chữ* văn-hóa *(kultur) của Đức, là phản-ảnh của một khối liên-bang, kế-thừa cái thiên-trách của Thần-thánh Đế-quốc, nên cái văn-hóa đứng trên các* bang, *các quốc-gia, nghĩa là mới thật có tính-cách đại-đồng, thật mới có tính-cách trí-tuệ. (1)*

*Cuộc đối-thoại này lan ra tới vấn-đề di-sản Hy-lạp, là một vấn-đề đặc-biệt cho tâm-lý Tây-phương. Nước nào đã thừa-tự cái gia-tài cổ-kính đó ? Người Pháp cho là mình đã thu được tinh-hoa cổ-thời trong nền văn-chương cổ-điển (*classique*) của mình. Văn-chương đó, tuy nó rất là Pháp, nhưng nó cũng là gương mẫu, tuyệt-mỹ, tuyệt-xão, có vừa vặn, chừng mực của Hy-lạp xưa, một cái gương mẫu chung cho toàn-thể nhân-loại. Có thể nói rằng ai không hiểu văn-chương* classique *thì không phải là Pháp, mà ai không phải là Pháp thì không phải là người, nghĩa là man di mọi rợ, có thể trừ khử đi được. Ấy cũng như cái quan-niệm về lễ của người Trung-Hoa thừa xưa. Người Đức thì cho là Pháp thừa-tự một cái văn-hóa Hy-lạp nông nổi xô bồ, đã vào lúc tinh mà sắp vào lúc tàn, không còn sinh-khí nữa.*

---

(1) Wilhem von Humboldt có nói rằng : « văn-minh (*civilisation*) cốt ở sự cải-hóa cho các dân-tộc tốt-đẹp thêm lên, từ các cơ-quan bề ngoài cho tới tâm-trí do các cơ-quan đó sanh ra. Văn-hóa (*kultur*) giúp cho xã-hội đã đẹp lại cao bởi văn-học và mỹ-thuật ». Nghĩa là *văn minh* làm cho đời người dễ-dàng hơn, lễ-phép, luân-lý, như ta nói thuộc về *hình nhi hạ*, còn *văn-hóa* (theo nghĩa Đức) mới thật là tư-tưởng, trí-tuệ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Chính là lúc Đức đem đối với cái Hy-lạp của Pháp cái Hy-lạp của các học-giả Đức như Winckelman, của các thi-nhân Đức như Hoelderlin, Nietzsche mà ở trong có cái « ma-thuật sáng-tác của tiền-nhân », như lời ông Curtius, những bão táp phong ba của thần Zeus trong lúc tạo thiên lập địa. Cái quan-niệm đó, Pháp cho là dã-man, mà lấy ông giáo-sư Đức, Herr Professor, *làm tượng-trưng cho cái học dã-man đó, như ta thấy ở trong truyện* Colette Baudoche *của Maurice Barrès. Cái người kiểu-mẫu điển-hình của Pháp là nhà văn biết ăn biết nói, không chuyên-môn về cái gì, tức là con cái của người* honnête homme*(1) của thế-kỷ thứ mười bảy. Cái người đó, Đức cho là nông nổi, cái gì cũng biết, nhưng chẳng biết cái gì.*

Trong bài này ông Curtius chỉ nói tới khoảng 1928, tức là lúc tư-tưởng chánh-trị của Pháp quay về hữu, được các ông Maurras, Massis đứng đầu, mà nổi tư-tưởng của Barrès. Thực ra, từ khi Nã-phá-luân thua trận, địa-đồ Âu-châu là do người Anh vẽ ra, theo sự tiện-lợi của mình. Nước Pháp đã là nước cách-mệnh, thì Đức tất là phản-đối cách-mệnh, Pháp ở tả thì Đức phải ở hữu. Nhưng đó là hình-thức bên ngoài thôi: trong một cuộc đối-thoại thế nào đôi bên cũng có ảnh-hưởng lẫn với nhau. Những thư từ của Renan với Strauss trao đổi nhau, sau trận 1870, đủ chứng điều đó. Cái tinh-thần trách-nhiệm Pháp lui đã từ lâu rồi, như thủy-triều rút xuống, mà thế-tất quay về hữu. Vả lại đời mới này là đời kỹ-nghệ, những vấn-đề cũ từ thế-kỷ thứ mười tám không có ý-nghĩa nữa; những tiếng hiệu cũ đã rỗng nghĩa rồi.

Nhưng sau trận Thế-chiến thứ hai, cái « quả lắc » đồng hồ Pháp lại quay sang tả. Theo cái xu-hướng thiên-tả đó, nước Pháp quay về các dân-tộc nhược-tiểu, có ý muốn kết-liên với họ. Nhưng hoặc vì các nước đó chậm hiểu, hoặc vì nước Pháp không giải-quyết được nhanh chóng các vấn-đề thuộc-địa, hoặc vì — và đó có lẽ là cớ chính — các dân-tộc nhược-tiểu còn bận về vấn-đề quốc-gia, mà chưa tới trình-độ phân biệt tả hay hữu, cho nên hơn mười năm sau ngày Giải-phóng đất đai Pháp, Tổng-Thống Pháp lại chỉ vào

---

(1) Có văn-học mà không hợm chữ, điển-nhã mà không cầu-kỳ, biết suy nghĩ, chừng-mực, kinh-nghiệm, biết chiều chuộng các bà mà không vô vị, bạo-dạn mà không huênh-hoang... nhã-nhặn ở ngoài và trong... sống ở một nước văn-minh, trật-tự, ấy là người *honnête homme*. « *Cultivé sans être pédant, distingué sans être précieux, réfléchi, mesuré, galant sans fadeur, brave sans forfanterie... ne se conçoit que dans une Société très civilisée et très disciplinée... Ouvert à toutes les questions, il ne veut point passer pour un spécialiste*» A. Lagarde et L. Michard XVII siècle p.9.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

các dân-tộc da vàng mà kêu gọi các dân-tộc da trắng (cả nước Nga trong đó) (1), mà nhắc lại trận đánh nhau ở cánh đồng catalaunique, *năm 451, khi tướng Aetius thắng được Attila cùng rợ Hung-nô từ Á-Châu sang, nhắc lại cái* Hoàng họa *như vua Wilhem II, trước cuộc Thế-chiến đệ-nhất. Đó cũng là một cái* gesta De per Francos; *nhưng nghĩa của nó lịch-sử còn chưa định rõ ràng và khó biết là nó hướng tả hay hướng hữu. Nhưng việc ông Henri Massis, tác-giả cuốn* Défense de l'Occident, *mới đây vào Viện Hàn-lâm cũng là một triệu-chứng.*

Ngày nay khối Âu-châu dần-dà thành-lập về phương-diện kinh-tế, binh-bị và chánh-trị, Pháp và Đức là hai thành-phần trọng-yếu trong khối đó; cái « búa chiến-tranh » đã chôn chặt; cuộc đối-thoại cũ trong lịch-sử thành một cuộc đàm-thoại vui về nhịp-nhàng như một bản nhạc; nhưng sự đối-thoại, tuy biến-cách, chắc không vì thế mà tiêu-ma. Ta cũng nên biết nguyên-

---

(1) Cái quan-niệm một khối Âu-châu, đi từ Brest tới núi Urals, từ ven biển Đại-Tây-Dương tới ranh giới giữa Tây-Nga và Đông-Nga, Tổng-thống De Gaulle lại nhắc lại vừa rồi trong buổi họp báo ngày 15 tháng 5 dương-lịch. Ý-kiến của ông là muốn biệt-lập hay ít ra là xa Âu-châu ít nhiều ra khỏi khối Đại-Tây-dương, mà kể khối N.A.T.O. (Bắc Đại-Tây-dương Hiệp-ước) là một sự đồng-minh (alliance) thông-thường, chứ không phải là cơ-sở của một sự kết-hợp cộng-đồng (communauté) chặt-chẽ. Nghĩa là lấy Đức và Pháp làm cốt trụ trong khối Âu-châu, mà có lẽ Pháp làm lãnh-tụ khối đó, có thể tương-lai lập ra một *Đệ tam lực lượng* ở trong thế-giới, cùng với Anh Mỹ ngang hàng chia trách-nhiệm trong thế-giới tự-do, cùng với Nga tìm một thế quân-bình riêng ở Âu-châu. Xong, những người hướng-dẫn dư-luận ở Pháp, xưa chủ-trương thuyết đệ-tam lực lượng, nay đã bỏ thuyết đó, cho là không hợp thời nữa. Tổng-thống De Gaulle lại phản-đối việc Nga Mỹ điều-đình về Berlin. Mới xem, thì hình như hai nguyện-vọng Pháp có mâu-thuẫn với nhau: vừa muốn cho Nga vào khối Âu-châu, vừa không muốn điều-đình với Nga về nước Đức, vì tựu-trung việc Berlin là việc toàn-thể nước Đức. Lý-do thái-độ đó có lẽ là vì Tổng-thống De Gaulle cho là cục-diện Trung-Âu (Mittel Europa) chưa nên thay đổi vội. Chánh-sách đó có lẽ là chánh-sách ông Daladier trước thế-chiến thứ hai, giữ cho Đức khỏi « lạm dụng quyền-lực của mình »; nhưng cũng là chánh-sách Poincaré trước cuộc thế-chiến thứ nhất v.v... Tổng-thống Đức Adenauer, tuy khen phục tướng De Gaulle, nhưng về hai việc này, đã tỏ ý bất-đồng-tình. Cùng một khi Tổng-thống Kennedy ngày 17 tháng 5, tại Washington, hai lần đáp lại tướng De Gaulle, thì ông Adenauer liền biểu đồng-tình với ông Kennedy về việc điều-đình về Berlin và cho rằng khối Âu-châu không thể tách ra ngoài khối Đại-Tây-dương được và không thể không nương dựa vào Mỹ. Đối với việc Anh-quốc xin vào khối Âu-châu, tướng De Gaulle cũng tỏ ý lãnh-đạm. Nghĩa là lập-trường Pháp hiện nay rất đặc biệt và không thể giảng được bằng những ý-niệm cũ, *hữu với tả*.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

do nó từ đâu mà ra. Vì thế cho nên tôi lục-đăng lại bài của Curtius tiên-sinh, để nguyên-văn như cũ, chỉ sửa một đôi nơi, cho hợp với bút-pháp ngày nay, mà lạm bàn thêm đôi chút.

Ernst Robert Curtius tiên-sinh mất ít lâu sau cuộc Đại-chiến thứ hai. Ông có làm giáo-sư ở Heidelberg và sau ở Bonn, dậy về ngôn-ngữ roman, *tức là các tiếng như Pháp, Ý, Y-pha-nho, provençal, v.v.... Ông là một nhà phê-bình quan-trọng nhất ở Âu-châu thời đó. Ông có viết sách về Proust và Balzac, đều đã dịch ra tiếng Pháp, cùng cuốn sách trong có bài này, dịch là* Essai sur la France. *Ông quen biết nhiều người Pháp như André Gide, Jean Schlumberger, v.v... và có tới dự những cuộc đàm-luận của các văn-nhân ở cựu-tu-viện Pontigny, là một địa-điểm quan-trọng trong văn-sử Pháp trước chiến-tranh.*

Ông có mời tôi tới ăn ở Hôtel Foyot, ở Paris, trước cửa Thượng-nghị-viện. Hotel này, nay đã phá rồi, cũng là một nơi cổ-tích của văn-sử và văn-minh Âu-châu. Đại-công-tước Áo (archiduc d'Autriche) bị một nhà văn vô-cổ đâm ở đó. Thi-nhân Rainer Maria Rilke cũng có ở đó, phòng số 19. Nhưng tôi không gặp tiên-sinh lần đó. Một năm hay là hai năm sau tôi mới gặp tiên-sinh ở Rambouillet, ở nhà Miss Barbara H., một cái nhà đầy hoa hồng, kính tím. Đó là cái kỷ-niệm độc-nhất của tiên-sinh đối với tôi. Cũng như bài dịch này là kỷ-niệm độc-nhất của tôi với tạp-chí Nam-Phong. *Tôi nhắc lại một phần là để hỏi cảnh hỏi người, như cụ Nguyễn Thượng-Hiền nói:*

Khách chơi năm trước bây giờ lại đây
Hỏi thăm những gió cùng mây.

ĐỖ-ĐÌNH cẩn-chí

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Ở cõi đất Pháp ta thường thấy nhiều chỗn phẳng phắt tới nay hãy còn cái vẻ thần-bí thiên-cổ. Ta sực nhớ tới khoảng hoang miền Carnac, chôm chỗm những cột đá *menhirs*, không ai dựng mà nên, vậy mà đã nên hàng lối, đã hình như có lề-luật, có qui-mô. Nhưng ta đi đến xứ Périgord, giữa nơi đồng rộng đồi xanh, thì mối cảm của ta lại gặp mấy lần. Ở đây giữa cái khe xanh, uốn éo giòng sông Vézère, còn lại bao nhiêu vết tích đời thái-cổ. Chẳng cái tường nào mà giữa đồng đá xam xám người ta chẳng tìm thấy một cái cửa hang sâu, đi vào trong tay sờ thấy hình những súc vật quái-đản mà các nhà thám-hiểm thế-kỷ XIX đã khám phá ra. Hang thượng-cổ đó gọi là Eyzies, bắt kẻ du-quan phải tưởng-tượng tới hàng vạn năm về trước. Những tảng đá lớn đó, những tường đá đó nghìn thửa còn bền; nhưng di-tích ấy xừng xững còn trơ mà Paris với Roma có lẽ đã tối tàn đi mất. Tạo-vật sống dai hơn người ta. Nhưng mà ngẫm mà coi, thật oai-linh biết là bao nhiêu, trang-nghiêm biết là bao nhiêu những dấu vết còn con do tay người trí người để lại trong khoảng thời-gian ngắn ngủi trên trái đất này. Cái hòn sỏi nhẵn thín đây, ta cầm trên tay, ấy là biểu-hiệu của thần Prométhée. (1) Nó chứng cho thiên phận làm người. Cái búa đá này, hình con hươu vẽ trên tảng đá kia, là cùng ở một khí thiêng đã dựng nên các lăng tẩm trên bờ sông Nil, chạm trổ xây cất điện Parthénon, lập các nhà thờ gô-tích, mà cũng cái tay ấy dựng các xưởng máy xứ Westphalie. Nội trong các đồ nhân-tạo, thửa nào cũng vậy, đời nào cũng vậy, đều là còn phảng phất cái thần khí thiêng liêng nó sáng-tạo ra đó. Ấy cái tạo-lực đó nó phải chống chỏi với bao nhiêu những mãnh-lực thiên-nhiên mới gây nên cái thế-giới nhân-loại ngày nay. Nhà kỹ-sư

(1) Thần Prométhée là thần lửa, lấy đất nặn ra người, rồi ăn trộm lửa trời để cho người thành ra khôn ngoan. Vì thế bị thần Zeus bắt đóng đinh vào núi Caucase, cho đại-bằng mổ gan. Tích đó chỉ sự nhân-loại khó khăn khổ nhọc mới tiến-hóa được. (D.g.)

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

chế ra máy móc, kẻ cầm tàu bay vượt không gian, thật cũng chẳng khác chi con người đời thượng-cổ phải tranh đấu với loài « mì mút » (mammouth). Người đi săn, gã chăn cừu, người làm ruộng, kẻ lập thành-thị, người chế-tạo hay trông nom máy móc, nhà thám-hiểm, nhà mỹ-nghệ, khách thi-nhân, là đều chung tay với nhau để giữ cho người ta được ngôi-vị trên muôn loài. Ai mà đã ra sức hết lòng gây dựng cho công cuộc hùng-vĩ đó, đều cũng là những vòng tròn trong một giây xích dài, đều là kẻ thờ-phụng chung một lý-tưởng. Bấy nhiêu người, tên còn lại cũng ít, đáng ghi công trong sử sách để nhớ nghìn đời. Ta sùng-bái họ, ấy là tỏ lòng biết ơn những bậc vô danh đã gây dựng cho ta có ngày nay.

***

Ấy, những tư-tưởng đó là nhân chỗ đất này, chút cổ-tích này nó xúi đục lòng ta, nó kể lai-lịch cho ta câu chuyện thiên-thu của nhân-loại. Nhưng nếu đi ra khỏi đồng Font de Gaume và Laugerie-basse, ta xuống tới làng Eyzies, nhìn cái bia kỷ-niệm những người chết trận, đọc mấy chữ: *Kính tử-sĩ thác vì văn-minh*, thì chữ *văn-minh* đó thốt nhiên nặng biết là bao nhiêu một cái thâm-nghĩa, một cái nghị-vệ một mối thiêng liêng mà ta thật chưa ngờ.

Chữ *Kultur* ở bên nước Đức, ta thử nhìn những bia tử-sĩ mà coi, thật quá không thấy. Người dân không hiểu chữ đó; nó chưa thành tiếng Đức; nó là tiếng riêng của bọn hay chữ; nó không hay cảm được lòng người. Một cái bia như bia làng Eyzies, quả thật chỉ bên Pháp mới có mà thôi.

***

Độc-nhất trong trăm nước, riêng một mình nước Pháp có thể lấy chữ *văn-minh* (civilisation) mà gồm tóm lại bao nhiêu những của báu của mình, những phẩm-vị của mình. Không phải xưa nay vẫn thế đâu. Chẳng qua cũng là kết-quả cận-đại, dần dần phát sinh ra ở trong lịch-sử; định nghĩa cho phân-minh cũng khó lắm. Muốn hiểu rõ, có lẽ phải suy-nguyên đến tận cổ-học Hy-lạp.

Trong sách Eschyle, Titan (1) có nói rằng: « Trăm nghề khéo của người ta là nhờ Prométhée cho hết thảy ». Đoạn rồi kể: xây nhà, làm gỗ,

(1) Thần Titan phản-đối Thượng-đế Zeus, khởi loạn, định chặt núi trèo lên thiên-đình. Tích này tương-tự với tích Tế-Thiên Đại-Thánh phá thiên-đình. (D.G.)

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

xem thiên-văn, xem bói, làm thuốc, đóng thuyền, đếm số và viết chữ. Thần cho loài người mấy thuật khôn đó; rồi loài người tự đó mới như đứa trẻ khôn lớn dần dần lên. Trong kịch Antigone, ca-tụng vinh-nghiệp của giống người, thứ-tự các nghề kể cũng gần như thế. Sophocle chỉ thêm có một điều thôi, một cái biểu-chứng mới của sự sinh-hoạt của giống người, mà là phẩm-vị cao-quí nhất, hình-thức tuyệt-phẩm, ngụ được tóm được tất cả những cái sở-đắc từ trước đến giờ và hình-dung nên cái trật-tự qui-mô chánh-trị cùng với cái thể-thức tôn-giáo ở chỗ làng nước đời xưa: chính là cái *thị-tính* (civitas) (1).

Cái nghĩa văn-hóa của người đời xưa như vậy là phải đem một ý-niệm phẩm-giá (concept de valeur) mà gồm thu cả những ơn-huệ của văn-hóa đó và cái ý-niệm ấy đi liền với ý-niệm *polis* hay là theo tiếng la-tinh *civitas*. Nhân đó nảy ra cái tư-tưởng nhân-loại có vẻ *thành-thị* hơn (policé), lễ-phép hơn, văn-minh hơn, phản-đối với cái tư-cách thô-lậu của tạo-hóa và của các dân-tộc mọi rợ. Cái gì nâng cao con người lên khỏi các thô-lỗ đời cổ-sơ, cái gì làm con người thắng được thiên-tạo, ấy đều gọi là văn-hóa. Mà mấy cái đó đều bằng cân ngang giá với nhau, dầu là cách ăn thói ở, cho đến nông-nghiệp, toán-học, tự-học, luật-học, phong-tục. Trong các quan-niệm về văn-hóa như thế, thì những hình-thức bề ngoài ở đời cũng chẳng kém gì những phẩm vật do tài-trí người ta tạo-tác ra hay là đạo xử-thế trong xã-hội. Những sự cần-dùng về vật-chất, cái học của nhà chuyên-môn, phép cai quản xã-hội hay là ánh sáng trí-thức đều là những nguyên-tố thiết-yếu trong ý-niệm văn-hóa.

Cái tư-tưởng cổ-lai đó truyền vào máu vào trí giống La-mã, rồi nước Pháp hưởng thụ được. Trong năm trăm năm, tự đời vua Caesar đến vua Clovis, dân Gô-loa (gaulois) sống chung với người La-mã, bỏ tiếng sen-tích (celtique) và văn-hóa bản-xứ, thậm-chí quên cả gốc xưa phiêu-lưu vó ngựa mà theo đòi học-tập La-mã. Cái tinh-thần *Gô-loa La-mã*, ấy là đất nuôi bón văn-hóa Pháp. Các mầm nở giống sinh cổ đại là mầm nở giống sinh của Pháp. Thế-kỷ nào cũng vậy, đến ngày nay các đồ nhân-công Pháp còn mang dấu vết đó hiển-nhiên. Nước Pháp ở trong thiên-hạ ngày nay duy-trì cái cổ-nghĩa về văn-hóa, nhưng không phải như

(1) Dịch là *xã-tắc* cũng được và có lẽ đúng hơn. (D.g.)

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

một đồ vật ở ngoài vào, mà như *thảy-thổ gây nuôi ra mình*. Ấy, cái nguyên-tố căn-bản của Pháp là ở đó hết.

***

Nhưng mà hình-thức văn-hóa cần phải có lịch-sử giải bày ra. Nước Pháp và nước Đức sanh ra khi Đế-quốc Phật-lăng (Empire Franc) bị phân biệt. Sự nhóm lên tự năm 843, nhưng thật đôi bên chia rẽ là từ khi con cháu họ Charles, một người ở bên Đức năm 911, một người ở bên Pháp năm 987, bị truất ngôi. Hugues Capet được bầu-cử lên khi đó là vua Pháp đầu tiên không biết tiếng Phật-lăng. Chính ông là tổ nước Pháp. Vì rằng Đế-quốc Phật-lăng trước, tuy rộng hơn, nhưng chưa có thể-thống gì, chưa có quốc-thể như Đế-quốc La-mã.

Tuy nhiên, cái chí muốn thu thiên-hạ vào một cõi theo kiểu La-mã vẫn còn thúc đẩy xui giục lòng người. Nó là cái ám-lực dưới các cơ-nghiệp lớn sanh ra khi La-mã Đế-quốc tan, như là chế-độ Thần-thánh Nhật-nhĩ-man Đế-quốc (Saint Empire romain germanique) hay là vương-nghiệp Pháp. Người Đức ta thường hay xét sự biến-hóa của cái tư-tưởng La-mã đó trong chuyện Giáo-hoàng và Đế-quốc Nhật-nhĩ-man kình-địch nhau để chia quyền thống-trị thiên-hạ. Nhưng ai muốn hiểu lẽ biến-dịch ở thế-giới ngày nay thì phải xét ở bên Pháp hai ý-niệm *quốc-gia* và *thiên-hạ* nó lẫn lộn trạc đối với nhau như thế nào.

***

Nước Pháp khởi-thủy to chưa bằng bốn tỉnh bây giờ, nhờ họ Capet mới mở lớn ra. Nhà vua phải đánh dẹp chư-hầu mới giữ nổi quyền và bành-trướng ra, dần dà tự bản-lực mà xây đắp nên vương-nghiệp đời đời. Đến đầu thế kỷ thứ XIV, Pháp đã nghiễm nhiên là một nước lớn, đối với quyền của Giáo-hoàng đã ra mặt độc-lập mà toan lo sự thống-nhất quốc-gia, lập vững xã-tắc. Xảy đến trận *Bạch niên chiến-tranh* lúc nguy-cấp lại được quốc-dân cứu. Nhân lúc khủng-hoảng trong dân-gian sinh ra lòng ái-quốc. Lòng ái-quốc đó nhập vào cô con gái nhà quê xứ Loraine kia, chiến rồi thắng, đòi lại giang-san trả về cố-chủ. Thành-thử bước vào thời-đại cận-kim, Pháp đã có quốc-thể quốc-thống chắc chắn, chỉ việc thống-nhất thu-hoạch lại hết thảy những nỗ-lực quốc-gia để qua thời-kỳ tôn-giáo chiến-tranh. Ấy là sắp tới thế-kỷ thứ XVII là lúc nước Pháp oanh-liệt thanh-thế nhất.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Thoạt nhìn ngỡ là ở Pháp tư-tưởng quốc-gia bị tư-tưởng đại-đồng lấn át đi mất. Nhưng nói thế không được đúng lắm. Nếu muốn phán-đoán cho xác-đáng, hiểu một hiện-tượng ly-kỳ, xưa nay chưa mấy người quan-sát rõ, thì phải nói thế này mới được: hai cái tư-tưởng đó trao đổi sức với nhau mà thành ra hai cái đều mạnh thêm. Chủ-nghĩa đại-đồng mong muốn gì thì chủ-nghĩa quốc-gia sáp-nhập lấy. Pháp phò chủ-nghĩa quốc-gia mà bụng nghĩ đã lập ra một nền nếp chung cho thiên-hạ. Nước Pháp thành-quốc mà gây ra một chủ-nghĩa *thiên-hạ* đột-ngột tương-đương với các đế-nghiệp ở trong sử-sách. Tóm lại, nước Pháp thành nước thì thâu-nhập vào mình cái tư-tưởng kế-thừa của La-mã muốn bao-quát cả nhân-loại; thừa nghiệp La-mã mà bao nhiêu điều La-mã đòi hỏi đều ghi vào tên mình hết cả.

Bởi vậy mà Pháp làm đó hẳn quan-niệm đời Trung-cổ về thiên-chức La-mã, ngược lại hẳn lời thơ của thi-sĩ Dante.

Trong quan-niệm của ông Dante thì cái thiên-chức La-mã trong lịch-sử thế-giới, cổ-kim thiên-định, đã chia đôi cho Giáo-hoàng và Đế-quốc Nhật-nhĩ-man; một bên cây thập-tự, một bên chiếc đại-bằng. Hai cái quyền đó khéo điều-hòa với nhau thì đời được thịnh-trị, loài người được no ấm mà quả-phúc hồn-linh cũng được vẹn toàn. Nhưng trong bức tranh thiên-hạ đó nước Pháp không có phần. Riêng một sự Pháp thành-quốc đã làm xiêu đổ cái ý-nghĩa siêu-nhiên đó. Cho nên trong thơ *Divina Comedia*, Ác-tinh hiện ra, ấy là vương-tộc Pháp và Hugues Capet phải nói rằng:

Jo fui radice della mala pianta
Che la terra cristiana tutta aduggia

Ta là rễ cây xấu-xa
Bóng tối rườm rà lấp thánh-địa đi!

Các Hoàng-đế ở Nhật-nhĩ-man Đế-quốc từ nay trở đi, dẫu tự tôn mình là kẻ bảo-thủ duy-trì cái ý-nghĩa đế-nghiệp, nhưng thật ra công-cuộc đến đây là trọn, và cái ý-tưởng La-mã ở Đức chỉ còn là hư-mộng mà thôi. Ở nước Ý thì ý-tưởng La-mã xoay qua một cách khác. Qua mấy mươi thế-kỷ La-mã vẫn còn đó. Hết La-mã đời cổ lại có La-mã của Giáo-hội cùng các giáo-chủ; kế tới cái *Terza Roma* của nước Ý cận-kim. Lại vừa đây chánh-thể « phát-xít », noi theo nghiệp trước, lại chực dựng lại cơ-

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

đổ thành La-mã thứ tư. Trên cõi đất Ý-đại-lợi La-mã gây lại chí xưa cùng oai-quyền mới, nhưng tên vẫn không thay, mình vẫn là mình.

Pháp không muốn làm La-mã. Pháp muốn làm Pháp đã. Pháp nhận La-mã là tổ của mình, biết ơn đó, lấy phần máu la-tinh làm vinh-hạnh, nhưng không chịu nhận mình là thuần-túy la-tinh mà còn chút lòng tưởng-vọng cái gốc rễ gô-loa (gaulois), các tổ-tiên Phật-lăng (Franc) cùng các tổ-tiên Nóc-man (Normands). Chỉ một điều đó đủ cho Pháp không tiêu-nhập vào cái tinh-thần La-mã như Ý. Chỉ những lúc sợ cho phần trí la-tinh bị ảnh-hưởng ngoài tới át đi thì mới nhớ tới cái tinh-thần la-tinh, còn ngoại-giả Pháp đều tự bản-năng mà suy ra những lý-tưởng. Song các lý-tưởng đó khuôn khổ của nó là khuôn khổ La-mã. Bởi thế mà Pháp có thể thay chân được La-mã. Vì thế Pháp không công-nhận các cường-quốc khác lấy cớ lịch-sử mà đòi mình là nối nghiệp La-mã. Cái ý-tưởng La-mã thật nó ảnh-hưởng quốc-hồn Pháp một cách líu tíu mà đặc-biệt: vừa kéo lại vừa đẩy ra. Nó là một tiềm-lực mạnh ở trong quốc-hồn Pháp.

***

Bây giờ ta bắt đầu xem được cái ý-nghĩa văn-minh nó biến-hóa ở trong nhân-tâm Pháp đầu đuôi ra làm sao.

Khoảng đầu tiên là khoảng văn-hóa Pháp lên cao nhất, ước chừng từ 1050 cho tới 1150. Thời-kỳ đó, trên đất Pháp hiện ra các nhà thờ gô-tích, các anh-hùng-ca, bọn làm thơ rong (trouvères và troubadours) và phong-trào *Croisades*. Cái chí vì đạo đi chinh-phạt, ấy là cách đầu tiên mà Pháp hiểu thiên-trách mình. *Gesta Dei per Francos* là đầu để rất hữu ý của cuốn sử của thầy tu Guibert de Nogent (1), lược chuyện Croisades lần thứ nhất. Giống Phật-lăng là khí-cụ của Thiên-chúa. Cái ý-tưởng đó lúc bấy giờ như xô đẩy người ta. Thế là tự thế-kỷ thứ XI đã sinh ra cái quan-niệm thần-bí về quốc-gia. Các giáo-sĩ, thừa ý đó, lấy chuyện vua Charlemagne ra làm thơ phú. Trận viễn-chinh của giòng Cluny chủ-trương, những chồn đường trường, những nơi cổ-tích đều là cảnh trong bức tranh, vẽ Hoàng-đế Charlemagne, như trong bài *Chanson de Roland*, râu trắng xóa, phò Thiên-chúa chu-du thiên-hạ cùng chư-

(1) Guibert de Nogent, tu ở giòng thánh Benedictus, có viết chuyện các cuộc Viễn-chinh phò đạo, sinh năm 1053, chết 1124.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

tướng sang, Thánh-địa, phạt tà-đạo, lấy đất dâng Thiên-chúa mà làm quang vinh cho họ đạo. Thời bấy giờ, trận Croisades nối theo mà duy-trì thiên-trách của Hoàng-đế Charlemagne đối với Pháp và thế-giới.

Quốc-hồn Pháp chuyển di đi lần đầu-tiên là như thế đó. Chủ-đích của một nước thành ra chủ-đích của nhân-loại. Nước Pháp vì trăm họ trong Nhà đạo mà chiến-tranh ngoài cõi.

Tình-thế ấy khiến cho nước Pháp muốn giữ phần trên trong họ đạo. Nhà vua Pháp tự khởi-thủy đã có đặc-sắc thần-quyền, khác hẳn với họ vua các nước. Lễ đăng-quang của vua ở thành Reims có thể cho vua được nghi-vệ của một vị giáo-chủ và quyền mầu-nhiệm. Vì vậy cho nên đối với Giáo-hoàng nhà vua thường thiện-tiện thi-hành. Ông vua mà làm nhục quyền Giáo-hoàng nhất, ấy là Philippe le Bel. Đại-khái ý-tưởng giải bầy như sau này: hơn mọi nước, đất nước Pháp là nơi đức Chúa Giê-su có cơ-sở vững vàng hơn hết, được nhà vua quí yêu, sợ hãi, sùng kính nhất. Bởi vậy nên Chúa Giê-su ban cho vua quyền-lợi riêng. Coi thì biết: chính là bác bỏ quyền thống-trị của Tòa Thánh La-mã.

Song le, cái quan-niệm về thiên-trách của Pháp về đường tôn-giáo, theo như tư-tưởng đời Trung-cổ, cái chí *gesta Dei per Francos* chẳng đợi đến thời Cách-mệnh đã phai mờ đi. Là vì quốc-hồn Pháp đã tìm được một thể-thực mới để tự giải bầy, tự siêu-thoát ra.

***

Nếu ở bên Đức ta có thể mở đời cận-kim vào thời sinh ra thuyết của Luther, thì ở bên Pháp ta có thể khai thời-đại đó vào năm 1498, tức là năm vua Charles VIII chinh-chiến ở bên Ý. Trận đó mở ra thời-đại Phục-hưng. Những việc riêng quan-hệ đến sử-ký ta không kể làm chi. Nhưng có một điều ta nên ghi nhớ trong hồi đó, một điều đặc-biệt cho hồi đó, là cái cách mà một tư-tưởng đại-đồng một lần nữa lại nhập-tịch vào Pháp. Gọi là *nhập-tịch* đây chẳng phải là chỉ sự một ngoại-tục đồng-hóa với một quốc-túy riêng — sự ấy không riêng gì cho Pháp —, tôi muốn chỉ cái khuynh hướng tôn một quốc-thể riêng cho nó thành một ý-nghĩa có giá-trị chung cho hết thiên-hạ. Gặp cái tinh-thần Phục-hưng ở bên Ý sang, thấy văn-hóa và mỹ-nghệ Ý, Pháp muốn đem đổi lại tức-thì một cái văn-hóa, một cái mỹ-nghệ còn cao hơn và tăng nó lên làm một luật chung cho thế-giới.

Nhà vua Pháp lúc đó bắt đầu tự gây một huy-hiệu riêng. Các mặt hay chữ dựng lên cái thuyết rằng đế-nghiệp vào tay vương-tộc Pháp mới

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

phải, và chính lẽ đất Ý là của Pháp. Cứ theo thuyết đó, thì thiên-chức Pháp là dìu dắt Âu-châu và giữ địa-vị mà Hy-lạp, La-mã, Ý đã lần lượt giữ đời xưa.

Lúc đó, quốc-hồn Pháp bắt đầu tự-biệt mình. Pháp không nhận rằng văn-hóa là nhờ La-mã nữa. Bèn mới thay hẳn cả lịch-sử, nói rằng sách vở Hy-lạp và La-mã là giả dối và mỹ-thuật, văn-hóa là giống gô-loa chế-tạo ra, chứ không phải Hy-lạp La-mã. Nước Pháp đời tối cổ đã có một nền văn-hóa tốt đẹp, và Hy-lạp học ở đó mà ra...

Đã đành mấy điều đó là hoang-đường và chỉ còn chút giá-trị cho kẻ hiếu-kỳ, nhưng nó rất đặc-biệt cho quốc tâm Pháp.

Đó là lần đầu mà nước Pháp biệt-nhận cái văn-hóa của mình và bảy tỏ nó ra như vậy. Văn-hóa đó nó liên-kết với tư-tưởng quốc-gia, nó muốn làm nước Pháp thành một « chủ nghĩa », một phẩm-vị đại-đồng. Nước Pháp tự sáp-nhập phần trên trong văn-hóa và nhân giữ phần văn-hóa cao hơn, cũ hơn hết mà đồ-tính sự-nghiệp hiển-hách của mình.

***

Đến đời Louis XIV thì sự ước-vọng của nước Pháp ở thế-kỷ thứ XVI thành-công: nhà vua đã có thế-thống, trật-tự trong nước đã rõ-ràng, ngoài thì thanh-thế tràn ra châu Âu, trong thì trăm họ theo về một tôn-giáo, tinh-thần trong nước đã theo một kỷ-cương. Trong trường văn-chương, mỹ-nghệ, vua Louis XIV cũng sắp đặt chỉnh-đốn, đâu đâu cũng theo một nền nếp, một kiểu-mẫu. Cái kiểu-mẫu đó nó biểu-hiệu cho nhà vua, biểu-hiệu cho nước Pháp, biểu-hiệu cho văn-hóa Tây-phương trong một thời-kỳ.

Cái kiểu đó ta gọi là cổ-điển (classique), nó chẳng bắt chước ai, chẳng bắt chước đời cổ mà cũng chẳng bắt chước thời *Seicento* của Ý. Điện Versailles cũng chẳng giống điện Palladia hơn là ông Racine giống ông Sophocle. Cái gì ở trong cái quan-niệm cổ-điển sanh ra, dầu là xây nhà, đặt vườn, văn thơ hay diễn-thuyết, đều cùng theo một kiểu, một lối: một mực thước rất tinh-xảo, rất đều đặn, rất vừa vặn, chứ không hoa-mỹ, bắt cá-nhân phải theo mực thước chung. Bởi vậy cái kiểu cổ-điển có thể tôn làm kiểu riêng của một nước, mà cũng là kiểu-mẫu chung cho trăm nước.

Nhưng mà đến nơi tuyệt-điểm lẽ phải có biến-cải. Muốn cho rõ hồn mình thì thời-đại cổ-điển phải thoát-ly ra khỏi vòng-khuôn cổ-đại. Như thế nào? Ta thấy một biểu-chứng ở trong việc cãi nhau dài dòng lối

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

thôi mà văn-sử còn ghi lại, tức là việc «*Cãi nhau của phái cổ và phái kim*» (Querelle des Anciens et des Modernes). Việc đó có một ý-nghĩa quan-trọng mà ít ai ngờ, nghĩa là cái văn-hóa mới không theo cổ-phong và chữ sách nữa, mà chỉ theo lẽ phải cùng cái ý nghĩa tiền-hóa mà suy-xét.

Đến đó thì khai thế-kỷ thứ XVIII. Nhưng mà đến đó là tan nền quân-chủ, nếp tôn-giáo và cổ-phong *classique*. Bọn văn-sĩ đi du-ngoại được ân-tứ nhiều của vua chúa ngoài. Bao nhiêu nỗ-lực của quốc-hồn Pháp cũng theo đó mà tan tác đi.

Cuộc cách-mệnh lại thu-hồi nhưng nỗ-lực ấy lại. Dầu ta chê khen cuộc Cách-mệnh đó mặc lòng, ta cũng phải công-nhận là đối với nước Pháp nó quan-trọng lắm. Nó gây lại quốc-gia, lập lại chí nước, lập lại thiên-trách nước Pháp. Chính là trong những trận nước Pháp phải chống chỏi với cừu-binh mà cái Tân-Pháp-quốc mới tự-nhận-chân được mình vậy. Mà lần này cũng như trước, quốc-hồn Pháp bao bọc những mục-đích riêng của mình vào một cái tiếng chung cho thế-giới: ấy là chữ *civilisation* (văn-minh).

Chữ đó là chữ mới. Trước mấy chục năm cuối thế-kỷ thứ XVIII chưa thấy nó xuất-hiện ra. Người ta chưa hoan-nghênh nó ngay. Nó chưa địch nổi với câu thần-chú *Tự-do, Bình-đẳng, Bác-ái* cùng bài hát *Marseillaise* và *Chant du Départ*. Nhưng mà tới khi Bonaparte dẹp xong Cách-mệnh, Napoléon đạp đổ nền Dân-chủ, thì tự-nhiên chữ ấy thành ra tiếng hiệu vừa ích-dụng trong việc binh-quyền vừa để cổ-võ lòng dân. Hoàng-đế thường ưa dùng chữ đó trong các bài hịch truyền trong binh-tốt. Là vì chữ đó có lợi vô-song: rõ tiêu-biểu được chí Cách-mệnh mà không lộ ra mục-đích riêng về chánh-trị.

Tuy vậy, tiếng ấy nghĩa hàm-hồ bất-định, nhưng nghĩa rất rộng. Nó có thể gồm bọc được hết thảy các điều mà phong-trào tư-tưởng thế-kỷ thứ XIX đem lại...

Lớp người trưởng thành lên trong buổi hỗn-loạn và ở thời Nã-phá-luân, giữ quyền-bính vào 1830, ấy là hạng trung-lưu (bourgeoisie). Bọn này chẳng theo cũ chẳng theo mới quá, muốn giữ thái-độ trung-bình, tuần-tự nhi tiến...

Tới đây có ba điều-mục thế-kỷ thứ XVIII không có mà ông Guizot (đại-biểu cho phái trung-lưu) đã sáp-nhập vào sử-học thế-kỷ thứ XIX. Ta có thể tóm lại như sau này: lịch-sử thế-giới là lịch-sử văn-minh; văn-

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

minh là mở-mang trí tự-do, mà đứng đầu trên con đường văn-minh là nước Pháp.

Lại đến hồi *quân-chủ tháng bảy* (monarchie de juillet), cũng có Auguste Comte tự chủ-nghĩa thực-nghiệm mà sanh cái đạo thờ nhân-loại. Cũng lúc đó tư-tưởng của Saint Simon phóng-phát ra phong-trào kinh-tế. Trường Nhà nước thì cổ-động cải-lương đủ thứ: làm mạnh thân-thể, sửa sang y-phục, lập nhà ngân-hàng, đặt đường hỏa-xa...

Lúc đó nước Pháp say mê trong một giấc tiên-mộng, mê man về thiên-chức mình: Pháp là then chốt trong lịch-sử nhân-loại. Các môn-phái sử-học, khoa-học, chính-trị, xã-hội cải-lương, đều tin điều đó. Cả trong văn-giới Victor Hugo cũng sẵn lòng tán-dương cái ý-nghĩa văn-minh. Thế là thế-kỷ thứ XIX, cái ý-nghĩa văn-minh đã thành ra câu đầu lưỡi. Nó không riêng cho ai và chung cả một thời; và ấy là chứng cớ hiển-nhiên nó đã cảm-hóa dân-gian. Tinh-thần Pháp đã nhiễm hẳn cái tư-tưởng văn-minh rồi.

Nhưng mà đến đây chuyện chưa hết. Khi thua trận 1870, cái tư-tưởng ấy lại dấy lên. Một tiếng đã rỗng rồi, quốc hồn Pháp lại tôn là của báu nhất, thiêng liêng nhất, như là quốc-túy vậy. Cái tư-tưởng văn-minh đã bị người đè nén ta phải chống-đỡ nó lên. Hồi Dân-quốc thứ ba, nhiều lúc nguy-nan phải cần tới cái biểu-hiệu đó, để nó giúp trong công cuộc khó khăn, để nó biểu-lộ tinh-thần chung của một nước, đương lúc cần nhất-thống lại. Ý-nghĩa văn-minh khi ấy lại rực rỡ vô cùng, rất mật-thiết với thời cơ. Nó lan tràn thấm thía tới các trường nhỏ ở chốn cùng-thôn. Nó là cái hào-quang cho nền Dân-chủ; nó là tiếng hiệu gọi đàn trong buổi gian-nan.

Cái ý-niệm văn-minh nó giúp cho gồm tóm cả lịch-sử Pháp mà cho lịch-sử ấy một phương-châm, một mục-đích rất dễ hiểu, rất rõ ràng: là cứu-tế nhân-loại. Trận viễn-chinh phò đạo, sự khai-quốc, nền cổ-điển ở thời quân-chủ, các trận-mạc thời Cách-mệnh, cho tới sự tiến-bộ về khoa-học, thông-thương, văn-chương hay là nền dân-chủ, đều thành ra những độ đường trên bước văn-minh.

Nói cho đúng ra, thì từ khi Dân-quốc thắng rồi, cái tư-tưởng văn-minh có phai lạt đi. Từ năm 1905 một phần sĩ-phu trong nước không phục những lý-thuyết do chánh-thể Dân-chủ lập ra nữa; các chủ-nghĩa dân-quyền, nghị-viện, vô-tôn-giáo, không vừa lòng sĩ-phu nữa. Lúc đó

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

nẩy ra một tôn-chỉ có mật-thiết với đất nước, lòng dân hơn, sùng-phụng cổ-phong và quyền-lệnh. Barrès một cách lãng-mạn, Maurras một cách cổ-điển, nhưng đều bảo-thủ cho một tư-tưởng chung. Trong lớp thiếu-niên nhiều người hưởng - ứng lắm. Thiếu - niên vẫn ham sự tôi-tân. Tôi-tân ngày nay nghĩa là: quay về nền nếp để lại; theo như lời ông Barrès là *mồ mả đất nước*; theo như lời ông Maurras là *cánh hoa lys của nhà vua Pháp*. Bao nhiêu những chữ thông-dụng trong đảng cầm quyền chính đều vứt bỏ, chỉ còn giữ có tiếng *văn minh*.

Văn-minh! — Cái tiếng đó từ 1789 đã chỉ cái hư-mộng tự-do, cái mộng đã đưa thế-giới ngày gần đến vực sâu. Nhưng mà cũng một chữ đó, nghĩa ngày nay lại là: theo lẽ phải, quay về cõi rễ ông cha. Cái tiếng đó quả là nặng đầy một hương hỏa lâu dài, một nền xưa khả-kính. Thật là ngọn lửa trên ngai thờ tiên-tổ. Ấy là dạ hiếu-kính La-mã; ấy là lòng nhẫn-nại La-tinh, nó gìn giữ cho tổ-quốc tránh khỏi « cái nàn Điêu-đương» (1).

ERNST ROBERT CURTIUS
P. ĐỖ-ĐÌNH dịch

T.B. Trong đầu tháng 5 vừa rồi, tuần-san Anh rất danh-tiếng và rất tốt, *Times Literary Supplement*, có phát hành một số đặc biệt về văn-chương Pháp, mà đặt những câu hỏi rất hệ-trọng về giá-trị văn-hóa Pháp. Tôi mong sẽ có dịp nói tới. Đã xét quan-niệm Đức về văn-hóa Pháp, cũng nên biết quan-niệm Anh về văn-hóa Pháp. Xét lại, *reappraisal*, tình-thế Pháp về mọi phương-diện, trong phần thứ hai thế-kỷ XX có lẽ là một vấn-đề của người Pháp mà cũng là một vấn-đề của những bạn của Pháp.

(1) Điêu-đương: Tentoge

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Óc-não và tư-tưởng : một ảo tưởng triết-học

BERGSON

L. M. CAO-VĂN-LUẬN dịch

Trạng thái tâm lý tương đương với trạng thái óc não liên hệ, đó là một ý tưởng đã ăn sâu vào phần lớn triết học ngày nay. Người ta đã bàn cải về các nguyên do và ý nghĩa của sự tương đương ấy hơn là về chính sự tương đương ấy. Người thì báo sự tương đương ấy là do trạng thái óc não, trong một ít trường hợp, có kèm theo một thứ lân-quang tâm linh chiếu sáng cho đường nét của nó. Người lại nói sự tương đương ấy là do trạng thái óc não và trạng thái tâm lý đều thuộc riêng vào hai loại hiện tượng đối xứng với nhau từng điểm một, mà không cần cho là loại thứ nhất tạo ra loại thứ hai. Nhưng tất cả đều công nhận sự tương đương ấy, hay là, như người ta thường nói, sự song đối giữa hai loại hiện tượng tâm lý và sinh lý. Để cho dễ nhớ, chúng tôi xin phát biểu luận đề ấy trong một công thức: « Hễ có một trạng thái óc não, thì nhất thiết phải có một trạng thái tâm lý kèm theo ». Hay là: « Một trí tuệ siêu nhân chứng kiến cuộc múa nhảy của các nguyên tử trong bộ óc người ta lại biết được bí mật của liên quan tâm lý sinh lý, thì sẽ có thể nhìn thấy trong một bộ óc đang hoạt động tất cả những gì xảy ra trong ý thức liên hệ ». Hoặc là: « Ý thức không nói thêm cái gì ngoài những cái xảy ra trong óc não: nó chỉ phát biểu thực tại óc não bằng một ngôn ngữ khác ».

Nguồn gốc của luận thuyết ấy hoàn toàn siêu hình; điều đó không ai còn có thể nghi ngờ gì nữa. Luận thuyết ấy đã trực tiếp bắt nguồn từ học thuyết Descartes. Ẩn tàng hàm chứa trong triết học của Descartes, (cố nhiên là với một vài hạn chế), được đồ đệ của ông khai triển và đẩy mạnh cho đến cùng, luận thuyết ấy đã được các y sĩ triết gia của thế kỷ XVIII đem vào tâm lý, sinh lý học ngày nay. Và vì thế các nhà sinh lý học đã

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

chấp nhận mà không hề bàn cải. Trước hết là họ không biết lựa chọn gì hơn, vì vấn đề đến với họ từ siêu hình học mà các nhà siêu hình học lại không cung cấp cho họ một giải pháp nào khác. Sau nữa, nếu sinh lý học theo luận thuyết ấy và xử sự như thế là một ngày kia mình sẽ chắc chắn phát biểu được toàn thể hoạt động tâm lý bằng những hiện tượng sinh lý, đó là một điều rất lợi cho sinh lý học, chỉ có thể, sinh lý học mới có thể tiến phát và đẩy mãi, ngày càng xa hơn, công việc phân tích các điều kiện óc não của tư tưởng. Đó đã là và có lẽ còn là một nguyên tắc khảo cứu tối hảo vì nó sẽ cho chúng ta thấy là không nên quá vội định giới hạn cho sinh lý học, cũng như không nên định giới hạn cho bất cứ công cuộc khảo cứu khoa học nào khác. Nhưng quả quyết độc đoán của thuyết tâm lý sinh lý song đôi lại hoàn toàn khác. Nó không phải là quy luật khoa học mà là một giả thuyết siêu hình. Nếu luận thuyết ấy có phần nào hiểu được, thì nó là một thứ siêu hình học của khoa học đúng như người ta quan niệm thời Descartes. Chúng tôi tin rằng, nếu các thực tại được quan sát không ẩn ý cơ giới toán học, thì chúng đã gợi ra được một giả thuyết tế nhị hơn về sự đối xứng giữa trạng thái tâm lý và trạng thái óc não. Trạng thái óc não chỉ phát biểu những hành động đã được chuẩn bị trước ở đó của trạng thái tâm lý: nó chỉ vạch ra các tiết điệu vận động của trạng thái tâm lý. Đặt ra một trạng thái tâm lý cố nhiên là xác định được trạng thái óc não cũng đồng thời xuất hiện, nhưng ngược lại là không đúng; với một trạng thái óc não, có thể đối chiếu rất nhiều trạng thái tâm lý khác nhau. Chúng tôi sẽ không trở lại giải pháp này vì chúng tôi đã trình bày trong một tác phẩm trước rồi. Và chăng chứng minh mà chúng tôi sắp trình bày không tùy thuộc gì vào giải pháp ấy cả. Ở đây chúng tôi không có ý đem ra một giả thuyết để thay thế giả thuyết tâm lý sinh lý song đôi, chúng tôi chỉ muốn minh định rằng dưới hình thức thông dụng của nó, giả thuyết ấy bao hàm một mâu thuẫn căn bản. Và chăng, mâu thuẫn ấy cũng dạy cho chúng ta được nhiều chuyện. Nhìn kỹ vào nó, người ta đoán được là phải tìm giải quyết vấn đề theo hướng nào, đồng thời người ta cũng khám phá được là tư tưởng siêu hình đã sa vào một trong những lầm tưởng tế nhị nhất của nó bằng cách nào. Vậy nêu rõ mâu thuẫn ấy chúng tôi sẽ không làm một công việc hoàn toàn có tính cách chỉ trích hay là phá hoại mà thôi.

Chúng tôi quyết đoán là luận thuyết tâm lý sinh lý song đôi đã dựa vào một sự mơ hồ trong từ ngữ, nó không thể phát biểu một cách đúng

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

dẫn mà không tự phá hủy. Sự quả quyết độc đoán tâm lý sinh lý song đôi bao hàm một xảo trá biện chứng vì người ta đã gian lận bỏ hệ thống ký hiệu này để bước sang một hệ thống ký hiệu khác mà không để ý đến sự thay thế ấy. Tôi không cần phải nói ra, ngụy biện ấy vốn không có gì là cố ý cả: nó đã được dẫn khởi bởi chính những từ ngữ của vấn đề đã được đặt ra; và ngụy biện ấy quá tự nhiên với trí tuệ chúng ta, nhất thiết chúng ta sẽ vấp phải, nếu chúng ta không bắt buộc chúng ta phải phát biểu luận đề song đôi lần lượt theo hai hệ thống ký hiệu mà triết học xử dụng. Khi chúng ta nói đến sự vật ngoại giới, thực ra chúng ta lựa chọn một trong hai hệ thống ký hiệu. Chúng ta có thể coi các sự vật ấy và các sự biến dịch nơi chúng như là những sự vật (choses) hoặc là như những quan niệm (représentations). Và cả hai hệ thống ký hiệu ấy đều có thể chấp nhận được, miễn là người ta cứ giữ mãi cho chặt chẽ hệ thống đã lựa chọn.

Trước hết chúng ta hãy thử phân biệt chúng cho rõ ràng. Khi thuyết duy thực nói sự vật và thuyết duy tâm nói quan niệm, thì không phải chỉ cãi nhau về danh từ mà thôi; đó là hai hệ thống ký hiệu khác nhau, nghĩa là hai thể cách khác nhau để hiểu sự phân tích thực thể. Đối với duy tâm thì trong thực thể không có cái gì ngoài những cái xuất hiện nơi ý thức của tôi hay là ý thức nói chung. Nói đến một tính cách của sự vật không thể trở thành đối tượng của quan niệm là một chuyện phi lý. Trong sự vật không có tiềm thể (virtualités) hay ít nữa là không có gì là nhất định tiềm thể. Tất cả cái gì thực hữu đều là hiện hữu (actuel) hoặc có thể trở thành hiện hữu. Tóm tắt lại, thuyết duy tâm là một hệ thống ký hiệu ngụ ý rằng tất cả yếu tính của vật chất đã được giăng bày ra hay có thể giăng bày ra trong quan niệm mà chúng ta có về vật chất, và các khớp-nối của thực thể chính là những khớp-nối của quan-niệm chúng ta có về thực thể. Thuyết duy thực thì lại dựa trên một giả thuyết trái nghịch. Nói vật chất tồn tại biệt lập với quan niệm, tức là quả quyết rằng, dưới quan niệm về vật chất của chúng ta, có một căn do bất khả đạt của quan niệm ấy, đàng sau tri giác là một cái gì thuộc hiện hữu, còn có những khả năng và những tiềm thể bí ẩn và sau hết, những thành phần, những khớp-nối nhìn thấy được trong quan niệm của chúng ta chỉ là tương đối với cách thể tri giác của chúng ta.

Vả chăng chúng tôi không hồ nghi là người ta có thể đem ra những định nghĩa sâu xa hơn về hai khuynh hướng duy thực và duy tâm, đúng như người ta gặp thấy qua lịch sử triết học. Chính chúng tôi, trong một tác phẩm trước đây, cũng đã dùng danh từ duy thực và duy tâm theo một

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

nghĩa khá khác biệt. Vậy chúng tôi không bám giữ lấy những định nghĩa mà chúng tôi vừa nhắc lại chút nào. Các định nghĩa ấy cốt nhằm chỉ thuyết duy tâm theo lối Berkeley và thuyết duy thực đối lập với nó. Có lẽ chúng diễn tả được một cách khá chính xác ý tưởng người ta thường có về hai khuynh hướng ấy, phần của thuyết duy tâm dành cho mình ăn rộng ra đến tất cả những gì có thể quan niệm được, còn thuyết duy thực thì lại đòi ăn đến những gì vượt quá quan niệm.

Nhưng chứng minh mà chúng tôi sắp sửa phác họa ra không tùy thuộc vào bất cứ một quan niệm lịch sử nào về duy tâm và duy thực. Với những ai phủ nhận tính cách tổng quát của hai định nghĩa của chúng tôi, thì chúng tôi xin họ chỉ coi các danh từ duy thực và duy tâm như là những từ ngữ ước lệ mà trong cuộc khảo cứu hiện tại chúng tôi dùng để chỉ hai ký hiệu về thực thể mà một cái bao hàm sự có thể và cái kia sự không có thể đồng nhất các sự vật với quan niệm, giăng trải ra và nối khớp trong không gian mà các sự vật đem lại cho một ý thức nhân loại. Hai định đề này loại trừ nhau và do đó không thể áp dụng đồng thời cả hai hệ thống ký hiệu cho cùng một đối tượng, điều đó là điều mà hết mọi người sẽ đồng ý với chúng tôi. Mà chúng tôi không cần gì khác hơn để trình bày chứng minh hiện tại của chúng tôi.

Chúng tôi dự định chứng minh ba điểm sau đây:

1. Nếu người ta nhận ký hiệu duy tâm, thì sự quả quyết có sự song đôi (nghĩa là tương đương) giữa trạng thái tâm lý và trạng thái óc não bao hàm một mâu thuẫn.

2. Nếu người ta thích nhận ký hiệu duy thực hơn, thì người ta cũng gặp phải cùng một mâu thuẫn ấy, nhưng đã đảo lộn lại.

3. Giả thuyết tâm-vật song đôi chỉ có về biện minh được trong trường hợp người ta dùng cùng một lúc cả hai hệ thống ký hiệu. Nó chỉ có vẻ hợp lý, nếu do một ảo thuật lý luận vô ý thức người ta đi lập tức từ duy thực qua duy tâm và từ duy tâm qua duy thực; khi sắp sửa bị bắt quả tang là mâu thuẫn trong hệ thống này, người ta liền nhảy qua hệ thống khác ngay. Và chẳng ở đây tự nhiên chúng ta là những ảo thuật gia vì rằng vấn đề bàn đến là vấn đề tâm lý của các liên quan giữa óc não và tư tưởng, cho nên do chính vị trí của nó, nó phải gợi lên cho chúng ta cả hai phương diện duy thực và duy tâm, từ ngữ « óc não » làm cho chúng ta nghĩ đến một sự vật và từ ngữ tư tưởng lại làm cho chúng ta nghĩ đến quan niệm. Chúng ta có thể nói ngay rằng ngay công thức phát biểu

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

vấn đề đã tiềm tàng chứa đựng cái nghi nghĩa, cái mơ hồ người ta sẽ dùng để giải đáp vấn đề ấy.

Vậy trước hết chúng ta hãy đứng vào quan điểm duy tâm và hãy nhìn xét chẳng hạn sự tri giác các sự vật một lúc nào đó đang chiếm thị giác trường. Qua trung gian của vọng mô và của thần kinh thị quan, các vật ấy tác động trên các trung tâm thị giác: chúng gây ra nơi các trung tâm ấy một sự thay đổi trong các nhóm phân tử và nguyên tử óc não. Liên quan của sự thay đổi não nội ấy với các ngoại vật kia là thể nào? Luận thuyết « song đối » cốt yếu chủ trương rằng một khi chúng ta đã có được trạng thái óc não, thì chúng ta có thể, với một chiếc đủa thần, xóa bỏ tất cả các đối vật đã được tri giác mà không thay đổi chút nào ở những gì đã xảy ra trong ý-thức, bởi vì chính trạng thái óc não, gây ra bởi đối vật, định đoạt tri giác hữu thức, chứ không phải là chính đối vật định đoạt. Nhưng làm thể nào mà không thấy rằng một mạnh đề như thể là phi lý trong giả thuyết duy tâm? Đối với thuyết duy tâm, các đối vật ngoại giới là những ảnh tượng và óc não cũng là một trong những ảnh tượng ấy. Trong chính các sự vật không có cái gì thêm hơn những cái đã được giăng trải ra hay có thể được giăng trải ra trong ảnh tượng mà các sự vật ấy trình bày.

Vậy thì không có cái gì thêm hơn trong cuộc múa nhảy của các nguyên tử óc não ngoài chính cuộc múa nhảy ấy. Bởi vì đó là tất cả những gì người ta đã giả thiết có trong óc não, cho nên đó là tất cả những gì người ta có thể rút ra. Nói rằng ảnh tượng của ngoại giới phát xuất từ ảnh tượng kia (óc não) hay là ảnh tượng ngoại giới hiện xuất, thoạt khi ảnh tượng kia được đặt ra, hay là người ta có ảnh tượng ngoại giới, khi người ta có ảnh tượng kia, tức là tự mâu thuẫn với mình vì cả hai ảnh tượng, ngoại giới và vận hành não nội, đã được giả thiết là cùng một bản tính và ảnh tượng thứ hai, theo giả thuyết, là một phần rất nhỏ của trường quan niệm, còn ảnh tượng thứ nhất thì chiếm toàn thể trường quan niệm. Giả sử vận hành óc não tiềm tàng chứa đựng quan niệm ngoại giới, điều đó có thể hiểu được trong một thuyết lý coi vận hành óc não như là một cái gì nằm dưới quan niệm mà chúng ta có về nó, một quyền lực bí nhiệm mà chúng ta chỉ nhìn thấy hiệu quả gây ra nơi chúng ta. Nhưng lập tức chúng ta thấy điều đó là mâu thuẫn trong một thuyết lý đã thu giảm vận hành kia lại thành một quan niệm, vì như thế tức là nói rằng một góc quan niệm là toàn thể quan niệm.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Tôi rất hiểu là trong giả thuyết duy tâm sự thay đổi trạng thái óc não là hiệu quả của ngoại vật tác động, là một chuyển động cơ thể đã tiếp nhận và nó sẽ chuẩn bị những phản động thích nghi: ảnh tượng trong các ảnh tượng, ảnh tượng đi dịch như tất cả các ảnh tượng, các trung tâm thần kinh có những phần di động để tiếp nhận một chuyển động từ bên ngoài và kéo tiếp chúng thành những chuyển động phản ứng khi thì đã hoàn tất, khi thì mới chớm phát. Nhưng lúc đó vai trò của óc não thu giảm lại để chỉ còn là chịu đựng một ít hiệu quả của các quan niệm khác và vạch ra, như chúng tôi đã nói, những tiết điệu vận động của các quan niệm ấy. Óc não cần thiết cho các quan niệm là ở đó, và nó không thể bị hư hỏng mà không gây ra một sự hỗn loạn tổng quát ít nhiều cho các quan niệm ấy. Nhưng nó không vạch ra chính các quan niệm, vì nó cũng là một quan niệm, nếu nó không thôi là một phần quan niệm để tự nó trở nên toàn thể quan niệm. Vậy thì phát biểu theo ngôn ngữ duy tâm chặt chẽ, giả thuyết « song đôi » sẽ tóm tắt trong mạnh đề mâu thuẫn này: một phần của toàn khối là toàn khối.

Nhưng sự thực là, vô ý thức, người ta đã đi từ quan điểm duy tâm sang quan điểm duy thực trá hình. Bắt đầu, người ta đã kể óc não là một quan niệm như các quan niệm khác, nằm giữa các quan niệm khác và không thể tách biệt với chúng: vậy các chuyển động bên trong của óc não, quan niệm trong các quan niệm, không thể gây ra các quan niệm khác được vì các quan niệm này cũng được đặt ra làm một với và chung quanh các chuyển động ấy. Nhưng dần dà người ta đã biến óc não và các chuyển động bên trong của nó thành những sự vật, nghĩa là thành những căn do núp ẩn đằng sau một thứ quan niệm nào đó và quyền lực của chúng lan rộng ra vô cùng xa hơn những gì đã được quan niệm về chúng. Tại sao lại có sự lướt dần từ duy tâm đến duy thực như thế? Điều đó do nhiều ảo tưởng lý thuyết, nhưng người ta đã không dễ dàng sa vào đó như thế, nếu người ta không lầm tưởng là đã được thực tại khích lệ.

Quả thế, bên cạnh tri giác, còn có ký ức. Khi tôi nhớ lại các vật tôi đã tri giác, các vật này có thể không còn đó nữa. Chỉ một mình thân xác tôi là còn lại, tuy nhiên các ảnh tượng [illegible] hữu hình dưới hình thức những hoài niệm. Vậy hình như là các tôi hay là một phần nào đó của xác tôi phải có khả năng gợi ra các ảnh tượng. Chúng ta nhìn nhận là nó có thể gợi chúng ra. Song nó làm việc ấy làm sao được, nếu những hoài niệm nhất định không ứng đối với những trạng thái óc não nhất định.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

nếu không có, theo nghĩa chính xác ấy, một sự song đôi giữa hoạt động óc não và hoạt động tư tưởng? Chúng ta sẽ trả lời rằng trong giả thuyết duy tâm, không thể quan niệm một đối vật, lúc chính đối vật ấy hoàn toàn vắng mặt. Nếu trong đối vật hiện diện không có gì khác ngoài những cái đã được quan niệm về nó, nếu sự hiện diện của đối vật trùng hợp với quan niệm người ta có về nó, thì tất cả các phần của quan niệm về đối vật, hình như sẽ là những phần của đối vật hiện diện. Tôi công nhận là hoài niệm sẽ không phải là chính đối vật: nó còn thiếu nhiều điều mới là đối vật được. Trước hết nó là từng mảnh, thường nó chỉ giữ lấy một ít yếu tố của tri giác ban sơ. Lại nữa, nó chỉ hiện hữu đối với người gợi ra nó, còn đối vật thì thuộc về kinh nghiệm chung của mọi người. Sau hết khi quan niệm hồi ức (représentation-souvenir) phát hiện, thì những sự thay đổi đồng có của quan niệm - óc não (représentation-cerveau) không còn là, như trong trường hợp tri giác, những chuyển động khá mạnh để có thể khích thích quan niệm-cơ thể (représentation-organisme) phản ứng lại tức khắc. Thân xác không còn cảm thấy mình hứng lên bởi đối vật đã nhìn thấy và vì sự cảm thấy hiện thực (sentiment de l'actualité) là cốt ở sự gợi hoạt động kia (suggestion d'activité), cho nên đối vật quan niệm không còn xuất hiện như là hiện tại nữa: đó là điều mà người ta phát biểu bằng cách nói rằng đối vật không còn hiện diện nữa. Sự thực là, trong giả thuyết duy tâm, hoài niệm chỉ có thể là một tấm kính ảnh đã tách lìa khỏi quan-niệm ban sơ, hay cũng thế, đã tách lìa khỏi đối vật. Hoài niệm, luôn luôn hiện tại, nhưng ý thức ngơ đi, không để ý đến nó, khi ý thức không có lý do để nhìn đến nó. Ý thức chỉ lưu tâm nhìn đến nó, lúc ý thức cảm thấy có thể sử dụng được nó, nghĩa là khi trạng thái óc não hiện tại đã vạch ra một vài vận động phản ứng chớm nở do đối vật hiện thực (nghĩa là do quan niệm đầy đủ) xác định: khởi sự hoạt động ấy của thân xác làm cho quan niệm khởi sự hiện hữu. Nhưng không có « song đôi » hay « tương đương » giữa hoài niệm và trạng thái óc não. Quả thế, các vận động phản ứng chớm nở phác họa ra một ít hiệu quả có thể có của quan niệm sắp tái hiện, chứ không phải chính quan niệm ấy và vì rằng cùng một vận động phản ứng có thể đi theo nhiều hoài niệm khác nhau, cho nên không phải là một hoài niệm nào đó nhất định sẽ được gợi ra bởi một trạng thái nhất định của thân xác, trái lại nhiều hoài niệm khác nhau đều có thể được gợi ra và trong đó ý thức sẽ lựa chọn lấy hoài niệm nọ hay hoài niệm kia. Các hoài niệm ấy chỉ phải tuân theo một điều kiện chung là nhập được vào cùng một

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

khuôn khổ vận động: sự giống nhau của chúng là cốt ở đó, danh từ « giống nhau » là một danh từ mơ hồ trong các thuyết liên tưởng thông thường, nhưng nó sẽ mặc lấy một ý nghĩa chính xác, khi người ta định nghĩa nó bằng sự đồng nhất của những tiết điệu vận động. Nhưng chúng tôi không muốn nhấn mạnh về điểm này vì chúng tôi đã bàn đến trong một tác phẩm trước. Chúng tôi chỉ xin nói rằng trong giả thuyết duy tâm các đối vật được tri giác trùng hợp với quan niệm đầy đủ và có tác động đầy đủ, còn các đối vật được nhớ lại thì trùng hợp với quan niệm không đầy đủ và không có tác động đầy đủ, và trong cả hai trường hợp trạng thái óc não đều không phải là tương đương của quan niệm vì nó là một thành phần của quan niệm. Bây giờ chúng ta hãy xét đến thuyết duy thực và thử xem phải chăng là giả thuyết tâm lý sinh lý song đối sẽ rõ ràng hơn ở đây.

Này đây các đối vật đang chiếm cứ thị giác trường của tôi, óc não của tôi ở giữa các đối vật ấy và trong các trung tâm cảm giác của tôi đang có những xê dịch của những phân tử và nguyên tử do tác động của các ngoại vật ấy gây ra. Theo phương diện duy tâm, tôi đã không có quyền gán cho các chuyển động não nội ấy cái năng lực nhiệm mầu bao gồm thêm quan niệm về các sự vật ngoại giới vì chúng hoàn toàn nằm gọn trong những gì người ta đã quan niệm về chúng và bởi vì theo giả thuyết, người ta quan niệm chúng như là những chuyển động của một số nguyên tử óc não, cho nên chúng chỉ là những chuyển động nguyên tử óc não, chứ không phải là gì khác. Nhưng cốt yếu thuyết duy thực là giả thiết có một nguyên do, khác với các quan niệm, ở đàng sau các quan niệm. Không có gì cản trở thuyết ấy coi quan niệm các ngoại vật như là bao hàm trong những sự thay đổi của óc não. Đối với một số thuyết gia, các trạng thái óc não quả là căn-nguyên của quan niệm và quan niệm chỉ là « phụ tượng » của các trạng thái óc não. Một số thuyết gia khác, theo lối Descartes, giả thiết rằng các chuyển vận óc não chỉ là cơ hội làm cho những tri giác hữu thức xuất hiện hoặc là các tri giác ấy và các chuyển động ấy chỉ là bộ mặt của một thực thể không phải là chuyển động mà cũng không phải là tri giác. Tuy nhiên tất cả đều đồng ý rằng một trạng thái ý thức nhất định bao giờ cũng đối xứng với một trạng thái óc não nhất định và các chuyển động bên trong óc não, nhìn xét riêng ta, sẽ cho phép những ai đọc được chúng, có thể biết một cách tỉ mỉ đầy đủ những gì xảy ra trong ý thức.

Nhưng làm sao mà không thấy rằng cái tham vọng nhìn xét óc não riêng biệt và chuyển động của nguyên tử riêng biệt, nó bao hàm ở đây một

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

mâu thuẫn thực sự. Nhà duy tâm có quyền tuyên bố rằng đối vật đem cho ông ta một quan niệm tách lẽ là một đối vật có thể tách rời được vì đối với ông, đối vật không phân biệt với quan niệm. Nhưng cốt yếu của thuyết duy thực là phủ nhận tham vọng ấy, là coi như là giả tạo và tương đối các đường phân cách mà quan niệm của chúng ta vạch ra giữa các sự vật, là giả thiết, dưới các sự vật ấy, một hệ thống những tác động hỗ tương và những tiềm lực chằng chịt với nhau, và sau hết là định nghĩa đối vật không phải bởi sự nó nhập vào quan niệm của chúng ta, nhưng mà bởi sự nó liên đới với toàn khối của một thực thể tự nó là bất khả tri. Khoa học càng khảo sát sâu xa bản tính của thể xác theo hướng thực thể tính của nó, thì càng thu giảm các tính cách của thể xác và bởi đó, thu giảm chính sự hiện hữu của nó vào những mối tương quan mà thể xác có thể có với phần vật chất còn lại mà có thể ảnh hưởng đến nó. Nói cho đúng, những hạng từ ảnh hưởng nhau kia — dầu gọi chúng bằng tên gì, nguyên tử, điểm vật chất hay trung tâm năng lực v.v... — đối với khoa học, chỉ là những hạng từ tạm thời, chính sự ảnh hưởng hỗ tương hay là tác động hỗ tương mới là thực tại dứt khoát đối với khoa học.

Vậy mà các ngài đã bắt đầu cho các ngài một bộ óc mà theo các ngài thì các vật ở ngoài nó có thể biến đổi để gây ra những quan niệm. Rồi các ngài đã xóa bỏ các vật ở ngoài bộ óc ấy đi và đã gán cho một mình sự chạy đổi trạng thái óc não khả năng phác họa ra quan niệm về các vật ấy. Nhưng khi các ngài rút các vật ở ngoài óc não đi, thì dầu muốn dầu không các ngài cũng rút mất cả trạng thái óc não mà tính cách và thực thể đã được mượn ở các vật kia. Các ngài chỉ giữ được trạng thái óc não ấy bởi vì các ngài đã gian lận bước qua hệ thống ký hiệu duy tâm trong đó người ta coi như là cứ lý có thể tách rời được những gì được tách rời trong quan niệm.

Các ngài cứ giữ lấy giả thuyết của các ngài. Có ngoại vật và óc não, thì có quan niệm. Các ngài phải nói rằng quan niệm ấy không tùy theo trạng thái óc não mà thôi, nhưng tùy theo trạng thái óc não và những sự vật xác định trạng thái óc não, trạng thái ấy và các sự vật cùng nhau tạo thành một toàn thể bất khả phân. Vậy thì luận đề của thuyết song đối mà cốt yếu là phân tách các trạng thái óc não ra và giả thiết các trạng thái ấy, tự chúng, có thể sản tạo ra hoặc gây cơ hội, hoặc ít ra là phát biểu được quan niệm các sự vật, là một luận đề, lại một lần nữa, không thể phát biểu mà không tự hủy. Theo ngôn ngữ hoàn toàn duy thực thì luận thuyết ấy có

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

thể được phát biểu thế này: « Một phần của toàn khối phải nhờ tất cả các phần khác của toàn khối mới có được, nhưng vẫn có thể quan niệm là tồn tại được khi các phần khác của toàn khối đã tan biến ». Hoặc đơn giản hơn: « Một tương quan ở giữa hai hạng từ cũng bằng một trong hai hạng từ ấy ».

Hoặc là các chuyển động tế bào được thực hiện trong óc não quả là những gì chúng giăng trải ra trong quan niệm mà chúng ta có về chúng: hoặc là chúng khác với quan niệm ấy. Theo giả thuyết thứ nhất thì chúng sẽ đúng như chúng ta tri giác và phần còn lại của tri giác của chúng ta lúc đó sẽ là cái gì khác: ở giữa chúng và phần còn lại ấy sẽ có một tương quan giữa cái được chứa đựng và cái chứa đựng. Đó là quan điểm của nhà duy tâm. Theo giả thuyết thứ hai, thì thực thể sâu kín của chúng được cấu thành bởi sự chúng liên đới với toàn thể tri giác khác của chúng ta và chỉ nhờ một sự chúng ta nhìn xét thực thể sâu kín của chúng, chúng ta cũng nhìn xét được cả toàn thể của thực thể mà chúng kết hợp với để tạo thành một hệ thống bất phân: điều đó có nghĩa là sự chuyển động bên trong óc não, coi như là một hiện tượng tách biệt, đã biến mất và không thể còn có vấn đề lấy một hiện tượng, chỉ là một phần của quan niệm và là một phần đã tách khỏi quan niệm một cách giả tạo, để làm nền móng cho toàn thể quan niệm được.

Nhưng sự thực là thuyết duy thực không được giữ lại trong trạng-thái thuần túy. Người ta giả thiết thực thể hiện hữu đàng sau quan niệm một cách tổng quát: thoạt khi người ta bắt đầu nói đến một thực thể riêng biệt, thì dẫu muốn dẫu không, người ta liền cho thực thể ấy trùng hợp ít nhiều với quan niệm mà người ta có về nó. Trên nền tảng thực thể ẩn khuất là nơi mà tất cả đều nhất thiết bao hàm trong tất cả, thuyết duy thực đã cho giăng bày các quan niệm minh thị là chính thực thể đối với nhà duy tâm. Duy thực, lúc nó đặt ra thực thể, thuyết ấy trở nên duy tâm, lúc nó quả quyết một cái gì về thực thể vì ký hiệu duy thực, trong những giải thích chi tiết, chỉ có thể ghi chép, dưới mỗi hạng từ của ký hiệu duy tâm, một chứng tích tỏ rõ tính cách tạm thời của nó. Cho là thế đi, nhưng những điều mà chúng tôi đã nói về thuyết duy tâm, lúc đó sẽ áp dụng cho thuyết duy thực vì thuyết duy thực đã nhận theo thuyết duy tâm rồi. Và coi trạng thái óc não là tương đương tri giác và hoài niệm thì dù gọi hệ thống là gì đi nữa, bao giờ cũng là quả quyết rằng một phần là toàn khối.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Đi sâu vào hai hệ thống thuyết lý ấy, người ta sẽ thấy rằng cốt yếu của hệ thống duy tâm là ngừng lại nơi những gì được giăng trải ra trong không gian, còn hệ thống duy thực thì lại coi sự giăng trải ấy là giả tạo và các quảng phân chia không gian ấy cũng là giả tạo: nó tưởng nghĩ là đằng sau các quan niệm được sắp đặt kề cận, có một hệ thống những tác động hỗ tương và do đó có một sự bao hàm các quan niệm vào với nhau. Vả lại, vì nhận thức của chúng ta về vật chất không hoàn toàn thoát ra ngoài không gian và vì sự bao hàm hỗ tương nói đến ở đây, dầu là sâu xa đến đâu, vẫn không thể trở nên ngoại không gian mà không trở nên ngoại khoa học, cho nên trong các giải thích của nó, thuyết duy thực không thể vượt quá thuyết duy tâm được. Khi người ta làm công việc một nhà bác học, thì hoặc ít hoặc nhiều bao giờ người ta cũng đứng ở lập trường duy tâm; nếu không, người ta cũng không nghĩ đến sự nhìn xét những phần riêng lẽ của thực thể để tìm cho biết phần nào là điều kiện của phần nào, mà đó chính là khoa học. Vậy thì giả thuyết của nhà duy thực ở đây chỉ là một lý tưởng có mục đích nhắc nhớ ông rằng ông đã không bao giờ đào sâu đủ sự giải thích thực thể của ông và ông sẽ phải tìm thiết lập những mối liên quan càng ngày càng sâu kín giữa các phần của thực thể, những phần mà trước con mắt chúng ta, đã được sắp đặt kề cạnh nhau trong không gian. Nhưng lý tưởng ấy, nhà duy thực không thể không thực thể hóa nó ra. Ông thực thể hóa nó trong các quan niệm được giăng trải mà đối với nhà duy tâm là chính thực thể. Các quan niệm ấy đối với ông lúc đó đã trở thành những sự vật, nghĩa là những cái kho chứa đựng những tiềm thể ẩn khuất: điều đó sẽ cho phép ông coi các chuyển động não nội như là đang bao hàm trong tiềm thể toàn thể quan niệm (các chuyển động não nội bây giờ đã biến thành sự vật chứ không chỉ còn là những quan niệm mà thôi). Chính là do đó mà ông quả quyết có tâm lý sinh lý song đối. Ông quên rằng ông đã đặt cái kho kia ở ngoài quan niệm, chứ không phải ở trong, ở ngoài không gian chứ không phải ở trong không gian và, dù sao đi nữa, giả thuyết của ông là cốt ở sự giả thiết thực thể hoặc là bất phân, hoặc là phân chia một cách khác với quan niệm. Làm cho mỗi phần của thực thể tương hợp với mỗi phần của quan niệm tức là ông phân chia thực thể như quan niệm. Ông giăng trải thực thể ra trong không gian và ông bỏ lập trường duy thực để bước vào lập trường duy tâm mà ở đây liên quan giữa óc não với phần còn lại của quan niệm, rõ ràng là một liên quan giữa một phần của toàn khối với tất cả toàn khối.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Ban đầu các ngài nói đến óc não đúng như chúng ta nhìn thấy nó, đúng như chúng ta phân biệt nó trong toàn thể quan niệm của chúng ta: vậy thì nó chỉ là một quan niệm và chúng ta đứng ở lập trường duy tâm. Như thế, chúng tôi xin lặp lại, liên quan giữa óc não với phần còn lại của quan niệm là một liên quan giữa một phần với toàn khối.

Từ đó đột nhiên các ngài đã bước qua một thực thể làm nền móng cho quan niệm: cũng được, nhưng lúc đó quan niệm lại không còn có tính cách không gian và thế cũng như là nói rằng óc não không phải là một hữu thể tự lập. Bây giờ chỉ còn có toàn khối thực thể tự nó là bất khả tri và trên đó toàn khối quan niệm của chúng ta được giăng trải ra. Vậy là chúng ta đứng ở lập trường duy thực và trong lập trường duy thực đó cũng như trong lập trường duy tâm hồi nãy, các trạng thái óc não không phải là tương đương với quan niệm: chúng tôi xin lặp lại. Chính là toàn khối các đối vật được tri giác sẽ còn nhập vào toàn khối của tri giác,. Nhưng bây giờ đi xuống chi tiết của thực thể, người ta vẫn tiếp tục cấu tạo nó cùng một cách và theo cùng những định luật như quan niệm, thế cũng như là không còn phân biệt thực thể với quan niệm nữa. Vậy là người ta trở lại với duy tâm và lẽ ra là phải ngừng lại đó. Nhưng không đâu. Người ta giữ lấy óc não đúng như nó được quan niệm, nhưng người ta quên rằng nếu thực thể được trương mở ra trong quan niệm, được giăng trải ra trong quan niệm, chứ không còn là căng trướng trong nó, thì nó không còn có thể tàng trữ những năng lực, những tiềm thể mà thuyết duy thực đã nói đến. Thế là người ta biến các chuyển động óc não thành những tương đương của toàn thể quan niệm. Vậy người ta đã chuyển dịch từ duy tâm sang duy thực và từ duy thực sang duy tâm, nhưng chuyển dịch một cách quá nhanh chóng khiến người ta tưởng mình bất động và như thế là người ta cởi lên cả hai thuyết lý kết lại thành một. Sự hòa giải bề ngoài hai thuyết lý trái ngược ấy chính là cốt yếu của luận đề tâm lý sinh lý song đối vậy. Chúng tôi đã cố gắng phá tan lầm tưởng ấy. Chúng tôi không dám tự hào đã hoàn toàn thành công vì biết bao nhiêu là ý tưởng thiện cảm với luận đề « song đối » đang tập hợp quanh nó để bảo vệ che chở cho nó. Trong các ý tưởng đó, có những ý tưởng đã phát xuất do chính luận đề « song đối »; trái lại cũng có những ý tưởng khác có trước luận đề ấy đã đưa đến một sự phối hợp bất hợp pháp để rồi phát sinh ra luận đề « song đối » như chúng ta đã thấy; sau hết cũng có một số ý tưởng không họ hàng gì với luận đề

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

« song đối », nhưng đã bắt chước nó vì đã sống bên cạnh nó; tất cả các ý-tưởng ấy ngày nay đã thiết lập chung quanh luận đề « song đối » ấy một đường phòng thủ kiên cố không thể chọc thủng ở một điểm nào mà sự đối kháng lại không xuất hiện ở một điểm khác. Đặc biệt chúng tôi xin kể ra đây bốn ý tưởng:

1) Ý tưởng ám tàng (cũng có thể nói là vô thức) rằng có một linh hồn não chất (âme cérébrale) nghĩa là có một sự tập trung quan niệm trong chất não. Vì quan niệm có vẻ chuyển dịch với thân xác, nên người ta lý luận như thế là trong chính thân xác có cái gì tương đương với quan niệm. Các chuyển động óc não là những cái tương đương ấy. Muốn tri giác mà không bị phá rồi, ý thức chỉ cần căng mình ra trong khoảng không gian thu hẹp của vỏ não là một « phòng ảnh » thực sự ở đó ngoại giới được tái xuất thu nhỏ.

2) Ý tưởng rằng tất cả luật nhân quả đều có tính cách cơ giới và trong vũ trụ không có gì là không lường tính được một cách toán học. Mà vì các hành động của chúng ta phát xuất do quan niệm của chúng ta (quan niệm quá khứ cũng như quan niệm hiện tại), nên muốn tránh sự vi phạm luật nhân quả cơ giới, thì phải giả thiết rằng óc não, nơi khởi phát hành động, nhất định là có chứa đựng cái tương đương với tri giác, với hoài niệm, với chính cả tư tưởng. Nhưng ý tưởng coi toàn thể thế giới, kể cả sinh vật, tùy thuộc vào toán học thuần túy, chỉ là một quan điểm tiền nghiệm của trí óc bắt nguồn từ học thuyết Descartes. Người ta có thể phát biểu ý tưởng ấy theo cách tân thời, phiên dịch nó ra theo ngôn ngữ của khoa học ngày nay, kết nạp vào đó một số thực tại được quan sát càng ngày càng nhiều (những thực tại mà người ta đã được ý tưởng ấy diễn tới) và rồi ra gán cho ý tưởng ấy những nguồn gốc thực nghiệm: cái phần thực ra đo lường được của thực tại vẫn là hữu hạn và định luật được coi như là tuyệt đối vẫn mang mãi tính cách một giả thuyết siêu hình mà nó đã có từ thời Descartes.

3) Ý tưởng rằng muốn đi từ quan điểm duy tâm về quan niệm sang quan điểm duy vật về sự vật bản nhiên (chose en soi), thì chỉ cần thay thế quan niệm hữu ảnh và đậm đà của chúng ta bằng chính cái quan niệm khô khan, thu giảm thành một nét vẽ không màu sắc, thành những liên quan toán học giữa các thành phần của nó với nhau. Có lẽ say mê vì cái trống rỗng mà sự trừu tượng của chúng ta vừa gây ra, chúng ta chấp nhận ý nghĩ cho là một sự chuyển vận đơn giản các điểm vật chất trong không gian, nghĩa

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

là một tri giác thu giảm, nhất thiết phải hàm chứa một ý nghĩa lạ lùng nào đó, đang lúc chúng ta không bao giờ nghĩ đến việc gán một tài lực như thế cho ảnh tượng cụ thể, nhưng phong phú hơn mà chúng ta gặp thấy trong tri giác trực tiếp của chúng ta. Sự thực là phải chọn hoặc là một quan-điểm về thực thể phân tán thực thể trong không gian và bởi đó phân tán trong quan niệm, coi toàn thể thực thể như là hiện thực hay là có thể hiện thực hóa, hoặc là một hệ thống trong đó thực thể trở nên một kho lưu trữ tiềm lực, nhưng lúc đó thực thể được thu gọn vào chính nó và bởi đó ở ngoài không gian. Không có công việc trừu tượng, loại trừ hoặc thu giảm nào thực hiện nơi lập luận thứ nhất mà lại có thể làm cho chúng ta gắn được với lập luận thứ hai. Tất cả những gì người ta sẽ nói về tương quan óc não với quan niệm trong một thứ duy tâm đậm đà, ngừng lại nơi những quan niệm trực tiếp, còn đầy màu sắc và sống động, lại càng có thể áp dụng cho một thứ duy tâm bác học trong đó quan niệm được thu giảm thành một bộ sườn toán học, nhưng trong đó lại càng thấy rõ là không có quan niệm nào trong các quan niệm ấy với tính cách không gian của chúng, với sự ở ngoài nhau của chúng mà lại hàm chứa được tất cả các quan niệm khác. Vì người ta đã xóa tẩy nơi các quan niệm khả-tương (représentations extensives), bằng cách cọ xát chúng với nhau, những phẩm cách phân biệt chúng trong tri giác, nên người ta không tiến được một bước nào tới một thực thể đã được giả thiết là căng thẳng và bởi đó càng thực hữu vì càng thiếu không gian tính. Nói thế cũng bằng tưởng tượng một đồng tiền cũ mòn đã mất hết dấu hiệu định giá của nó, nên đã thu được một mãi lực vô hạn định.

4) Ý tưởng rằng nếu hai toàn khối liên đới với nhau, thì mỗi một phần của toàn khối này sẽ liên đới với một phần nhất định của toàn khối kia. Vậy thì vì không có trạng thái ý thức nào mà lại không kèm với một trạng thái óc não, vì bao giờ một sự biến đổi trạng thái óc não cũng kèm với một sự biến đổi trạng thái ý thức (mặc dầu ngược lại không nhất thiết đúng trong mọi trường hợp) sau hết vì một sự hư hỏng trong hoạt động óc não, nhất thiết gây ra một sự hư hỏng trong hoạt động ý thức, nên người ta kết luận rằng mỗi một phần nhất định của trạng thái óc não phải đối hợp với một phần nào đó của trạng thái ý thức và bởi đó phần này có thể thay thế được cho phần kia. Như thế là người ta có quyền nới rộng ra cho chi tiết các phần so sánh với nhau, những gì đã được quan sát hay suy diễn về hai toàn khối và như thế, biến một tương quan liên đới thành một tương

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

quan giữa tương đương với tương đương: Sự hiện diện hay khiếm diện của một cái chốt có thể làm cho một cái máy chạy hay không chạy: phải chăng do đó mà mỗi phần của cái chốt đối hợp với mỗi phần của cái máy, và cái máy có gì tương đương với nó trong cái chốt? Vậy mà tương quan giữa trạng thái óc não và tư tưởng rất có thể là tương quan giữa cái chốt và cái máy nghĩa là giữa một phần với toàn khối.

Bốn ý tưởng ấy lại bao hàm rất nhiều ý tưởng khác, đến lượt cũng rất nên phân tích vì có thể nói được là người ta sẽ tìm thấy ở các ý tưởng này những bồi âm mà luận đề « song đôi » hợp lại để tạo ra âm điệu căn bản. Trong công cuộc khảo cứu này chúng tôi đã chỉ muốn tìm cách nêu ra sự mâu thuẫn hàm chứa trong chính luận đề ấy. Chính vì những hậu quả luận đề ấy đem lại và những định đề nó hàm chứa, trùm phủ nói được là toàn thể phạm vi triết học, nên chúng tôi thấy sự khảo sát phê bình này là khẩn thiết và có thể dùng làm khởi điểm cho một lý thuyết về tinh thần, nhìn xét trong tương quan của nó với luật tất định của thiên nhiên.

CAO VĂN LUẬN dịch

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Tây-sơn lấy Nam-hà

NGUYỄN-PHƯƠNG

I. — BƯỚC ĐẦU

« **Quân Triều** », «**quân ó**».— Nguy hiểm mới do lực lượng triều đình gửi vào, quân Tây sơn rất biết, và họ chờ nó đến. Nhưng không phải họ chờ suông, mà họ tăng cường để chờ đợi, tăng cường bằng cách tuyên truyền mạnh hơn lập trường chính trị của họ đối với quốc dân, cũng như tăng cường về mặt quân sự.

Vào tháng 10, năm 1773, quân Tây sơn đã có một sức lôi cuốn mới nhờ các thắng lợi đã qua. Lấy qui mô quốc gia mà xét, họ vốn còn yếu lắm, nhưng về phương diện một đảng cướp, họ là đảng mạnh nhất. Lý tưởng của một đảng cướp chẳng qua cũng chỉ mong được như Nhạc bây giờ là cùng. Vì vậy, Nhạc đã thành gương mẫu cho những kẻ đồng nghề, và nhiều tướng cướp đã xin gia nhập. Danh tiếng nhất trong bọn đó, có hai tên người Tàu gọi là Tập Đình và Lý Tài. Họ là những thương gia phiêu lưu, táo bạo. Gặp lúc tình trạng ở Nam hà bất ổn, họ đã lập thành đảng để tự vệ và cũng là để lợi dụng thời thế rồi ren. Người trong hai đảng họ là người Tàu, chắc là đã được chọn trong đám tàu -ô lúc đó đang phá phách ở miền duyên hải Việt nam. Khi họ xin vào đảng, Nhạc đặt tên cho bọn của Tập Đình là Trung nghĩa quân, và của Lý Tài là Hòa nghĩa quân. Số quân còn ít, hai tướng phải mộ thêm người địa phương. Họ chọn những kẻ khỏe mạnh, cao lớn, rồi bắt cạo đầu, gióc tóc cho giống người Tàu. Tướng cũng như quân, họ có vẻ rất hung hăng. Họ có một chiến thuật riêng, là khi ra trận, họ uống rượu say, mình ở trần, cổ đeo giấy vàng bạc để làm bùa, rồi liều chết xông pha, thật là dễ sợ. Hai đạo quân Trung nghĩa và Hòa nghĩa, làm thành một sức mạnh lớn. (1)

---

1. *Chính biên liệt truyện* q. 30, 4a.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Ngoài người Tàu như vừa nói, Nhạc còn có một đạo quân gồm người thượng, có lẽ là người Mọi ở vùng An-khê, mà ông đã quen biết nhiều trong thời đi buôn, và chắc cũng có người Chiêm, liên minh với ông (1).

Về phương diện chính trị đối với quốc dân, chẳng những ông dùng các thứ mồi dễ mắc, như tha tù, tha thuế, mà ông còn cho tuyên truyền ráo riết về sự thối nát của triều đình và chủ trương nghinh lập Hoàng tôn Dương. Ông có thật lòng tôn phù không? Điều đó thời gian sẽ trả lời. Nhưng bây giờ ông cần phải có một bình phong tốt đẹp để che đậy sự hèn kém về thể thống của ông trước mặt đại chúng. Thể thống của ông, một mai nó sẽ đến với sức mạnh quân sự, nhưng sức mạnh, trong đợt nầy, vẫn chưa thoát được phạm vi một đảng cướp, mặc dầu đảng cướp đó đã chiếm được nhiều thắng lợi trong qui mô địa phương. Muốn hoạt động trên một bình diện lớn, cần phải có một tên tuổi kêu hơn, chứ các danh hiệu như Tây sơn hay Nguyễn Nhạc còn quá ư lạc lõng. Bởi đó ông đem Hoàng tôn Dương, hiền hậu, thông minh, nêu cao lên, để chống lại với Trương phúc Loan, tham lam, độc ác, và những câu vè câu ví xuất hiện cho được phổ biến lập trường chính trị đó của ông. Nay chúng ta còn đọc được câu nầy:

Binh triều, binh Quốc phó,
Binh ó, binh Hoàng tôn (2)

Nguyễn xét câu đó mà thôi mà đã thấy cả một mánh lới tuyên truyền đầy ý nghĩa và hiệu lực. Quân của Tây sơn là binh ó vì nó có vẻ lao xao, lộn xộn, đi đâu la ó rầm lên đến đó. Điều này có thật, nhưng khi nhận lấy danh từ binh ó, không phải họ đã nói lên rằng họ vốn thuộc về tầng lớp nhân dân đó sao? Nhân dân, nghĩa là không bộ điệu quan cách, không hồng hách bóc lột, hay nói cách khác, là ồ ạt, đông đảo, ai gia nhập cũng được. Thật là một lời kêu gọi hiệu lực không gì bằng. Đàng khác, khi kết tiếng binh triều lại với quan quốc phó, họ đã có một ẩn ý vô cùng thiểm độc. Nhân dân bây giờ ai mà không biết những hành động tham nhũng của Trương phúc Loan? Thành thử ghép tên ông vào với lực lượng của triều đình Huế, là đồng thời bố cáo cho mọi người biết rằng bộ đội chính qui sắp vào đánh với Tây sơn chỉ là lực lượng bảo vệ cho độc ác bất công,

---

1. Sau nầy khi đánh với quân triều Huế, chúng ta sẽ thấy Tây-sơn có một đạo quân người Thượng.
2. *Chính biên liệt truyện* q. 30, 2b.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

có ý kéo dài mãi ra tình trạng nheo nhóc của dân chúng. Và kết quả, là thiên hạ đã ghét Loan, sẽ ghét cả những kẻ chiến đấu cho Loan.

Đang khi Tây sơn chuẩn bị như thế, ta thấy những gì về phía triều đình? Đem so lực lượng Huế với lực lượng của Nhạc, ta có thể nói chung được rằng một đàng chẳng khác gì một cây già cỗi, thân hình tuy còn to lớn, nhưng nhuệ khí đã tàn, còn đàng này là cây con đang độ phương cường, có thể còn mềm, còn non, nhưng sức lực dồi dào, nhìn lên đang sáng cả một trời hy vọng. Thật thế, như chúng ta đã thấy, ở triều đình, người làm Chúa thực sự, không phải là Duệ tôn, mà Trương phúc Loan, và ông nầy vốn lo cho nhà hơn lo cho nước. Từ những ngày ông làm quốc trụ, đến những năm ông làm quốc phó, ông ít nghĩ đến việc gầy dựng, tổ chức. Các cố gắng của ông đều qui vào việc làm giàu, nên các quan, văn cũng như võ, đều là hạng người khéo bợ đỡ, tài đút lót, chứ không có thực lực, không có công tâm, thiếu can đảm, thiếu tự tín. Một khi quan đã vậy, lính hồi ra gì? Quân Chúa Nguyễn bây giờ thực ra có thể có số đông, nhưng không có sức chiến đấu. Họ chẳng khác gì một đống cũi khô, chất lại càng nhiều, cháy lên càng tai hại.

Đó là lực lượng tổng quát của hai bên. Bây giờ thử theo các lần họ gặp nhau trên mặt trận.

Mặt trận năm 1773: Tây sơn lấy ra đến Quảng nam. Vào cuối tháng 10, triều đình quyết định đối phó, nhưng vẫn chưa đo được tầm quan trọng của cuộc khởi nghĩa Tây sơn, bởi đó quân họ gửi vào còn tương đối ít. Lần nầy, quân ra đi có cả thủy, cả bộ. Quân thủy chia làm ba đạo, có ba chiến thuyền và ba quan chỉ huy. Không may họ chưa kịp đến nơi đã bị bão đánh tan rã ngoài biển, chỉ có một thuyền thoát nạn, và thuyền đó do một viên quan công giáo làm chủ (1). Còn quân bộ thì chia làm bốn đạo đặt dưới quyền bốn quan, là các chưởng cơ Nguyễn cửu Thông (2), và Nguyễn văn Sách, tổng nhung Tông Sùng, và tán lý Đậu văn Quang (3).

---

1. Linh mục Jumilla khi thuật lại trận nầy trong thư, như đã nói trước, đã thêm chi tiết *người công-giáo* vào, và chúng tôi nghĩ nên giữ lại ở đây, vì nó có thể làm chứng tính cách xác thực của câu chuyện, vì chắc viên quan công giáo đó đã có liên lạc với linh mục.
2. *Chính biên Liệt truyện* p. 30, 3b.
3. Linh mục Jumilla viết: Ngày thứ ba, quân Tàu ở cánh phải giết được viên tướng can đảm nhất của đạo quân Chúa là On-doi-Be. Quân Chúa phải bỏ chạy và bọn khởi nghĩa thắng. *B.S.E.I.*., tập 15, 1940, 75.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Bên đối phương, chỉ có ba đạo quân, một đạo là người Tàu của Tập Đình và Lý Tài, một đạo gồm người thiểu số, và hai đạo nầy chia làm hai cánh để tiến với đạo thứ ba gồm người Việt đi ở giữa. Hai bên gặp nhau ngày 2 tháng 11 ở địa đầu các tỉnh Qui nhơn và Quảng ngãi. Họ đánh nhau ba ngày không phân thắng bại; nhưng ngày thứ ba, đạo quân Tàu ở bên cánh phải thắng thế, làm cho quân triều đình thua chạy. Kết quả, Sùng và Quang tử trận. Quân Tây sơn đuổi theo, họ ra chiếm tỉnh Quảng ngãi, thâu được nhiều khí giới, đại bác. Theo một chính sách như khi lấy được thành Qui nhơn và Phú yên, họ đốt dinh trấn và lập một dinh khác. Nhưng đó mới là một thắng lợi đầu tiên. Thử thách còn nhiều, dầu sao quân Tây sơn sẽ không nãn chí.

Thua trận, quân Chúa Nguyễn rút mãi về dinh trấn Quảng nam, bây giờ gọi là Dinh Chàm, để dễ đường lui xuống Hải phố tẩu thoát những khi bị bí. Phần quân Tây sơn, họ lấy Quảng ngãi rồi dần dần đi phá phách các nơi. « Cứ mỗi ngày, họ chiếm thêm một đoạn đất mới, đào hào đắp lũy, cố sức tăng cường. Họ đã làm chủ được một phần tỉnh Chàm (Quảng nam), và chỉ còn vài giờ đường nữa là đến Thiên doa » (gần Đà nẵng) (1).

Tình hình nghiêm trọng chưa bao giờ bằng.

Bây giờ triều Huế mới lo ngại thực sự, và lo ngại đến cuống cuồng cả lên. Nhưng càng cuống cuồng, sự lo ngại của họ càng thiên về tiêu cực. « Các quan ghét nhau như chó với mèo. Họ đã ra lệnh giữ hai quan lớn về dòng tôn thất, cùng sáu quan khác lại, cho là đã có tội trong việc chiến tranh » (2). Họ đặt quân canh ở đèo Hải vân và nghiêm cấm mọi việc thông thương giữa Đà nẵng và Huế. Một đạo binh lớn đã được tập trung lại và nhiều quan to ra cầm quân với Tôn thất Hương (3) làm tiết chế. « Người ta có thể nói được là Chúa đã sai vào tỉnh Chàm tất cả lực lượng của Chúa ». Lúc đó là tháng 12, 1773. Lần nữa, chúng tôi xin nhường lời cho linh mục Jumilla.

---

1. Các chỗ trích trong ngoặc kép ở đây là lời của linh mục Jumilla do tài-liệu đã nói trên.

2. Sử triều Nguyễn không chỗ nào nói rõ về những người bị bắt ở Huế vì có tội trong việc chiến tranh, phải chăng đó là chuyện các ông Tôn-thất-Dục, Tôn-thất-Văn, bị Loan oán ghét và làm hại? (*Liệt truyện tiền biên*) 6, 35a), và q. 2, 23b. Tôn-thất-Văn, còn gọi là Tôn-thất-Mão.)

3. Tôn thất Hương, *Chính biên Liệt truyện* q. 30, 4a.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

« Ngày lễ Thánh Tô-ma ngày 21 tháng 12 xem ra là ngày Thiên ý đã định cho chúng tôi sa vào tay quân khởi nghĩa. May sao, hôm đó, đạo quân hùng hậu của Chúa ở Hải phố xuất hành. Đạo quân nầy có đến năm nghìn người và do một quan anh hùng nhất trong tỉnh chỉ huy (4). Hai bên gặp nhau ở phía trong Thiên-doa vào ngày 22 tháng 12. Chiều ngày 23, quân Chúa đã chiếm được lũy ngoài. Chiến tranh tiếp diễn qua ngày 24, một lũy nữa bị phá và bọn khởi nghĩa phải lùi. Nhưng ở cánh trái, các quan của Chúa chống với người thượng bị thua phải lùa cả voi mà chạy. Vị tướng anh hùng kia quay về phía nầy và ngăn được người thượng. Người ta còn đánh nhau dữ dội suốt cả ngày 25, bọn nổi dậy phải rút vào căn cứ cuối cùng, rất vững chắc của họ. Họ cầm cự với sức tấn công của ba đạo quân Chúa suốt một ngày rưỡi. Quân Chúa thì một đạo đánh theo đường thủy nhờ các chiến thuyền ,một đạo theo đường bộ đi về phía núi, và đạo thứ ba ở giữa với vị tướng rất anh hùng ấy. Tiếng súng kéo dài đến chiều ngày 26, và ở đây (ở Thiên doa,chỗ linh mục Jumilla đang làm việc) chúng tôi nghe được. Hồi chập tối hôm đó, một loạt súng ngoài chiến thuyền bắn vào, xuyên qua lũy làm cho viên chỉ huy giỏi nhất của phe khởi nghĩa bị thương ở hông. Quân Chúa không biết việc đó vì lũy cao, nhưng hôm sau, ngày 27, họ thấy rằng bọn phiến loạn đã rút ra khỏi lũy và dưới lũy thấy xác hai tên lính cùng viên chỉ huy danh tiếng kia, tức là một trong 18 tướng của phe khởi nghĩa. Quân Chúa thắng, phe nổi dậy rút vào Quảng ngãi, quân Chúa đuổi theo ».

Đối chiếu các điều do một người chứng đương thời kể lại đó với các sách sử chép về sau của sử quán triều Nguyễn và của các tư nhân, thật khó mà tìm được đích xác tên các người có nói đến trong câu chuyện và những địa danh cần thiết. Dầu sao mặt trận của tháng 12, năm 1773 đã khai diễn ở Quảng nam và kết quả là quân Chúa Nguyễn đã có thể đuổi được Tây sơn ra khỏi tỉnh đó, sau khi bọn nầy đã phá phách nhiều trong một thời gian.

Mặt trận 1774: Tây sơn đã từng chiếm cứ từ Quảng nam đến Bình thuận.

Vào đầu năm 1774 (mùa đông năm Quý tỵ, và mùa xuân năm Giáp ngọ), tình hình rất đen tối cho bọn khởi nghĩa Tây sơn. Họ phải rút lui,

---

4. Viên tướng nầy, có lẽ là Nguyễn cửu Dật. *Liệt truyện tiền biên*, q.4. 11b-12a; *chính biên*, q.30, 4d.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

rút mãi cho đến nỗi, quân triều Huế đã chiếm lại được hai phần ba tỉnh Qui nhơn. Nhưng cổ nhiên là Nguyễn Nhạc cùng các em ông không thể bó tay chịu chết. Đang khi quân Chúa tự hào, tự phụ, vì đã thắng trận liên tiếp, Nhạc cùng các tướng sĩ của ông đem hết tài mưu lược để bố trí tấn công, và họ đã đoạt được một trận thắng to tát chưa bao giờ bằng ở núi Bích kê, thuộc tỉnh Qui-nhơn. Bích kê là một hiểm địa, chỉ có một đèo nhỏ vắt qua. Bấy giờ quân Chúa đóng ở đó, có Tôn thất Hương, tổng nhung Thành, tán lý Thiện và các tướng sĩ khác. Đầu tiên, Nhạc cho Nguyễn Thung đem quân đến thử sức, nhưng không kết quả gì, như ông đã đoán trước. Vậy ông sai bọn Tập Đình, Lý Tài, theo đường Mán rừng, qua Đồng dài rồi xuống sông Lệ giang, ở Bồng sơn, chia đạo ra mai phục để chặn đường về của quân địch. Nguyễn Thung thì đem quân đến phía nam núi Bích kê để chờ tiếp ứng (1). Quân Tây sơn sắp đặt như vậy xong, thì « ngày 1 tháng 2, 1774, lúc 9 giờ tối, họ đột kích quân Chúa lúc đó đang đóng ở sườn núi, gần một ngõ hẻm. Quân Chúa chỉ có thể thoát qua một đường rất hẹp. Tất cả xô đồ nhau chạy một cách hết sức hỗn độn. Hơn bốn mươi voi của đoàn quân Chúa thấy rộn ràng và nghe tiếng la ó của bọn khởi nghĩa cũng hốt hoảng chạy trốn, đạp chết nhiều người hơn là chính bọn khởi nghĩa giết, bởi vì đường hẹp, và voi giày lên trên đoàn người đang tẩu thoát. Quan tiết chế, cùng các quan đâm đầu chạy suốt cả đêm không nghỉ, vượt được một quãng đường bằng một ngày đi. Sáng hôm sau, ngày 2 tháng 2, khi quan tiết chế nghỉ lại trong một nhà thường dân và ăn uống với một quan khác, bỗng chừng hai chục người Tàu trong toán quân khởi nghĩa xông vào nhà, lấy lao, giáo, giết chết. Quân Chúa hoàn toàn bị tiêu diệt. Người ta đồn rằng số lính triều đình bị quân khởi nghĩa giết, hoặc bị voi giày, lên đến một nghìn sáu trăm. Sau cuộc thảm bại nầy của quân Chúa, bọn khởi nghĩa chiếm tất cả khí giới và một số voi. Trong vòng bảy ngày họ lấy lại được hết các tỉnh họ vừa mất » (2). Bấy giờ chẳng những quân Tây sơn trở ra Quảng nam

1. Các chi tiết về việc bố trí của quân Tây sơn trước khi đánh trận Bích kê nầy, lấy ở quyển *Tây sơn sử truyện*; các chi tiết đó phù hợp với câu chuyện do linh-mục Jumilla kể. Hãy so với *Chính biên Liệt truyện* q. 30, 4a.

2. *Chính biên Liệt truyện* . q. 30, 4a, chép: Tháng chạp năm đó (năm Quý tỵ), tiết chế Tôn thất Hương đem quân của nội phủ cùng tất cả thân binh mở mặt trận lớn. Khi ông đến núi Bích khê, bị các tướng giặc là Tập Đình, Lý Tài, phục binh giết chết, binh sĩ còn bao nhiêu đều chạy tán loạn. — Xem đó, các sử gia triều Nguyễn không thận trọng [illegible] tóm tắt các biến cố bao nhiêu.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

lần thứ hai, mà còn cho người vào chiếm cứ các tỉnh miền nam từ Phú yên vào cho đến Bình thuận. Họ cũng đã thử đánh vào Gia định nhưng không có kết quả gì. Thanh thế Tây sơn, sau trận Bích kê thật là lừng lẫy.

Nhưng để cho địch chiếm Quảng nam, triều Chúa không sao yên được. Nếu không đánh dẹp, chắc không chống thì chẳng họ sẽ ra xâm phạm kinh thành, hoặc bằng đường bộ qua đèo Hải vân, hoặc bằng đường thủy khởi sự từ Đà nẵng. Bởi đó Chúa sai Tôn thất Thăng cầm quân vào đánh. Không ngờ Thăng quá sợ thể giặc, vào chưa đến nơi đã trốn về cả đêm.(1) Ngày 4 tháng 3, Chúa lại sai một tướng khác, « một quan lớn, anh rể của Chúa », đem lực lượng vào chinh phạt. Hai bên đánh nhau bất phân thắng bại qua 11 ngày trường ở vùng gần Đà nẵng. Cuối cùng quân Chúa phải rút. Thử hỏi người « anh rể của Chúa » nói đây là ai ? Chúa Võ vương có đến 12 người con gái và trong số đó mười người lấy chồng. Trong mười người con rể của Võ vương nầy, có thể đứng ra cầm quân đời Duệ tôn, có lẽ không ai bằng Nguyễn cửu Thông, chồng của Ngọc Tuyên. Thông đã được cử đi đánh Tây sơn lần đầu và bị bại ở trận, và nay có lẽ đã được cử đi lần nữa, nhưng cũng không may mắn gì hơn. (2) Quân Chúa thua không lạ gì, vì lực lượng bọn khởi nghĩa lúc đó có đến 26.000 người. Họ chiếm tất cả các nơi như Dinh Chàm, Hải phố, hải cảng Đà nẵng. Họ được tự do tung hoành trong hai tháng bấy giờ quân triều Huế mới kéo vào lần nữa.

Quả thế, vào quảng tháng năm, « hai người bà con với Chúa » dẫn hai đạo quân và nhiều chiến thuyền vào đánh Tây sơn. Chiến thuyền mỗi chiếc có 50 lính và ba đại bác cùng nhiều súng và khí giới khác. Chiến tranh khai diễn gần dinh Chàm. Quân Chúa đã chiếm được thành đó dễ dàng, vì đánh trận đầu, quân Tây sơn đã thua. Người Tàu, kẻ thì bị bắt đem ra chém, kẻ thì bị chết đuối khi trốn chạy qua sông Thu bồn. Phần người Việt trong đoàn quân khởi nghĩa không phải thiệt hại bao nhiêu, vì bấy giờ họ đang rải rác khắp các nơi để cướp bóc. Khi họ rút, họ còn phá phách đủ điều, bởi đó lòng dân rất oán hận họ. Họ đã không còn là những kẻ cướp hiền lành của một năm về trước nữa. Linh mục Jumilla thuật: « Trước khi rút bọn khởi nghĩa tàn hại cả miền, không còn để lại

1. Tôn thất Thăng, con Tôn thất Tứ, và Tứ là hoàng tử thứ 8 của Chúa Hiền tôn *Liệt truyện tiền biên*, q.2, 19a.
2. *Liệt truyện tiền biên* ,q.2, 40b; *Chính biên* , q. 30, 3b.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

một con gà, con vịt, nào sống, thế là đủ biết. Họ lấy mất 82 đại bác người Hòa lan và người Anh đã dâng Chúa Nam hà để giữ thị trấn của tỉnh nầy, là tỉnh trong đó có hải cảng Đà nẵng. Họ cũng bắt hết 45 voi, lấy nhiều khí giới, trống, cờ, và vô số các vật hạng khác. Mỗi quan Tây sơn rút đi với 12 thuyền đầy của cải, chở theo đường biển, cho đến chỗ họ ở. Họ đã đốt mất dinh của Chúa ở trong thành, đốt nhiều nhà các quan, và đốt cả chín đền thờ nằm trong vòng thành, dâng kính chín vị Chúa đã cai trị nước nầy kể từ khi tách ra khỏi Bắc hà » (1).

Theo thời gian nói trên, trận này xảy ra vào đầu mùa hạ năm Giáp ngọ. Nhưng trong *Chính biên liệt truyện*, không thấy nói gì đến. Có phải người chỉ huy trận nầy cũng là một người như trận sau, nghĩa là Tôn thất Nghiêm không? Không, vì Nghiêm là con của Tôn thất Điển, hoàng tử thứ 12 của Chúa Hiển tôn (1691-1725) (2), nên không phải là « chú » và càng không phải là giượng hay cậu của Chúa Duệ tôn được, mà theo linh mục Jumilla thì những kẻ chỉ huy của trận nầy là « chú «hoặc dượng, cậu) và anh của Chúa ». Ghi nhận như thế chỉ là để phân biệt trận nầy với trận xảy ra vào cuối mùa hạ có nói trong Liệt truyện, chứ không thể nào xác định được hai người chỉ huy trận đánh đó là ai vì không có đủ khảo cứ cần thiết.

Sau khi thua trận, quân Tây sơn triệt thối, nhưng họ đi không xa. Quân Chúa còn phải đánh mãi trong vòng một tháng mới đuổi được họ ra khỏi tỉnh Quảng nam. Nói cho thật, lần nầy quân Tây sơn thất bại chẳng qua là vì họ quá say mê đi ăn cướp của nên quên cả phòng bị, chứ không phải quân Chúa mạnh mẽ gì, vì thế không lâu nữa họ sẽ trở lại. Bấy giờ có hai tàu buôn Bồ đào nha từ Ma-cao đến Đà nẵng. Khi chủ tàu ra Huế gặp Chúa thì Đà nẵng bị quân Tây sơn tái chiếm. Quân Chúa chiến đấu kịch liệt trong ba ngày đã bị thua, rút cả về kinh đô, để lại sáu thuyền đạn dược trong tay địch. Một thuyền của bọn khởi nghĩa đến gần tàu Bồ, nhưng nghe tàu bắn hai phác đại bác thị uy, liền dừng lại không dám đến gần, chỉ hỏi qua loa rồi đi, không quấy rối gì. Gặp lúc lộn xộn, tàu phải để hàng hóa và người ở lại bán rồi ra đi.

Làm chủ được Quảng nam lần nầy quân Tây sơn xem ra táo bạo hơn các lần trước. Chưa đủ sức để tiến ra Huế, họ cố làm sao dồn kinh đô

1. *B.S.E.I.* tập 15, 1940, 80.
2. Về Tôn-thất-Điển và Tôn-thất-Nghiêm, xem *Liệt truyện tiền biên*, q.2. 18b-19a.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Chúa Nguyễn vào ngõ bí. Để phong tỏa về mặt kinh tế, họ cắt hẳn các đường thông thương thủy bộ với triều đình làm cho giá sinh hoạt ở đây vọt lên rất cao. Linh mục Jumilla lúc đó đang ở Huế cho biết rằng « triều đình trải qua một cơn đói rão riết, vì chỗ nầy không sản xuất gì, và tất cả thực phẩm phải mua ở ngoài vào » (1). Cũng theo tác giả đó, thường năm đến độ tháng sáu thường có hằng nghìn thuyền chở thóc ở Gia định ra tiếp tế, nhưng năm đó, không có một thuyền nào. Khi Mạc thiên Tứ biết được tình trạng thiếu ăn ở Huế cho chở lúa ra lại bị quân Tây sơn chận đường lấy hết ở ngoài khơi Qui nhơn. (2)

Không thể ngồi vậy đợi chết, ngày 29 tháng 7, một đạo quân của Chúa lại từ Huế vào Quảng nam. Chỉ huy lần nầy không phải người nào khác ngoài Chúa Duệ tôn, có hữu chưởng cơ Tôn thất Nghiêm phụ tá. Kinh đô Huế, Chúa giao cho Tôn thất Kính (3) coi giữ với chức Quyền giám quốc sự. Không ngờ đoàn quân nam phạt ra đến cửa Tư dung (Tư hiền), bỗng được tin đại binh họ Trịnh đang kéo vào xâm lấn. Chúa cùng Nghiêm vội vã trở về, để tất cả việc cầm quân đi đánh Tây sơn cho Tả quân đại đô đốc, Du quận công, Nguyễn cửu Dật (4). Cửu Dật là một viên tướng dũng lược. Ông dùng mưu kế để chống lại địch quân. Một đàng ông cho đốt lửa trên núi để làm kế nghi binh, đàng khác ban đêm ông dẫn đến đánh, nhờ đó ông đã chiếm lại được kho Mỹ thị, và đuổi quân Tây sơn lùi về đóng ở Thiên lộc. Đây là một chỗ hiểm yếu, trước có sông, sau có khe. Cửu Dật bèn cho thuyền nhỏ len lỏi vào giữa khe ban đêm để đột ngột đánh, đang khi đó các thuyền lớn tấn công ở đàng trước về phía sông. Lần nữa, quân Tây sơn thất bại phải lui về Bạn tân, chỗ giáp giới Quảng nam và Quảng ngãi.

Trong thời gian Nguyễn Nhạc chiến đấu với Chúa Nguyễn ở Quảng nam, khi thắng khi bại, thì ở các tỉnh miền Trong từ Phú yên trở vào cho đến Bình thuận, bộ đội Tây sơn phải triệt hồi dần dần, trước sức tấn công của một lực lượng của ngũ dinh ở Gia định tiến ra. Vào đầu năm 1774, họ đã cầm cự có hiệu lực chống với quân Tây sơn. Vào tháng 7 năm đó,

---

1. *B.S.E.I.*, tập 15, 1940, 82.
2. *Liệt truyện tiền biên* q. 6, 8b.
3. Tôn-thất-Kính, hoàng tử thứ 7 của Võ vương, *Ibid* q.2, 23a.
4. Nguyễn cửu Dật, đã đánh thắng Tây sơn nhiều trận, ủng hộ Hoàng tôn Dương lên làm đông cung và đã chết đuối ở biển khi đi thuyền Nam theo lệnh của Duệ tôn. *Liệt truyện tiền biên* , q.5, 10...

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

quan điều khiển Gia định là Nguyễn cửu Đàm sai trấn thủ Long hồ là Tông phúc Hạp (1) và cai cơ Nguyễn khoa Toàn đem tướng sĩ năm dinh cùng nghĩa quân các đạo ra lấy lại Bình thuận, Diên khánh, Bình khang, rồi đóng ở Vân phong, chực đánh lấy Phú yên.

Như thế, vào mùa đông năm Giáp ngọ, Nguyễn Nhạc đang thấy thế lực của mình thu hẹp lại trong các tỉnh Phú yên, Qui nhơn, Quảng ngãi, và phần đất ông đang chiếm đó cũng không phải chắc chắn gì đã là của ông, vì Phúc Hạp còn có thể đi ra và Cửu Dật cũng còn có thể đi vào. Rồi khi được tin đại quân của họ Trịnh vào nữa, quân Tây sơn như bị ép vào giữa hai gọng kìm, thật là tình trạng một mất một còn, hết sức khó xử. Nhưng bây giờ, Nhạc cũng vẫn là người đa cơ trí như mấy năm về trước và ông sẽ tìm được một lối thoát có lợi. Nhất là lúc đó người ta đã thấy được trong hàng ngũ Tây sơn một ngôi sao đang mọc, đó là Nguyễn Huệ. Chính ông sẽ thắng Tông phúc Hạp ở Phú yên, thắng họ Nguyễn ở Gia định và thắng họ Trịnh ở Bắc hà để lập nên sự nghiệp cao cả của nhà Tây sơn trong lịch sử.

II. TÂY SƠN LÀM TÔI HỌ TRỊNH

Quân họ Trịnh vào Nam hà.— Việc quân họ Trịnh vào lại Nam hà là một biến cố đáng kể. Thật vậy, kể từ tháng 11 năm Nhâm tý (hay là tháng giêng, 1673) khi vua Lê gia tôn (1671-1675) và Chúa Trịnh Tạc (1657-1682) bỏ đất Bố chính về Bắc hà (2), thì bên Trịnh cũng như bên Nguyễn — bây giờ là Chúa Nguyễn phúc Tần (1648-1687) — cả hai đều thỏa mãn, bên nào cũng kể mình là kẻ thắng trận sau gần nửa thế kỷ chiến tranh, và bằng lòng lấy sông Gianh làm cương giới chia Nam Bắc. Dầu vậy họ Trịnh không bao giờ quên rằng trên nguyên tắc, Nam hà vẫn là đất vua Lê, và bởi đó, hễ có cơ hội, họ không khỏi kéo quân vào lấy lại.

Chẵn một thế kỷ sau, tức là năm 1773, với cuộc khởi nghĩa của quân Tây sơn ở vùng Qui nhơn, cơ hội tốt đã đến cho họ Trịnh. Chúa Trịnh Sâm bấy giờ rất biết tình hình lúng túng của Chúa Duệ tôn ở kinh đô

---

1. Tông phúc Hạp, cháu của Tông phúc Trị, làm trấn thủ Long hồ rồi ra đánh Tây sơn ở Phú yên. Khi quân Tây sơn vào đánh Gia-định năm 1775, Chúa Duệ tôn gọi ông vào và ông mất tại đó. *Ibid.* q.3, 6a-7b.
2. *Cương mục*, q. 33, 35a; *Thực lục tiền biên*, q.5, 16b.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Thuận hóa. Chẳng những có giặc, Nam hà lại đói kém, bị Trương phúc Loan gây than oán trong nhân dân, mà còn có kẻ trong nhà Chúa là Tôn thất Văn cho người ra tận Bắc hà cầu cứu. Hỏi như thế, đại gì không « thừa hẳn dĩ thủ đại lợi » ? Huống hồ lúc đó lực lượng Bắc hà đang ở vào thời đại thắng, mà lại dẹp được loạn ở Hưng hóa 1761, ở Trấn ninh năm 1770. (1)

Với kinh nghiệm đau buồn của thời hai họ tranh hùng, cuộc Nam xâm lần nầy được sắp đặt hết sức cẩn thận. Trịnh Sâm không quyết định cho đến khi trấn thủ Nghệ an Bùi thế Đạt và Hoàng ngũ Phúc cùng Nguyễn Nghiễm tán thành, báo cáo về là tình hình có thể cho Bắc hà nắm thắng lợi. Người đứng ra làm đại tướng chỉ huy sĩ tốt là chính lão tướng Hoàng ngũ Phúc. Nhiều tướng sĩ hữu danh được cử theo giúp, như Phan lê Phiên, Uông sĩ Điển làm tham biện, Hoàng phùng Cơ, Hoàng đình Thế làm thuộc tướng, Hoàng Lệ, Hoàng đình Báu, giúp việc điều khiển. Lực lượng tất cả là ba vạn người, gồm tướng sĩ, thủy binh, bộ binh của ba mươi dinh cùng các đạo Thanh hóa, Nghệ an. Biết Thuận hóa đói nên việc lương vận cũng được định đoạt chi tiết. Sẽ có lương trường ở Mỹ lộc, Sơn nam, do Nguyễn đình Điển quản lãnh, một cái ở Hà trung, Nghệ an, do Nguyễn Thục quản lãnh, và cái nữa ở Đồng hới, Quảng bình, do Ngô Dao quản lãnh (2).

Đâu vào đó cứ vậy rồi, Trịnh Sâm để cho Hoàng ngũ Phúc ra đi vào khoảng tháng năm năm Giáp ngọ (1774). Dầu vậy, Sâm chưa được yên lòng. Ông biết rất có thể có đại lợi như ông trù tính, nhưng không phải là đã hoàn toàn nắm chắc trong tay. Giả sử nhỡ ra thất bại, thì tai hại biết dường nào. Bởi đó Hoàng ngũ Phúc vừa đi, ông đã viết theo một thư để dặn dò. Thư đó đại ý nói: « Khi công đến Nghệ an, nên tùy cơ qui liệu, trước hết hãy viết thư cho biên tướng nói dối rằng mình đến đây chỉ là để đề phòng kẻo quân Tây sơn tràn ra quấy phá mà thôi, nói vậy để dò tình hình đã. Nếu giặc Tây sơn đã yên, thì lại viết thư nữa nói rằng mình đã

---

1. *Cương mục*, q.44, 10b: « thừa hẳn dĩ thủ đại lợi » nghĩa là nhân dịp đó hãy gây sự để chiếm được lợi lớn. Thực sự lần nầy Trịnh Sâm đã làm được việc mà mấy đời Chúa trước trải qua nhiều lần chiến tranh không thể làm được, tức là chiếm kinh đô Thuận hóa.

2. *Cương mục*, q.44, 11b. Khi kể lại chuyện nầy, *Thực lục tiền biên*, q. 11,21a, nói rằng Sâm đã đặt Hoàng ngũ Phúc làm Thống tướng, chứ không phải đại tướng và Ngũ Phúc lãnh tướng sĩ 23 dinh, chứ không phải 33 dinh như *Cương mục*.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

đạt ý nguyện, rồi rút quân về. Đừng để cho người ta sinh nghi mà gây lộn xộn ở biên giới » (1). Với thư nầy, chúng ta nhận được rằng Trịnh Sâm không phải vì lợi mà nhất thiết liều mình gây sự với Chúa Nguyễn, trái lại ông muốn có một lý do bề ngoài để đem quân vào Thuận hóa. Đàng khác sự lo ngại của ông còn phát tích bởi kinh nghiệm của những cuộc « lộn xộn ở biên giới hơn một thế kỷ trước, và nay ông không muốn để cho tái diễn.

Chúa Trịnh càng lo ngại hơn khi ông nghe tin Hoàng ngũ Phúc đã tiến vào đến đất Nam hà. Không thể ngồi yên được nữa, Sâm bèn giao việc cai trị kinh đô lại cho các ông Nguyễn đình Hựu, Nguyễn Hoàn, Nguyễn đình Huấn, Lê quí Đôn, để tự mình cầm quân ra đi phòng cứu viện Hoàng ngũ Phúc. Ông chia quân làm bốn đạo, đặt Phạm huy Đính làm tiền tướng quân, Trương Khuông làm hậu tướng quân, Nguyễn Nghiễm (2), Lê đình Châu làm tả, hữu, tướng quân, tất cả đến Hà trung, Nghệ an, vào tháng 11, và ở lại đó nghe ngóng tin tức (3).

Phần Hoàng ngũ Phúc, khi đến Hà trung, ông vâng lời Trịnh Chúa gửi thư cho biên tướng Nam hà lấy danh nghĩa kéo quân vào giúp Chúa Nguyễn dẹp giặc, rồi ông cứ tiến. Vào tháng chín, ông đến bắc Bố chính và nhờ có một tên tri phủ Nam hà phản bội tên là Trần Giai chỉ đường (4), ông đã biết rõ mọi việc phải làm. Ông truyền cho Ngô Dao đóng quân ở làng Đại đan, gần Ba đồn ngày nay, rồi ban đêm ngầm cho quân qua bên kia sông Gianh và đến đóng ở làng Cao lao (5).

Thư của Hoàng ngũ Phúc đã được chuyển đến Duệ tôn đang khi Chúa ra cửa Tư dung đi đánh Tây sơn. Chúa cùng đi tới Tôn thất Nghiêm vội vàng trở về kinh để trù nghị đối phó. Tức khắc Tổng hữu Trường được đặt làm thống suất lưu đồn ở Quảng bình và Tôn thất Thiệp làm trấn thủ Bố chính để chận đường quân địch. Tiếp đến tin Trịnh tướng đã vượt cương giới vào đất Nam hà, Chúa dùng mưu, sai cai đội Quý Lộc và câu đê Kiêm Long ra ngay Quảng bình với sứ mạng mua chuộc Ngũ Phúc, như mở tiệc đãi tướng sĩ Bắc hà vì đã có nhã ý vào giúp diệt giặc

1. *Cương mục*, q. 44. 11b.
2. Nguyễn Nghiễm, tổ phụ của thi sĩ Nguyễn Du.
3. *Ibid*, 18b-19a.
4. Trần Giai được Ngũ Phúc đặt làm hậu đạo và về sau bị Tây sơn giết. *Thực lục tiền biên* q.11, 21b.
5. Cao lao ở huyện Bố trạch. *Cương mục*, q. 44, 18a.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Tây sơn. Việc của hai sứ giả đó là thuyết phục làm sao cho Trịnh tướng kéo quân về Bắc, mà nếu không được việc đó thì ít nhất cũng cố dùng giằng làm sao để Thuận hóa có đủ thì giờ chuẩn bị chiến tranh. Nhưng những người Duệ tôn sai đi lại không thật lòng gì với Duệ tôn. Lòng oán ghét sự thối nát của triều Chúa Nguyễn đã choán tâm hồn họ, khiến họ đã phản bội một cách khôn khéo. Khi Ngũ Phúc hỏi ý kiến họ về việc tiến thối nên hư thế nào, thì họ đáp với một câu tục ngữ: « Lộ bất hành bất chí, chung bất khẩu bất minh » (đường không đi không đến, chuông không đánh không kêu). Ngũ Phúc biết rõ là họ mời mình tiến, nên lại sắp đặt lên đường (1).

Thấy quân họ Trịnh tiến, Bố chính dinh trấn thủ Tôn-thất Thiệp và ký lục Bảo Quang lui về giữ Đồng hới. Lúc đó Hoàng đình Thể kéo quân đến trước lũy Trấn ninh. Lũy bấy giờ vẫn đứng « thiên hiểm » (vững chắc như trời) như bao năm về trước. Nhưng thử hỏi lũy vững mà làm gì nếu chỉ con người đã yếu? Vì vậy các biên tướng Chúa Nguyễn như mã quân cai đội Hoàng văn Bật, Lê thập Thí, và bọn thú tướng Luận Chính, Thành Tín, mở cửa lũy cho địch vào. Bắc quân trống đánh cờ mở, khải thắng qua lũy Trấn ninh rồi phá hủy đi. Các quan Nam hà, như Tôn thất Thiệp, trấn thủ Quảng bình Liêm Chính, thống suất Trường, chỉ còn một đường nữa là bỏ chạy. Hoàng ngũ Phúc chiếm xong cả Quảng bình liền đem quân vào đóng ở Hồ xá ở địa đầu tỉnh Quảng trị (2).

Xưa nay, sở dĩ quân họ Trịnh không xâm phạm được Nam hà là bởi Chúa Nguyễn có các lũy kiên cố ở Quảng bình. Nhưng một khi các lũy đó đã không còn nữa thì kinh đô Thuận hóa dầu chưa bị đánh cũng đã nằm trong tay người Bắc. Song le Hoàng ngũ Phúc cũng không dám bạo hành. Ông cố che đậy thâm ý xâm lăng của ông dưới một bài hịch dài kể tội Trương phúc Loan và đề cao thiện chí của ông. Đại ý bài hịch nói:

Tả tướng Trương Phúc Loan là người đầu sao tiểu khí, quỉ vực tà tâm, thân thiết với hạng đàn bà con gái, tử tế với bọn thao thiết xu cơ; tin dùng những kẻ gian nặc, hãm hại những người trung lương, tìm cách ly cựu gián thân để cho đảng thêm mạnh, bày mưu chiêu quyền nạp đảng để cho mình càng giàu, tự ý giết kẻ nầy lập kẻ khác, thật có tay cố chân mà chẳng khác gì sài lang, thích thú về những điều cay việc độc, thật đội mũ

1. *Ibid.*; *Thực lục tiền biên*, q.11, 22b.
2. *Cương mục*, q.44, 19a.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

mặc quần mà giống hệt như cầm thú, lấy thuế dân nặng như hút máu mủ, bớt lương lính như nhổ răng nhổ móng. Cách cai trị nguy cấp như cháy lông mày, các hình phạt thâm độc như chọc thủng mắt, xui dân oán hận, đảo lộn ngôi thứ, khiến quân Tây sơn kết tụ bọn gian manh làm đồ đảng, đông như kiến như ong, rồi chiếm cứ đất mấu mỡ tỉnh Quảng nam, lùng chạy khắp nơi như heo như sói; thế của giặc nổi lên mạnh bằng trời, bọn lưu manh ở biên giới tràn ra khắp mặt đất. Vì vậy, muốn làm cho dân chúng sống lại, tôi mới vội đem binh sĩ dầy sinh lực vào để trước là giết cường thần sau là dẹp loạn tặc, khử trừ tàn bạo, cứu vận nước cho khỏi gian nguy để bảo tồn tục thống và duy trì việc tế tự tiền vương. Thật tôi vì nghĩa cứ vào cứu gian nan chứ không phải vì lòng tham muốn thừa lúc nguy cấp để lợi dụng » (1).

Đọc bài hịch của vị lão tướng họ Trịnh, người ta thấy lời lẽ có khác nhưng nội dung giống như bản cáo trạng các sử gia họ Nguyễn viết về Loan đã trích lại ở một chỗ trước đây. Thật tội của Loan không thể nào dung thứ được nữa. Bởi đó, dầu triều Huế thừa biết mánh tâm của Hoàng ngũ Phúc, cũng nhân dịp đó để thanh toán một tên gian thần. Các ông Nguyễn cửu Pháp (2), cha của Nguyễn cửu Đật, và Tôn thất Huynh (3) bắt quan quốc phó đem ra Hổ xá nộp cho Ngũ Phúc. Các thủ hạ hống hách của Loan, như Thái Sinh đều bị trừ khử. Được Loan, Ngũ Phúc giữ lại không giết. *Liệt truyện* thuật rằng: « Loan sai con ông đem vàng bạc ra hối lộ Trịnh tướng bằng ngàn vạn cách. Ngũ Phúc giữ Loan ở giữa ba quân. Con ông lại đem vàng hối lộ các kẻ canh ngục. Họ hỏi vàng đâu mà nhiều vậy? Con ông đáp nhờ bán ruộng vườn mà có. Mùa đông năm Bính thân (11776), Loan bị giải ra Thăng long, nhưng ông chết dọc đường » (4).

Được Trương phúc Loan chưa phải là đạt mục đích, nên Hoàng ngũ Phúc cứ tiến. Nhưng biết rằng đến chặng nầy, lý do của cuộc tiến quân không còn mạnh như trước nữa, Ngũ Phúc đã hạ cờ xếp trống để đi từ Hổ xá vào Đăng xương, ở giữa tỉnh Quảng trị. Phải chăng việc hạ

---

1. *Thực lục tiền biên*, q.11, 23ab. Đầu sao là cái gàu đan bằng tre.
2. Nguyễn cửu Pháp, con thứ tư của Nguyễn cửu Thể, và là con rể của Chúa Túc tôn *Liệt truyện tiền biên*, q. 4, 10a.
3. Tôn thất Huynh, con thứ tư của Thế tôn (Võ vương). *Ibid* q.2, 24b.
4. *Liệt truyện tiền biên*, q.6, 35b-36b.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

cờ đặc biệt đó đã khỉ sự ở làng nay gọi là làng Hạ cờ? Không ai biết rõ, nhưng thực sự Ngũ Phúc đã đổi chính sách bắt đầu từ chặng đường nầy (1) Ở Đăng xương, Ngũ Phúc hỏi dò dư luận. Trong các hiền sĩ lại có người ủng hộ ông. Thư sinh Trần duy Trung làm thơ xin gặp ông, rồi cho ông biết rằng quân Chúa Nguyễn không giỏi trong việc đánh bộ, chỉ sở trường trong thủy chiến; vậy Trịnh quân ở xa đến không nên tranh giành với chỗ sở trường. Ngũ Phúc cho là phải, giữ Trung lại và hứa cho chức câu đê. Ông cũng biên thư vào Huế xin đem quân vào giúp trừ giặc Tây sơn.

Phú xuân đổi chủ.— Triều Huế thấy rõ nguy cơ, bèn hoạt động một cách gấp rút. Một mặt Chúa đặt Tôn thất Thiệp làm thống binh thuộc nội và cai đội Đặng quản cấm vệ quân để đi ngự giặc, đàng khác sai cai đội Tuyên Chính, tham mưu Thành Đức giả ra đầu hàng để dụ dỗ quân Trịnh, cùng gởi cai đội Phẩm Bình ra ngoài Quảng bình, Bố chính kêu gọi dân chúng ủng hộ đứng dậy chận đường về của lực lượng Bắc hà. Không may, công việc sắp đặt không xuôi vì Phẩm Bình bị địch quân bắt, Tôn thất Thiệp bị các tướng Trịnh là Nguyễn tiến Khoan và Hoàng phùng Cơ đánh bại, còn Đặng thì chưa đánh đã chạy. Và Ngũ Phúc tiến vào một chặng nữa đến sông Bái đáp.

Duệ tôn nỗ lực lần cuối cùng, đặt Tôn thất Chất làm tiết chế, bộ binh, Tôn thất Dinh làm tiết chế thủy sư, Nguyễn đăng Trường làm tham tán quân vụ đem hải đạo gồm 20 thuyền chia đường xông ra cự chiến, nhưng không được việc gì. Duệ tôn bèn gọi Tôn thất Chất về, cho Nội tả chưởng dinh Nguyễn văn Chính, ra thay để chỉ huy tất cả lực lượng bộ thủy. Nhưng vận Chúa Nguyễn đang suy chẳng khác gì một ngôi nhà đổ sộ đang ổ ạt đổ, cái gì hình như cũng đua nhau nhào xuống để đè bẹp vị Chúa cuối cùng. Nguyễn văn Chính là người có sức, nhưng không có tài, hơn nữa càng không có đức, rượu chè, ba hoa; rồi quân đội dưới quyền của Chính lại là những vệ binh, cấm binh, không quen việc chinh chiến, vì tất cả tinh binh đang còn ở trên mặt trận Quảng nam, thêm vào đó dân tình không ủng hộ, khiến cho mọi công việc đều hỏng cả. Khi Chính nhận nhiệm vụ mới, chưa lo gì phòng bị trong tình trạng khẩn cấp, ông đã nghĩ đến việc giết cai đội Đặng vì tội đã bỏ trốn để làm gương cho binh sĩ. Đang lúc đó bên quân họ Trịnh, một mặt Hoàng ngũ Phúc sai Hoàng đình Thể và

---

1. *Thực lục* chép rằng Ngũ Phúc đã « yến kỳ tức cố nhi hành ». *Tiền biên*, q. 11, 23b.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Hoàng nghĩa Phác đi quanh đường núi vượt sông ở chỗ cạn gọi là Trầm và Ma, giết các đốn tướng Nam hà là Tường Quang, Doãn Đức, rồi đi xuống đề đánh tập hậu, mặt khác, ông làm cầu nổi tiến quân qua sông, và như thế bao vây lấy Chính cả hai bên. Kết quả là Chính chết, quân của Chính tan tành, và ngày 28 Tết, tức là ngày 29 tháng 1, 1775, quân họ Trịnh kéo vào phía Phú xuân (1).

Kinh đô Nam hà rối loạn...

Duệ tôn vội vàng truyền cho Tông phúc Đạm đem binh sĩ còn lại trong thành ra ẩn ngự ở Cửa Bắc để ngăn trở Hoàng ngũ Phúc, được giờ nào hay giờ ấy. Đang lúc đó Nguyễn Cốc được đặt làm tả thủy, Võ duy Nguy trung thủy, Trương phúc Dĩnh tiền thủy, cho được lo việc hộ giá và cung quyền di cư. Hoàng tôn Dương đã đi trước vào Đà nẵng theo đường bộ, qua đèo Hải vân. Quảng nam bấy giờ, nhờ tài thao lược của Nguyễn cửu Dật, còn ở dưới thuyền Chúa Nguyễn, và Duệ tôn cũng sẽ vào đó để bàn quốc sự với Dật. Thế là đang khi quân của họ Trịnh cứ tiến, trong đêm 29 lấy làm 30 Tết, trời tối như mực, Chúa Nhuyễn cùng cung quyền rời bỏ Phú xuân, chỗ mà tổ tiên mấy đời đã kế tiếp gầy dựng, để đi vào một tương lai cũng đen tối không kém cảnh trời đang trùm phủ họ.

Nhưng trong đoàn lưu vong lần này, những ai để ý sẽ nhận thấy có một cậu bé gần 13 tuổi (2), tính nết thuần từ, khuôn mặt quắc thước, cũng vội vã bước xuống thuyền đi lánh nạn. Có cậu, tương lai họ Nguyễn không đến nỗi hoàn toàn thất vọng, vì cậu đó tên là Nguyễn Ánh, con của Chương Võ, cháu của Võ vương. Đêm giao thừa tối thật, nhưng ngày mai là ngày Tết. Số phận họ Nguyễn, với Duệ tôn, đang lâm vào cảnh nguy ngập không bao giờ bằng, đến nỗi có khi sẽ không còn chỗ dựa nào trên đất Việt nam nữa, nhưng rồi, giữa đen tối dày đặc hơn đêm ba mươi Tết đó, ánh sáng của Nguyễn Ánh sẽ tỏa dần ra, và một ngày kia họ Nguyễn sẽ trở về Phú xuân, cũng huy hoàng như chưa bao giờ có trong lịch sử.(2)

---

1. Cadière, *Le Mur de Đồng hới*, trang 156. *Thực lục tiền biên*, q.11, 25b. *Cương mục*, q.44, 19b.

2. Nguyễn Ánh bấy giờ đã gần 13 tuổi vì ông sinh ngày 8 tháng 2, 1762, nhưng nếu tính theo tuổi Việt-nam thì đêm 29 tháng chạp năm Giáp ngọ ông đã 14 tuổi, và đến sáng hôm sau, tức là mồng một tháng giêng năm Ất mùi, đã lên 15 tuổi.

2. Thực sự địa-vị của Nguyễn Ánh trong lịch sử Việt nam là duy nhất, vì ông là người đầu tiên đã thống nhất Việt nam từ Nam quan đến Cà mâu.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Duệ tôn đi rồi, Hoàng ngũ Phúc tự do vào Phú xuân. Đó là lần đầu tiên trong lịch sử quân đội họ Trịnh có thể làm chủ kinh đô của con cháu Nguyễn Hoàng. Trịnh Sâm ở Hà trung được tin đó vui mừng hết sức, vì thế là Chúa đã đạt được mục đích, đại lợi đã nằm trong tay. Chúa sai Nguyễn quỳnh Trai đem vào thưởng Hoàng ngũ Phúc 100 lượng vàng và thưởng tướng sĩ 500 lượng bạc. Trong thư biên cho vị danh tướng đó, Chúa nói: « Nay Thuận hóa đã yên, nhưng đến lược Quảng nam còn phải đánh dẹp, nếu không có nguyên lão thì không ai gánh được trách nhiệm đó. Vậy tất cả việc thưởng phạt nên tùy tiện mà làm. » (1) Thế rồi Trịnh Sâm khoan khoái trở về Bắc, và Hoàng ngũ Phúc ở lại giữ chức Trấn phủ Thuận hóa.

Chúa Nguyễn vào Gia định. — Năm Ất mùi, sáng mông một Tết, đoàn thuyền lưu vong của nhà Chúa Nguyễn ra khỏi cửa Tư dung (Tư hiền) để vào Đà nẵng, nghỉ lại tại vùng Câu dê (2). Hoàng tôn Dương cũng đã vào đó. Bây giờ Chúa gọi Nguyễn cửu Dật cùng chư tướng đến để cùng nhà Chúa hội đàm. Chương trình nghị sự có nhiều việc khẩn cấp, nhưng đối với những kẻ có lòng ưu ái đến tiền đồ họ Nguyễn có một vấn đề quan trọng hơn cả, đó là địa vị của Hoàng tôn Dương. Và đó cũng là một vấn đề gây cấn, vì nó có thể chạm đến lòng tự ái của Chúa Duệ tôn. Dầu vậy, một đằng không nói không được vì có giải quyết vấn đề đó may ra họ Nguyễn mới có cơ tồn tại, theo như họ nghĩ, đằng khác, nhân dịp Chúa lưu vong, họ có can đảm hơn để nói, do đó, Nguyễn cửu Dật, cùng với các quan hộ giá, như Ngoại tá Tôn thất Tịnh, chưởng dinh Tôn thất Kính, chưởng cơ Tôn thất Chất, cùng các quan nội dội Nguyễn cửu Thận (3) Đỗ thanh Nhân (4), đội trưởng Trương phúc Đĩnh (5), dẫn tâu lên Chúa rằng: « Hoàng tôn Dương vốn là người hiền đức, người ta trong ngoài ai cũng ngưỡng mộ, xin sớm lập làm phó để lo việc khôi phục » (6). Duệ tôn

1. *Cương mục*, q. 44, 20b-21a; *Thực lục tiền biên*, q. 11, 26a.
2. Câu dê là một địa danh chỉ vùng đất Quảng nam gần cửa Tư hiền, còn sông bên trong đảo xưa gọi là sông Câu dê.
3. Nguyễn cửu Thận là con của Nguyễn cửu Pháp, và anh con Nguyễn cửu Dật. *Liệt truyện tiền biên*, q.4, 11a.
4. Đỗ thanh Nhân, người Thường tín, tỉnh Thừa thiên, từ theo Nguyễn Ánh nhiều, nhưng rồi vì lòng bất bình, bị Ánh giết. *Chính biên liệt truyện*, q.27, 21b.
5. Trương phúc Đĩnh, người huyện Bình dương, tỉnh Gia định. *Ibid*, q. 14, 13a.
6. *Thực lục tiền biên*, q.12. 1a-1b.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

nghe theo. Chúa đặt Dương làm thế tử, gọi là Đông cung, giữ chức trấn phủ Quảng nam, tổng lý nội ngoại binh dân chi sự vụ.

Trước, Chúa xem chừng chưa có ý định đi xa hơn, vì Chúa bảo tướng lãnh kiểm điểm lực lượng thủy bộ để lo việc tiến thủ. Không ngờ, ở Quảng nam được mấy ngày, Tây sơn đã kéo quân đến đánh. Tập Đình và Lý Tài từ cửa Hợp hòa theo đường biển tuôn ra, Nguyễn Nhạc thì dọc theo sông Thu bồn đổ xuống, hai phía dồn lại đánh rất mạnh. Nguyễn cửu Dật nỗ lực chống cự, không được phải rút về Trà sơn đang khi Đông cung giữ lũy Câu đê. Chính lần thất bại nầy đã làm cho Duệ tôn quyết định vào Nam. Chúa cho thị thần nói với Đông cung rằng: « Nay trước mặt có giặc Tây sơn, sau lưng có binh họ Trịnh, mà quân ta không đầy một nghìn người, lương thảo thiếu hơn nữa, Câu đê đất hẹp, quân cô, không có đâu tiếp viện, lại quân Gia định đã lâu không có tin tức, bởi đó ta định cho Nguyễn cửu Chân làm hữu quân đại đô đốc, ở lại đây với người, còn Nguyễn cửu Dật thì chính bị chiến thuyền hộ giá vào Gia định thâu binh quay lại đánh Phú yên. Quân hơn, để phân chia thế lực của địch rồi quân Câu đê hợp lực tiến đánh, thế là dùng phương pháp đánh xa để giữ lấy gần » (1). Đông cung nghe vậy, vâng mệnh ở lại Câu đê cùng với các ông Tôn thất Tịnh, Tôn thất Chất, Tống phúc Đàm.

Xếp đặt mọi việc xong, ngày 12 tháng 2 năm Ất vị, Chúa Duệ tôn xuống thuyền vào Gia định. Dọc đường Chúa có ghé lại Bình khang thăm Tống phúc Hạp. Phúc Hạp vì phó tướng Nguyễn khoa Toàn tự Yên cương ra đón. Chúa đặt Phúc Hạp làm tiết chế, Kính quận công, còn Khoa Toàn được làm tham chính. Thuộc hạ của Khoa Toàn (2) là Nguyễn văn Nhân (3) cũng được chức cai đội. Thế rồi Khoa Toàn theo hầu Chúa vào Gia định. Ngày 24 tháng hai, đoàn lưu vong vào đến nơi, và Chúa trú tại Bến Nghé.

Sở dĩ Khoa Toàn phải hộ giá vào Gia định bởi vì các ông Nguyễn cửu Dật, Tôn thất Kính đã bị chết dọc đường. Ở Đà nẵng ra đi, Duệ tôn và

---

1. *Thực lục tiền biên*, q.12, 2a.
2. Nguyễn khoa Toàn nầy có một người con tên là Nguyễn khoa Kiên về sau bị Tây sơn bắt trong trận Nguyễn Huệ đánh lấy Phú yên. Khi Nguyễn Nhạc bắt Kiên đi đánh Tôn thất Xuân ở Quảng nam vào cuối năm Ất vị, Kiên đã thà tự tử, không thà đi chống người của Chúa Nguyễn.
3. Nguyễn văn Nhân là người Vĩnh an, tỉnh An giang, mới 22 tuổi đã cử nghĩa quân đi đánh Tây sơn với Nguyễn khoa Toàn, về sau lập được nhiều công (*Chính biên Liệt truyện* q.7, 1a-10a.)

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Nguyễn Ánh ngồi chung một thuyền, còn thuyền các ông kia theo sau, vì khi bão nổi lên, thuyền các ông đã bị đắm.

Đông cung với Tây sơn. Khi bỏ Đông cung ở lại Quảng nam để đi Gia định, Duệ tôn đã nói rõ lý do, nhưng chính lý do đó cũng như việc Chúa đem Nguyễn cửu Dật đi theo, có thể làm cho sử gia nghĩ rằng Chúa Nguyễn chưa nói hết tất cả lý do. Chúng ta thấy rằng Chúa rất hiểu tình trạng nguy ngập của Quảng nam lúc đó, vì trước có Tây sơn, sau có họ Trịnh, lại sức ít, lương thiếu, đất hẹp, quân cô, nói cách khác, Quảng nam không sao thoát được tay địch. Vẫn biết Duệ tôn có nói đến kế đánh xa để giữ gần, nhưng kế đó vu vơ là đường nào vì chính Chúa cũng nói quân Gia định đã lâu không có tin tức (1). Nếu không có tin tức, thì sao mà tổ chức được quân đội mạnh chống để đánh Tây sơn trước khi bọn nầy lấy Quảng nam của Đông cung? Thành thử, để Đông cung ở lại vùng Đà nẵng là chẳng khác gì giao Đông cung cho Nguyễn Nhạc. Ác ý đó của Duệ-tôn — nếu có — càng có thể đoán được rõ hơn trong việc Chúa đem Nguyễn cửu Dật đi. Hỏi Cửu Dật có cần vào Gia định để cầm quân trong đó ra đánh Phú yên, Quí nhơn, như Chúa nói không? Sự thật không cần gì, vì trong đó đã có nhiều tướng tá, như Tống phúc Hạp chẳng hạn, và thực sự Phúc Hạp bây giờ đã ở Yên cương. Lại hỏi cần gì để hộ giá Chúa không? Có lẽ cũng không. Nói thế là bởi vì Nguyễn cửu Dật không cùng trấy đi một lần với Chúa. Ông không đi một lần, chẳng những là vì lẽ rằng thuyền Chúa không bị bão mà thuyền ông bị, mà còn thấy rõ hơn nhờ ngày Chúa ra đi và ngày Cửu Dật bị chết. Như đã thấy trên, Chúa ra đi ngày 12 tháng 2, tức là ngày Canh dần, và đến Gia định là ngày 24 tháng đó, tức là ngày Nhâm dần (1). Vậy thời gian đi từ Đà nẵng đến Gia định mất 12 ngày gồm cả thời gian Chúa ghé Bình khang gặp Tống phúc Hạp. Chúa đã ở lại đó bao lâu, không ai biết. Dầu sao Bình khang cũng nằm quảng nửa đường của Chúa và Chúa đến đó vào quảng 18 tháng 2, nếu không phải là sớm hơn. Vậy mà chính ngày 18 lại là ngày Nguyễn cửu Dật bị bão chết (2). Nhưng nếu đi theo Chúa không cần, như vừa minh chứng, thì sự Cửu Dật ở lại Quảng nam lại rất là cần thiết. Trong các tướng của Chúa Nguyễn bây giờ, chỉ có Cửu Dật là quân Tây sơn sợ, lại ông có kinh nghiệm nhiều chẳng những về chiến thuật chống với địch,

1. *Thực lục tiền biên* q. 12, 2b.
2. *Liệt truyện tiền biên*, q.4, 13a.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

mà còn về địa thế tỉnh Quảng nam nữa. Đem ông đi để đặt Nguyễn cửu Chẩn thay vào, chỉ là muốn cho Quảng nam chóng vào tay Tây sơn hơn. (1) Người ta có khuynh hướng nghĩ như vậy khi người ta nhớ lại rằng việc Chúa đặt Đông cung lên ngôi thế tử chỉ là một việc cực bất đắc dĩ, bởi đó, sau khi đặt xong, Chúa có thể vì hối hận đã dùng cách bỏ Đông cung lại Quảng nam để « nộp » vào tay địch cho yên một mối lo (2).

Quả thế, Duệ tôn ra đi chưa được bao lâu, Nguyễn Nhạc đã nghĩ đến việc bắt sống Đông cung để lợi dụng. Để thực hiện ý định nầy, ông đặt các đồ đảng của ông là thống suất Diện, tiên phong Chính, thống bộ Tường với hai nghìn quân ở Túy loan, Bồ bạn, làm thượng đạo, các tướng Tàu là Tập Đình, Lý tài với hai nghìn quân ở Ba độ, làm trung đạo, rồi đốc chiến Phong, hổ tướng Hãn, với hai nghìn quân ở Hà thân, làm hạ đạo. Nhạc hẹn với họ rằng ai bắt được Đông cung sẽ trọng thưởng. Đông cung biết vậy, bèn sai mưu sĩ của ông tên là Quý lên thượng đạo liên lạc với bọn Diện, Tường. Để dụ dỗ bọn nầy theo Đông cung, Quý nói: « Tuy Tây sơn nay thắng thế, nhưng kìa phía Bắc có quân họ Trịnh, phía nam có đại binh Gia định kéo ra, trước mặt sau lưng đều có địch, khó mà giữ được lâu. Nếu các ngài không sớm liệu đường, chung qui không khỏi mang tên đạo tặc. Chi bằng nay bỏ tối theo sáng, theo chúng tôi vào Nam, liên kết với quân Gia định để cùng lo việc khôi phục, để công danh lại trong sử sách, như thế không phải là tốt sao? » Bọn họ đều nghe theo. Đông cung vui mầng lên đường núi cùng họ đi vào Nam. Dân chúng biết vậy có nhiều người đi theo. Bấy giờ là tháng tư (3).

Nhưng việc của Đông cung không thành. Vừa khi nghe tin Đông cung đã bỏ Câu đê, các tướng Tàu, Tập Đình và Lý Tài, cắt quân đuổi theo. Hai bên gặp nhau ở Ô nha, Diện, Tường, có chống cự với quân Tây sơn để cứu Đông cung, nhưng bị bại và Đông cung bị bắt đem về Hội an. Ở đây Đông cung xuýt bỏ mạng, vì Tập Đình hung bạo cứ đòi

---

1. Trong *Chính biên Liệt truyện*, (q. 30, 4b), các sử gia triều Nguyễn chép rằng: Nhạc xâm lược Quảng nam, ngã binh lũy chiến bất lợi, độc hữu cai đội Nguyễn cửu Dật yểm kích, tặc chúng kinh hội.

2. Sự chia rẻ giữa Đông cung và Duệ tôn sau nầy, khi Đông cung vào Gia định càng cho chúng ta thấy rõ hai người vốn có sự cạnh tranh về quyền lợi.

3. Duệ tôn không cho đi đường thủy, Đông cung đi đường bộ. *Thực lục tiền biên*, q.12, 4a.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

giết vị thế tử họ Nguyễn đi, may Lý Tài can gián mãi mới thôi. Từ đó Lý Tài và Đông cung cùng nhau nuôi một mối thiện cảm sâu đậm (1).

Được Đông cung, mầng chưa kịp no, quân họ Trịnh đã kéo vào Quảng nam. Sau trận thảm bại ở Cẩm sa, như sẽ thấy rõ ở đoạn sau, Nhạc phải vội dời Đông cung về Qui nhơn. Bây giờ một vấn đề làm cho Nhạc phải lo nghĩ, đó là cách ông phải cư xử với Đông cung. Từ đầu khi mới khởi nghĩa, ông đã nói đến việc tranh đấu cho được đem Đông cung lên làm Chúa, nay liệu chừng ông có giữ lời không? Xem ra nhiều trường hợp bắt ông phải giữ lời. Sau trận Cẩm sa, một số tướng sĩ của Nhạc đã chán nãn bỏ Nhạc, hoặc để sang hàng ngũ của địch, hoặc trốn tránh đợi thời. Phần họ Trịnh, họ cứ thừa thắng kéo quân vào, và chưa biết họ sẽ tiến đến đâu. Đàng khác, trong tháng năm, quân Gia định do Tổng phúc Hạp chỉ huy đang từ Yên cương ra đánh Phú yên, bộ binh đóng ở Xuân đài, thủy binh đậu ở Lâm áo. Hơn nữa Châu văn Tiếp đã bỏ ông cũng vì thấy ông chưa chịu đặt ngay Đông cung lên làm Chúa. Tiếp, cũng như Nhạc, là người tỉnh Qui nhơn. Khi Nhạc khởi nghĩa xưng là Tây sơn, ông cũng cùng anh em tụ tập hơn nghìn người đóng ở núi Trà làng, hùng cứ một vùng. Nghe lời Nhạc dụ đi rước Đông cung Dương lập làm Chúa, ông cũng ra Quảng nam đánh giúp Tây sơn. Nhưng khi trở về Qui nhơn, ông đã dò biết được Nhạc không thật lòng và bỏ về căn cứ cũ (2). Châu văn Tiếp nghĩ rất đúng, vì nếu trước kia Nhạc đã dùng danh nghĩa Hoàng tôn Dương để lừa dân, thì nay Nhạc cũng có thể đặt Đông cung lên làm Chúa để dối những kẻ ông xét cần phải dối. Sự việc đã xảy đến chính lúc Nhạc đang lúng túng nhất.

Thật thế, đánh được Phú yên, Phúc Hạp cho viên tri huyện Đồng xuân là Bạch doãn Triêu và cai đội Thạc ra vấn tội Nhạc, đòi Nhạc phải trả Đông cung. Bọn Triêu nói: « Phải trả Đông cung lại cho chúng ta, nếu không quân Ngũ dinh kéo ra, sẽ không có đường mà chạy » (3). Mưu trí của Nhạc lại sẵn sàng đến giúp ông. Ông đóng một màn kịch thật khéo. Giữa dinh, ông cho đặt một bệ, rồi mời Đông cung ngồi lên, mặt quay vào Nam. Nhạc và thuộc hạ đứng hầu bên tả, còn bên hữu thì có bọn Tôn thất Chất. Trong khung cảnh oai nghiêm giả tạo đó, Nhạc mời sứ giả

---

1. Lý Tài sẽ theo Chúa Nguyễn và sẽ ủng hộ Đông cung lên làm Tân chính vương.
2. *Chính biên Liệt truyện*, chuyện Châu văn Tiếp, q.6, 21b.
3. *Thực lục tiền biên*, q.12, 5a.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

vào, nói: « Tướng sĩ Ngũ dinh ngàn dặm đến lo việc cần vương, thật là trung nghĩa lắm. Nay đã trừ xong quan Quốc phó, chúng tôi muốn rước lập Hoàng tôn, để hoàn thành việc lớn, vậy việc trọng đại nầy, chúng tôi muốn đem bàn với tướng sĩ ». Sứ giả Tông phúc Hạp đầu thấy Đông cung ngồi chễm chệ làm chủ, và nghe Nhạc nói như vậy trước mặt mọi người, cũng không sao tin được thực tâm của Nhạc. bèn hỏi một câu hóm hỉnh rằng: « Minh công có lòng lo lắng như vậy, nghe tôi mới đến đây, sao lại không vâng theo. Nhưng nếu quân của Ngũ dinh kéo đến, công sẽ trú ở đâu? » Thật là một lời đe dọa bất ngờ, làm cho Nhạc luống cuống, vì Nhạc không sợ gì hơn là lực lượng Ngũ dinh. Bởi đó ông suy nghĩ một lúc, rồi quay lên nói với Đông cung, dường như Đông cung là Chúa: « Điện hạ sẽ xử trí hoàn toàn theo lịnh trên ban xuống ». Đó là một lối thoát khôn khéo của Nguyễn Nhạc, vì thật sự Đông cung biết gì mà định, và đâu có dám định gì, và như thế Nhạc sẽ có thì giờ đối liệu sau. Đông cung muốn cho xuôi chuyện, nói: « Các khanh tùy đó mà liệu ». Thế là màn hạ. (1)

Nói cho đúng, cách dàn cảnh của Nhạc lần nầy không giải quyết được gì ngoài sự khôi trả Đông cung cho Phúc Hạp. Bạch đoàn Triều ra về xem chừng cũng không tin tưởng gì vào Nhạc hơn trước, và Phúc Hạp vẫn dự bị chiến tranh. Biết thế, Nhạc mới đem của cải lên cất giấu ở Tây sơn thượng, đem Đông cung đi trốn ở Hà liêu, Yên thái rồi đến Bồng giang. Ông còn tìm cách chiều chuộng Đông cung để che mắt thiên hạ, hơn nữa gả con gái ông là Thọ hương cho Đông cung. Bấy giờ ở Quảng ngãi có loạn, quân, dân bất mãn, người mọi không phục tùng. Nhạc phải mời Đông cung cùng Tôn thất Tịnh ra để phủ dụ, kêu gọi đoàn kết. Đồng thời, ông cứ thúc giục Đông cung nhận làm chúa, nhưng vì biết rõ ý lợi dụng của Nhạc, Đông cung không chịu. Nhạc lại cho sai Tôn thất Chất vào bàn với Phúc Hạp về việc cọng tác để lập Đông cung. Chất được dịp thoát tay Tây sơn, vào thẳng Gia định không trở ra nữa. Cũng nhờ dịp đó Phúc Hạp biết rõ tình trạng hơn và càng vững tâm để tiến ra tí nữa. Nhưng vì Chất không trở ra mà Tôn thất Tịnh đã bị Tây sơn giết hại (2).

---

1. *Chính biên Liệt truyện*, truyện Ngụy Tây sơn, q.30, 7b.
2. *Thực lục tiền biên*, q. 12, 5b-6a.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Tháng bảy, Phúc Hạp đem quân ra đánh thành Phú yên, lúc đó đóng ở vùng Sông Cầu. Tây sơn bị thua to. Nhạc mới khôn khéo xin hàng để liệu việc, như sẽ thấy sau.

Phần Đông cung, ông mất dần các người thân tín, và bị Tây sơn dòm ngó một cách kỹ càng hơn. Vào tháng ba năm Bính thân, (1776), Nhạc dời Đông cung về ở chùa Thập tháp, chẳng khác gì bắt vào tu ở đó. Nhưng chính tại đây Đông cung đã tính được kế vào Nam. Ông thường nói với gia thần rằng: « Bọn Tây sơn mượn tiếng ta để lừa dân chúng. Nếu ta cứ ở yên thế nầy, tướng sĩ Ngũ đình cùng nghĩa quân các đạo cho rằng có ta đây nên vất bỏ khí giới không dám đánh vội, như vậy, đến bao giờ mới dẹp yên được giặc trong nước và khôi phục nghiệp cũ. Gì bằng ta quyết kế bỏ đi, thoát cho khỏi chỗ giam riêng nầy, để mưu việc lớn » (1). Cho được thế, cố nhiên Đông cung phải [illegible] trước lâu để đánh lạc hướng mọi con mắt đã thám. Người ta nói là từ khi nghe lời Nhạc cưới Thọ hương, không [illegible] giờ ông ở chung với vợ (2). Đàng khác, cùng với mưu sĩ Quý, con người trước kia đã dụ được bọn Diện, Tường, ông dần dà sắp đặt các việc cho đâu vào đấy. Họ tìm được một người đáng tin cậy tên là Tiếu có một chiếc thuyền đậu ở Hồ cơ, [illegible] cửa Thị nại, rồi chờ cơ hội, ra đi. Bấy giờ là tháng mười, gặp một đêm trời tối và mưa to, thuyền đã chực sẵn ở cửa, Đông cung nhất thiết thi hành ý định ôm ấp từ lâu. Ông cẩn thận đặt một người già, cho ngủ trên giường, rồi biến đi trong bóng tối với bọn Tương phúc Bình và mưu sĩ Quý. Lúc đó gió ngược, chủ thuyền đo dự không biết làm sao, nhưng Đông cung không ngần ngại nói: « Cứ đi, rồi gió thuận ». Quả nhiên, thuyền ra biển gió liền thuận, [illegible] hay. Khi khởi hành là tối ngày Qui mão (3) mà đến ngày Ất tị đã [illegible] ngoài khơi Vị nê, thuộc tỉnh Bình thuận (4). Bấy giờ Tôn thất Xuân ở Quảng nam cũng đang trốn vào Nam, hai bên gặp nhau ở đó, rồi cùng nhau vào Gia định.

Tây sơn mất Đông cung. Nhưng vào cuối năm 1776, thiết tưởng Đông cung ở lại hay đi cũng không còn quan hệ gì lắm cho họ nữa, vì Nguyễn Nhạc nhờ thấy rõ tình hình, và nhờ khôn khéo ngoại giao, đã tự

1. *Liệt truyện tiền biên*. Truyện Đông cung, q. 2, 23a; *Thực lục tiền biên* q.12,12b
2. *Bulletin des la Société des Études Indochinoises* tập 4 15, năm 1940, 85.
3. *Liệt truyện tiền biên* q.2, 23b
4. *Thực lục tiền biên* q.12, 13a

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

tạo cho mình một địa vị khả quan đối với họ Trịnh và đã lấy lại được Phú yên cũng đã đem quân vào tận Gia định để theo đuổi họ Nguyễn trong đó.

Tây sơn làm tôi họ Trịnh.— Kể ra, khi mới bắt được Đông cung ở Quảng nam, vào tháng 4 năm Ất vị (1775), quân Tây sơn đang ở vào một tình thế hết sức éo le. Phía trong không chống thì chẩy, Tống phúc Hạp sẽ kéo quân ra, và phía ngoài, ngay lúc đó quân họ Trịnh đang vượt đèo Hải vân để vào đánh Quảng nam. Tướng họ Trịnh có chính Hoàng ngũ Phúc cùng các ông Hoàng đình Thể, Hoàng phùng Cơ với một đạo quân hùng dũng. Nhạc bèn vội vàng bày thế trận, đặt Tập Đình làm tiên phong, Lý Tài làm trung quân, còn chính ông làm hậu đạo ra nghinh chiến ở Cẩm sa. Quân của Tập Đình toàn là người Quảng đông, đầu vấn khăn đỏ, cổ đeo giấy vàng giấy bạc, tay cầm khiên mây, đại đao, mình trần, xông vào đánh địch hết sức mạnh mẽ. Tiền đội của quân họ Trịnh cầm cự không nổi phải rút lui, và nha hiệu Quế võ bá (1) tử trận. Bấy giờ Hoàng đình Thể, Hoàng phùng Cơ đem khinh cơ đến chống rồi Hoàng ngũ Phúc xua đại quân tới nữa, khiến Tập Đình thua to bỏ chạy. Lý Tài và Nguyễn Nhạc thấy thế rút quân về Bến Ván. Tại đây, hai ông mưu việc giết Tập Đình. Nhạc vốn dùng tên tướng Tàu đó, nhưng trong lòng bao giờ cũng không ưa vì khó kiềm chế. Nay ông muốn nhân dịp Tập Đình thua trận để bắt tội. Tập Đình biết việc đó, sợ lắm, bỏ trốn về Quảng đông, và về sau cũng bị quan Tổng đốc tỉnh nầy giết (2).

Sau trận Cẩm sa, chẳng những Nhạc mất Tập Đình và đạo quân của ông, mà nhiều tướng sĩ khác nãn chí tản đi. Khi ông triệt quân về Qui nhơn với Đông cung Dương, và Lý Tài, quân họ Trịnh cũng kéo theo, vào cho đến địa phận Quảng ngãi. Thấy không sao đương đầu được với cả phía ngoài, cả phía trong cùng một lúc, Nhạc dùng kế nhường bên mạnh đánh bên yếu để đợi thời, bèn sai thuộc hạ là Phan văn Tuế cầm đầu một phái đoàn mang vàng lụa ra dâng Hoàng ngũ Phúc xin hàng, và yêu cầu cho làm tiền khu. Ngũ Phúc bằng lòng và ban cho Nhạc chức Tây sơn hiệu trưởng tiền phong tướng quân (3). Chính dịp nầy đã xảy ra một

1. Quế võ bá là tước chứ không phải là tên riêng. *Cương mục* nói rõ là không biết tên họ của người đó.
2. *Thực lục tiền biên*, q. 12, 4b; *Chính biên Liệt truyện*, q. 30, 6a.
3. Trận Cẩm sa, xem *Cương mục*, q. 44, 2a-b. Khi Nhạc xin hàng, *Cương mục* (q. 44, 26b-27a) nói Ngũ Phúc cho ông ta chức Tiền phong tướng quân, Tây sơn hiệu trưởng, nhưng *Chính biên Liệt truyện* lại nói rằng chức đó là: Tây sơn hiệu trưởng tráng tiết tướng quân. (q. 30, 7a). Chúng tôi nghĩ tiền phong thích hợp hơn là tráng tiết.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

cuộc gặp gỡ đầy hậu quả quan trọng. Để giao sắc ấn kỳ kiếm cho Nhạc, Ngũ Phúc đã chọn viên gia các chưởng thư ký của ông là Nguyễn hữu Chỉnh, sai vào Qui nhơn, và tình thân thiện giữa Chỉnh và Nhạc khởi đầu từ đó.

Bây giờ quân của họ Trịnh đang đóng ở Châu Ổ, tại địa đầu Quảng ngãi. Việc Nhạc xin hàng cọng với nhiều trường hợp khác khiến Hoàng ngũ Phúc không muốn tiến nữa. Trước hết, vị lão tướng Bắc hà nghĩ rằng quân Tây sơn thật lòng trong việc qui phục mình, vì sau khi Nguyễn Huệ lấy lại được Phú yên, đuổi Tống phúc Hạp trở vào Yên cương, Nhạc cho người ra dâng công với Ngũ Phúc để tỏ ra rằng mình không kiêng nể gì họ Nguyễn, và Ngũ Phúc ban cho Huệ chức Tây sơn hiệu tiền phong tướng quân. Rồi, lúc đó ở Quảng ngãi lại đói và dịch, nhân dân chết nhiều, và quân họ Trịnh cũng chết mất quá nửa. Hơn nữa, phía ngoài, tại vùng Quảng trị, tình trạng không được yên ổn. Bọn người tên là Lâm, Mộc, tự xưng là Tôn thất nhà Nguyễn, nổi dậy, kéo theo dân các huyện Cam lộ, Hải lăng, Đăng xương, Minh linh. Bùi thế Đạt phải hiệp lực cùng Phạm huy Đính ở Dinh Cát để đánh dẹp mới thôi (1). Vì các lẽ đó, Ngũ Phúc muốn rút quân về Thuận hóa. Biết việc đó, các quan phụ tá như Nguyễn Nghiễm, Nguyễn lệnh Tần, không chịu. Theo ý họ, nên lưu binh lại Quảng nam, là chỗ quân Bắc hà đã chiếm được, và lập trấn thủ để cai trị. Ngũ Phúc nhất định giữ lập trường của ông, bèn tâu xin Thăng long cho phép. Trịnh Sâm nghe Ngũ Phúc. Ông về đến kinh đô Nam hà vào tháng 10 năm Ất vị, và sau đó lấy lẽ bị bệnh xin về Bắc. Ông chết dọc đường. Trịnh Sâm đặt Bùi thế Đạt thay thế, cho các ông Nguyễn đình Đồng, Lê quí Đôn, Phan lê Phiên (2), Uông sĩ Diễn, Nguyễn lệnh Tần, làm phụ tá. Chúa Trịnh bắt họ cứ 10 ngày một kỳ phải đệ trình công việc. Ở Đồng hới, Chúa đặt Ngô phúc Quýnh làm lưu thủ và Phan Cẩm là hợp đồng (3).

Khi rút quân về, Hoàng ngũ Phúc nói tình trạng Quảng nam sẽ liệu sau. Nhưng ông đi rồi các phủ Thăng, Diện, thật sự là trống chủ, nhân

1. *Thực lục tiền biên*, q. 12, 5b. Hai tên Lâm, Mộc, bị bắt và bị giết với vài trăm người khác. Về các lý do khiến Ngũ Phúc rút quân, giáo sĩ Halbout viết vào năm 1795: La une grande maladie leur a enlevé beaucoup de monde, ce qui, joint à quelques troubles élevés dans le Tonkin, les a déterminés à se retirer ici, à Huế. *Lettres édifiantes*, tập VI. 203.
2. Phan lê Phiên, nhưng Thực lục nói là Phan trọng Phiêu
3. *Cương mục*, q. 54, 28b. của Vô vương.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

đó người của họ Nguyễn lại được dịp tốt để nổi lên. Bấy giờ ở Quảng nam hạng người nầy còn đông lắm, trong đó có cả hai hoàng thân, là Tôn thất Quyền (1) và Tôn thất Xuân (2). Hai ông đó mở cờ khởi nghĩa, có Trương phúc Tá làm mưu chủ và một lái buôn người Tàu tên là Tất bỏ của cải ra giúp, thanh thế lừng lẫy một thời.

Nói cho đúng, việc nổi dậy của hai nhà tôn thất Quyền Xuân chỉ là vì tiếc không muốn bỏ mất một dịp tốt, chứ không thể nào tồn tại được lâu dài. Quân thế của họ Trịnh ở Phú xuân cũng như của Tây sơn ở Qui nhơn đều mạnh gấp mấy của họ, và có thể đè bẹp họ bất cứ lúc nào. Việc nầy, thực sự, Nguyễn Nhạc đã làm, đang khi quân họ Trịnh chưa kịp lay chuyển. Lúc đầu, Nhạc định gửi Nguyễn khoa Kiên, một tướng họ Nguyễn vừa bắt được ở trận thắng Tống phúc Hạp tại Phú yên, cầm quân ra đánh với Quyền, Xuân. Không ngờ ông đó thà tự tử, không thà vâng mệnh, khiến Nhạc phải thay thế. Dầu là quân Tây sơn có chính chủ tướng chỉ huy, các ông Quyền Xuân cũng cầm cự được hai tháng trời. Nhưng lúc đó là thời đói kém, họ bị phong tỏa nên thiếu lương thực. Tôn thất Quyền, bị thua, không rõ số phận về sau ra thế nào. Phần Tôn thất Xuân cũng bại trận, phải trốn ẩn chỗ nầy chỗ khác, mãi cho đến tháng 10 năm Bính thân [illegible] thoát được vào Gia định, và dọc đường gặp Đông cung, như đã thấy trước (3).

Khi thắng trận [illegible], Nguyễn Nhạc để Nguyễn văn Duệ ở lại trấn thủ Quảng nam. Thế [illegible] đó được yên ổn về phía Bắc, ba anh em Tây sơn sẽ nỗ lực theo đuổi họ Nguyễn về phía Nam (4).

NGUYỄN PHƯƠNG
(Còn tiếp)

1-2. Quyền là con thứ 14 và Xuân là con thứ 16 của Võ vương.
3. Xem trên trang 44.
4. *Thực lục tiền biên*, q. 12, 7b.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Vua Đông-Khánh thăng-hà
Vua Thành-Thái đăng-quang

Ba BỬU-KẾ

I. — NHỮNG VIỆC PHẾ LẬP

Triều Nguyễn cũng như các triều vua trước, thường lấy dòng trưởng làm trọng. Tuy thế, thỉnh-thoảng có những hoàng-trưởng-tử bị truất phế, do đó những việc rắc rối lại xảy ra.

Vua Gia Long thăng hà (1), theo lẽ con là Hoàng tử Cảnh nối ngôi. Nhưng Hoàng tử Cảnh lại mất sớm (2). Nếu lấy theo dòng đích thì con Hoàng tử Cảnh chứ không phải vua Minh Mạng được kế vị. Nhưng vua Minh Mạng lúc bấy giờ đã lớn (lên ngôi năm 30 tuổi) và đã từng theo vua cha đánh giặc, được vua cha thương yêu mà cho thừa nghiệp.

Chép về những mối bất hòa giữa vua Minh Mạng và Công thần Lê văn Duyệt, Sử cho rằng sở dĩ vua Minh Mạng không ưa vị lão thần nầy vì quan Tả quân họ Lê cậy mình có công lớn nên đối với vua có ý khinh lờn v.v... Nhưng nguyên-nhân sâu xa của mối bất hòa, chính là vì Tả quân Lê văn Duyệt chủ trương lập dòng trưởng, nghĩa là con của Hoàng tử Cảnh chứ không phải Hoàng tử Đảm (tức vua Minh Mạng).

Kế vị vua Minh Mạng là vua Thiệu Trị, con trưởng. Người ta không ai bàn ra nói vào gì cả. Đến đời Tự Đức, vua là con thứ hai lại được vua cha cho lên ngôi, đáng lẽ ra địa vị ấy là của Hồng Bảo, con trưởng.

---

1. Thăng hà: chữ dùng để nói vua chết. Cùng một nghĩa với chữ: băng.
2. Hoàng tử Cảnh tước Đông cung Nguyên soái. Sau khi đi Pháp về giữ thành Gia Định. Tháng hai năm Tân dậu (1801) bị bệnh đậu mùa mà mất (năm 22 tuổi). Năm Gia-Long thứ tư được truy-phong Anh duệ Hoàng thái tử.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Vì thế nên Hồng Bảo (3) đã âm mưu giành lại ngai vàng của em, việc không thành, bị bắt rồi chết trong ngục.

Cuối đời Tự Đức, câu chuyện trở nên rắc rối hơn. Vua không có con, nuôi con của Thoại thái Vương (4) là Ưng Chân, hai con của Kiên thái Vương là Ưng Đường và Ưng Đăng làm con nuôi, dự phòng ngày sau, khi thăng hà, thì có người kế vị. Vua đã cẩn thận nuôi một lần ba hoàng tử, nếu người nầy, vì một lý do nào đó không lựa chọn được thì đã có người kia thay thế. Không ngờ những việc phế lập vẫn liên tiếp xảy ra.

Trong ba người con, thì vua Tự Đức thương yêu Ưng Đăng hơn cả. Ưng Chân, mặc dầu không được thương yêu bằng hai em, nhưng vì là con trưởng, một lý do chính đáng để thừa hưởng ngai vàng. Vả lại lúc bấy giờ giặc Pháp đang gây chiến, trong nước cần phải có một ông vua lớn tuổi, nên Dực tông Hoàng Đế buộc lòng phải để di chiếu giao ngôi báu lại cho Ưng Chân, lấy niên hiệu Dục Đức.

Nhưng khi để di chiếu, vua Tự Đức lại nói đến những tánh hư tật xấu của Hoàng trưởng tử, mặc dầu Trần tiễn Thành (5), Phụ chánh Đại thần, Nguyễn văn Tường, Tôn thất Thuyết, đồng-phụ-chánh đại thần, đã dâng sớ xin vua bỏ đoạn nói về tánh xấu của tự quân và mấy chữ « chưa chắc đương nổi việc lớn » (... vị tất năng đương đại sự). Nhưng vua không nghe, cho rằng những lời trong di chiếu, như cả một tiếng chuông cảnh tỉnh, sẽ làm cho vua Dục Đức lo sợ mà thay đổi tánh tình.

---

3. Hồng Bảo tức An phong Công. Lúc sắp thăng hà, vua Thiệu trị để di chiếu lập Hồng Nhậm tức vua Tự Đức lên ngôi thay thế Hồng Bảo. Vua Thiệu Trị nói rằng: ... Trong mấy người con ta, Hồng Bảo tuy lớn nhưng thứ xuất, mà lại ngu độn ít học, chỉ ham vui chơi, nối nghiệp không được. Con thứ hai là Phước tuy Công, thông minh, ham học giống in như ta, đáng nối ngôi làm vua... (Vua Tự Đức con bà Từ Dũ, vợ chính, còn Hồng Bảo con một bà hầu vì thế nên mới có chữ thứ xuất)

4. Thoại Thái vương tên Hồng Y, con thứ tư của vua Thiệu Trị, học rộng, làm thơ hay. Vua Dục Đức là con thứ ba của Vương.

5. Trần tiễn Thành, sinh ngày 14-12-1813, người làng Minh Hương, huyện Hương trà, tỉnh Thừa thiên. Thi đỗ cử nhân năm 1837 và qua năm sau thì đỗ tiến sĩ. Dưới triều Tự Đức từng giữ những chức vụ quan trọng như Thượng thơ bộ Binh, Đệ nhất Phụ chánh. Trong lúc đọc di-chiếu, ông đã không đọc, hay đọc rất nhỏ đoạn văn nói xấu vua Dục Đức. Do đó ông bị Nguyễn văn Tường và Tôn thất Thuyết hạch tội. Đứng về phe đối lập nên Trần tiễn Thành đã bị Tôn thất Thuyết phái lính phân nghĩa, dưới quyền điều khiển của Hường Hàng, Hường Chước và Hường Tế đến tại nhà riêng ở Gia Hội để ám sát (Đêm 30 tháng 10 năm Quí vị) (1883).

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Không ngờ Tôn thất Thuyết và Nguyễn văn Tường lại vin vào di-chiếu và các tội lỗi khác của vua mà truất phế rồi giết chết.

Đến đây cần phải nêu lên một vấn đề. Ai sẽ kế vị vua Dục Đức? Nếu lấy theo dòng trưởng thì phải chọncon vua Dục Đức tức là Hoàng tử Bửu Lân. Cũng như chủ trương của Lê văn Duyệt, lập con Hoàng tử Cảnh.

Nhưng xét cho đúng thì hai trường hợp nầy có khác nhau ít nhiều. Hoàng tử Cảnhbị bệnh mà chết, còn vua Dục Đức thì bị truất phế. Vả lại quyền hành lúc ấy đều nằm cả trong tay hai vị Phụ chánh Tường và Thuyết. Một khi đã phế cha, không ai lại đem con lên ngôi cửu ngũ (6) bao giờ! (Thế mà về sau, Pháp bỏ vua Thành Thái lại chọn con Ngài là vua Duy Tân) Huống hồ Hoàng tử Bửu Lân đang bị giam đã bị tước mất chức vị Hoàng tử.

Đến đây, trật tự bắt đầu rối loạn, không còn đem nguyên-tắc ra mà áp dụng được nữa.

Hồng Dật, em út vua Tự Đức, được chọn để tôn lên ngôi nhưng rồi cũng bị phế vì tội thông đồng với người Pháp cùng là tìm cách mưu hại hai vị quyền thần.

Sau vua Hiệp Hòa ai « bị » lên làm vua? Trong giai đoạn ấy làm vua là cả một tai nạn.

Theo thường tình thì Ưng Đương. Trong ba người con nuôi, con trưởng bị tội thì tất nhiên đến người con thứ hai thừa kế. Nhưng Ưng Đường vì lớn tuổi nên Tường và Thuyết lại chọn Ưng Đăng nhỏ tuổi hơn để tự mình cầm lấy quyền bính. Do đó Ưng Đăng lên ngôi lấy niên hiệu Kiến Phúc.

Vua chết một cách mờ ám, có người cho rằng Nguyễn văn Tường đã dùng thuốc độc để ám hại.

Vau Kiến Phúc thăng hà, Tường - Thuyết với triều đình chọn em ngài là Ưng Lịch lên ngôi, lấy niên hiệu Hàm Nghi (7). Ưng Lịch không phải là con nuôi của vua Tự Đức, không liên can gì đến ngai vàng, nhưng

---

6. Cửu ngũ: Hào 95 trong quẻ Càn sách Chu Dịch. Quẻ nầy tượng trưng ông vua, nên ngôi vua thường gọi ngôi cửu ngũ.

7. Ưng Lịch, con Kiên thái vương, làm vua năm 13 tuổi. Do đó có câu:

Một nhà sanh đặng ba vua, Vua còn, vua mất, vua thua chạy dài.

Vua còn là vua Đồng Khánh, vua mất: vua Kiến Phúc, còn vua thua chạy dài tức vua Hàm Nghi.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

sở dĩ được chọn lựa vì là em vua và tuổi nhỏ. Vả lại lúc đó cũng khó kiếm cho ra người. Vua Đồng Khánh đáng được nối ngôi thì lại không được cảm tình của hai quan Phụ chánh.

II.— CÁI CHẾT CỦA QUAN PHỤ CHÁNH PHAN-ĐÌNH-BÌNH

Đêm 23 tháng 5 năm Ất Dậu (1885), Tôn thất Thuyết nổ súng đánh nhau với Pháp và sau khi thất trận, đưa vua Hàm Nghi đi theo để tiếp tục kháng chiến. Ngai vàng bỏ trống. Pháp đã hoàn toàn chiếm cứ Kinh thành lẽ tất nhiên phải lo thiết lập triều đình, quan lại để điều-hành bộ máy cai trị.

Trước tiên, Pháp tổ chức lại Cơ mật, chọn một số Hoàng thân, đại thần hoặc không chạy theo vua Hàm Nghi, hoặc theo Tam cung trở về Huế, cùng là những người đã từng hợp tác với Pháp. Những người nào hàm phẩm nhỏ thì Pháp cho thăng chức lên để sung vào cho đủ số.

Chức hàm lớn hơn cả là Thọ xuân vương Miên Định (8), con vua Minh Mạng, chú vua Tự Đức, đã 75 tuổi được nhiều người kính trọng. Vương làm Giám Quốc, nhiếp lý việc nước. Thượng thơ bộ Hình thì giao cho de Champeaux thay thế Tôn thất Thuyết, Nguyễn hữu Độ (9), Tổng đốc Hà Nội, một người được Pháp tin cậy, chủ tọa Viện Cơ mật Phan đình Bình tổng đốc Nam định sung chức Thượng thơ Bộ Hộ v.v...

Tổ-chức Cơ mật xong, Pháp phải cấp tốc lựa chọn một ông vua để thay thế vua Hàm Nghi. Bà Từ Dũ, một số Hoàng thân, và các quan Thượng thơ Cơ mật Viện chủ trương lập vua Đồng Khánh. Lời nói có giá trị và được Pháp nghe hơn cả là Nguyễn hữu Độ (9).

---

8. Thọ xuân vương húy Miên Định, con thứ ba của vua Minh Mạng. Lần đầu tiên thiết lập Tôn nhơn phủ, vương sung chức Hữu tôn chánh. Vương học rộng, thơ hay thường được vua hỏi ý kiến mỗi khi trong nước có những việc trọng đại. Năm Đồng Khánh nguyên niên vương mất, thọ 77 tuổi. Tác giả Minh Mạng cung từ và Tịnh Minh Ái phương thi tập. Vương có 78 người con trai và 66 người con gái.

9. Nguyễn hữu Độ quán làng Thanh hóa, dòng dõi Nguyễn Trãi. Sinh năm 1833, học thức uyên bác, đỗ cử nhân rồi tiến sĩ. Ông từng giữ chức nhiều vụ lớn ở Bắc và ở triều đình Huế. Ông đã đóng một vai trò quan trọng trong việc tôn vua Đồng Khánh lên ngôi. Sau ngày thất thủ kinh thành Huế, ông dự vào việc tổ chức nền hành chánh rồi trở ra Hà nội nhậm chức Kinh lược Bắc kỳ. Ông mất ở Hà nội ngày 18-12-1888 nhưng thi hài đưa về chôn ở Huế, trên con đường Hồ Quyền. Con thứ của Nguyễn hữu Độ là chánh phi của vua Đồng Khánh .

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Riêng quan Phan đình Bình thì yêu cầu Pháp lập con vua Dục Đức lấy cớ rằng Tường và Thuyết đã lộng quyền tự tiện truất phế, chứ vua Dục Đức không có tội lỗi gì. Vua Dục Đức là con trưởng nay mất đi thì phải chọn con của Ngài là Bửu Lân lên kế vị.

Lời đề nghị ấy phù hợp với nguyên tắc lấy trưởng làm trọng, nhưng riêng đối với Phan, còn thêm một dụng ý nữa. Phan là ông ngoại của Hoàng tử Bửu Lân.

Người Pháp chọn Ưng Đăng lên ngôi lấy niên hiệu là Đồng Khánh. Vua đã nuôi một mối thâm thù đối với quan đại thần họ Phan.

Thế rồi một hôm quan Thượng thơ bộ Hộ bị bắt, giam tại Hộ-thành cắt 30 người lính canh giữ.

Lúc bấy giờ quyền hành đều ở trong tay người Pháp. Bắt một quan Thượng thơ Cơ mật Viện do Pháp đưa ra, không phải là một việc tầm thường, nên trước đó, vua Đồng Khánh đã bí mật sang Tòa Khâm để thương nghị với viên Tổng trú sứ Rheinart. Người ta không rõ ngoài tội danh âm mưu lật đổ ngai vàng mà vua đã kết tội Phan, ngài có còn nói thêm điều gì nữa không mà người Pháp vui lòng chấp thuận để vua toàn quyền hành động.

Sở dĩ vua Đồng Khánh trị tội quan Thượng thơ Phan một cách dễ dàng như thế là vì người Pháp vốn sẵn không ưa gì Phan, lại còn ghét nữa.

Năm 1885, Phan được chỉ vua phái đi dẹp quân Cần vương ở Quảng bình. Phan không thâu hoạch được thắng lợi nào cả. Người ta cho rằng hoặc Phan không cương quyết trong việc đánh nhau với quân kháng chiến, hoặc Phan đã thông đồng với đối phương cũng nên.

Lúc ấy Toàn quyền Paul Bert đã định trị tội Phan thật nặng, nhưng tự thấy hành động ấy vô lý nên lại thôi. Vì Phan không có một tội trọng gì rõ rệt và trong đời làm quan bao giờ Phan cũng tỏ ra trung trực liêm chính.

Sau khi Phan bị bắt, quân lính đến khám nhà riêng, nhưng không thấy có gì lạ, ngoài một ít đồ vật nguyên để tại trong một ngôi chùa ở Đại nội.

Vua Đồng Khánh muốn trị tội Phan. Các quan bộ Hình lại không tìm ra tội trạng, không biết viện vào đâu mà kết án. Lần đầu tiên người ta khép Phan vào tội "Bất kính đối với Kim Thượng, nhưng bất kính ngày ngài còn là Hoàng tử". Như thế chưa phải là trọng tội để trừng phạt nặng nề một vị Đại thần, nên Bộ Hình phải lập lại bản án khác. Lần nầy

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Phan bị khép vào tội « Tiến cử người không xứng đáng để làm mất uy-tín của Triều đình.» Ngày trước, ngoài lời tuyên bố quan lại bằng khoa cử, Vua còn cẩu hiền thâu nhận những người do các quan đại-thần tiến cử. Vị nào tiến cử người không xứng đáng lẽ cố nhiên là phải chịu trách nhiệm. Phan đã mắc vào tội đó.

Án chưa thành thì bỗng nhiên Phan từ trần. Hai giả thuyết được nêu ra:

a) Trong khi bị giam có mật lệnh không cho Phan ăn uống gì cả, tức là cố ý giam đói cho chết.

b) Lúc quan Phụ chánh bị giam, ngục tốt canh phòng cẩn mật không liên lạc được với bên ngoài. Một người đầy tớ trung thành của Phan liều mình đem vào nhà lao một chiếc chiếu đã bị bắt, cổ mang gông, chân mang xiềng, phơi nắng luôn mười ngày giữa sân bộ Hình.

Vì không thông tin tức được, Phan không rõ người ta sẽ xử trị về tội gì, nên lo sợ, không chịu ăn uống gì cả để tự kết liễu đời mình.

Bà vợ của Phan cũng bị bắt, xử về tội « lạm dụng quyền thế của chồng để mưu lợi ». Bà bị giam và đem phơi nắng cho mãi đến khi sức tàn, lực kiệt chỉ còn thoi thóp mới đem vào. Sau bà bị đày vào Quảng ngãi.

Về cái chết của quan Phụ chánh họ Phan, một phần tôi nghe người ta thuật lại, một phần tôi dựa vào quyển Souvenirs d'Annam 1886-1890 của Công sứ Baille.

Nay ta thử đem quyển Đại nam chánh biên liệt truyện, tức là quyển sử của triều đình làm ra để đối chiếu xem thử có điều gì khác biệt không?

Phan người huyện Quảng điền, tỉnh Thừa thiên, nổi tiếng học giỏi từ hồi còn nhỏ, thi đỗ tiến sĩ dưới triều Tự Đức. Phan từng được sung vào ban khảo duyệt các quyển thi đình và dạy cho vua Dục Đức học.

Dupuis gây rối ở Bắc kỳ, triều đình phái Phan ra hợp tác với Nguyễn tri Phương để tìm cách thương nghị xử trí với Pháp.

Đầu tháng 10 năm Quí dậu (1873) Pháp chiếm thành Hà nội. Nguyễn tri Phương và Phan đình Bình đều bị bắt. Phương bị thương nặng không chịu buộc thuốc, nhịn đói mà chết. Còn Phan, Pháp đưa vào Gia-định. Lúc ấy, Nguyễn văn Tường giữ chức sứ thần đã hết sức can thiệp nên Phan được phóng thích.

Phan bị tội vì đã để mất thành Hà nội, nhưng chẳng bao lâu được phục chức, bổ Bố chánh rồi thăng Tổng đốc.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Sau ngày Kinh thành thất thủ, Triều đình phụng Ý Chỉ của bà Từ Dũ, thăng cho Phan lên chức Thượng Thơ, sung Cơ mật viện.

Khi vua Đồng Khánh lên ngôi, phong cho Nguyễn hữu Độ làm Cố Mạng lương thần (10) gia hàm Thái tử Thái sư, Cần chánh điện (11) đại học sĩ, Bảo quốc huân thần, nhưng kiêm Cơ mật Đại thần, sung Bắc kỳ Kinh lược đại-sứ, tấn phong Vĩnh lại Bá, và Phan đình Bình làm Cố mạng lương thần thăng thọ Hiệp tá đại học sĩ, thự Văn minh điện (12) Đại học sĩ, Tả quốc huân thần, lãnh Lại bộ Thượng thơ, nhưng sung Cơ mật Đại-thần, quản lý Khâm thiên giám sự vụ, tấn phong Phù nghĩa tử (13).

Ngoài ra còn thưởng cho Nguyễn hữu Độ và Phan đình Bình 500 lượng bạc. Phan và Nguyễn đã dâng phiến từ chối. Vua lại ban mỗi người một áo đoạn trắng, một thẻ bài vàng.

Sau đó quan Phụ chánh Phan đình Bình phụng chỉ ra giẹp giặc ở Quảng bình.

Qua tháng năm, năm Bính tuất (1886) nhân vua Đồng Khánh ngự giá thân chinh ra tỉnh ấy, Phan dâng sớ xin giáng chức vì không lập được công trạng gì cả. Công được lệnh trở về kinh.

Qua năm sau, bỗng có dư luận rằng, ngày tại Bắc Kỳ, Phan có ý muốn lập Hoàng tôn (cháu vua Tự Đức, tức là vua Thành Thái). Vua giao cho Đình thần nghiêm nghĩ. Phan dâng sớ kêu oan. Sau khi tra xét thì trong dịp ra Bắc Phan quả có xướng lên việc lập Hoàng Tôn, thêm vào đó, sai phái không thâu được công trạng gì, nên nghĩ xử đoạt hết quan tước, giao cho Sở quan luận tội. Trong khi xét xử lại trích xuất thêm một tội nữa: « Phan đã lấy một cái cối đá, một cái rương gỗ tại tử đường của vua lúc Ngài chưa lên ngôi.»

Án xử Phan phải chịu trọng tội. Giam được một tháng thì Phan mất trong ngục, hưởng thọ 57 tuổi.

Các tài liệu trên nầy, ta thấy có nhiều điểm phù hợp nhau. Còn về việc vua Đồng Khánh ân thưởng Phan chức tước, bạc nén, áo gấm bài vàng, chưa hẳn đã vì lòng yêu mến Phan mà ra. Trong triều lúc bấy giờ

10. Cố mạng lương thần: một chức quan rất lớn được vua tin cậy. Khi vua mất sẽ gởi gắm con cái lại cho vị quan ấy.

11. 12. Triều đình Huế có bốn chức lớn và bậc nhất gọi là Tứ điện, vì chức nào cũng có một chữ điện cả: Cần chánh Điện Đại học sĩ, Văn minh Điện Đại học sĩ, Võ hiển Điện Đại học sĩ, Đông các Điện Đại học sĩ.

13. Cả thảy có 5 tước phong, gọi là Ngũ tước: Công, hầu, bá, tử, nam.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

quan Phụ chánh Nguyễn hữu Độ và quan Phụ chánh Phan đình Bình uy tín tương đương với nhau, cùng một địa vị, trọng yếu như nhau, một bên nhạc phụ của vua Đồng Khánh thì một bên nhạc phụ của vua Dục Đức. Đã ân thưởng cho quan Nguyễn hữu Độ, không lẽ lại chẳng có một ân huệ gì đối với quan Phụ chánh họ Phan?

Nhưng có một điều khiến ta thắc mắc là sau khi lên ngôi (tháng 8 năm Ất Dậu (1885) sao vua Đồng Khánh không trị tội ngay khi ấy mà phải đợi đến hai năm sau, tức là tháng 9 năm Đinh Hợi ? (1887)

Phải chăng vua Đồng Khánh nhân cơ hội người Pháp có ác cảm với Phan mới mưu đến việc trừng phạt.

Có người cho rằng việc Phan đề nghị tôn vua Thành Thái thuộc về « mật sự » và mãi về sau Nguyễn hữu Độ mới hay được và tâu cho vua Đồng Khánh biết.

VUA THÀNH THÁI ĐĂNG QUANG

Theo nhiều người thuật lại, và trong quyển Souvenirs d'Annam, Baille cũng có nói đến, thì cái chết của Phan đã ám ảnh vua Đồng Khánh nhiều lắm. Vua hay trải qua những cơn ác mộng và khi tỉnh giấc tự nhiên có những cơn nóng giận vô căn cứ. Trong Đại Nội thường hay thiết bàn để cầu cúng.

Thế rồi vua lâm bệnh, luôn luôn lên cơn sốt, nhức đầu và nất cụt. Các thái y không sao chữa được, mà viên bác sĩ Cotte, người Pháp cũng đành bó tay. Qua đến ngày 26 tháng Chạp thì vua băng (tức là năm Mậu tý Đồng Khánh thứ ba — 1888).

Việc vua Đồng Khánh thăng hà đã gây nên một sự bối rối lớn lao cho triều đình Huế và cả người Pháp nữa. Một ông vua do họ chọn lựa để lập lên lại không được trường thọ với xã tắc. Vua mất vào lúc năm cùng tháng tận, chỉ còn ba ngày nữa là Tết. Việc lựa người nối ngôi cần phải nhanh chóng để Tân xuân cho có Tân quân.

Vẫn biết rằng lúc bấy giờ việc nước do Cơ mật đảm nhận, gặp điều gì trọng đại thì đã có viên Khâm sứ Pháp, nhưng nước ta là một nước quân chủ không thể bỏ trống ngai vàng nên phải cấp tốc chọn người kế vị.

Theo sử sách thì bà Từ Dũ không muốn lập con vua Đồng Khánh vì tuổi quá nhỏ (lên bốn). Triều đình mới chọn con vua Dục Đức là Hoàng tử Bửu Lân. Việc nầy đã được viên Khâm sứ đồng ý v.v...

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Hoàng tử Bửu Lân được tôn lên ngôi ở Huế người ta thường thuật lại câu chuyện ngộ nghĩnh sau đây:

Vua Đồng Khánh mất, các quan Cơ mật không dám tự tiện lựa chọn nên mới cùng nhau sang Tòa Khâm để hỏi ý kiến viên Khâm sứ.

Lúc ấy, ông Diệp văn Cương làm tại Tòa Khâm. Các quan Cơ mật hỏi ông Khâm sứ rằng: « Hiện nay vua Đồng Khánh đã thăng hà, theo ý của Quí Khâm sứ thì nên chọn ai lên kế vị ». Nhưng ông Diệp lại không dịch đúng theo câu hỏi mà chỉ nói: « Nay vua Đồng Khánh đã thăng hà, Lưỡng Tôn cung (14) và Cơ mật đều đồng lòng chọn Hoàng tử Bửu Lân lên ngôi, không biết ý kiến Quí Khâm sứ như thế nào ». Nghe thế, ông Khâm sứ đáp: Nếu Lưỡng Tôn cung và Cơ mật đã đồng ý chọn Hoàng tử Bửu Lân thì tôi cũng xin tán thành ». Câu này ông Diệp cũng dịch ra một cách khác: « Theo ý tôi thì các quan Cơ mật nên chọn Hoàng tử Bửu Lân là hợp hơn cả ».

Thế rồi các quan Cơ mật vâng lời, ra về liền đi rước Hoàng tử Bửu Lân. Câu chuyện trên nầy hư thực thế nào không rõ nhưng một điều chắc chắn là việc vua Thành Thái được lên ngôi, công của ông Diệp văn Cương một phần lớn.

Ông Diệp văn Cương quán làng An nhơn (Gia định) thân phụ nhà báo trứ danh Diệp văn Kỳ. Lúc thiếu thời đã từng du học ở Pháp, trước làm việc tại Phủ Toàn Quyền, sau làm tại Tòa Khâm Sứ Huế.

Chắc có nhiều bạn đọc tự hỏi: Sao ông Diệp lại muốn cho Hoàng tử Bửu Lân lên ngôi vua?

Vì ông là chồng bà Công nữ Thiện Niệm, con gái ngài Thoại Thái-Vương. Bà Thượng Niệm là cô ruột của vua Thành Thái.

***

Hoàng tử Bửu Lân sanh ngày 22 tháng 2 năm Tự Đức thứ 32 (1879), mẹ là bà Từ Minh Huệ Hoàng Hậu, Phan thị Điểu. Lúc vua Dục Đức còn sanh thời, Hoàng tử theo cha ở tại Thái y viện Giảng đường. Đến lúc vua Dục Đức mất thì Hoàng tử theo mẹ về quê ngoại. Đến năm Đồng

14. Lưỡng cung: (hai bà ở trong cung. Cũng có khi gọi Lưỡng tôn cung, chữ tôn có nghĩa là lớn) Thái Hoàng Thái hậu Từ Dũ còn gọi Nghi thiên Chương Hoàng hậu, mẹ vua Tự Đức. — Hoàng thái hậu Thuận hiếu còn gọi Lệ thiên Anh Hoàng hậu, vợ vua Tự Đức, mẹ nuôi vua Dục Đức.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Khánh thứ 3 (1888) thì theo mẹ vào ở Thành Nội lo việc hương khói tại nhà thờ của vua Dục Đức. Tuy không bị giam cầm, nhưng Hoàng tử không được hoàn toàn tự do, luôn luôn có người theo dõi. Vì Hoàng tử là một người mà Đình thần có thể chọn lựa để tôn lên ngôi báu. Hoàng tử sống trong cảnh kham khổ thiếu thốn.

Lúc triều thần đến nhà để rước Hoàng tử vào Cung thì bà Từ Minh đi vắng. Hoàng tử tỏ vẻ lo sợ hỏi: « Các ông đến làm gì? Đến bắt tôi mà trị tội à? Các ông muốn làm gì thì làm nhưng hãy đợi ả (15) tôi về đã.»

Đến khi bà Từ Minh về, nghe các quan xin rước Hoàng tử vào Cung để tôn lên ngôi vua thì bà khóc. Thảm cảnh xảy đến cho chồng, không sao bà quên được. Sau đó thì hai vua Hiệp Hòa và Kiến Phúc, còn vua Hàm Nghi đang bị lưu đày. Bà chỉ lo cho con không khéo lại gặp chuyện chẳng lành.

Nhưng sau, các quan cam kết là không có việc gì đáng phải lo ngại. Lưỡng Tôn cung, Cơ mật viện và ông Khâm sứ đã đồng lòng chọn Ngài lên kế vị vua Đồng Khánh. Bà Từ Minh khi ấy mới yên tâm.

Hoàng tử Bửu Lân lúc bấy giờ tuy mới 10 tuổi nhưng tác lớn, mạnh-khỏe, nước da ngăm ngăm đen, cặp mắt lanh lợi, thông minh, đã biết ít nhiều chữ Hán và chữ Pháp.

Lần đầu tiên vào Đại Nội, một ông thị vệ rót nước mời, Hoàng tử chỉ nhìn chén nước mà không uống. Biết ý, viên quan nầy mới hớp trước một ngụm, khi đó Hoàng tử mới chịu uống.

Sống trong một bầu không khí nghi kỵ, có lẽ bà mẹ thường dạy bảo con phải thận trọng. Vì thế nên Hoàng tử mới sớm biết và giữ gìn trong việc ăn uống.

Được Lưỡng Cung và viên Khâm sứ chấp thuận, Tôn nhân Phủ, Văn võ đình thần, theo lời đề nghị của Khâm thiên giám, đã chọn ngày Mồng một Tết ta (31-12-1889) làm lễ chính thức tôn Hoàng tử Bửu Lân lên địa vị « tân quân ».

Trước ngày hôm ấy đã làm lễ cáo tại Đàn Nam giao, Xã tắc, các lăng miếu để Trời, Đất và các đấng Tiên Vương biết.

Đình thần mở Kim quỹ (tủ sơn son thếp vàng) lấy Đề hệ thi ra xem thì tên của Hoàng tử Bửu Lân nằm vào chữ thứ bảy, chữ Chiêu 昭 có nghĩa là sáng tỏ.

15. Trong họ Nguyễn Phước, các hoàng tử thường kêu mạ bằng ả.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Trong khi lên ngôi, trừ cái tên sẵn có từ khi lọt lòng, mỗi ông vua triều Nguyễn còn mang thêm một chữ tên đã nằm sẵn trong bài thơ Đế hệ. Tất cả các chữ trong bài thơ nầy đều thuộc về bộ Nhật (Ví dụ Vua Thiệu Trị húy Miên Tông, lúc lên ngô thêm tên Triển 暶 Vua Tự Đức húy Hồng Nhậm lúc lên ngôi thêm tên thì (時) v.v.....

***

Từ khi vua Tự Đức thăng hà, người Pháp cố kiếm cách để xen vào nội bộ của ta. Và họ muốn thay vai trò của Trung Hoa để đứng ra làm lễ tấn phong cho vua Việt-Nam, mặc dầu Triều đình của ta không muốn.

Ngày Mộng một Tết, lúc vua Thành Thái được tên lên Tân quân thì viên Tổng trú sứ Rheinart, đi với viên chánh văn phòng Boulloche (ta dịch là Lê Na và Bô Lô Sơ) qua Đại Nội tin cho vua biết Tòa Khâm sứ đã công nhận Hoàng tử là vua nước Việt-Nam.

Vua Thành Thái ngồi trên ngai, chung quanh có hoàng thân, văn võ đình thần đứng chầu. Lúc các viên chức Pháp đến, vua ra khỏi điện, bước xuống sân để nghinh tiếp.

Vua mặc áo xanh, bịt khăn đóng. Một viên thái giám cầm quạtlông theo hầu che nắng. Vua bắt tay Rheinart và Boulloche. Rheinart nói mấy lời chúc tụng, mong mỏi cuộc bang giao giữa hai nước được bền chặt. Vua ngỏ lời cám ơn, chỉ ghế mời khách ngồi dùng trà. Dáng điệu ra về người lớn.

Cuộc đàm thoại diễn ra rất ngắn ngủi.

***

Mồng Hai Tết mới là ngày chính thức làm lễ đăng quang. Bộ Lễ soạn thảo nghi-chú, tức là chương trình buổi lễ.

Tại điện Thái Hòa, đặt hai cái hoàng án (16), phía nam bửu tọa (18) đặt hai châu án (17), hai chái và trước thềm đặt nhạc huyền, nhạc khí (19).

---

16. 17. Bàn sơn vàng (Hoàng án) Bàn sơn đỏ (châu án) Nhưng cũng có khi phủ hàng lụa sắc vàng hoặc sắc đỏ.

18. Bữu tọa: ngai vàng của vua ngồi.

19. Nhạc huyền: thứ âm nhạc treo lên để đánh (Huyền:treo) ví dụ: những cái khánh bằng đá, những cái chuông nho nhỏ v.v... Nhạc khí các thứ âm nhạc thường dùng: ống tiêu, ống sáo, đàn, trống nho nhỏ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Đầu canh năm, sau khi nghe đánh ba hồi trống, trên Kỳ đài treo cờ lớn và các loại cờ khánh hỷ. Trên các cửa thành cũng vậy.

Tại sân điện Thái hòa (20), ở ngoài cửa Ngọ môn, phía nam cầu Kim thủy và trước điện Cần chánh (21) đều có voi ngựa trang sức hoa lệ, quân lính cầm binh khí, cờ lọng, đứng dàn hầu.

Giữa cửa ngọ môn, phía trước, đặt long đình (22) có lọng che. Theo nghi lễ các triều trước thì long đình nầy do một toán lính mặc áo đầu gánh, một toán lính khác cầm cờ lọng, gươm giáo theo hầu. Các quan Nội các theo Long đình vào điện Cần chánh là nơi cất Truyền quốc bửu tỷ, hộp sơn để đóng ấn và Bửu chiếu kim phụng đồng (23).

Các quan sắp các thứ nói trên vào Long đình, đem ra điện Thái hòa, đặt lên Châu án và Huỳnh án.

Trước giờ hành lễ, Hoàng thân, văn võ đình thần mặc triều phục (24), các hưu quan mặc phẩm phục, theo phẩm trật đứng trên điện và trong sân điện. Những người trong Hoàng tộc, các giám sinh (25), học sinh (26) sắp hàng tại Kim thủy Kiều ở cửa Ngọ môn. Các quan Phủ Doãn và các huyện quan hướng dẫn kỳ lão, thân hào sắp hàng trước Phu văn Lâu (27).

---

20. 21. Trong Nội, những lễ thông thường tổ chức tại điện Cần chánh, những lễ long trọng tổ chức tại điện Thái hòa. Cũng như những buổi thường triều vào lối một tháng hai kỳ, diễn ra tại điện Cần chánh, còn đại triều thì tại điện Thái Hòa.

22. Long đình là một cái bàn nhỏ trên có mái lợp, thường đựng các thứ quí trọng, người ta có thể mang từ nơi nầy sang nơi khác.

23. Một cái ống sơn đỏ bên ngoài có vẽ chim phụng.

24. Triều phục: ý phục mặc trong những dịp trọng đại: Đội mũ cánh chuồn, mặc áo bào, đi hia, mang đai và cầm hốt. Phẩm phục tức là áo rộng xanh.

25. Sinh viên trường Quốc tử giám, trường lớn nhất của Triều đình lập ra ở Kinh đô để đào tạo những người ra làm quan.

26. Học sinh: Những người thi đỗ vào học các trường của các quan Huấn đạo, Giáo thọ lập ra.

27. Nằm trước cột cờ, trên con đường lên Kim long. Thiết lập từ triều Gia Long (1819) nhưng qua đến triều Minh Mạng mới có qui-chế rõ rệt. Những dụ chỉ, sau khi đã long trọng tuyên đọc ở điện Thái hòa hay lầu Ngọ môn đều đem ra dán ở Phu văn lâu. Danh sách của các vị tân khoa đều dán ở Phu văn Lâu. Dưới triều Thiệu Trị, nhân lễ tứ tuần đã cho mời các bô lão tụ tập tại Phu văn Lâu. Cả thảy 773 cụ già, tổng cộng 59.017 tuổi. Trận bão ngày 11-11-1904 (tục gọi bão năm Thìn) đã phá hủy lầu Phu văn, sau đó được xây dựng lại theo kiểu cũ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Dưới triều Thành Thái khác các triều trước ở chỗ: Lễ đăng quang không có Truyền quốc bửu tỷ (28). Ấn ngọc, lúc rời khỏi Kinh thành Huế, vua Hàm Nghi đã mang theo và đánh mất đâu tại tỉnh Quảng bình. Cho nên lúc tại vị, vua Đồng Khánh đã phải dùng một cái ấn ngọc khác. Ngoài ra, di chiếu cũng không có. Vì như chúng ta đã biết, đâu có phải vua Đồng Khánh truyền ngôi lại choa vua Thành Thái.

Thiếu ấn ngọc, di chiếu, nhưng ta lại thấy thừa một toán lính Pháp bồng súng đóng ở bên trong cửa Ngọ môn. Trước kia, trong những trường hợp đặc biệt lắm, các viên chức cao cấp Pháp mới được vào Đại Nội. Nhưng từ ngày Kinh-thành thất thủ, họ hành động ra về một chủ-nhân-ông, muốn làm gì đó thì làm, không ai đủ uy quyền để ngăn cản.

***

Sau khi một viên quan xướng « Trung nghiêm ngoại chánh » (29), vua Thành Thái, đội mũ cửu long (30), mặc hoàng bào, mang đai ngọc, tay cầm trấn quê (31), từ điện Cần chánh bước lên kiệu, có quan quân theo hầu, ngự ra điện Thái Hòa. Trên lầu Ngọ môn rung chuông đánh trống cho đến khi vua bước vào điện mới ngừng hẳn.

Mặc dầu có một viên thái giám đi trước, hai tay nâng vạt áo lên, nhưng vì vua bé nhỏ vẫn thấy nhọc nhằn trong chiếc hoàng bào đính hạt châu lấp lánh.

Sau khi bắt tay viên Tổng trú sứ và những người thấp tùng, khó khăn lắm vua mới leo lên mấy tầng cấp để ngồi vào ngai vàng. Một viên quan xông trầm hương ngào ngạt. Bên ngoài 21 tiếng lệnh nổ vang lên, báo hiệu khởi sự lễ đăng quang.

Rheinart đọc chúc từ. Vua bước xuống ngai đứng nghe, đoạn đọc đáp từ bằng chữ Hán viết vào một thẻ ngà. Giọng vua sang sảng vang lên giữa mấy gian điện rộng.

---

28. Thứ con dấu bằng ngọc dùng để lưu truyền từ đời vua này sang đời vua khác.

29. Ý nói trong ngoài đều nghiêm chỉnh mọi việc sắp đặt đã xong xuôi.

30. Thứ mũ kết bằng lông ngựa, khảm những mảnh vàng, có 9 con rồng nho nhỏ. (bằng vàng)

31. Miếng ngọc bề rộng bằng hai ngón tay, dài vào lối 2 tấc. Các quan trong khi mặc đại triều tay cầm hốt thì vua cầm trấn quê.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Vua lại ngồi vào ngai. Tuy trời không nóng, nhưng các ông thị vệ đứng hầu sau lưng vẫn nhè nhẹ phẩy chiếc quạt tiểu vũ (32). Lư trầm khói bốc lên nghi ngút.

Phái đoàn Pháp đứng riêng ra một bên, các hoàng thân, bá quan ra sắp hàng, lạy năm lạy đoạn quỳ để nghe đọc kim sách. Một viên quan bưng trắp Kim sách đến trao cho viên Tuyên sách. Viênnày lấy kim sách ra, lớn tiếng đọc.

Trong Kim sách đại ý:

Kế nghiệp nối dòng, không gì bằng theo con đường chính, muôn vận xấu trở nên hanh thông, cốt lựa chọn được người. Phải phù hợp với công tâm mới có thể làm chúa cả thần dân trong nước.

Nay Điện hạ là cháu của Đại-Hành Hoàng đế (33), đích tôn của Dực Tông Anh Hoàng Đế, tánh lặng lẽ mà hay âu lo, vốn đức dày lại thêm nhu thuận.

Đại-Hành Hoàng Đế sớm về cõi Trời, lòng người hằng trông mong, ngôi báu lẽ nào lây ngày bỏ trống.

Hoàng tử (34) hãy còn thơ âu, khó thừa cơ nghiệp, may nhờ có cháu tuổi tác hơi lớn, có thể nối dòng để ủy anh linh của Liệt Thánh.

Dưới thuận lòng dân, trên vâng Ý Chỉ, lên ngôi báu để cùng cô với Đồng Minh (35) của ta và đem lại hạnh phúc cho non sông xã tắc.

Quan Tuyên sách đọc xong, văn võ đình thần đều đứng dậy, đoạn lạy năm lạy để chúc mừng.

Các quan chia ra hai bên văn võ đứng chầu. Một đường quan bộ Lễ ra quì xin với Hoàng Đế dùng ngọc tỷ. Tâu xong, viên quan lui ra. Hai viên quan Nội Các (36) đem ấn và hộp son đến. Một viên quan khác rút

---

32. Có hai thứ quạt tên gọi là đại vũ phiến và tiểu vũ phiến (quạt kết bằng lông chim hoặc lông công) Thứ lớn dùng để che nắng, khổ rộng, cán dài. Thứ nhỏ dùng để quạt khổ nhỏ và cán ngắn.

33. Vua mới mất thì gọi là Đại hành Hoàng đế. Đại hành là chuyến đi lớn, đi xa, có nghĩa đi không trở về nữa.

34. Chỉ vua Khải Định, con vua Đồng Khánh.

35. Dùng để chỉ người Pháp.

36. Dưới đời vua Gia Long có Thị thư viện là một cơ quan trọng yếu để có điều gì cần thì vua hỏi han, lại còn có nhiệm vụ làm dụ, chỉ, chế cáo v.v... Đến năm Minh Mạng Nguyên niên đổi làm Văn thư phòng, Minh Mạng thứ mười thì gọi là Nội Các, lấy quan tam tứ phẩm ở các bộ viện sung vào để trông coi mọi việc cho vua.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

trong ống Kim phụng đồng lấy bản ân chiếu ra, Vua dùng ấn đóng vào ấn chiếu.

Trước khi buổi lễ chấm dứt, một viên quan bộ Lễ Nghi quì tâu: « Khánh hạ lễ thành » (37). Phái đoàn Pháp cáo biệt, vua lên kiệu trở về Điện Cần chánh. Lệnh phát chín tiếng.

(Tất cả các công việc trong lễ Đăng Quang như đọc Kim sách, Lạy mừng, Bưng trắp ngọc tỷ v.v... các quan đều hành động theo lời xướng của hai viên quan bộ Lễ. Ví dụ: Hai viên quan xướng: Quì thì các quan quì, Bình thân thì các quan đứng dậy, Bái thì các quan lạy và Tuyên đọc Kim sách thì viên quan đọc Kim sách v.v...)

Các hạ biểu đều trao cho Thái giám đệ vào Đại Nội.

Quan Tuyên chiếu kính cẩn cầm bản ân chiếu đựng trong Kim phụng đồng đi ra cửa Ngọ môn, hai bên có lọng che. Ba viên đường quan Bộ Lại, bộ Hộ và bộ Lễ, hai viên quan Nội các và quân lính theo hầu. Tại Ngọ môn viên quan Tuyên chiếu đặt Kim phụng đồng lên kim án. Các ông hoàng và quan văn, quan võ tứ phẩm trở xuống lên sắp hai bên ở sân Ngọ môn, Văn võ tứ phẩm trở xuống sắp hàng tại Kim thủy kiều.

Quan Tuyên chiếu ra đứng ở gian giữa lầu Ngọ môn, xây mặt về hướng Nam cất tiếng xướng: « Hữu chiếu ». Mọi người đều quì. Hai quan Nội các lấy ân chiếu trải rộng ra để cho viên quan Tuyên chiếu đọc. Đọc xong, quan Nội các bỏ lại vào trong Kim phụng đồng. Bá quan lạy tạ năm lạy. Tuyên chiếu quan lại xướng: « Hữu ty dĩ chiếu thơ ban thị thiên hạ » (38) Hai đường quan bộ Lại và bộ Hộ ra trước Kim án lạy năm lạy.

Quan Tuyên chiếu lấy dãi lụa, cột kim phụng đồng từ trên lan can thòng xuống. Một đường quan bộ Lễ đứng ở dưới, tiếp nhận đem đặt lên một chiếc mâm để giữa long đình, dùng giây gấm cột lại cho ống đồng khỏi rớt.

Long đình gánh ra Phu văn Lâu, có hai đường quan bộ Lại, bộ Hộ cùng quân lính cầm cờ lọng lỗ bộ (39) theo hầu.

---

37. Khánh hạ là lễ vui mừng.

38. Hữu ty tức là viên quan có nhiệm vụ về công việc ấy, đem chiếu ra ban bố cho thiên hạ biết.

39. Những binh khí cắm vào giá để trấn thiết tại cung vua, các đền chùa hay tại các công đường ngày xưa. Nhưng cũng có khi binh lính cầm để theo hầu các đám rước.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Ân chiếu dán ở tấm bản tại Phu văn Lâu, các quan Phủ doãn, Phủ thừa, các quan Phủ, huyện, chức sắc lạy năm lạy rồi giải tán.

Bản ân chiếu gồm có 18 khoản cả thảy.

***

Lễ đăng quang cử hành xong, Triều đình ta còn phải viết một bức thơ gởi cho Tòa Khâm sứ Huế để chuyển về Pháp đình. Bức thư ấy như sau:

Hạ quốc lâu nay nhờ Thượng quốc bình định để đem lại cảnh an ổn trong nước. Ngày 16 tháng 12 năm ngoái, Đài hành Hoàng đế của Hạ quốc không được yên vui (40), đến đêm 27 lúc 8 giờ thì thăng hà. Ngày hôm sau, Tôn nhân (41), Đình thần tuân theo Ý Chỉ của Từ Dũ Bát Huệ Hoàng Thái Hậu và Trang Ý Thái Hoàng Thái hậu của Hạ quốc để hội đồng thương nghị với Thượng quốc Khâm Mạng Toàn Quyền Đại thần Lê Na.

Đại hành Hoàng Đế sanh hai hoàng tử, trưởng lên 4, thứ lên 3 đều quá nhỏ, sợ không kham được việc lớn của nước nhà nên chọn quả nhân là con của cố Thụy quận vương và cháu trưởng dòng đích của Dực Tông Anh Hoàng Đế để thừa đại thống nối ngôi Đại hành Hoàng Đế. Việc đã tâu lên Lưỡng Cung và được các Ngài vui lòng chấp nhận. Ngày 29 rước quả nhân lên ngôi Hoàng Đế ở điện Thái Hòa mở đầu niên hiệu Thành Thái nguyên niên.

Chuẩn Tôn nhân Phủ, Đình thần thương đồng với Quí Toàn Quyền Đại thần và tâu xin với Lưỡng Tôn Cung cho Hoàng thân Tuy Lý công Miên Trinh, Hoài đức Công Miên Lâm sung Phụ chánh thân-thần, cùng với các cựu thần Hiệp biện Đại học sĩ Nguyễn trọng Hợp, Thượng thơ Trương quang Đãng sung Phụ chánh đại thần. Phàm các bộ nha có công việc gì đều do các quan Phụ chánh duyệt hành rồi tâu lên Trẫm biết để công

---

40. Chữ nho: bất dự (không được yên vui) dùng để nói vua khi đau ốm.

41. Tôn nhân phủ thiết lập năm Minh Mạng thứ 17 (1836) đặt quan chức để coi mọi việc trong họ của vua. Cầm đầu là một ông hoàng chức Tôn nhơn lệnh kế đó các chức: Tả tôn chánh, Hữu tôn chánh, Tả tôn đài, Hữu tôn đài v.v... Về sau cầm đầu là một Tôn nhơn phủ Đại thần, có hai ông Tả hữu tôn Khanh phụ tá. Ở dưới có một số quan chức nhỏ có các ông tư giáo nhiệm vụ như các ông hương bộ lý trưởng.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

việc được thỏa tê. Các khoản trên nầy, Tôn nhân Phủ và Đình thần của Hạ quốc đã thương thuyết với Khâm Mạng Toàn Quyền Đại thần chuyển đạt Quí Tổng Thống Đông dương Toàn Quyền Đại thần Mi Sô và điện về Quí Giám quốc Điện hạ rõ.

Nay các quan Phụ chánh thay thế ý trẫm để đạt tấm lòng thành đến chốn xa xôi. Vả lại, Hạ quốc từ trước đến nay thường gặp nguy biến, cho đến nay Quả nhân lấy dòng đích của Tiên triều để nối nghiệp, cũng là nhờ sức phù trì của Thượng quốc bảo tồn chính thống, chẳng những Quả nhân thâm cảm, mà anh linh của các Tiên Quân cũng được cùng chung

Riêng quả nhân, tuổi còn bé nhỏ, đức bạc tài sơ, gặp buổi việc nước lắm nỗi khó khăn hết sức lo sợ và cố gắng, mong nhờ Thượng quốc đem lại hạnh phúc, ngõ hầu từ nay về sau, quốc-sự ngày một tiến tới phát đạt và lợi ích để cùng hưởng hòa-bình, hạnh-phúc. Đó là điều quả nhân hết sức trông mong vậy ».

Trong nước tuy đã có ngôi vua, nhưng bên ngoài phong trào cần-vương vẫn còn sôi nổi. Lúc vua Đồng Khánh lên ngôi đã nhiều phen kêu gọi Tôn thất Thuyết trở về, các thủ lãnh phe kháng chiến hạ khí giới.

Thì nay vua Thành Thái, cũng thể theo ý của người Pháp, ra dụ bố cáo cho thần dân trong nước, kêu gọi những kẻ « phản-nghịch » hãy về hợp tác với triều-đình.

« Quốc gia của ta nhờ Liệt Thánh khai thác gầy dựng, ân đức sâu xa « thấm nhuần trong dân chúng. Gần đây gặp cảnh gian nan, nay nhờ nước « Đại-Pháp bền giữ tín nghĩa nên dẫu thường gặp những nỗi khó khăn « nhưng rồi vẫn được thỏa tê. Ấy cũng nhờ có Tôn miếu, Xã tắc linh « thiêng, nên mới thấu được đến lòng trời.

« Trẫm tuổi còn bé nhỏ, nối ngôi nhờ có Toàn Quyền Đại thần Lê Na « cùng với các quan Phụ chánh thân thần giúp đỡ khuôn phò. Nhân dân « là gốc của nước cần phải đắp bồi. Các quan thú lệnh ở các địa phương « phải lo tròn chức vụ. Nay phí tổn đều đã tỉnh giảm, chỉ cốt cùng dân « chúng chia xẻ nỗi vui buồn. Nếu thuộc lại mượn cớ quyên góp làm hại dân chúng, nhất thiết phải trừ bỏ ngõ hầu dân chúng được yên ổn mà « chăm lo việc ruộng đất. Chí như những kẻ đã từng phạm tội, nếu muốn « nhất quyết sửa đổi thì các quan ở Tả hữu trực kỳ cũng như ở Bắc kỳ « gởi danh sách về Bộ Hình, châm chước nghĩ tâu xin để được giảm miễn. « Còn những kẻ hiện đang ẩn náu chốn núi rừng, rồi nhân cơ hội cướp phá

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

« làm khổ dân lành, nay cũng được xem như là chuyện về trước, cho phép « được đến sở tại đầu thú để khỏi bị tội.

« Tựu trung, kẻ nào xét quả có tài và đáng tin cậy, nên được bổ dụng « thì nhà chức trách địa phương tâu về Trẫm để xét định. Các hạt ở Bắc « kỳ, những năm vừa rồi rối loạn mãi không thôi nguyên do bọn ngang- « tàng trót lỡ chân trái bước không biết nương tựa vào đâu, tự do buông « lung hành động chẳng nghĩ đến nỗi dân chúng điêu tàn.

« Ngày nay, nên biết rằng nước Pháp phù trì nước ta như thể, vốn « không có ý gì khác

« Nay chính là lúc nên lập tức tuân theo các lý lẽ trong Dụ báo cáo « cho dân chúng biết. Những kẻ trước đây đã trót lỡ lầm nên ra đầu thú « để được khỏi tội. Còn dân chúng đừng để bị mê hoặc, ngõ hầu trông « nom nhà cửa ruộng đất. Các tỉnh từ Thanh hóa vào nam đều được yên « ổn há chẳng tốt đẹp hay sao!

« Trên đây là Trẫm xử hậu với dân chúng dung tha tội lỗi, ân điển « đầu tiên phù-hợp với ý muốn phù trì của Toàn quyền Đại-thần.

« Ngày tiếp được Dụ, nhà chức trách nên siêng năng thi hành, tuyên « bố cho mọi người được biết, khiến ân trạch rưới xuống để dân chúng « yên ổn làm ăn, cùng hưởng hòa bình hạnh phúc. Đó là điều trẫm rất « trông mong vậy ».

Sau lễ đăng quang, thường thường Vua hay ban ân huệ cho các quan và dân chúng Người được hưởng bổng lộc chức tước, kẻ được tha, giảm sưu thuế v.v....

Dưới triều Thành Thái, Cơ mật viện đã tâu lên Vua ân thưởng cho một số người Pháp.

Toàn Quyền Mi-Sô (Richaud) được phong tước Hộ Quốc Công, Tổng trú sứ Lê Na phong tước Hộ Quốc Quốc Công (42). Nhưng sau đó hình như hai viên quan Pháp cho rằng các tước ấy không xứng đáng, nên Mi-Sô được cải phong Phù Quốc Quận vương. Lê Na cải phong Lạng quốc Quận vương. Chánh văn phòng Bô Lô Sơ phong Tá Quốc Quận công.

---

42. Trong các tước lớn nhất là Nhất tự vương nghĩa là chỉ độc có một chữ vương. Ví dụ Tuy lý vương, Tùng thiện vương. Sau đó đến Quận vương. Nhất tự Công (chỉ độc một chữ Công) thì lớn hơn Quốc Công. Cho nên Richaud tước lớn hơn Reinhart một bên Hộ Quốc Công, một bên Hộ quốc Quốc-công. Tước nhỏ hơn cả là tước Quận công.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Đi theo với tước còn có một cái bài vàng, một bằng cấp lụa vàng, vẽ rồng và mây đỏ, thêu chỉ nổi, một bộ áo quần đại triều (gồm có mủ, áo, đai khảm vàng và một đôi hia.) hai cái ấn bằng bạc mạ vàng, một lớn, một nhỏ. Cái lớn khắc mấy chữ: « Lạng quốc Quận vương chi ấn » hoặc « Phù Quốc Quận vương chi ấn ». Còn ấn nhỏ chỉ có bốn chữ tước mà không có hai chữ chi ấn. Ấn của Richaud lẽ cố nhiên là lớn hơn ấn của Rheinart và bên trên có con kỳ-lân, còn ấn kia bên trên có con sư-tử.

Một điều nên nói thêm là không rõ vì sơ suất hay cố tâm mà trong khi phong cho Rheinart. Cơ mật không gởi ấn theo, và mãi đến 7 năm sau ông nầy mới nhận được.

Sau khi Rheinart và Boulloche được phong tước, vua phái Tôn thất Vịnh hàm nhị phẩm làm khâm mạng, cầm mao tiết, tượng trưng cho quân quyền sang Tòa Khâm sứ. Áo mão bằng cấp đều để cả trong long đình, hai bên có lính cầm lọng che, có một số quan cao cấp và quân lính theo hầu.

Tuyên phong ở Huế xong, Tôn thất Vịnh lại được phái vào Saigon để phong cho Richaud.

Khi tàu cặp bến, Pháp bắn súng đại bác để chào mừng viên Khâm Mạng. Tôn thất Vịnh áo mũ đại triều, tay cầm mao tiết, đi giữa đám lính Pháp bồng súng chào.

Trong phòng khánh tiết phủ Toàn Quyền, chính giữa, đã bài trí sẵn một cái bàn rộng. Khi Tôn thất Vịnh đến nơi, viên Toàn quyền ra tận cửa để nghinh tiếp. Quan Khâm mạng đặt mao tiết và các « phong tước-vật » lên bàn. Tiếp theo đó, Tôn thất Vịnh lấy Sắc phong ra đọc. Richaud đứng bên hữu để nghe.

Lễ tuyên sắc xong, Toàn quyền Richaud bắt tay quan Khâm mạng, nói mấy lời cảm ơn đoạn mời dự tiệc rượu.

X X X

VUA ĐỒNG KHÁNH THĂNG HÀ

Dân chúng đang vui vẻ sửa soạn đón tiếp Tết Kỷ sửu thì một hung tin từ Đại Nội đưa ra, và lan đi rất mau: Vua Đồng Khánh thăng hà.

Sắc của bà Từ Dũ ban hành, cấm chỉ tất cả các cuộc vui. Mấy rạp hát đều im tiếng trống. Người đi đường không ai dám mặc áo màu sắc rực rỡ, tiếng pháo không còn nổ vang lên trong mấy ngày xuân nhật.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Ngoài việc cấm đốt pháo, cấm các cuộc vui, hôn lễ cũng không được cử hành. Sau khi vua mất trong vòng 100 ngày, các quan từ tam phẩm trở lên không được phép cưới gả, các quan từ tứ phẩm trở xuống thì trong vòng hai tháng, còn dân chúng, lệnh chỉ cấm 27 ngày.

Có một số hoa thương ở vùng ngoại ô đã bỏ một số tiền lớn để buôn pháo bán vào dịp Tết, sợ lỗ vốn nên đã liều mang pháo ra đốt, cố gây thành phong trào để những kẻ khác bắt chước. Không ngờ, khi nghe pháo nổ, lính liền chạy đến bắt các hoa thương đưa về giam tại Thừa phủ.

***

Sau khi vua thăng hà, Khâm thiên giám coi ngày giờ tốt để cử hành tang lễ. Việc trước tiên cả là thắt thần bạch (43). Một tấm lụa dài vào lối 7 thước đặt lên ngực vua từ khi còn hấp hối, nay đem ra thắt thành hình người để hồn vua nương vào đó. Tiếp theo là lễ mộc dục, tức tắm rửa cho người chết bằng thứ nước nấu năm loại hoa thơm.

Đoạn đến tiểu liệm và đại liệm. Người ta mặc cho vua chiếc áo hoàng bào và đội mũ cửu long có những hạt châu lấp lánh, mang vào lưng chiếc đai ngọc, trên cổ đeo hạt ngọc bích có rồng đoanh chung quanh. Hạt ngọc bích nầy lúc sinh thời vua hay mang ở trước ngực. Trong miệng Vua lại còn ngậm mấy hạt ngọc quí. Thế rồi bên ngoài vẫn hàng lụa gấm vóc.

Sau mỗi lễ, đại liệm cũng như tiểu liệm đều có một lễ tế tam sanh và hào soạn (44).

Liệm xong, chính các quan thân hành bồng Vua đặt vào tử cung (45). Tử cung của vua Đồng Khánh có vẽ tầm thường, chỉ có thứ gỗ là quí, chung quanh không chạm trỗ mấy. Phía sau tử cung có đặt cái quách đến ngày đưa đám sẽ chụp lên linh cữu.

Ngày 27 tháng Chạp vua Đồng Khánh thăng hà, nhưng mãi đến ngày 16 mới làm lễ thành phục tại điện Càn-thành. Không những các hoàng tử, hoàn thân quốc thích (46) mà các quan, các bà mạng phụ (47) đều để

43. Ngoài dân chúng gọi là hồn bạch.
44. Đồ ăn ngon.
45. Quan tài của vua gọi là tử cung. — Tử: cây thị.
46. Bà con bên ngoại của vua.
47. Vợ các vị quan lớn gọi là mạng phụ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

tang chế. Thế rồi tử cung được rước từ điện Càn thành sang điện Phụng An để làm lễ Thượng Tôn Thụy. Thượng là một chữ dùng để nói về vua, tôn là lớn và Thụy là một cái tên đặt cho người đã chết, dựa theo hành vi đương thời của người đó để ca tụng công đức.

Trong dịp lễ Thượng Tôn Thụy, có một bản văn, tán dương vua Đồng Khánh đại ý:

« Từ xưa, các bậc Đế vương có công đức lớn thì có những lời xưng « tụng đẹp đẽ. Cho nên « Lũy » là để thuật lại hành vi trong đời người, « « Thụy » là để làm cho cái tên hóa ra cao quí, ngõ hầu tiếng khen trở nên « bất hủ. Điển lễ vốn rất long trọng và lớn lao vậy.

« Đại hành Hoàng Đế, thông minh đức độ, thừa nghiệp lớn của tiền- « nhân. Tế giao để tỏ ý kính trời, cung kính việc phụng thờ, định tĩnh « Lưỡng cung để tỏ hiếu đạo. Ưu đãi bà con, thân mật với kẻ bề tôi, « siêng năng việc chính trị. Thương dân nên giảm thuế để xa gần được « thấm ân sâu, vừa khuyên nhủ vừa ra oai dẹp yên phản loạn. Ngự kinh « diên (48) để mở rộng đường học vấn, mở khoa thi để lấy kẻ hiền tài; đình « hoãn những vụ hành quyết, cầu lời nói hay, nghe lời khuyên phải. Thi « văn hai tập khuynh đảo được văn chương của Hán, Đường, Tống.

« Nghiên cứu các nhà lý số (49), thông suốt cái học của người và trời đất. « Việc bang giao lấy hai chữ tín thành, cốt đem lại hạnh phúc cho thần dân « trong nước. Tại vị đến nay được ba năm biết bao sự nghiệp lớn lao. « Công cuộc chưa được nửa đường đã yên theo số mệnh. Đau đớn thay! « Trẫm là cháu của Đại hành Hoàng Đế, cháu đích tôn của Dực Tông Anh Hoàng Đế, phụng Ý Chỉ của Lưỡng Tôn cung, quan lại trong ngoài suy « tôn Trẫm để nối nghiệp lớn. Công đức của Đại hành Hoàng Đế lớn lao « như vậy, lẽ nào không có những lời xưng tụng đối với thiên hạ!

« Tuân theo điển lễ sẵn có, cung kính gọi miếu hiệu là Cảnh Tôn, còn « việc đặt Tôn Thụy thì giao cho Tôn nhơn Phủ, Hoàng thân, Đình thần,

---

48. Kinh diên cũng như là lớp học để dạy cho vua. Như vua Thành Thái khi lên ngôi còn nhỏ, học thức chưa được bao nhiêu, nên mở kinh-diên tại điện Văn-minh, lựa chọn các quan khoa mục Tham tri bộ Lễ Trần văn Nhượng, Thị lang bộ Hộ Lê Trinh, Tham tri bộ Hình Đinh nho Quang, Thị lang bộ Lễ Tạ thúc Dinh, cùng với các quan Nội các luân phiên giảng dạy cho vua.

49. Vua Đồng Khánh thích xem các sách bói toán lắm nhất là loại kinh dịch.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Nội các, Sử Quán, Quốc tử giám cùng nhau bàn bạc khảo cứu điển lễ, « tham chước cổ kim để được thỏa đáng.»

Sau khi hội bàn, Tôn nhơn Phủ và Đình thần đặt Tôn Thụy vua Đồng Khánh là Hoằng Liệt Thông Triết Mẫn Huệ Thuần Hoàng Đế (Hoằng Triết: Công nghiệp rộng lớn — Thông triết: Trí thức sáng suốt — Mẫn Huệ: thông minh lanh lợi và có lòng nhân ái — Thuần: Không có gì lẫn vào. Kinh thi: Văn vương chi đức chi thuần có nghĩa Đức của vua Văn Vương thuần, ý nói không bị nết xấu lẫn lộn vào) Để gọi một vị vua đã chết người ta lấy hai chữ Miếu-hiệu và chữ sau cùng của Tôn Thụy. Vì thế nên vua Đồng Khánh thường gọi là Cảnh Tôn Thuần Hoàng Đế. Cũng như vua Tự Đức hai chữ Dực Tông là miếu hiệu và chữ Anh là chữ cuối trong Tôn Thụy và gọi ngài là Dực Tông Anh Hoàng Đế.

Ngoài việc đặt Miếu-hiệu và Tôn Thụy, lúc thăng hà cũng như lúc đăng quang, vua lại còn có một quyển Kim sách. Quyển nầy bề cao vào lối gần ba tấc và rộng một tấc sáu có chín tờ bằng vàng.

Kim sách đặt vào long đình rước đến điện Phụng An có vua và Đình thần đi theo. Một viên quan bộ Lễ qui đọc Kim sách trước linh-sàng.

Thụy của vua Đồng Khánh « Hoằng Liệt Thông Triết Mẫn Huệ Thuần Hoàng Đế chi tử cung » viết vào minh tinh — một tấm lụa dài giống như lá cờ — cắm trên bửu tọa.

Điện Phụng An treo màn tứ phía, hương trầm xông lên nghi ngút. Trong cùng là tử cung và linh sàng, bửu tọa — trển đặt thần bạch — kế đến bàn Phật, bàn đựng phẩm vật dùng vào việc cúng tế, lại còn có một cái bàn bày biện các vật dụng nhà vua dùng thường ngày. Trước sân điện che rạp cắm cờ xí và tàn lọng.

Trong thời gian tử cung còn để tại Đại Nội, hằng ngày có hai buổi cúng, (mai và chiều) gọi là triêu điện, tịch điện. Xen vào đó, Bà Từ Dũ, Vua, các bà Nội cung, Hoàng thân quốc thích, Đình thần lần lượt dâng những lễ tế riêng biệt. Các quan luân phiên nhau để chầu hầu sớm tối.

Qua ngày 20 tháng giêng tức là ngày Khâm thiên Giám chọn lựa để đưa tử cung lên Tư lăng. Trước đó, các quan đã làm lễ kỳ cáo tại đàn Nam giao, Xã tắc, thổ thần trên lăng và các tôn miếu để Trời, Đất, Thần thánh và các đấng tiên vương biết.

Trước hôm đám đưa một ngày có lễ Tổ Điện và chính ngày cất đám có lễ Khiển điện mục đích cáo cho người chết biết, mọi việc sắp đặt xong xuôi và nay đã đến lúc đưa linh cữu đến chỗ yên nghỉ cuối cùng.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Các quan tế tựu tại Đại Nội từ 3 giờ sáng. Vua Thành Thái đứng chủ tế. Ngài mặc đại tang, bộ áo quần quá rộng lớn trông Ngài như bé nhỏ lại. Trên đầu n ến một sợi dây gai, tay ngài chống gậy. Vì được bày vẽ từ trước nên Ngài hành lễ trông có vẽ thành thạo ắm. Tuy thế vẫn có một viên thái giám bên cạnh, nhắc chừng để Ngài khỏi có những cử chỉ sai lạc.

Vua Thành Thái lạy lần cuối cùng trước linh sàng. Các thái giám các bà cung phi vây quanh tử cung, các quan sắp hàng trước sân, các hoàng thân ở trong điện. Khi nghe quan bộ Lễ xướng, mọi người đều cúi rạp mình xuống lạy rồi cũng theo tiếng xướng, mọi người khóc vang lên cho đến khi nghe hai tiếng « ai chỉ » thì đều nín lặng.

Vào lối 5 giờ 30, một viên quan bộ Lễ qui tâu trước linh sàng xin phép đi quan.

Các quan chấp lệnh mặc nhung-phục đầubịt khăn trắng, đặt dưới quyền của một ông Tổng hộ đồng lý, điều khiển một đội lính 190 người, mình mặc áo đầu, đầu để khăn tang vào khiên tử cung ra đặt vào bàn đại thăng dư. Hoàng thân, quốc thích, đình thần, thái giám người cầm mình tinh, kẻ thần bạch, kim sách v.v...

Nặng nhất là bàn đại thăng dư, dài 15 thước, rộng lối năm sáu thước trong có tử cung của vua. Quân lính từ mấy hôm trước đã được thao luyện thành thục. Một bát nước đầy, đặt lên bàn đại thăng dư (không có lính cứu). Những người lính gánh, khi bước tới bước lui, nghiêng qua bên tả bên hữu vẫn phải giữ cho thăng bằng, nước không được sóng ra ngoài giọt nàocả.

6 giờ sáng thì viên Tổng trú sứ Rheinart và phái đoàn Pháp sang để theo đưa vua Đồng Khánh.

Ra khỏi điện đám tang đi giữa những toán quân hải quân lục chiến và pháo binh Pháp, quân lính ta mang cờ lọng tàn quạt, cùng là một đoàn voi ngựa đứng đàn hầu.

Cả triều đình đều đi theo đám, trừ một vị quan lớn Lưu kinh Đại thần ở lại để giữ Kinh thành trong khi vua đi vắng.

Các bà nội phi, các công chúa, các bà mạng phụ đi trong bổ vi bốn bề vây kín.

Đám ra khỏi cửa thành có phát 21 tiếng lệnh, trên kỳ đài kéo cờ trắng.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Khi đến bờ sông Hương thì đám dừng lại để tế. Thuyền bè đã kết sẵn để đưa đám lên lăng bằng đường thủy. Dân chúng kéo đến xem dày đặc. Nước ngược, nhưng mái chèo chỉ đưa đẩy nhè nhẹ, không dám đập mạnh xuống nước làm vang động đến cảnh trangnghiêm. Dọc theo bờ sông, trong thôn xã những người giàu có, những chức sắc trong làng đều có thiết hương án, quì lạy trong lúc đám đi qua.

Chèo mất 4 tiếng đồng hồ thì đám đến Tư Lăng, cách Huế 7 cây số.

Sau mấy ngày mưa, trời hôm ấy nắng rất to. Đá sỏi gồ ghề, đường dốc, những người lính khiêng đám phải cúi rạp mình dưới sức nặng của bàn đại thăng dư. Mồ hôi nhễ nhại, nét mặt đau khổ, nhọc nhằn nhưng họ vẫn phải cố hết sức leo lên, leo lên mãi, rồi khi xuống dốc họ cũng phải đem hết tàn lực để giữ cho bàn đám được thăng bằng.

Tư lăng nằm gần Khiêm lăng, tức lăng vua Tự Đức, phía trên có lăng của Kiên thái vương, thân sinh ra vua Đồng Khánh.

Khi đám lên đến điện Ngưng Hy thì đã 5 giờ chiều. Tế xong thì đưa bàn đại thăng dư vào điện. Cửa điện quá hẹp không sao bàn đám vào lọt nên phải đập mất một bức thành.

Bây giờ đến lượt thợ mộc tháo bàn đám để lấy tử cung ra ngoài.

Khi tháo xong, người ta thấy tử cung của vua, mình bọc gấm vàng, bên trên một hàng chữ để thụy của vua. Quan Thượng thơ bộ Lễ đặt lên tử cung một cây đèn bằng vàng thắp một ngọn nến. Trong điện đèn đuốc rực rỡ hương trầm nghi ngút. Các quan lạy trước tử cung. Viên tổng trú sứ và phái đoàn Pháp nghiêng mình chào lần cuối cùng rồi ra về.

***

Ngày 20 tháng Giêng đưa đám nhưng mãi đến tháng Ba mới làm lễ Ninh lăng. Trước khi cử hành lễ nầy, vua Thành Thái ban bố một đạo dụ cho thần dân trong nước được biết.

Bản dụ ấy ta có thể tóm tắt như sau:

Ngày xưa, cái đạo của các bậc Đế Vương không gì bằng chữ hiếu. Lễ nghi không gì quan trọng bằng việc tống chung.

Ngày 27 tháng Chạp năm ngoái Đại hành Hoàng Đế về chầu trời, nỗi đau đớn không sao xiết kể Trẫm đã theo điển lễ cung kính thượng

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Tôn thụy để tỏ thành tâm kính mến và cũng để an ủi nguyện vọng của thần dân đối với bậc Chí Tôn.

Tuy gồm có cả tài lực cả thiên hạ, nhưng tang lễ không dám làm điều gì thái quá.

Vâng theo Ý Chỉ của Người trước, Trẫm sai quan Thái sử chọn được đất tốt tại quả núi phía bên tả hữu Khiêm lăng để xây đắp lăng tẩm, mệnh danh là Tư lăng. Phía trước lăng, bên tả có điện Truy tư xây đang còn mới. Trước đây, đức Đại hành đã từng bảo trưng bày ngự dung (50) ở đây, nay nên dùng để phụng thờ và đặt thêm một cái tên là điện Ngưng Hy. Đã lựa chọn ngày lành để tế giao, miếu, xã tắc, ấn định ngày 19 tháng ba cử hành lễ Ninh lăng, qua Mồng 2 tháng 4 lễ Tốt khốc, Mồng 4 lễ Tiểu tường, 12 Đại tường, 25 Đàm tế. Vậy bố cáo cho nhân dân được biết.

Lễ Ninh lăng ấn định vào giờ Thân. Tuy thế, từ sáng sớm đã có lễ tế Thành Hoàng, Sơn thần và Hậu thổ thần. Trước khi làm lễ hạ huyệt một viên quan bộ Lễ quì tâu trước bửu tọa: Nay chọn được giờ lành xin phép để an táng.

Dưới quyền chỉ huy của quan Tổng hộ Đồng lý, quân lính lạy trước tử cung 4 lạy, đoạn gánh tử cung đặt xuống huyệt theo phương hướng Khâm thiên giám đã vạch sẵn. Minh tinh trải lên trên linh cữu đoạn bỏ đá xuống lấp kín huyệt.

Trong dịp nầy có lễ Đề chủ. Bộ Lễ đặt một cái bàn xây về hướng nam, thắp hương đốt trầm. Trước cái bàn nầy là bàn đặt thầnchủ. Trước bàn thần chủ về hướng đông lại có bàn để chủ, trên đó đã bài trí sẵn: mực, son và viết. Sau lưng bàn có giá đựng thau nước và haicái khăn.

Đến giờ đề chủ, một viên thái giám kính cẩn mang thần chủ qua bàn đề chủ, đặt nằm trên bàn. Viên quan đề chủ, mặc áo đại triều rửa và lau tay xong liền đề thụy của vua vào thần chủ. Ngay sau đó, thần chủ được đặt vào bửu tọa. Người ta cho rằng bây giờ hồn người chết đã nhập vào thần chủ. Thần bạch được tháo ra, bỏ vào một cái hộp đem chôn trước điện Ngưng Hy. Còn thần chủ thì rước vào thờ trong điện. Vua và các quan lại làm lễ lạy trước thần chủ.

---

50. Hiện nay tại Tư lăng có một bức chân dung của vua Đồng Khánh, do một họa sĩ của ta vẽ rất giống.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Cạnh cái huyệt chôn tử cung của vua, người ta còn đào một cái huyệt thứ hai nữa để chôn các vật dụng hằng ngày của Vua.

BỬU-KẾ

Sách dùng để tham khảo:

Đại Nam Thiệt lục chánh biên Đệ Lục kỷ phụ biên (bản viết tay)

Đại Nam Liệt truyện chánh biên nhị tập

Đại Nam Hội điển.

Souvenirs d'Annam (1886-1890) của Baille.

Bulletin des Amis du Vieux Huế

Croyances et Pratiques religieuses des Annamites của L.Cadière.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Năng-lực gây bệnh của vi-trùng

B.S. NGUYỄN-VĂN-ÁI

Ở bài này chúng ta đề-cập tới vấn-đề liên-quan giữa sự sống của vi-trùng và sự sống của các sinh-vật khác, nhất là với sự sống của loài người trong dụng ý tìm kiếm những áp dụng về y-học; nghĩa là chúng ta khảo-sát tới vấn-đề năng-lực gây bệnh của vi-trùng.

QUAN-NIỆM VỀ NĂNG-LỰC GÂY BỆNH

Vi-trùng có rất nhiều ở khắp nơi trên mặt trái đất, trong không-khí, trong nước, trong đất, trong các sinh-vật khác. Có những vi-trùng có thể tự-túc sống riêng biệt, trái lại cũng có những vi-trùng mà đời sống có những mối quan-hệ rất mật-thiết với những sinh-vật khác thuộc ngành động-vật hoặc thực-vật. Những mối quan-hệ đó có thể xuất-hiện dưới nhiều hình thức: *cộng-sinh, kháng-sinh, hoại-sinh* hoặc *ký-sinh*.

1. Hiện-tượng cộng-sinh

Hiện-tượng cộng-sinh là hiện-tượng hai sinh-vật có thể cùng chung sống điều-hòa với nhau để cùng hướng về một cơ-năng nhất-định.

Thí-dụ cộng-sinh giữa *vi-trùng* và *thực-vật*: Vi-trùng rhizôbium và cây đậu cùng chung sống với nhau ở các mắt dưới rễ cây đậu để giữ chất nitơ phân-tử của không-khí.

Thí-dụ cộng-sinh giữa *vi-trùng* và *động-vật*: Những vi-trùng sống trong cơ-quan tiêu-hóa của loài động-vật có vú nhai lại, giúp loài vật này tiêu-hóa được chất cellulôz (thực-vật tế-bào tố).

2. Hiện-tượng kháng-sinh

Hiện-tượng kháng-sinh là hiện-tượng trái-lại với hiện-tượng cộng-sinh. Nếu có hai sinh-vật cùng chung sống, thế nào cũng một chết một còn.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Thí-dụ: nếu ta cấy chung vi-trùng *bệnh sưng phổi* với vi-trùng *bệnh dịch-hạch*, chỉ riêng vi-trùng bệnh sưng phổi (*phế-cầu vi-trùng*) mọc, còn vi-trùng bệnh dịch-hạch không mọc; bởi vì phế-cầu vi-trùng có tiết ra một chất kháng-sinh cản-trở sự sinh-trưởng của vi-trùng bệnh dịch-hạch.

Thí-dụ khác: hiện-tượng kháng-sinh giữa vi-khuẩn *Pênicillium notatum* và vi-trùng *chùm-cầu*.

Nhờ khảo-cứu sâu rộng về những hiện-tượng kháng-sinh giữa các vi-sinh-vật nên người ta đã tìm ra những *chất kháng-sinh* ngày nay thông-dụng trong việc chữa các bệnh nhiễm-vi-trùng.

3. Hiện-tượng hoại-sinh

Nhiều loại vi-trùng sống ở trong những sinh-vật sự-chủ, nhưng *không làm lợi* hoặc *làm hại* cho sinh-vật sự-chủ. Và sinh-vật sự-chủ, (nghĩa là sinh-vật chứa vi-trùng), cũng hình như không nhận thấy sự có mặt của các sinh-vật đó. Những vi-trùng này là những vi-sinh-vật *hoại-sinh*.

Các vi-sinh-vật hoại-sinh sống *đồng-tịch* trong các cơ-quan của sinh-vật sự-chủ: trong ống tiêu-hóa, trong mủi, trong mồm và cổ họng, trong âm-hộ v.v...

Thật ra danh-từ « *hoại-sinh* » nên để dùng cho những loại vi-trùng sống ở thế-giới bên ngoài, trên những tàn-khối của thực-vật, hoặc những xác chết của động-vật, và nhờ có hoạt-động *lên men* có thể phá-hủy được các chất hữu-cơ và đóng lại những chu-trình của các hóa-chất: carbon, nitơ, chất lân, v.v...

Nhưng hiện nay, danh-từ *hoại-sinh* đã bị lạm-dụng để chỉ cả những vi-trùng ở trong những sự-chủ còn sống, nhưng *không gây bệnh nhiễm vi-trùng*. Danh-từ *đồng-tịch* dùng có lẽ đúng hơn.

4. Hiện-tượng ký-sinh

Vi-trùng ký-sinh cũng sống trong những sinh-vật sự-chủ, nhưng *làm hại* sinh-vật sự-chủ. Đây là những vi-trùng gây bệnh.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Năng-lực gây bệnh của vi-trùng là một hiện-tượng phức-tạp. Năng-lực gây bệnh không phải hoàn-toàn là một cá-tính, một tính-chất riêng-biệt của vi-trùng. Hiện-tượng ký-sinh là một sự-kiện hoạt-động song-phương giữa vi-trùng và sinh-vật sự-chủ. Nó là kết-quả của sự *mất thế quân-bình* trong hoạt-động song-phương nói trên.

Năng-lực gây bệnh thường không giống nhau, nhưng thay đổi tùy theo từng loại vi-trùng và từng loại sự-chủ.

a) Một loại vi-trùng có thể gây bệnh cho một loại động-vật hoặc thực-vật nhứt-định, nhưng lại không gây bệnh cho các loại sinh-vật khác.

Thí-dụ: Vi-trùng *bệnh thổ-tả gà* gây bệnh cho *gà* và cho *thỏ* nhưng lại không gây bệnh cho *chuột Ấn* (chuột lang, bọ).

Vi-trùng *bệnh than* gây bệnh cho loài *cừu*, nhưng không gây bệnh cho *gà*.

Vi-trùng *bệnh lao của người*, chích vào não của *thỏ*, không làm cho thỏ bị chết. Trái lại vi-trùng *bệnh lao của bò* chích vào não của *thỏ*, sẽ làm cho thỏ bị chết vì sưng màng óc.

Chuỗi-cầu vi-trùng (vi-trùng tròn xếp thành từng chuỗi) có những loại chỉ gây bệnh cho *loài-vật* (loại C), và có những loại chỉ gây bệnh cho *người* (loại A).

Tại sao các sinh-vật lại không có một trạng-thái giống nhau trước năng-lực gây bệnh của vi-trùng? Tại sao có loài bị mắc bệnh, có loài lại không bị mắc bệnh?

Cách cơ-cấu của hiện-tượng *đề-kháng tự-nhiên* của các sinh-vật chống lại với vi-trùng gây bệnh vẫn còn chưa được biết rõ. Nhiều yếu-tố có thể ảnh-hưởng tới hiện-tượng đó, một trong những yếu-tố được biết là *nhiệt-độ*. Chúng ta nhận thấy rằng các động-vật máu lạnh rất dễ bị mắc bệnh do vi-trùng *bệnh than gây ra*, trái lại nếu ta nâng cao nhiệt-độ, thí-dụ như: mang ngâm các động-vật ấy vào *nước nóng* các động-vật này sẽ có thể kháng-cự lại được với vi-trùng bệnh than.

b) Một loại vi-trùng có thể gây bệnh hay không gây bệnh cho cùng một loại động-vật.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Sự thay đổi về năng-lực gây bệnh của vi-trùng bị ảnh-hưởng bởi sự thay đổi về sinh-lực *của vi-trùng*, sự thay đổi về sức chống-cự của *cơ-tạng sự-chủ* (tuổi, trạng-thái sinh-lý, v.v...).

Sự-kiện gây bệnh là kết-quả của thế quân-bình giữa vi-trùng và sự-chủ, vì vậy quan-niệm về *cơ-tạng* của sự-chủ là rất cần.

Đàn-bà có mang thường dễ mắc bệnh vi-trùng. Khi có bệnh dịch, những người già yếu thường bị mắc bệnh nhiều nhất.

c) Một loại vi-trùng có thể có những gốc gây bệnh và những gốc không gây bệnh.

Thí-dụ: *Phế-cầu vi-trùng*, khi có vỏ thì gây bệnh, khi không có vỏ thì không gây bệnh.

Trực-vi-trùng đại-trường, lúc thường là vi-trùng hoại-sinh ở trong ống tiêu-hóa, nhưng cũng có lúc có thể gây bệnh nhiễm-vi-trùng.

Xem như vậy, *năng-lực gây bệnh* không phải hoàn toàn tùy thuộc ở *vi-trùng*, nhưng cũng còn tùy thuộc ở cơ-tạng và giống loại của *sinh-vật sự-chủ*.

CƠ-CẤU CỦA NĂNG-LỰC GÂY BỆNH

Nói một cách phác-họa, năng-lực gây bệnh của một loại vi-trùng có thể theo hai cơ-cấu chính: lực-vi-trùng, và độc-tố.

1. Lực-vi-trùng

Lực-vi-trùng là năng-lực sinh-trưởng của vi-trùng ở trong cơ-thể của sự-chủ.

Ở đây chính năng-tính sinh-sản mau chóng của vi-trùng sẽ gây bệnh cho sự-chủ, đến có thể làm chết sự-chủ.

Thí-dụ: trường-hợp của *phế-cầu vi-trùng*. Nếu ta mang chích một ít vi-trùng này vào cơ-thể của *chuột bạch*, độ một ngày sau chuột bạch sẽ chết. Nếu ta mổ xác chuột bạch ra xem, ta thấy chỗ nào cũng đầy-dẫy vi-trùng phế-cầu: ở trong máu, và ở trong khắp các cơ-quan. Chuột bạch

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

bị chết, vì vi-trùng phế-cầu đã sinh-sản hết sức mau chóng và lan-tràn vào máu đến khắp các cơ-quan. Đây là cơ-cấu thứ nhất của năng-lực gây bệnh, nhờ lực-vi-trùng.

2. Độc-tố

Trong cơ-cấu thứ hai, vi-trùng gây bệnh vì tạo ra được một chất gây chứng độc cho cơ-thể của sự-chủ, gọi là *độc-tố*.

Phần nhiều trong cách gây bệnh này, vi-trùng chỉ sinh-sản ít, ở một địa-điểm nhất-định trong cơ-thể, người ta không tìm thấy ở trong máu và các cơ-quan bên trong. Nhưng vi-trùng tỏa ra độc-tố, và chính độc-tố sẽ lan-tràn khắp cơ-thể để gây bệnh và có thể làm chết sinh-vật sự-chủ. Độc-tố có thể được chia ra làm hai thứ: ngoại-độc-tố và nội-độc-tố.

a) Ngoại-độc-tố.— Ngoại-độc-tố là những độc-tố do vi-trùng tiết ra bên ngoài, dời khỏi vi-trùng, trong khi vi-trùng vẫn còn sống nguyên vẹn. Thí-dụ: trường-hợp của vi-trùng *bệnh sài-uốn-ván* (bệnh phong đòn-gánh).

Nếu ta mang chích một ít vi-trùng bệnh sài-uốn-ván vào đùi một con chuột Ấn, một hôm sau, chân bị chích sẽ cứng đờ và duỗi thẳng. Rồi dần dần, toàn cơ-thể sẽ bị tê-liệt và cứng dắn. Độ ba bốn hôm con chuột Ấn sẽ chết.

Nếu ta mổ xác chuột Ấn ra xem, ta sẽ nhận thấy vi-trùng chỉ sinh-sản tại chỗ chích, nhưng không lan-tràn ở trong cơ-thể của chuột Ấn, ta không tìm thấy vi-trùng ở trong máu và các cơ-quan. Chuột Ấn chết không phải vì vi-trùng đã sinh-sản lan-tràn trong cơ-thể của nó, nhưng vì vi-trùng đã tiết ra một ngoại-độc-tố ngấm dần đến khắp cơ-thể, mới đầu làm tê-cứng chân bị chích, xong làm tê-liệt toàn thân-thể, và sau cùng làm chết chuột Ấn.

Người ta đã chứng minh được: những triệu chứng bệnh kể trên *là do một chất tiết của vi-trùng* bằng thí-nghiệm sau đây. Người ta mang nuôi vi-trùng bệnh sài-uốn-ván trong một môi-giới-thể nước, xong mang lọc để giữ các vi-trùng lại, và chỉ mang chích vào chuột Ấn *phần lọc không có vi-trùng*, như vậy chuột Ấn cũng sẽ có những triệu-chứng giống hệt như bị chích bằng vi-trùng sống.

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Trái lại, nếu ta chỉ mang chích cho chuột Ấn những xác vi-trùng đã bị giết chết và được rửa kỹ-càng, thì chuột Ấn vẫn sống khỏe-mạnh.

b) Nội-độc-tố.— Nội-độc-tố là độc-tố chứa đựng ở trong thể-xác của vi-trùng, không tiết thẳng ra bên ngoài, chỉ khi nào thân vi-trùng bị phá-hủy, tiêu-vỡ ra, lúc đó nội-độc-tố mới được thả ra bên ngoài.

Thí-dụ: trường-hợp của vi-trùng *bệnh thương-hàn*. Nếu mang chích *phần lọc* của một canh-cấy vi-trùng bệnh thương-hàn cho một con chuột bạch, thì chuột không sao hết. Nhưng nếu dùng *xác vi-trùng* đã bị giết và phá vỡ, thì chuột sẽ bị chết.

Ở đây, chất độc được giữ lại ở trong thân-thể của vi-trùng, phải cần có chính thể-xác của vi-trùng bị tiêu-hủy mới thấy phát hiện năng-lực gây bệnh.

c) Xuất-sở của độc-tố.— Độc-tố là những xuất-phẩm của những hiện-tượng tổng hợp biến-dưỡng của vi-trùng.

Ngoại-độc-tố là những độc-tố được thả ra bên ngoài, thường gặp ở những vi-trùng Gram (+). Về phương-diện hóa-học, *ngoại-độc-tố* là những hỗn-hợp *glucid* và *prôtid*.

Nội-độc-tố là những độc-tố liên-kết vào tế-bào vi-trùng, thường gặp ở những vi-trùng Gram (—). Về phương-diện hóa-học, *nội-độc-tố* là những hỗn-hợp *glucid*, *lipid* và *prôtid*, nó cũng là chất *sinh-kháng toàn-vẹn* thuộc vào thân-thể của vi-trùng (sinh-kháng O).

3. Liên-kết giữa lực-vi-trùng và độc-tố.

Lực-vi-trùng và *độc-tố*, đó là hai cơ-cấu chính thuộc vào năng-lực gây bệnh của vi-trùng.

Nhưng sự phân-chia này chỉ là một phác-họa, vì trong thực-tế hai cơ-cấu đó thường có liên-kết với nhau. Thí-dụ như:

a) Có những vi-trùng gây bệnh vừa bằng lực-vi-trùng, vừa bằng độc-tố. Thí-dụ: chùm-cầu vi-trùng (vi-trùng tròn, xếp thành từng đám như chùm nho).

Nếu chích chùm cầu vi-trùng cho một con thỏ, chùm-cầu vi-trùng sẽ gây bệnh cho thỏ bằng *lực-vi-trùng*, vì ta nhận thấy vi-trùng sinh sản

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

mau chóng, lan-tràn trong khắp cơ-thể của thỏ, và làm mụn bọc ở khắp mọi nơi. Nhưng, vi-trùng này cũng gây bệnh bằng *độc-tố*, vì nó cũng có tiết ra những chất độc: như tiêu-cầu-tố, tiêu-fibrin-tố, v.v...

b) Có những vi-trùng gây bệnh chính bằng lực-vi-trùng, nhưng cũng có những độc-tố nhẹ. Thí-dụ: như phế-cầu vi-trùng và chuỗi-cầu vi-trùng.

c) Có những vi-trùng gây bệnh chính bằng độc-tố, nhưng cũng có lực-vi-trùng nhẹ. Thí-dụ: như vi-trùng bệnh sài-uốn-ván.

d) Có những hình-thức trung-gian giữa nội-độc-tố và ngoại-độc-tố. Thí-dụ: như trường-hợp của vi-trùng bệnh lạp-trường-độc. Vi-trùng này có một ngoại-độc-tố nhưng được tích-trữ lâu dài ở trong tế-bào vi-trùng (thời-kỳ nội-bào của ngoại-độc-tố).

e) Có những vi-trùng vừa có nội-độc-tố vừa có ngoại-độc-tố. Thí-dụ: vi-trùng Shiga gây bệnh kiết-lỵ vi-trùng.

NHỮNG YẾU-TỐ KHÁC

Trong những yếu-tố khác có thể ảnh-hưởng tới năng-lực gây bệnh của vi-trùng, chúng ta phải nói tới: những hệ-thống *giểu-tố* của vi-trùng, và những *liên-hợp* vi-trùng.

1. Giểu-tố của vi-trùng.

Nhờ có những hệ-thống giểu-tố, vi-trùng khi đột-nhập vào cơ-thể sẽ phá-hủy những tế-bào của cơ-thể, để lấy những nguyên-liệu cần dùng cho sự sống và sức sinh-sản của vi-trùng.

Trong số những chất do sức phá-hủy này tạo ra, nhiều chất cũng có độc-tính đối với cơ-thể, như: những chất ptômain, amin, muối ammôniac...

Ngoài ra, nhiều giểu-tố còn trực-tiếp giúp vi-trùng lan-tràn trong cơ-thể, như giểu-tố *hyalurônidaz* phá-hủy mô-kết-đề, giểu-tố làm tiêu huyết-sợi, giểu-tố chặn-đứng bạch-cầu, giểu-tố *pénicillinaz* phá-hủy thuốc pénicillin, v.v...

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Những vi-trùng có một hệ-thống giếu-tố phong-phú và đầy-đủ thường ít gây bệnh: trái lại khi có một hệ-thống giếu-tố không đầy-đủ thường có năng-lực gây bệnh mãnh-liệt.

2. Liên-hợp vi-trùng.

Nhiều vi-trùng có năng-lực gây bệnh nhẹ, nhưng trong trường-hợp nhiều loại hoạt-động cùng một lúc trong cơ-thể, sẽ có năng-lực gây bệnh tăng-cường thêm lên (thí-dụ: trường-hợp *những vi-trùng yếm-khí*).

Nhiều loại vi-trùng khác, khi sống riêng-rẽ không có năng-lực gây bệnh, trái-lại khi được sống chung sẽ có tính-chất gây bệnh đặc-biệt và nhất-định (thí-dụ: *liên-hợp thoi-xoắn* trong bệnh viêm miệng loét của Vincent).

Như vậy, chúng ta thấy: *năng-lực gây bệnh* của vi-trùng là một « *toàn thể* » rất khó được phân-tách rõ-ràng, bởi vì có liên-quan tới sự sống của một sinh-vật ở trong cơ-thể của một sinh-vật khác.

B.S. NGUYỄN-VĂN-ÁI
(Viện Pasteur Việt-Nam)

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

Đời sống Viện Đại-học Huế

HOẠT-ĐỘNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI-HỌC LUẬT-KHOA TRONG NIÊN-HỌC 1961-1962

I. — TRƯỜNG TRẠI: Mới di chuyển đến trụ-sở số 4 Đường Lê-Lợi từ đầu niên-khóa.

II. — SỐ LỚP HỌC: Vẫn giữ 3 lớp Ban Cử-nhân Luật-khoa.

III. — SỐ SINH VIÊN:

Ghi tên	Đệ I l.c.n.	Đệ 2 l.c.n.
— Cử-nhân Luật I :	170	80
— Cử-nhân Luật 2 :	26	15
— Cử-nhân Luật 3 :	20	18
Cọng :	216	113

IV. — SỐ NHÂN-VIÊN GIÁO-HUẤN

a) Thường-xuyên : 3 (1 giảng sư quyền Khoa-trưởng
(1 giảng sư
(1 giảng -viên

b) Giảng-viên mời dạy: 9

V. — KẾT-QUẢ KỲ THI CUỐI NĂM, KHÓA THỨ I

	Ghi tên	Dự thi	Trúng tuyển	Tỷ lệ
— Cử-nhân Luật 1	38	30	15	50 o/o
— Cử-nhân Luật 2	13	13	5	46 o/o
— Cử-nhân Luật 3	15	13	5	38 o/o
Cọng :	66	56	25	

VI. — LINH TINH

— Tổ-chức một buổi diễn thuyết tại Trường ngày 17-3-62:
Diễn-giả: Giáo-sư Thạc-sĩ Luật-khoa Pháp J. Robert
Đề-tài: La crise de l'Organisation des Nations unies

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

DANH-SÁCH SINH-VIÊN TỐT-NGHIỆP ĐẠI-HỌC HUẾ

Sau đây là danh-sách các thí-sinh trúng tuyển đủ chứng-chỉ chuyên-khoa để lãnh văn-bằng Cử-nhân Khoa-học hay Văn-khoa sau kỳ thi khóa I, niên-học 1961-1962 :

ĐẠI-HỌC KHOA-HỌC

Ô. Lưu-Sơn
Cử-nhân giáo-khoa Vạn-vật-học

ÔÔ. Phạm-văn Thông — Nguyễn-quốc-Chương
Cử-nhân giáo-khoa Toán-học

ĐẠI-HỌC VĂN-KHOA

Cô Đại-thị Đức
Cử-nhân giáo-khoa Pháp-văn

Ô. Phạm-ngọc Hương
Cử-nhân giáo-khoa Việt-văn

Ô. Trương-xuân Trực
Cử-nhân giáo-khoa Anh-văn

Ô. Nguyễn-văn Trọng
Cử-nhân giáo-khoa Triết-học

ĐẠI-HỌC LUẬT-KHOA

Cử-nhân Luật-khoa :

Ô. Hoàng-ngọc-Ẩn
Ô. Lê-sơn-Thanh
Ô. Phan-ngọc-Toản
Ô. Phan-trọng-Hàm
Ô. Nguyễn-hữu-Tiệp

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

HỘP THƯ TÒA SOẠN

Tạp-chí ĐẠI-HỌC vừa nhận được trọn bộ (loại giấy tốt) **BULLETIN DE LA SOCIÉTÉ DES ÉTUDES INDOCHINOISES** phát hành từ 1958 đến 1961, trong đó có 2 tập **LES TROIS ROYAUMES** rất có giá trị (Tam-quốc-chí do Giáo-sư Nghiêm-Toản và Louis Ricaud dịch Pháp-văn).

Trụ-sở : *Musée National du Việt-nam*
Đại-lộ Thống-nhất, Saigon

và sau đây là những tập sách do nhà Xuất-bản University of California Publications in Zoölogy ở Mỹ gởi tặng :

1 — **Morphological Studies of the Gelidiales.** By Kung-Chu Fan.

2 — **The Genus Hesperolinon** (Linaceae). By Helen K. Sharsmith.

3 — **A Morphological Study of Three South African Gigartinales.** By Florence Ellen Hewitt.

4 — **Rainbow Trout in Mexico and California.** By Paul R. Needham and Richard Gard.

5 — **An Analysis of Intraspecific Variation in the Kangaroo rat Dipodomys Merriami.** By William Z. Lidicker, Jr.

6 — **A Quantitative Evaluation of the Banthic Fauna off point Richmond, California.** By Meredith L. Jones.

7 — **Phloem Structure in Pyrus Communis L. and its Seasonal Changes.** By Ray Franklin Evert.

8 — **Taxonomic Studies in the Phacelia Magellanica Polyploid Complex.** By Lawrence R. Heckard.

9 — **The Pattern for Mark Twain's Roughing It.** By Franklin R. Rogers.

10 — **Hamlin Garlan's Early Work and Career.** By Donald Pizer.

Tòa-soạn ĐẠI-HỌC xin thành thật cảm ơn Ban Trị-sự Hội **Société des Etudes Indochinoises**, nhà Xuất-bản **Publications in Zoölogy** ở Hoa-kỳ và trân trọng giới thiệu cùng độc giả ĐẠI-HỌC.

Tạp-chí ĐẠI-HỌC

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

BẠN ĐỌC CHÚ Ý

Ba cuốn sách có giá-trị :

I — AN-NAM CHÍ LƯỢC của LÊ-TẮC 350$
II — MỤC-LỤC CHÂU BẢN TRIỀU NGUYỄN 250$
III — CHINH-PHỤ-NGÂM và Tâm-thức Lãng-mạn của kẻ lưu đày của LÊ-TUYÊN 95$

Giá đặc-biệt đối với Sinh-viên Sàigòn, Đàlạt, Huế :
I — 150$ II — 100$ III — 50$

Ở Huế, xin xem thẻ sinh-viên. Ở xa, gởi giấy chứng nhận của trường về : 1-B Hoàng-hoa-Thám, Huế

CÙNG QUÝ VỊ ĐỘC-GIẢ :

Tạp-Chí Nghiên-Cứu ĐẠI-HỌC Huế xin chân thành cảm ơn quý Vị có tên sau đây đã gửi tiền về Tòa-soạn ủng hộ hoặc mua dài hạn Tạp-chí :

(tiếp theo các kỳ trước)

Ô. Tôn-thất-Luận, Đà nẵng	240$
— Từ văn-Khương, Rạch-giá	350$
Tòa Hành chánh tỉnh Ninh-thuận	240$
Tòa Hành-chánh tỉnh Quảng-ngãi	1200$
Ô. Nguyễn-tích-Đức, Dalat	120$
— Đoàn-từ-Thiện, Dalat	120$
— Nguyễn-quý-Ninh, Kiến-Hòa	200$
— Nguyễn-quang-Trung, Bình-Tuy	140$
Nha Cứu-tế Xã-hội Huế	360$
Nha Công-vụ, Saigon	120$
Học-viện Quốc-gia Hành chánh Saigon	120$
Nha Tiểu-học Nam-phần	240$
Bộ Kinh-tế, Saigon	600$
Bộ Y-tế, Saigon	120$
Trường Phan-chu-Trinh, Đà-nẵng	1411$
Tòa Hành-chánh Darlac	600$
Bà Võ-thị-Qua, Saigon	200$
Ô. Trần-văn-Thọ, Vĩnh-Long	240$
Tòa Hnành-chánh Bình-Định, Qui-nhơn	360$
L.M. Nguyễn-quang-Bửu, Qui-nhơn	360$

(Còn nữa)

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

VI-TRÙNG-HỌC Y-KHOA

(Toàn Bộ — In lần thứ hai)

Bác-sĩ NGUYỄN-VĂN-ÁI

Viện-Trưởng Viện Pasteur Việt-Nam

Một cuốn sách Y-học soạn theo chương-trình chuyên-khoa đại-học, hoàn-toàn viết bằng Việt-ngữ, nói về:

— những bệnh do Vi-trùng, Ri-kết-trùng và Cực-vi-trùng truyền-nhiễm,

— những phương-pháp phòng thí-nghiệm để chẩn-bệnh (cấy máu, thử huyết-thanh, cấy vi-trùng, thử phân, thử nước tiểu . . .),

— những phương-pháp phòng ngừa bệnh nhiễm-vi-trùng (chủng phòng-ngừa, chích huyết-thanh, phương-pháp vệ-sinh, thuốc kháng-sinh . . .),

— những nguyên-tắc căn-bản để trị-liệu trên 300 chứng bệnh.

***

Sách gồm có 3 quyển góp thành một bộ, 51 chương, 926 trang khổ 16 x 24, 244 hình thường và hình mầu, do nhà in Kim-Lai Ấn-Quán trình-bầy.

Giá bán ở toàn quốc : 580$. Sách có bán ở các hiệu sách lớn. Có thể viết thư mua tại Viện Pasteur Saigon, 167 đường Pasteur Saigon.

SẮP PHÁT HÀNH:

NĂNG-LỰC TINH-THẦN

của BERGSON

L. M. CAO-VĂN-LUẬN dịch

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục

ĐẠI-HỌC

VỚI NHỮNG VẤN-ĐỀ

Số	1 năm 1958	: Đặt lại Vấn-đề truyện Kiều
—	2 —	: Xã-hội lý và xã-hội tình
—	3 —	: Tính cách khẩn-cấp và điều kiện công cuộc khoách trương xứ Việt-Nam
—	4và5 —	: Con người trong hoàn-cảnh hiện đại
—	6 —	: Sử Việt-Nam
—	7 năm 1959	: Vấn đề văn-hóa, nhân-sinh
—	8 —	: Nhân-vị trong Phật-giáo
—	9 —	: Văn-hóa và Chính-trị * Người đàn bà
—	10 —	: Cạnh-tranh sinh tồn
—	11 —	: Tìm hiểu những khát vọng thời đại
—	12 —	: Nguồn gốc văn-minh Việt-Nam
—	13 năm 1960	: Xây dựng nền Đại học Quốc-gia
—	14 —	: Albert Camus
—	15 —	: Tư-tưởng Đông-phương
—	16 —	: Bạo-động và nhân-bản
—	17 —	: Người thanh niên Việt-Nan ngày nay
—	18 —	: Trào lưu hiện sinh
—	19 năm 1961	: Kỷ niệm giáo-sĩ Đắc-lộ
—	20 —	: Tiểu thuyết
—	21 —	: Từ cá-thể-hóa đến nhân - cách - hóa chính quyền
—	22 —	: Tìm về triết-lý cuộc đời trong ca dao Việt-Nam
—	23 —	: Vấn-đề các nước thiếu mở mang
—	24 —	: Martin Heidegger
—	25 năm 1962	: Chung quanh học thuyết Marx
—	26 —	: Triết-học
—	27 —	: Từ nô lệ đến tự-do

Quý vị độc-giả có thể mua những số báo cũ này tại Tòa-soạn. Ở xa, xin gởi thư về địa-chỉ:
1-B Hoàng-hoa-Thám, Huế.

Từ 1 đến 6 : giá mỗi số 15s
Từ 7 về sau : giá mỗi số 20s

Bản số hoá 2016: DCVOnline.net | Nguyễn Văn Lục